VĂN HỌC

Xuân Canh 2000 Thiên

Số 165&166 • Tháng 1&2/2000

chúc mừng năm mới

Tạp chí Văn Học và tất cả văn hữu cộng tác trong số báo này kính chúc quý độc giả và văn hữu một năm Canh Thìn gặp nhiều may mắn và dồi dào sức khỏe.

châu văn thọ ● nguyễn mộng giác ● mai kim ngọc ● thạch hãn ● võ thắng tiết ● nguyễn minh đức ● thụy khuê ● nguyễn khắc phú ● ngu yên ● nguyễn khánh hòa ● tạ quốc tuấn ● trần hồng châu ● trần long hồ ● nguyễn hưng quốc ● hoàng xuân sơn ● triều hoa đại ● võ đình ● đức phổ ● ngô nguyên dũng ● đoàn nhã văn ● trần mộng tú ● song thao ● nguyễn nam an ● nguyễn xuân thiệp ● kinh dương vương ● tâm thanh ● quỳnh giao ● khánh hà ● nguyễn thị minh thủy ● phùng nguyễn ● giang ● phan ni tấn ● nguyễn mạnh trinh ● hoàng nga ● nghiêm xuân hồng ● đặng mai lan ● luân hoán ● ngô nguyên dũng ● trần hoài thư ● đặng hiền ● nguyễn thị hoàng bắc ● phan nhiên hạo ● hoàng chính ● phạm hải anh ● nguyễn thị thảo an ● phan thị trọng tuyến ● lâm chương ● tranh bìa nghiêu đề

Văn Học Tết Canh Thìn

số 165&166 ● tháng 1&2 .2000

VĂN HỌC	1	lời chúc mừng năm mới
VĂN HỌC	2	mục lục số tết
TRẦN MỘNG TÚ	4	*nhìn nhau rất xa*
TẠ CHÍ ĐẠI TRƯỜNG	5	giao tiếp đông tây ở VN
TRẦN HỒNG CHÂU	34	*trừ tịch trắng*
TRẦN LONG HỒ	35	đầu xuân nói chuyện sách
LÂM CHƯƠNG	51	*tội tình chi*
HOÀNG XUÂN SƠN	52	*thơ hoàng xuân sơn*
TẠ QUỐC TUẤN	54	những bài thơ xuân của ba thi tăng trung quốc
NGUYỄN HƯNG QUỐC	64	người đọc, vinh quang và trách nhiệm
NGUYÊN	75	*nghệ thuật*
VÕ ĐÌNH	76	chữ
ĐỨC PHỔ	83	*lệ vỡ thành giòng*
THỤY KHUÊ	84	sự hình thành và phát triển văn học quốc ngữ t.k. XX
ĐOÀN NHÃ VĂN	92	những nỗi ám ảnh của hoàng nga
NGUYỄN NAM AN	103	*thơ nguyễn nam an*
TRIỀU HOA ĐẠI	104	*đến thăm nhà bạn*
NGUYỄN XUÂN THIỆP	106	cúc vàng & những truyện khác
KINH DƯƠNG VƯƠNG	113	*bài thơ cho chim nhỏ*
QUỲNH GIAO	115	hương xuân và giai nhân
NGUYỄN THỊ MINH THÚY	125	*thơ tình tháng chạp*

PHÙNG NGUYỄN 127 tỏ tình với bình minh
GIANG 134 *homeless*
NGUYỄN MẠNH TRINH 135 *tự họa*
HOÀNG NGA 137 ở nơi không có tết
NGHIÊM XUÂN HỒNG 144 *tâm chim sẻ, mặt trời*
ĐẶNG MAI LAN 145 mùa nắng cuối cùng
LUÂN HOÁN 152 *dặn chừng, đi theo*
NGÔ NGUYÊN DŨNG 153 giao thừa của chị lam
TRẦN HOÀI THƯ 162 bệnh xá mùa xuân
ĐẶNG HIỂN 167 *đi qua trí nhớ*
NGUYỄN THỊ HOÀNG BẮC 168 thuần ơi!
PHAN NHIÊN HẠO 171 *những chiếc đồng hồ điện tử*
TÂM THANH 172 cành mai sân trước
KHÁNH HÀ 185 *cảm ơn ta có nhau*
SONG THAO 186 những con cá của già sam
PHAN NI TẤN 196 *xuôi nam*
HOÀNG CHÍNH 198 khi loài chim thôi hót
PHẠM HẢI ANH 207 một chuyến đi
NGUYỄN THỊ THẢO AN 212 những dòng sông thôi chảy
PHAN THỊ TRỌNG TUYẾN 225 ra đi chiến trường
VĂN HỌC 252 hộp thư

Copyright by authors and Văn Học, 2000
Tác giả và Văn Học giữ bản quyền, 2000

tranh bìa: nghiêu đề

*Nhìn nhau rất xa**

TRẦN MỘNG TÚ

Sáng đầu năm hồn em chấp cánh
bay lơ mơ vào một kỷ nguyên
dĩ vãng như bức tường trong suốt
bụi hôm qua rũ lại bên thềm

Thành phố mơ hồ dưới đôi cánh
có sợi dây điện mang mang giăng
dàn chim đậu những nốt nhạc nhỏ
lặng thinh. Nghe khúc khích trong lòng

Sáng đầu năm thành phố ran ran
dánh thức Xuân trên từng viên gạch
em giấu em vào giữa cánh chim
đếm tinh hà bay quanh vũ trụ

Em giấu em ở trong hạt gạo
nằm rất ngoan giữa những chân nhang
dợi tiếng giầy anh chạm bục cửa
về chia nhau một thế kỷ tàn

Đóa thủy tiên của ngày rất mới
dang quay đầu nhìn thế kỷ qua
những viên sỏi đã thành cổ tích
Anh và em nhìn nhau rất xa

**Thay lá thư tòa soạn, một cách rất thơ*

Giao Tiếp Đông Tây ở Việt Nam:

Thầy Tàu/Các Chú, Ông/Thằng Tây, Người Việt

Tạ Chí Đại Trường

Trong chuyện xưa về ông thầy chùa / thầy pháp Từ Đạo Hạnh, người ta kể rằng ông đánh thua kẻ thù liền tìm đường học nghề ở Tây Thiên / Tây Quốc. Tuy thời đó, người ta cũng biết rằng phải đi bằng đường thuỷ, hẳn là xa nhưng vẫn tưởng không xa lắm nên ông lão đưa người chỉ dùng một chiếc thuyền nhỏ là tới nơi. "Tây" với người đương thời là nước Ấn Độ - lại chỉ là Thiên Trúc, một phần của Ấn Độ mà thôi. Đồ đệ của Thích Ca học kinh sách nghe nói có Ba nghìn thế giới lại cũng không thể nghĩ rằng thế giới to rộng là dường nào. Chỉ vì người Việt thời xưa biết độc có cái nước Tàu. Cũng đã tiếp xúc với Lào, Chàm, Qua Oa... nhưng đó chỉ là đồ man di mọi rợ. Chỉ có Trung Hoa, Trung Quốc với bậc Thiên tử cao vòi vọi (mà có khi cũng đáng thù ghét) là đáng để biết mà thôi. Không thể nói như anh chiến sĩ Hồng quân kẻ khẩu hiệu cảnh cáo ở Lạng Sơn năm 1979: *"Nếu người không động đến ta thì ta không động đến người."* Cái thế ỷ lớn nói ngang với nước nhỏ như thế cũng là chuyện thường tình, nhưng chuyện đời không hẳn lúc nào cũng như vậy. Trong khi xứ nằm-giữa-trung-tâm-Trời-Đất chỉ động tới mấy nước nhỏ xung quanh thì ở xa, thật xa phía trời tây, có những nước chỉ rộng bằng một phủ, một huyện của Thiên tử lại chế được thuyền bè, vũ khí tối tân để vượt biển *động* tới con dân của ông. Và động *mạnh* để ông không thể bảo vệ nổi chúng, không phải chỉ những sinh vật bên trong biên giới ông mà theo nguyên tắc vương hoá, là cả những kẻ nằm trong tầm tay Thiên mệnh đã trao cho ông, ở những nước phụ dung, phiên thần nữa. Thế là con dân Đại Việt / Việt Nam lại biết thêm một cuộc đảo lộn to lớn sau khoảng ngàn năm, cũng kéo dài xêm xêm ngàn năm có lẻ.

Thật ra thì cái học Trung Hoa của người Việt chỉ góp một phần vào việc giữ nước chứ chẳng mang chút sáng tạo nào cho tư tưởng phương Đông - khác với Triều Tiên có hai tư tưởng gia ở thế kỉ XVII đã góp phần vào việc phong phú hoá Khổng giáo. Khi tranh luận về vấn đề "Việt Nam có nền quốc học hay không?" thì những kẻ bênh vực chỉ đáng khen ở tinh thần yêu nước nồng nàn, chứ kẻ phản bác không phải chỉ có ông Phan Khôi của xứ "hay cãi" mà người giật mình còn có ông Thượng thư Phạm Quỳnh nữa. Đọc bia Văn miếu Huế sở dĩ người ta nhận ra được một số ông tiến sĩ quen thuộc chỉ vì các ông may mắn nằm trong thời đại gần, có sách vở ghi lại nhiều biến động hơn, chứ chẳng phải vì các ông có hành động gì xuất sắc ngoài phận sự của một ông quan. Cho nên, dò theo mấy cái mả đá ở Văn miếu Hà Nội, có người phải tự hỏi: "Thằng cha nào đây?" Các ông còn tên trong lịch sử chỉ vì được nằm theo đá, hèn chi ước mong muôn đời của người ta là "Bia đá đề danh", chỉ cần có mỗi một cái tên trên đá! Người ta học để mong làm quan, chứ không phải để mong hiểu biết, như Phan Huy Thực đã thú nhận với Minh Mạng là nhân sĩ Bắc Hà chỉ học sách Thánh hiền của thế kỉ XIII là muộn nhất. Kết quả lâu dài là người Pháp đã mỉa mai:"Mỗi người An Nam đều có một ông quan trong bụng." Và vì nằm tận lục phủ ngũ tạng nên ngày nay, ở tận xứ người, chịu đựng được sự tạm dung, ràng buộc ít oi, ông quan tạm đành chuyển hướng bằng lòng lấy tên ông hội trưởng, ông chủ tịch cộng đồng, ông/bà... với tất cả những ham muốn nồng nhiệt chốn đình trung xưa kia cho nên có khi trở thành quá quắt, hỗn hào, thô tục. Trong khi đó, từ đời Đường người Nhật đã gởi cả những phái đoàn vào lục địa học cho kì hết tinh hoa của nước lớn, lập cả một kinh đô Nara giống như Tràng An, lưu giữ những hiện vật đương thời cho đến ngày nay các học giả phải tìm đến để có vật chứng chính xác của Trung Hoa đương thời. Có thể thấy rằng người Nhật đã không sợ mất bản thân khi cố tình học người tận nơi tận chốn, hiểu không phải chỉ ở nghĩa học tận gốc mà còn là đi đến tinh tuý của điều học hỏi trong chừng mực khả năng và phương tiện cho phép.

Hình như Việt Nam không có một vị trí cách biệt với Trung Hoa như vậy để khỏi e dè không sợ đồng hoá. Dù thế nào đi nữa thì kết quả là Việt Nam phải ở mãi trong tình trạng làng nhàng của kiến thức dựng nước. Phật Giáo thì chỉ ôm mãi được một hướng Thiền mà lại đầy tính chất phù thuỷ. Có ai giận ông Nguyễn Tự Cường (*Zen in Medieval Vietnam - A Study anh Translation of the Thiền uyển tập anh*, University of Hawai Press 1997) đã chỉ ra những đoạn văn, bài kệ sao chép lại của Trung Hoa rồi cứ cho là của mình, thì cứ nên bấm bụng mà chịu chớ người thường chỉ nhìn vào chuyện kể ở sử sách Việt xưa là thấy các ông sư làm phép đánh

nhau, làm mưa làm gió (cụ thể) thì sẽ không ngạc nhiên để đòi hỏi các ông phải sáng tạo ra một cái gì. Tất nhiên lại cũng không thể tìm xem các ông tiến sĩ bia đá đề danh có thêm cái danh nào khác hơn không. Dân gian đã thấy rõ điều đó nên vẽ ra các ông Trạng Lợn, Trạng Quỳnh ranh vặt, bông phèng để làm đề tài bỡn cợt sống qua những ngày tháng nhọc nhằn. Còn ông Tiến sĩ (1535) Nguyễn Bỉnh Khiêm chỉ đại diện phái Lão Trang bằng cái danh "sấm Trạng" thôi. Nhưng khi nhận ra khía cạnh Đạo/Thần Giáo tràn ngập trong sinh hoạt Việt, lên đến cả tầng lớp trên như thế, thì không thể bĩu môi bỏ qua hay thối thác biện minh mà phải tìm ra một cách giải thích đứng đắn, đúng với sự thể đã rõ ràng.

Có thể hiểu cốt tính văn hoá, văn minh Đại Việt - Việt Nam là nằm trong sự kết thành mâu thuẫn giữa vị thế Đông Nam Á mà nó là một thành phần của địa dư và của căn cớ tập đoàn dân tộc xưa cũ, và sự chấp nhận học hỏi cần thiết trong đó không ngăn được tính chất lấn lướt của yếu tố Trung Hoa, có lúc được cụ thể bằng binh lực hay sự đe doạ của binh lực. Sự thể rõ ràng, ngắn gọn trong tiếng gọi thông thường: "Thầy Tàu, Các/ Cắc Chú / Chệt", hay tệ hơn:"Ba Tàu," nghe như đồng nghĩa với "ba trợn", "ba que"... Tính chất đối kháng bản xứ / Hán hoá thể hiện trong buổi đầu độc lập khi các triều đại tiên khởi về trốn nấp trong các hang động đá vôi Hoa Lư , và lặp lại lần nữa khi lớp người lật ngược ách Minh thuộc là của một dòng tù trưởng vùng núi Thanh Hoá, đem quân Tam phủ đồng hương cai trị vùng Thăng Long mà dấu vết ẩn nhẫn lộ trong câu: "Thanh cậy thế Nghệ cậy thần" và nổ bùng khi Tây Sơn tiến ra Bắc đạp đổ quyền lực trên chóp bu (*Hoàng Lê nhất thống chí*). Các tập đoàn dân tộc bị dòng Nam tiến tràn ngập đã ẩn khuất góp phần vào lịch sử phân tranh Đàng Trong Đàng Ngoài, đã mở ra một triều đại Tây Sơn ồ ạt như vũ bão mà yểu mệnh, non tướng. Rồi trên con đường le lói ánh sáng của thời đại mới, Nguyễn Ánh thống nhất đất nước từ điểm tận cùng phía nam, hưởng ưu thế giao thương nơi đó, dẫn đến một bộ phận Tây Phương can thiệp vào, đặt sự đối kháng Đông Tây vượt ra ngoài biên giới. Cho đến khi có sự trỗi dậy của phương Đông lớn mạnh với nước Trung Hoa mới, trước khi thể hiện sự đe doạ xưa cũ, đã góp phần vào nền thống nhất của thời hiện đại Việt Nam dẫn theo một dòng Nam tiến chưa từng có trong lịch sử, còn tiếp diễn trước mắt.

Có vẻ như từ lúc đầu, sự đe doạ của Tây Phương không được triều đình Việt nhìn về phía binh lực. Trong phân tranh ở thế kỉ XVII-XVIII, họ cũng từng cầu cạnh giúp đỡ, nhưng Nguyễn Phúc Tần lúc còn là Thế tử đã đánh chìm tàu Hoà Lan ngoài khơi cửa Thuận. Sự đe doạ đến từ phía

khác: một đạo mới. Sử học, chính trị cũng đã tốn nhiều giấy mực về sự xác nhận này. Tất nhiên khi có những người truyền giáo đến bảo với thần dân ông thiên tử Việt rằng có một ông Thiên chúa vĩnh hằng, vĩnh cửu, quyền phép không những bao trùm người thường mà cả người ngồi trên chín bệ kia, thì kẻ bị hạ tầng công tác tất nhiên không thể nào chấp nhận được. Ừ, thì ông Thiên chúa nọ có dáng của ông Trời cũng còn là được, nhưng các tên da trắng tuy râu tóc xồm xoàm có khác nhưng cũng là người, vậy mà lại xưng xưng là đại diện Chúa ở thế gian khiến tín đồ chỉ nghe theo lời họ,ỳ quên mất đấng quân vương, quên các bậc phụ mẫu của dân, dẹp bỏ bàn thờ ông bà, từ chối bậc sinh thành, coi như đã đầu thai vào một dạ-con khác: "Con có muốn vào bụng Hoà Lan không?" Thế có được không? Vấn đề còn lại không phải là chê hay khen mà là xem tương quan lực lượng trong sự tranh chấp giành-dân này, giữa đạo mới và triều đình cũ, tính riêng một phần từ đám người bị lôi kéo.

Tất nhiên với thời đại đang bàn và xét thế lực cụ thể thì ở đây ta chỉ nói đến thành phần Thiên Chúa Giáo có trụ sở ở La Mã mà thôi. Ngày nay, có một đảng khi nói đến vô sản, về mặt chủ thuyết vẫn còn hiểu từ ngữ ấy với tính cách giai cấp nhưng lúc khởi phát và trong hành động tranh chiếm quyền hành lại để cho người ngoài hiểu vô sản có nghĩa là cùng đinh, khố rách áo ôm, thì cũng dễ hiểu là có người giải thích sự thành công của Công Giáo ở Việt Nam do ở việc các linh mục truyền đạo đã nhắm vào các vùng dân nghèo cùng cực chứa chấp sẵn sự chờ đợi ơn Cứu rỗi. Làm như dân Trung Quốc sống ở nhà lầu ba từng hết cả! Dù là chuyện của tinh thần thì cũng hao hao giống chuyện vật chất: Nơi nào đã đầy thì không thể chen chân vào được, hay có gắng len lách thì nên chịu phận được sao hay vậy chớ ồn ào lớn tiếng. Dại dột cựa quậy như người Cộng sản Indonesia khiến đám Hồi Giáo ở đấy làm biến trong nháy mắt đảng Cộng sản đông thứ ba trên thế giới - kể là thứ nhất nếu bỏ ra ngoài Liên Xô và Trung Quốc đã có chính quyền trong tay. Tín đồ Công Giáo ở Trung Quốc không nhiều nên phải có một thành phần "yêu nước" tự cứu mà bị chủ chăn Roma ruồng bỏ, không nhiều bởi vì dân Tàu đã "đầy" với nền văn minh của họ rồi. Dân Nhật cũng vậy. Nhỏ nhỏ như Thái Lan chịu phận kềm kẹp của thực dân Pháp như Cambodge, Lào, cả ba với một đạo Phật dáng khờ khạo không che giấu được vậy mà chẳng thấy có ông thủ tướng, tổng thống nào phán với dân chúng về Ơn Trên cả. Chỉ có Việt Nam với thứ tư tưởng Tam giáo làng nhàng là lỗ hổng lớn cho Công Giáo chui vào được, và chui mạnh vì những yếu tố khác tiếp theo, ví dụ câu "Theo Đạo hay theo gạo" - dấu hiệu minh chứng của Đói nghèo và Thịnh vượng - không phải chỉ là câu nói mỉa mai.

Tôn giáo đi trước, binh lực theo sau thì cũng là điều chẳng nên tranh cãi khi xét đến toàn bộ của sự giao tiếp Đông Tây. Tính chất văn hoá là toàn bộ, hay ít ra cũng là bao quát nên không thể tách một phần riêng biệt mà không mất tính chất của tổng thể. Rõ ràng nhất là khi nó còn mang tính chất khu vực chặt chẽ. Không thể nói tới văn minh Tây Phương thời cận hiện đại mà không nói tới Thiên Chúa Giáo. Cộng sản chỉ là một heresy của nền văn minh đó - heresy vốn hàm chứa sự quá khích dẫn đến sự nồng nhiệt bướng bỉnh nên sau ông A. Gide còn có ông J. P. Sartre một thời. Đồng chí chính uỷ là ông linh mục mặc áo trái. (Ông linh mục khôn ngoan hứa hẹn Thiên đường ở đời khác nên có bị căn vặn còn thối thác được, còn anh chính uỷ hứa hẹn Thiên đường ở ngay trần thế này nên được hăm hở theo lúc đầu, mãi qua 70 năm, vừa đủ một đời người, chẳng thấy nó đâu cả nên chủ nghĩa cộng sản sụp đổ tan tành! - trừ sự nuối tiếc bướng bỉnh "Kỉ niệm Cách mạng tháng Mười", khăng khăng với chân lí "không thể thủ tiêu trí tuệ [CS] được" của nhà cầm quyền trong nước hiện nay.) Giải thích các chuyến Thập tự chinh như là chuyện tranh giành con đường thông thương hương liệu với phía đông bị quân Hồi Giáo chiếm giữ, hay coi là một cuộc Thánh chiến, cũng đều có lí như nhau ở chỗ đó là sự tranh chấp giữa hai khối người mang cả toàn lực ra giải quyết vấn đề. Cho nên vấn đề người Pháp đến Việt Nam - và chiếm được, chỉ là bằng chứng về sức mạnh tràn lấn của văn minh Tây Phương mà nổi bật là sự tiến bộ của khoa học kĩ thuật. Điều này quan trọng vì nó là yếu tố quyết định sự chinh phục thành công, và dễ nhận ra, nên đã làm đà cho sự thuyết phục, lôi cuốn từ trong cả những hình trạng không có dáng bạo lực mà nó mang theo. Và thế là người Việt được thấy đất nước gặp sự đảo lộn lớn lao, sâu đậm như từng xảy ra một lần hơn hai ngàn năm trước.

Lịch sử viết-lại thời hậu thuộc địa, độc lập thường nhìn những biến đổi trong thời gian mất nước như là một thời kì đen tối của dân tộc mà không thấy các cải cách dù không phải bởi thiện ý "khai hoá" của người cai trị, đã mở đường cho dân Việt tiếp xúc với thế giới mới, con đường một chiều dù quanh quất còn tiếp diễn đến nay. Tuy vẫn còn ăn cơm tối theo ánh trăng, nhưng thấy ngọn đèn chúc ngược vẫn cháy sáng, không cho là chuyện ma quỷ, dối lừa. Chưa kể đường sắt trans-indochinois, con đường cái quan mà Phạm Duy đi hẳn là dễ chịu hơn lối mòn khúc khuỷu của các sĩ tử ngày xưa vác lều chõng về kinh dự thí. Nhà băng Đông Dương của tư bản bóc lột vẫn là tiền thân của Ngân hàng Nhà nước ngày nay, loại điều hành tài chính quốc gia không thấy Tự Đức kí Dụ ban hành, không có ngay ở Trung Quốc, nơi xuất hiện những thương phiếu đầu tiên, nơi có giấy bạc của nhà nước ấn hành "ai làm giả sẽ bị chém, tịch thu gia

sản"! Và nếu những suy nghĩ thường ngày có in dấu trên não thì thử mổ óc so sánh xem người thời trước 1945 có nhiều nếp nhăn lạ hơn những người của thế kỉ XIX không...

Đã nói đến đổi thay thì không thể nào không nói đến sự thua thiệt, mất mát. Không phải chỉ là sự mất quá khứ thường tục của con người mà là sự thua thiệt văn hoá thấy rõ tuy có gắng gượng bào chữa bằng những viện dẫn ngôn từ. Người Pháp đem tách rời Việt Nam khỏi khối phương Đông bằng việc ép buộc Trung Quốc từ bỏ tương quan Thiên triều - phiên thuộc đối với nước nhỏ phương Nam, mà hành động huỷ ấn thụ phong nhà Thanh là dấu hiệu tượng trưng chia lìa quá khứ để hướng về một tương lai mới. Sự sử dụng chữ quốc ngữ đã mang lại những đổi thay tốt đẹp khiến người ta quên rằng việc bỏ chữ Hán trong học vấn cũng là nằm trong vòng toan tính trên.

Và có kẻ thua thì phải có người được. Trong sự lôi kéo dân Việt tiến triển theo hướng văn minh của mình, người Pháp phải cần đến một tầng lớp trung gian để thực hiện ý định. Dễ thấy nhất và cũng là nhận định thường được nêu ra, là người Pháp đã giữ yên một tầng lớp quan lại bản xứ, có khác nhau ở ba Kì nhưng cũng cùng sử dụng theo mục đích cai trị qua tay người thông thuộc phong tục, tâm tính dân chúng bản xứ. Nhưng sự trung gian thiết yếu tiên khởi, mà thường trực trong đời sống hàng ngày lại là trung gian ngôn ngữ. Nghĩa là phải cần đến một lớp người thông ngôn - không phải chỉ là những người tốt nghiệp trường sở có tên như thế ngay từ buổi đầu xâm chiếm và còn kéo dài ở Hà Nội trước khi đổi tên là trường Bảo hộ, tiền thân của trường Chu Văn An sau này. Tập thể tác giả Mĩ *The Vietnam Experience - Setting the Stage* (1981) đã dùng từ *culture-broker* để chỉ lớp người đó, hẳn có bao gồm những viên chức thông ngôn thực thụ nhưng chủ yếu theo ý định của các tác giả trên, là những bồi bếp, tài xế, một số chủng sinh biết một ít tiếng Pháp qua trường dòng để trở thành những "người Việt đáng tin cậy", hiểu rõ và lợi dụng vai trò đó kết thành một tầng lớp thư lại mới có chức quyền và làm giàu trong thời thuộc trị.

Học giả dù sao cũng là một loại "trâu chậm uống nước đục," nhất là đối với những người tuy có nhiều phương tiện, đầu óc rộng rãi nhưng phải dấn mình vào những khu vực khác, hiểu theo nghĩa địa vực và văn hoá. Thu thập được nhiều tài liệu thì dù sao chúng cũng đã *chết* một phần rồi. Suy luận để tìm các mối liên hệ thì sự tổng quát hoá cũng làm sự thật chết thêm một phần nữa. Biến chuyển linh động của đời sống có khi làm người trong cuộc rối trí nhưng nó vẫn còn đó như *hiện tại gần gũi* khi phải suy nghĩ lại, điều không thể có được đối với người đứng ngoài, người ở xa.

Các học giả Tây Phương đối với vấn đề Việt Nam có sự thua thiệt như vậy. Chưa kể học giả Mĩ lại còn phải cần sự trung gian của người Pháp, ông chủ / kẻ thù cũ của Việt Nam: ông/thằng Tây. Chỉ mãi đến một thời gian sau chiến tranh, với điều kiện tiếp xúc tương đối dễ dàng hơn và thoát khỏi những rối loạn thành kiến của cuộc chiến ràng buộc, người ta mới đặt lại vấn đề nghiên cứu thiếu sót của các thế hệ trước để có nhận định chừng mực, sâu sát hơn.

Cũng nên chú ý thêm về tương quan giữa người khảo cứu và đối tượng, trong trường hợp này nó hiển hiện giống như một thứ mặc cảm. Có vẻ như qua thời kì chê "le nhaque", gọi "dink", "gouk"... hay không bắt chước đám người thô lỗ, tự cao, các học giả lại chỉ nhìn khía cạnh tốt - hay tính cách mang hiệu quả tốt của dân cựu thuộc địa, dân "đang phát triển" mà không dám nhìn các khía cạnh xấu - mà dù sao thì đó cũng là yếu tố có tác động trong diễn biến, cho nên từ đó dễ dẫn đến những phân tích hời hợt. Ví dụ người ta đã nói từ lâu đến tính chất "sĩ diện", sợ "mất mặt" của người phương Đông nhưng không đi sâu để thấy "mặt" có hai - có lối sống *hai mặt*. Và vì sống nhuần nhuyễn với lối sống hai mặt nên người ta rất dễ *trở mặt*, mới vỗ về thân mật đó thì lại giận dữ, thù ghét ngay sau đó. Sự trở mặt được biện minh là hành động tốt khi được nâng lên tầm mức lí tưởng: yêu đồng bào, đồng chí, ghét tên bán nước, tên phản động - những cái từ có thân phận thật mỏng manh theo với cuộc sống đầy đảo lộn mà các học giả sống trong những xứ sung túc, dù có đi "thực tế" cũng không thể nào hình dung ra nổi. Cho nên đồng thời với những nhận định thiếu sót, có thể thấy ra tính chất thiên vị gây nên bởi sự thiếu sót đó, điều mà may mắn thay, với sự tiến bộ của thông tin, với tầm mức mở rộng căn nhà thế giới, người ta có thể nhận ra sau năm mười năm chứ không phải đợi đến hàng thế kỉ khuất lấp.

Chữ *culture broker* có ẩn giấu sự khinh miệt như trong những dẫn chứng cụ thể của các tác giả trên. Quả thực, Trần Bá Lộc - hãy kể một tên nổi tiếng nhất - Lộc, "Le Tổng đốc Khánh Thuận", người tự đúc ấn "Khánh Thuận Tổng đốc Quan phòng", mộ quân dẹp "loạn" Mai Xuân Thưởng ở Bình Định, Lê Đình Phương ở Phú Yên, nổi tiếng với dân trong vùng về việc đem tù binh bỏ vào cối quết để lấy cung khai, Lộc nguyên là bồi của ông Philastre, nhân vật có dính dáng tới các cuộc điều đình Pháp Việt buổi đầu. Tuy nhiên, các bồi bếp, tài xế... có ỷ thị các ông tây bà đầm mà hoạnh hoẹ với dân "nhà quê" thì rốt lại, khéo léo lắm cũng chỉ nhờ cậy được cái hàm cửu phẩm để về làng mà thôi nếu không đem khả năng của mình thay đổi cuộc sống, nếu không biết thích ứng với cuộc sống ngoài việc nịnh bợ. Trần Bá Lộc có thể chỉ là một Lãnh binh Huỳnh Tấn đẻ nổi

ra Cậu Hai Miêng khi cần thì biết "lãnh tiền kho bạc Tây mà xài", khi chết đi nằm lộn xộn trong đám Gò mã lạng sau rạp Quốc Thanh (nay thì chắc là bằng phẳng mất tích rồi!) Trần Bá Lộc biết học hỏi thời đại để đào được con kinh khai thác Đồng Tháp Mười, con kinh nay đã đổi tên mà giá như có một đầu óc rộng rãi bớt sự bỉ thử phe phái - điều hiếm có đối với người Việt - thì người ta vẫn nên gọi là kinh Tổng đốc Lộc. Trần Bá Thọ, con ông, theo đường đã vạch, khai thác cù lao Năm Thôn, trở thành một điền chủ, yếu tố thịnh vượng của Nam Kì trong đường hướng quốc tế hoá mà cái chết tự huỷ cũng là nằm trong tính chất bi thảm của thời đại mới. "Cô Tư Hồng" bị coi là "đĩ" chỉ vì lấy Tây - chuyện thường tình ngày sau - nhưng được hàm vua ban không phải vì "thành tích" trên mà vì những hoạt động xã hội thuộc thời đại mới: thương trường, từ thiện.

Gọi là *culture broker*, theo ngay các tác giả trên, cũng không phải chỉ gồm một tầng lớp cặn bã của xã hội theo thời, ỷ thế Tây mà ăn trên ngồi trước. Trung gian qua người nhưng ngôn ngữ tự thân là trung gian của hai thế giới cũ mới. Chữ Pháp và hình thức mới của tiếng Việt, chữ quốc ngữ, mang tầm hạn hẹp với thế giới nhưng ảnh hưởng sâu đậm đến trên toàn thể dân Việt, qua các trường học, qua sinh hoạt hành chính, tư pháp, xã hội, không hướng về ông Nghiêu ông Thuấn xưa kia mà theo ông Mạnh-đức-tư-cưu, ông Lư-thoa (hay ông Montesquieu, Rousseau), theo các thành quả của ông Edison, Ford, để qua sự ép buộc, cưỡng bức ban đầu, trở thành con đường một chiều quanh quất, lôi cuốn tự nguyện đến mức nồng nhiệt mà có khi cứ phủ nhận. Và thế là, với thời gian, "kẻ môi giới văn hoá" chỉ còn lại tính chất trung gian văn hoá trước khi thấy mình là của văn hoá mới ấy tuy không rứt bỏ văn hoá cũ - không thể nào rứt bỏ được dù cái cũ còn lại đã phải đổi thay. Là trung gian văn hoá, ông đốc phủ sứ một thời là người Miên, con tá điền, người ở; là trung gian văn hoá, ông quan của triều đình Huế, ngược đời, của ông Thống sứ Bắc Kì. Con cái những người ấy thênh thênh đi vào dòng văn hoá mới, suôn sẻ hay đầy trắc trở là do tác động của chính môi trường ấy chứ không ở nơi nào khác. Dòng dõi ông Trần Văn Thông có đà để nổi lên cao độ với nhánh thông gia Ngô Đình một thời vang dội. Ông Nguyễn Thế Truyền là con một tuần vũ bị Việt Nam Quang Phục Hội ám sát. Ông Nguyễn Khắc Viện cũng không phải thuộc thành phần cu li phu mỏ hay ba đời bần cố... Con đường nổi của thời hiện đại là hướng Tây phương hoá, một Tây Phương với thời gian đã uyển chuyển hơn để từ căn bản của mình trở thành mục tiêu của thế giới, một mục tiêu hấp dẫn có khác với thời hung hăng tạo nên sự ganh ghét, thù hằn cũ.

Người mácxít (Việt Nam) cũng không thể thấy mình khác hơn. Đã

nói, chủ nghĩa cộng sản là con đẻ (hoang) của văn minh Tây Phương. Trong dòng phân li đó, phái Đệ tứ đã quá khích hơn. Chủ nghĩa cộng sản gặp sự tán đồng của dân chúng theo với âm vang sâu đậm của ước vọng một thời đại-đồng, tứ hải giai huynh đệ, nhưng đem vào nước cho nó trở thành hiện thực của một quyền lực là những người có ít nhiều trí thức mới, vận dụng những kĩ thuật học được, từng bước tính toán nương theo đà tâm tình quần chúng để luồn vào bẻ ngoặt theo hướng của mình, biến ép buộc thành dẫn dụ tự nguyện như các phương cách chiếm chính quyền từng thi hành thành công trong quá khứ. Ý thức cứu nước, cách mạng xã hội, thay đổi con người không che giấu hết được ý muốn làm người lãnh đạo số đông, đứng trên mọi người. Điều đó sẽ rõ rệt khi có chính quyền trong tay, ví dụ ông Hồ mới hơn 50 tuổi đã xưng "Bác" với mọi người và để tôn vinh là "Cha già dân tộc"! Tâm tình muốn làm người lãnh đạo (nếu được thì làm vua) hợp với thứ kiến thức làng nhàng của xã hội truyền thống như đã nói, khiến người ta dễ vồ vập với cái mới lạ để dễ trở thành quá khích. Đó là cánh cửa lớn rộng nhất mà tầng lớp trí thức Việt Nam thời thuộc địa mở ra để đón chào mácxít. Nhưng một tình thế tiếp nhận như vậy cũng có khác theo địa vực, vị trí tiếp xúc. Dân Đệ tứ Việt Nam trí thức hơn dân Đệ tam. Phần lớn người Đệ tứ, nổi bật là từ xứ Nam Kì và là dân du học, bằng cấp cao. (Chúng ta không bàn đến sự khích bác nhỏ nhen, không nói đến những người bên dưới đi theo phe này hay phe nọ, chẳng phân biệt nổi sự khác nhau của lí thuyết mà chỉ nhắm vào một đường lối hành động nào đó hợp với mình, hay có khi chỉ vì do thân thuộc, quen biết.) Xâm nhập sâu vào thế giới luận thuyết của Tây Phương (cụ thể qua vị trí của nước Pháp), người Đệ tứ gần như trở thành viễn mơ, xa lạ với thực tế đất nước, nhắm nhiều vào tranh luận mà để hành động cụ thể lọt vào tay người Đệ tam. (Kiểu lập mặt trận chung [cứu nước] mà đánh riêng [lí thuyết] mang tính chất phức tạp, khó hiểu đối với quần chúng.) Người Đệ tam không có tự tín kiến thức của phe anh em thù nghịch, nên chọn một người, một tập đoàn có sẵn quyền lực để khỏi nghĩ ngợi nhiều đến đường lối (có giải đáp sẵn) rồi đi vào hành động tổ chức quần chúng, và thành công. Họ là những người được đào tạo trong trường học thuộc địa (ngay cả như Trần Văn Giàu cũng thuộc loại du học sinh bị đuổi, chẳng hơn Nguyễn Văn Trấn chẳng hạn), cho nên có mức độ sàn sàn với quần chúng họ vận động, có tâm tính còn gần gũi để được nghe theo mà dẫn dắt người dân Việt đi vào con đường người Pháp ép buộc bằng súng đạn. Vấn đề khác biệt là lần này có sự thành công của chủ nghĩa cộng sản ở phương Đông, ở nước vốn là một trung tâm lớn của phương Đông mà nước Việt từng là phiên thuộc, thành thử con đường Tây phương hoá của

Việt Nam đến đây nhuốm thêm màu truyền thống, bảo thủ rộng lớn, tạo thành quả đương cự mạnh mẽ khiến các học giả Tây nhắm vào phân tích, nhấn mạnh yếu tố xưa cũ để chia sớt phần thất bại chính trị quân sự với chính khách, tướng lãnh nước họ.

Chiến tranh không phải chỉ là chuyện chém giết nhau. Chiến tranh vốn là của con người nên chiến tranh là vấn đề văn hoá. Tuy nhiên cũng như những sự kiện lịch sử khác, mỗi cuộc chiến đều mang tính chất riêng biệt của nó dù có dáng liên kết trong thời gian, dù các lực lượng đối kháng thay thế nhau ở một phía có sự tương đồng nào đó. Như cuộc chiến Ba mươi năm vừa qua. Đề cao tinh thần yêu nước đến tuyệt đối như yếu tố quyết định, là của người Việt chiến thắng. Làm như người Việt của thế kỉ XX yêu nước hơn ông bà của họ ở thế kỉ XIX! Làm như chỉ có người Việt biết yêu nước trên cả thế gian này! Đánh nhau ở thế kỉ XX, tuy cũng có cách ứng phó không nằm trong binh thư nào của thế giới mà chỉ ở đời sống thường nhật của Việt Nam như Nguyễn Văn Trấn, "le héro de Chợ Đệm" (Võ Nguyên Giáp) bóp dái Tây chết ngay đơ thành thằng chỏng, nhưng còn có súng đủ loại (tuy còn kém hơn đối phương) được chế tạo, sử dụng bởi những khối óc không coi súng là ông thần, đốt hương van vái rồi mới châm ngòi nổ. Đã hết thời kì chỉ có một toán lính Tây mà chiếm được cả thành Nam Định. Đã hết thời kì súng thần công của ta đặt trong xóm bắn qua bên kia bàu (một khúc sông cạn, tắc nước) rơi xuống giữa dòng đánh "bủm", "bủm", còn súng tây trên nóc nhà thờ, nhà chung Lòng Sông đánh "ầm" trúng ngay vào xóm, quân ta bỏ chạy tán loạn!

Đã nói, phải nhũn nhặn mà nói rằng "học giả là một loại trâu chậm uống nước đục." Khi các binh tướng của Leclerc, d'Argenlieu cùng đoàn quân Lê dương hùng hổ không chiếm được Việt Nam thì có đà cho học giả P. Mus nói đến sức mạnh của làng xã Việt Nam với luỹ tre xanh như pháo đài, cả về mặt văn hoá với câu tục ngữ "Phép vua thua lệ làng", che chở người chiến binh trên đồng bằng ẩn trú vào đám đông, như "cá trong nước." Khi binh tướng của Westmoreland và B.52 không ngăn cản được trận chiến Mậu thân thì người học trò của P. Mus, bà Frances Fitzgerald viết cuốn *Fire in the Lake - The Vietnamese and the Americains in Vietnam* (tạm dịch: Chém xuống nước...), giải thưởng Pulitzer, National Book Award, giải The Bancrof về lịch sử, nghe các sinh viên đi tản bảo rằng một thời sau chiến tranh là một thứ *must* cho người học lịch sử Mĩ hiện đại.

Nhắc lại, chiến tranh cũng là vấn đề văn hoá, nhưng chiến tranh là một hiện tượng đặc biệt mang sức mạnh tàn phá dữ dội để khiến cho

những yếu tố mang sẵn trong tranh chấp phải trở nên vô hiệu quả, hay có tác động yếu hẳn đi. Lịch sử trong dòng chiến tranh trở nên thúc bách hơn và không hiếm trường hợp quyết định của người lãnh đạo, tướng lãnh đã làm lệch hướng lịch sử trong thời gian ngắn. Đó là ưu thế của người-làm-lịch-sử so với cách suy nghĩ của người-viết-lịch-sử.

Cũng không cần nhắc lại, tán tụng thêm về sự nghiên cứu sâu sắc của các học giả Tây Phương về lịch sử, văn hoá Á Đông. Nhưng e rằng những đường nét lớn dễ nhận ra có khi che lấp những chi tiết không/chưa được biết tới, dễ đưa đến nhận định sai lầm, có khi quá xa từ những người xa, ở địa vực, khu vực văn hoá khác. Sau Cách mạng văn hoá, Henry Miller sang Trung Quốc nghe thuật chuyện Giang Thanh truy bức, hành hạ các nghệ nhân cũ ở Thượng Hải, những người biết tỏng quá khứ của bà ở đấy, ông tác giả *Tropic of Cancer* phải giật mình:"Cứ tưởng dù sao cũng là tranh chấp phe nhóm, chứ có biết đâu chuyện thù hằn cá nhân!" Người Pháp lập ra Trường Viễn Đông Bác Cổ từ cuối thế kỉ trước để nghiên cứu phương Đông, tập trung nhiều vào thuộc địa của mình nhưng có vẻ đã nghiêng nặng về phía khảo cổ hơn là lịch sử các xã hội cận đại nên không khỏi suy diễn sai lầm từ thời hiện đại. Ông P. Mus, cũng như các học giả khác, đến Việt Nam, ở ngay vùng sinh hoạt cổ truyền của dân Việt thấy làng có luỹ tre, có cổng vào canh gác, biết chuyện ví dụ làng có lệ cheo cưới, bắt vạ..., nghe câu huênh hoang "Phép vua thua lệ làng", thấy nhóm quan viên quyền hành làng xã nhóm trong cái đình với những tục lệ quái dị có vẻ cổ sơ, hoang dã, liền dễ suy ngay ra rằng cái đình và cơ sở làng xã có tận thời lập quốc, tuy không đưa lên xa đến 4 000 năm, 5 000 năm như những học giả Việt, trong đó có những người chữ-nghĩa càng xa nước càng thấy phải bày tỏ tình yêu tổ quốc nồng nàn hơn. Và bà F. Fitzgerald cũng không thể nói khác, tuy với những chứng kiến vào một thời sau ông thầy, bà đã bàn đến những vùng phía nam với cùng một tâm tình chia sớt quan niệm cũ về thiên mệnh, về tư tưởng Khổng Nho, về sự bám víu quê hương làng xã, nơi có mồ mả ông bà...

Các ông bà học giả này không biết rằng cái đình làng mới được chính thức thành lập cuối thế kỉ XV (1496) và theo tính chất tiến triển chậm chạp của đất nước ngày xưa thì cái đình có thành điểm tượng trưng quyền lực của làng cũng phải đợi đến một thế kỉ sau. Các hương ước, những luật pháp của làng mà người ta tưởng là thứ đã đóng góp vào sự chận đứng quyền lực trung ương bên ngoài luỹ tre, thì được thể chế hoá sớm hơn (1464) nhưng chứng tích còn lại cũng xuất hiện theo với sự nở rộ của đình làng ở các thế kỉ XVII, XVIII, những thế kỉ của hỗn loạn, của những cuộc phân tranh, của những cuộc "khởi nghĩa nông dân" như

các sử gia chính thống ngày nay viết đầy sách vở. Do đó cái luỹ tre làng bền chặt hơn, có cổng gác, là của các thế kỉ loạn lạc đó, của đám dân làng phải tự bảo vệ lấy thân như còn thấy trong thời Pháp thuộc, lúc quyền hành trung ương đã chặt chịa hơn nhiều. Bảo rằng làng xã chứa đựng sức mạnh căn bản của xã hội Việt Nam, sao không thấy rằng luỹ tre, cổng gác như thế là dấu hiệu rõ rệt và là mầm mống của ý thức phân li? Sự ổn cố cũng không phải là lí tưởng bên trong làng xã với tình trạng "chiếu trên chiếu dưới" của các cá nhân, tập hợp "họ", "giáp"... chằng chịt, rắc rối. Bảo rằng mỗi làng với cơ cấu địa hình nhân tạo như thế là một đồn luỹ vững chắc, tức là không biết đến lời chỉ trích chiến khu Ba Đình của các sử gia phe chiến thắng ngày nay. (Gọi "phe chiến thắng" không phải vì mặc cảm mà vì để đối chiếu với sự tán dương ngớ ngẩn của "phe thất bại".) Sử gia Việt nay chê đám Văn thân thế kỉ XIX ở Thanh Hoá, rào làng liên kết ba-đình ba làng dưới đồng bằng là làm việc dại dột, trụ một chỗ cho quân Pháp tới tiêu diệt khỏi mất công trèo đèo lặn suối lên tận trên chiến khu. Nhưng nếu nghe theo lời các "chiến thuật gia" kia thì Văn thân đi được đến đâu? Họ phải lập làng chiến đấu nơi nhóm địa phương họ làm chủ được, chứ cũng cùng là giáo mác như nhau làm sao họ ép buộc luồn được nhanh vào các làng khác (cũng có giáo mác tương đương mà lại có công sự sẵn)? Không thể nào có kiến hiệu như thời các sử gia bây giờ mang khẩu súng lục chiếm làng chỉ có giáo mác, hoặc mang AK đàn áp đồn dân vệ có Garant M1, hay carbin..., để có sự di động luồn lọt, chui rút lẩn tránh trong chớp mắt. Còn nói đến ngoài sự bảo vệ vật chất của luỹ tre, là sự bảo vệ của lòng người, của số đông người đồng chủng, "cá trong nước", thì không nhớ đến trường hợp nhóm lãnh tụ Quốc Dân Đảng bị bắt vì một anh trương tuần cần mẫn, hình ảnh khác của ông hương quản trong Nam mà trong lần Nam Kì khởi nghĩa người ta đem mổ bụng nhồi trấu hay của anh uỷ viên cảnh sát hương thôn mới đây bị đâm lòi ruột dính theo bản án "ác ôn"!

Vượt lên sự lặt vặt, chuyện-nhỏ, người ta nghĩ đến mối liên kết tập thể lớn rộng về quan niệm thiên mệnh của phương Đông, về sự đổi dời to lớn của người Việt sau 1945, tập trung vào một người có sức thu hút, một đảng có thực lực, hứa hẹn một tương lai tươi sáng của dân tộc. Nhưng chuyện thiên mệnh có nghe được lọt lỗ tai cũng phải chịu những điều kiện khác. Lúc ông Nguyễn Huệ dẫn quân ra Bắc vào Nam với những chiến thắng bưng tai mờ mắt, hẳn người dân cũng nghĩ rằng thiên mệnh đã tới, đã trao vào tay ông "Mường mán nơi hang hốc xa xôi" này rồi. Nói vậy mà không phải vậy. Triều Tây Sơn quá ngắn không đủ để ông Trời coi là thiên mệnh đã trao đúng người, nên phải chịu là nguỵ, là loạn thần tặc tử.

Bậc chân chúa, kẻ đại diện đúng cho thiên mệnh khỏi trao lầm, cũng phải được tô vẽ để kết tập tốt đẹp dưới mắt người dân; lãnh tụ cũng phải được che chắn, sang sửa, bảo trì để khỏi hư hao theo ngày tháng. Thiên mệnh có khi chỉ là lí thuyết biện minh để thăng hoa cho những điều phải chịu đựng, giống như người dân quê Nam Bộ có thể giở lí sự với chính quyền Cộng hoà, nhưng khi không bằng lòng anh Giải phóng thì chỉ đành vùng vằng đá con mèo, đánh con chó, chửi mắng con cái trong nhà thôi. Còn cái đạo thờ ông bà mồ mả tổ tiên gì đấy thì từ chứng cớ xác thực ở thế kỉ XVIII, khi theo đạo mới, người ta bỏ luôn, không chịu lạy tuy người cầm đầu trong vùng, Nguyễn Ánh, có quyền lực để luận cứ nặng cân thêm đã bảo rằng lạy ông bà không phải là thờ ma quỷ:"Ta cũng không tin ông bà còn sống để nhận lạy của con cháu, ta lạy chỉ là để tỏ lòng biết ơn ông bà cha mẹ sinh ta ra mà thôi." Lí luận mang tính cách nhân bản sâu xa như thế mà vẫn không được nghe để gây sự thù ghét càng sâu đậm và mãi đến cuối thế kỉ này, dù giáo luật đã nới rộng hơn, có nơi, có gia đình vẫn chưa có cái bàn thờ trang trọng như trước, đồ cúng chẳng khác fast food, hải kí mì gia vẫn không thèm đụng tới. Ngay cả với những người tự nhận, và được nhận là tiếp nối truyền thống dân tộc vững vàng - do đó mới lãnh đạo đánh thắng bao đế quốc sừng sỏ - dưới chính quyền của những người đó, đình miếu tan hoang, nhà từ đường cũng bị dỡ bỏ tập trung, mồ mả dời lên núi, người người hăm hở phá đổ ghìm chặt tiếng thở than ngậm ngùi, cả một phong trào dấy lên ở Miền Bắc XHCN mang hơi hướng Hồng vệ binh mácxít phương Đông, có cái đuôi lẻ tẻ ở một gia đình Miền Nam khi ông trí thức nhảy núi (vốn là dân di cư) trở về đòi dẹp bỏ bàn thờ.

Vậy thì xét yếu tố thắng bại trong cuộc chiến 1945 - 1975 căn cứ vào tính chất truyền thống hẳn là sơ sài và không đủ. Cũng giống như chuyện thiên mệnh, những người lập được vương triều mới, có chiến thắng, tụ tập được dân chúng, có nền tảng cai trị mang dáng bền vững, có thể tự nhận là đại diện cho dân tộc nhưng cũng không giữ và không muốn giữ truyền thống nhiều, tâm tình, lí trí bị giằng co giữa sự bảo thủ và sự lôi kéo theo thời mới trong đó văn minh Tây Phương là hấp lực mạnh - tình hình giống như là có một thứ thiên mệnh cải biên trên đất Việt thời gần đây vậy. Còn phía những người thất bại, người trong nước, không phải chỉ là thứ ham bơ thừa sữa cặn, thứ tay sai bán nước, liếm gót giày thực dân đế quốc không mang một thứ tâm tình, cách ứng xử Việt, phương Đông nào, những yếu tố được coi là quyết định cho sự thành công của phía bên kia. Họ là một lớp hỗn độn (vì thế mới thất bại) của những người bị đe doạ thân xác, bị gạt qua bên lề đất nước của những người nắm được quyền bính vững chãi, không dung chứa một sự khác biệt nào theo một lối tư duy vừa mang

tính cách quá khích có tính cách tôn giáo của Tây Phương vừa gợi lên từ quá khứ chuyên chế của Đông Phương. Giá như bình thường, những người thắng họ nắm quyền bính một cách trọn vẹn, không tranh cãi thì họ chỉ có việc bỏ chạy làm thân lưu vong, hay nếu còn sống thì ngậm ngùi tìm cách thích ứng, phó thân cho những chìm nổi tuỳ ý của nhà cầm quyền mới. Nhưng người Pháp đã trở lại nuôi sống họ - bằng lòng, đương cự hay không thì quân viễn chinh cũng là thành phần của thế giới Tây Phương, khác với thế kỉ XIX, không thuần nhất về mặt ý thức hệ mà đã tách ra thành chỉ của một đại diện: tư bản - đối phó với cánh khác của Tây Phương mang sức mạnh của một khám phá mới của nhân loại, ồ ạt như triều dâng, lan qua phương Đông và đổi dạng hoà lẫn ở đấy như các dòng Thát Bạt, Mông Cổ, Nữ Chân xưa kia để làm kẻ nâng đỡ người anh em phiên thuộc mới quay trở về. Người Pháp, người Mĩ phải chịu đựng trong vòng tay của họ những người đồng minh khá giống mà lại không giống với người-bên-kia, theo một tình hình tranh chấp không đơn giản, ở đó, sự thất bại có phần nằm ngay trong nền văn minh của họ mang ý thức muốn là của toàn cầu.

Người Việt, cả người không cộng sản, đều coi Cách mạng tháng Tám 1945 như là khởi đầu của nước Việt mới. Nhưng ông P. Mus lại thấy Thiên mệnh hiện ra vào một ngày khác, sớm hơn: ngày 9-3. Và bình tĩnh lại, chớ sợ tiếng Việt gian theo Nhật úp lên đầu, cất sách vở mới sang một bên, xua lời truyền thanh truyền hình ra khỏi óc não, người sống vào thời ấy, gợi lại những gì từng chứng kiến thì sẽ cho là ông P. Mus có lí: Mới hôm trước, nhà ông Tây có con chó dữ dằng, bầy gà tây mào đỏ ké vươn mũi lòng thòng theo đôi cánh xù rượt thằng bé chạy trối chết, thế mà sáng hôm sau con chó biến đâu mất, bầy gà nằm ép rệp, nhà như cái chùa hoang, trên đường muộn màng vài thằng Tây bị trói thúc ké, lủi thủi đi trước người lính Nhật gươm thòng sát đất. Sự việc xảy ra như "Trời giáng!" một quyền uy sụp đổ không có cách biện minh. Và tiếng độc lập vang lên. Nhưng kẻ bảo hộ thiên mệnh ấy không được sống dài lâu: người Nhật bại trận. Và ông Việt Minh nổi dậy, cứ như là "giặc đâu bào / đồng bào" ngày xưa, ẩn ẩn hiện hiện giết người và giết nhau. Cùng những người có một cách chào giơ nắm tay đấm vào mang tai vậy mà ông Việt Minh chiếm huyện lị trước dụ ông Việt Minh nơi khác đến giết đi, chôn xác nơi dạ cầu nam Bồng Sơn. Ở xa, nghe nói vua Bảo Đại thoái vị, người đại diện chính phủ mới đòi lấy được ấn kiếm dòng vua cũ để xác định thiên mệnh đã chuyển tay qua ông chân chúa mới, ông Hồ - hay Nguyễn Ái Quốc? - bậc kì bí, mắt có hai con ngươi! Nhưng cùng nhìn chân chúa mà mỗi người, mỗi khu vực đất nước vẽ ra một hình ảnh có khác nhau. Người làm chính

trị biết điều hoà những cái khác nhau, sử dụng cả những khác nhau trong một thể hợp nhất, biết điều hoà giữa cái giả và cái thật, lấy cái giả như thật và thản nhiên dùng cái thật vốn là giả. J. Lacouture dù ngưỡng mộ ông Hồ, cũng thấy ông đóng kịch ("chiếc khăn tay đỏ lớn thường hay dặm hơi nhiều vào cặp mắt khô ráo") nhưng F. Fitzgerald cho đó là cách hiểu về sự thành thật của người Tây Phương, không phải của dân Việt. (Làm như người Việt không bao giờ hiểu thành thật là "sự tương hợp giữa lời nói, hành động với ý nghĩ bên trong con người" vậy!) Dù sao thì ông Hồ, ngoài sự cố công vận động của đồ đệ bên dưới, cũng tự mình phá tan sự cách biệt địa phương, cố vươn xuống miền Nam, như khi dự hội nghị Fontainebleau đã đòi chỉ gặp mặt hai cháu trai cháu gái Nam Bộ - hành động khiến anh tư sản dân tộc Trương Như Tảng phải nhớ suốt đời để làm một trong những người thành lập Mặt trận Giải Phóng trước khi bỏ chạy thoát lấy thân (để, vào giai đoạn trở mặt, khỏi bị kể tội làm sĩ quan hải quân Tây.)

Những người kháng chiến của thế kỉ XX đã mang chút hồn Tây trong dạng Việt. Không còn chiến thuật rải mù u cho Tây trợt té không ngồi dậy được chỉ vì tưởng Tây không có đầu gối. Dù ít nhưng đội Võ trang tuyên truyền - quân Giải phóng ở Tân Trào cũng đã được Mĩ tiếp tế máy truyền tin, súng đạn, Nhật bại trận cũng chuyển vũ khí cho Việt Minh, tập tành chiến đấu cho Vệ Quốc Quân ở bãi cát sông Cây Gia như chúng tôi thấy lúc nhỏ. Và đó không phải là kiểu đánh nhau của "quân triều, quân ó" mang gậy nhúng nhựa sôi mà gọi là hoả hổ. Dù lòng yêu nước có thể chưa đến mức mở rộng cổng làng dung chứa kẻ lạ nhưng cũng không thể nào ngăn du kích, bộ đội mang súng vào đóng quân, cho đảng viên vào gây dựng cơ sở được. Lối luồn lọt được vào thôn quê, làng xóm như thế khiến cho người lính, chính khách "trở về với quê hương dân tộc" nhưng cũng cách xa với sự biến đổi của thế giới bên ngoài, thu hẹp mình trong tình trạng lạc hậu quá khích, mở đường cho một sự chấp nhận khác, chịu một hệ luỵ cứ tưởng là đã thoát khỏi từ trăm năm trước. Ông Hoàng Xuân Hãn trong hồi kí về hội nghị Đà Lạt 1946, thuật chuyện đi sau một phóng viên ở Sài Gòn lên, hương hoa ngào ngạt, đã nghe - và có vẻ tán thưởng người bên cạnh (Võ Nguyên Giáp?) nói: "Chà, Việt gian có khác!" Một ông kĩ sư từng đi Tây, một ông từng học trường Tây, chắc từng thấy phóng viên lấy tin ở Thủ phủ Đông Dương, vậy mà lẫn lộn tính chất nghề nghiệp và lập trường chính trị chỉ vì một mùi nước hoa! Chớ chê người dưới, và không lấy làm lạ khi năm 1955-56, học sinh Sài Gòn đậu Trung học đệ nhất cấp không dám về làng, cũng như sau 1975 người ta đòi nhổ móng tay đàn bà con gái! Nhưng hướng quá khích co rút đó lại không mâu

thuẫn với tính chất quốc tế của tập đoàn lãnh đạo mà còn mở rộng quyền uy của họ nhờ sự thành công của Hồng quân Trung Quốc: Một đảng cộng sản nói chuyện giai cấp quốc tế, thành công từ thôn quê, xây dựng một triều đình nông dân mới, có ông lãnh tụ chỉ đọc *Sử kí Tư Mã Thiên* và *Tư trị thông giám* để "bình" tay chân, "tạo loạn" để mở thời mới, chưa thực hiện kịp thì đã chết đi. Chiến tranh Việt Pháp sau 1949 do đó lại mang dáng dấp của cuộc chiến Đông Tây, lần này thất thế là về phía "Tây" vì "gió Đông" hưng khởi thổi luồn qua con đường xâm lăng truyền thống của lịch sử Bắc Nam đầy co giật, đường trũng Lạng Sơn, sau khi các đồn của Quốc lộ 4 bị bứng đi ("Tiến trình vương hoá mới", *Văn học* số tháng Tư 1999).

Hiệp định Genève 1954 thể hiện tương quan lực lượng quốc tế đương thời nhưng không phải không có dáng dấp lưu tồn của lịch sử. Vĩ tuyến 17 gần với đường chia cắt sông Gianh (Ranh) thời trung đại, vĩ tuyến 16 để giải giới quân đội Nhật năm 1945 là xê xích trong ranh giới nhoè nhoẹt của ảnh hưởng Ấn - Trung trên nước Việt. "Tây" còn đó là Ấn Độ đã ẩn sâu, chìm khuất, người Pháp khai thác đất Nam Kì như một kế tục của Nguyễn Ánh, hi vọng bảo tồn được mảnh đất cuối của phương nam với một lớp đệm dài đầy an toàn chứa kinh đô Huế của triều đình chính thống xưa, chủ nhân vùng đất cũ còn người kế nghiệp trước mắt. Sự khác biệt Nam Bắc dù cùng là người Việt cũng không phải là chuyện bịa chia rẽ của đế quốc thực dân. Lời cung khai của các tù binh hồi chánh không phải là chuyện lấy lòng lập công. Cuộc Tổng tấn công Tết Mậu thân làm tuyệt diệt đám kháng chiến Miền Nam vẫn còn là mối hận lâu dài. Trò hề thống nhất đất nước với đủ tuồng tích ban bệ năm 1976 với Trương Như Tảng bỏ chạy và Dương Quỳnh Hoa giận dỗi: "Thôi mặc kệ bọn Bắc Kì muốn làm mưa làm gió gì thì làm" đã khiến một nhóm *The Vietnam Experience* ngớ ngẩn tự hỏi:"Sao hồi đó không biết khai thác khía cạnh này?" Nhưng người Pháp không giữ nổi, phải chịu sang tay. Người Mĩ cũng không giữ nổi để tình trạng chiến tranh có dáng như ở trận chiến trước khiến người ta lặp lại các nguyên nhân thất bại cũ với một ít cải biên.

Đúng là đã có sự liên tục trong tâm tưởng của những người kháng chiến ở Miền Nam trước và sau 1954, một "truyền thống kháng chiến" được trì níu dẫn dụ đến ngày nay. Tâm tình lí tưởng của thời "Chín năm" vẫn còn đấy; họ không chú ý, không biết - và có được cho biết cũng không tin - những đổi thay trên vùng đất "độc lập" theo một hướng lệ thuộc mới, có đảng Lãnh đạo ghi điều lệ "đi theo chủ nghĩa Mác Lênin và *tư tưởng Mao Trạch Đông*". Dân nghèo Miền Nam được chia ruộng đất (sướng quá!) nhưng người ta không cho hay là sẽ lấy lại để lập hợp tác xã theo phương cách làm ăn lớn XHCN, cái tổ chức chẳng biết vì lẽ gì mà

làm đầu tắt mặt tối chẳng đủ cơm ăn. Chủ trương Miền Bắc tiến lên chủ nghĩa xã hội cũng thành công ở chỗ đoàn thể hoá dân chúng đến mức thành tâm tình tự nguyện, đẩy sự nín nhịn suy luận kiến thức, sự hèn nhát chịu đựng áp bức thăng hoa thành nhiệt tình yêu nước, yêu chu nghĩa xã hội, yêu đồng bào Miền Nam đói rách, không có nồi nấu cơm, đựng thức ăn bằng muổng dừa, bằng giấy. Có thể nhìn vào đó để thấy tàn dư của một thứ Khổng Nho thời chuyên chế "quân sử thần tử thần bất tử bất trung" pha màu hiện đại không?

Và Miền Nam làm cách mạng dân tộc dân chủ - cũng như chia ruộng đất mà không nói thành lập hợp tác xã. Hãy tạm quên mục tiêu dân chủ, nhưng mục tiêu độc lập đã bao gồm đòi hỏi thống nhất trong đó rồi. Đòi hỏi được nhắc đi nhắc lại, bức thiết khiến cho khi hướng thành công thấy rõ thì người ta coi như là yếu tố cơ bản thúc đẩy người dân chiến đấu không chướng ngại nào ngăn trở nổi. Nhưng nói như thế là làm tủi nhục người Triều Tiên - Đại Hàn (D. S. Mac Donald, *The Koreans - Contemporary Politics and Society*, Westview Press 1996.) Ngày xưa ông Lê Quý Đôn đã từng làm thơ xướng hoạ với sứ Cao Li không phải bằng chữ quốc ngữ của hai nước mà bằng chữ Hán. Hai ông đứng trên hai chiếu ngang hàng chầu vua Thanh. Vậy không thể nói rằng Việt có Hán rộng hơn Cao Li, Việt thờ ông Khổng chăm chỉ hơn Cao Li để thu nhận tinh hoa phương Đông hơn Cao Li. Tuy rằng ở Truyện Tầu thì cuối cùng Trung Quốc phải thắng nhưng Cao Li cũng có Cáp Tô Văn (Kim Yung Sin?) vây khổn vua Đường, rượt Đường Thái Tông quýu cẳng, chớ không phải chỉ có ở Đại Việt tướng Tầu mới bỏ ấn kiếm mà chạy. Thời hiện đại thì ở Triều Tiên (Kim Nhật Thành thích cái tên nước này hơn), quân của Cộng hoà Dân chủ Nhân dân cũng từng rượt quân Cộng hoà Đại Hàn chạy trối chết và hứa sẽ tung "quả đấm chính" vào bọn bù nhìn tay sai Nam Hàn để giúp phong trào cách mạng ở miền Nam. Họ tin tưởng dân miền Nam khao khát giải phóng, nồng nhiệt chống đối chính quyền, chắc không bằng thì cũng cao hơn cái lai quần của chị Út Tịch. Họ đương cự với tướng Mac Arthur, hàng năm tổ chức "Tháng chống Mĩ (5/6 - 27/7)" rầm rộ trong ngoài nước, liên hồi réo gọi Bù nhìn Lí Thừa Vãn. Bù nhìn Phác Chính Hi, Bù nhìn Tiếp tục... bán nước, có uy tín quốc tế đến nỗi năm 1970 được bầu vào Chủ tịch đoàn Phong trào Không liên kết Thế giới thứ Ba. Trong lúc đó thì lớp chính quyền miền Nam (Đại Hàn) những năm 1945-48 bị ngay dân chúng coi là bọn "côlabô" (Hàn gian), thông ngôn, các chính quyền quân sự tiếp theo bị coi là bất hợp pháp, gây ra những cuộc biểu tình chống đối dữ dằn. Cùng căn bản văn hoá phương Đông, với cái thế thuận lợi trong ngoài nước, với sự cương cường và sức mạnh quân sự đó

sao Kim Nhật Thành không thống nhất được đất nước?

Vậy thì phải nói Việt Nam đánh cho Mĩ cút nguỵ nhào được không phải vì có dân quê biết bám đất ruộng, yêu tổ quốc, kiên cường hơn dân Triều Tiên - Đại Hàn mà phải nghĩ rằng Việt có những ưu thế khác, không tuỳ thuộc vào văn hoá cổ truyền sâu xa, hay tinh thần ưu việt nào đó. Nói thêm về khía cạnh tinh thần này. Hèn nhát và anh hùng không phải là đối cực không thể nào gặp nhau. Đàn áp mạnh có khi thêm chút kĩ thuật tinh tế thì anh hùng trở thành tên tệ hại ngay. Chưa kể loại anh hùng gian dối tạo dựng do nhu cầu, một sự đàn áp lỏng lẻo nuôi dưỡng kẻ bình thường - có khi hèn nhát, trở thành người can đảm và đến một phút giây quyết định, trở thành anh hùng, bóng dáng anh hùng càng to lớn hơn khi có người tô vẽ thêm. Bao nhiêu anh hùng cách mạng Nga như Boukarin bị đày thì như Lenin ở Siberie đầy sách đọc đủ để viết khảo luận nghiên cứu dày cộm, người cựu anh hùng đến khi gặp Stalin thì cúi đầu nhận tội bán nước, làm tay sai cho những tên ác ôn mình khinh ghét trước kia - sự kiện đáng ngạc nhiên tột cùng khiến ông cựu đảng viên A. Koestler viết sách giải thích bằng vào lí tưởng ông đã biết vì không thể bằng vào thực tế ông chưa sống. Ông Trịnh Đình Thảo sống ở Sài Gòn ngang nhiên đặt trong trang trại của mình một con đường Hồ Chí Minh trong lúc ông Trần Đức Thảo ở Hà Nội quên mất thời cãi nhau với J.P. Sartre, co đầu rút cổ, lại qua được Paris lúc gần chết mà còn run, thoái thác không bàn chuyện chính trị - trong lúc cốt tử giá trị thuyết mácxít ông theo "không phải (chỉ) là giải thích thế giới mà là thay đổi thế giới." (K. Marx) Anh Nguyễn Văn Trỗi ra pháp trường được ống kính truyền hình đưa vào tận buồng ngủ nước Mĩ thì tiếc gì mà không hô:"Hồ Chí Minh muôn năm"?

Triều Tiên, Đại Hàn có đường ranh đình chiến rộng hơn Việt Nam nhưng không có giới hạn vô chừng ở hai đầu. Hoàng Hải và biển Đông được hải quân Mĩ canh chừng chặt chẽ khiến cho quân Bắc chuẩn bị xâm nhập phải đào cả hàng tá đường hầm trong đó có 4 đường bị khám phá, thấy rộng đủ đưa cả sư đoàn sẵn sàng xông lên khi nghe đồng bào miền Nam kêu cứu. Bên trong, đám sinh viên thiên tả của Đại Hàn, như bất cứ sinh viên thiên tả nào khác của thế giới tư bản, đòi tự thiêu thống nhất đất nước, tuần hành ra biên giới - cả việc qua biên giới để "đối thoại với người anh em bên kia" rồi trở về (nữ sinh viên Yun Su-kong 1989), hay biểu tình đòi hỏi dân chủ, tưởng nước mình như Pháp hay Mĩ, cứ như vậy là gặp ngay đàn áp không thương xót. Cả hàng trăm sinh viên Khánh Châu, thủ đô cũ của Tây La ngày xưa, bị giết không chùn tay (5-1980), không như đám sinh viên bắt cóc bỏ dĩa của Sài Gòn còn đường nhảy-núi, vô bưng, không như đám kí giả ăn mày (giả) đòi tự do báo chí, sau 1975, bị chế riễu

là "ăn mày thật."

Quân hai bên chà qua xát lại, Hán Thành đổi chủ bốn lần trong một năm không kịp cho các đồng chí cấy chi bộ đảng nằm vùng, đành chỉ gởi đặc công dò xét, ám sát (Phác Chính Hi 1968 - chết bà vợ, Chun Do Huan 1983 khi ông này đến Myanmar 1983, nổ máy bay chở khách dự Thế vận hội trên bầu trời Kuwait 1987), công việc mà theo đường lối lí thuyết lúc bình thường họ phê bình là "manh động," "thổ phỉ."

Vĩ tuyến 38 ổn định từ trong chiến tranh, còn vĩ tuyến 17 lại có 300 ngày để phân cách hai bên, tha hồ cho ông Lê Duẩn chôn giấu súng ống, đổi vùng, cấy người về tận thành phố, thả thanh niên lấy vợ, lưu mầm mống về sau ..., cả một thiên la địa võng giăng sẵn, đặt những người liên hệ ở vào cái thế không lùi được phải tìm cách cứu lấy thân. Một cách nào đó, tình trạng giống như ở hội kín phương Đông bắt người gia nhập lập thành tích chém người, trở thành bất hợp pháp với chính quyền đương nhiệm, điều mà Đặng Tiểu Bình nâng cao thành hành động cách mạng khi tổ chức nông dân Hồ Nam giết địa chủ để chỉ còn mỗi một đường là theo Giải phóng quân. Có một vùng "tự do" kéo dài cả chín năm, Liên khu V, ít nhiều gì dân chúng cũng biết rõ cộng sản là thế nào (tuy không bằng ở đất Bắc), người ta vỗ về đe doạ những người bất mãn , tổ chức biểu tình mắng chửi những người tiếp thu là Việt gian, tạo đàn áp để có cớ kiện tụng Uỷ hội Quốc tế kiểm soát đình chiến, để lấy máu quần chúng tạo thêm quần chúng phe mình trong đà lâu dài về sau. Hai con đường hợp pháp và giang hồ được sử dụng nhuần nhuyễn hình như chưa có lần nào xảy ra trong lịch sử Việt Nam. Không thể cắt Miền Bắc và Miền Nam làm hai chỉ vì có hai cuộc chiến. Cho nên F. Fitzgerald đã lầm lẫn khi khen rằng tổ chức của Mặt trận Giải phóng đã lớn rộng chỉ trong 5 năm trong lúc ở các nước khác phải trải qua vài thế hệ mới xây dựng được. Fitzgerald, cũng như đối tượng bà chỉ trích - Chính phủ Mĩ cho là có sự xâm lăng của Miền Bắc - cả hai đều lầm lẫn khi đặt quan niệm trên tính chất giới tuyến của thời đại mới.

Làm cách nào mà một chính quyền Sài Gòn lộn xộn với giáo phái sứ quân, với giang hồ đạo tặc, với Công giáo di cư ít nhiều gì cũng là kiêu dân, với cả người Pháp còn tham vọng giữ phần đất thuộc địa cuối cùng... có thể đương cự với cả một nền tảng đe doạ trùng trùng như thế? Lịch sử ổn định bước đầu của chính quyền đó là một phối hợp trong tuyệt vọng của những người Việt chống cộng (một tập-hợp-từ tiêu cực đúng với thực chất hổ-lốn của nó) chỉ còn một mảnh đất nương thân, và của người Mĩ đứng nhìn trong bình diện chiến lược quốc tế thấy mình phải chen chân vào. Cũng không loại trừ ý muốn ngưng nghỉ trong một lúc của các nhà

lãnh đạo Miền Bắc, lần đầu có đất, có thủ đô hiện diện trên trường quốc tế và muốn củng cố vị trí đó dù phải hi sinh đàn em.

Vai trò đại diện của "Tây" đối với "Đông" trên một khu vực hẹp đầy mìn bẫy chính trị khiến người Mĩ phải gặp thêm trở ngại to lớn không vượt qua được trong chiến tranh. Chẳng có o du kích già nào ở Huế sau 1968 ở Huế thắc mắc như người mẹ Mĩ có con phạm tội trong vụ Mĩ Lai khi nói với chính quyền:"Tôi giao cho các ông một người con tốt, các ông giao lại cho tôi một tên sát nhân." Nhưng trường hợp của anh cựu đặc công sử dụng kĩ thuật giúp anh trở thành anh hùng lúc xưa vào việc ăn cắp hàng vải ở một hãng dệt Bà Quẹo (1984?) và bị bắn chết, bà mẹ anh ta sẽ nói gì, biết nói với ai? Đành chỉ nín nhịn lượm xác con đi chôn. Một chính quyền nhận thấy mình có trách nhiệm với dân chúng, những kẻ nằm trong vòng tay bảo vệ của mình, có khác với một chính quyền chỉ nhận vào mình những thành phần "tốt" - cái tốt được xác nhận lại tuỳ thuộc vào hoàn cảnh, thời gian, có khi là tâm cảnh của người điều hành. Nhưng một quan niệm như thế giúp cho tập thể cầm quyền đó dễ dàng trong hành động không có chống đối, với cung cách xử trí nhiều ứng biến hơn.

Ông Bùi Tín thuật chuyện có hỏi một tướng Việt bạn, rằng nếu ông ta là tướng Mĩ thì sẽ bài binh bố trận ra sao để có thể thắng quân Việt (cộng), và ông kia trả lời:"Đổ bộ vài sư đoàn chiếm vùng cán chảo chận yết hầu tiếp tế vào Nam." Lời giả định thì không có giá trị thực tế trong kết quả, nhưng lời giả định đó đặt ra vấn đề mâu thuẫn cơ bản của vị thế chính trị, văn hoá mà viên tướng Mĩ , hay viên tướng Việt (cộng) khi làm người Mĩ, không thực hiện được. Đổ quân ở Miền Nam tuy bị la ó nhưng đó là cái đà có sẵn của luận cứ bảo vệ Miền Nam. Do đó không thể nào xâm lăng Miền Bắc được. Người ta biết Việt cộng có quân ở Lào, Kampuchia - chẳng phải những nhóm du kích lẻ tẻ mà là cả sư đoàn với xe tăng, đại pháo, nhưng với quan điểm pháp lí quốc tế phải tuân theo, thì tràn qua Cambodge (1970) vẫn phải chịu tiếng, được ghi là "xâm lăng" (cả với F. Fitzgerald.) Trong lúc đó thì ông tướng Việt cộng điều quân tuy có khó khăn trong thực hiện về mặt kĩ thuật nhưng rất thảnh thơi về mặt pháp lí. Nước Lào yếu ớt, đến ngày nay (1999) chắc vẫn còn chịu phép cho viên chức bộ đội Việt qua biên giới không cần hộ chiếu, thì trong chiến tranh đóng quân trong vùng bạn Pathet có gì khó khăn đâu? Ông Sihanouk cũng hiểu Việt cộng là mối hại lớn nhưng tưởng mình khôn ngoan, lấy thằng xa trị thằng gần, để Duôn giết Duôn, nên cho phép dùng hải cảng Sihanoukville tiếp tế, tạm trả thù mối hận mất Khmer krom (Nam Kì). Và thế là trong chiến tranh 1955 - 1975 thực tế không có vĩ tuyến 17 như đường ranh phân cách quyền lực. Làm sao có thể đánh nhau trên một

chiến tuyến nhùng nhằng nhiều ngàn cây số trong một cuộc chiến không tuyên bố? Sự thực hiện trơn tru giúp dễ dàng cho những tuyên bố lí tưởng đầy tính chất nhân bản, cao vời: "Làm nhiệm vụ quốc tế," "Người Việt có quyền đánh nhau ở bất cứ nơi nào trên đất nước mình để tiêu diệt xâm lăng." Không phải Pascal hữu lí chỉ có một lần. Và hữu lí trở thành chân lí khắp thế giới.

Những toán quân Giải phóng đầu tiên có thể là những toán người tự cứu, mang tâm tình "Chín năm" hướng về Miền Bắc, vận dụng kinh nghiệm chiến đấu cũ để khá dễ dàng thắng đám dân vệ ngờ nghệch bị đám đàn bà con gái Bến Tre đồng-khởi "ôm hè" giựt súng, hay thắng cả các đơn vị Cộng hoà còn coi đời lính như một thứ trò chơi khác bị bắt buộc phải xông vào. Tuy nhiên, cái thế quần chúng chuẩn bị sẵn và kinh nghiệm đó không ngăn được phải hao mòn dần trong thời gian. Cùng là người Việt, Ngô Đình Nhu đã hiểu như ông tướng Việt (cộng) kia, nhưng biết giới hạn của tình thế, chỉ yêu cầu quân Mĩ đóng bịt vĩ tuyến 17 thôi. Giống như ở nhà quê người ta be bờ bắt cá từng khúc sông vậy. Cá chưa bắt hết bao nhiêu thì những người hồi kết trở về - những người "đêm Nam ngày Bắc" lạc lõng ở xứ nghèo đói, khó khăn trong nếp sinh hoạt ràng buộc thường ngày, lại khó khăn thêm với lớp sinh hoạt khe khắt nồng nhiệt tiếp nhận từ người bạn lớn, đến bây giờ họ trở về Nam như một sự thoát li, được khích động nồng nhiệt thêm vì viễn tượng tiếp tay cứu vớt đồng chí đồng bào khốn khổ. Lại cũng hao hụt dần, hay không đủ để thích ứng với tình thế tăng trưởng quyền lực quân sự của Sài Gòn, thế là các đơn vị quân đội nhân dân cởi mũ áo tiểu đại cán đi Nam. Đến ngày nay, bộ óc điện tử hoạt động như của người còn là điều mơ tưởng thì hàng rào McNamara trở nên vô ích là lẽ đương nhiên. Vậy thì đường biên giới không bịt kín được có nghĩa là trận chiến không có tính cách của một cuộc nổi dậy nữa mà là trận chiến giữa hai thế giới, với một bên có một đội tiền phong mà sự dũng mãnh, tính thông minh ứng biến dù to lớn hơn cũng không ngoài tính chất có ở những toán người muốn đổi dời thế giới như ở Cuba, Phi Luật Tân, Nicaragua, kể cả những toán fundamentalist của các xứ Hồi Giáo... - ở những nơi này thiếu sự nổi bật hơn chỉ vì dân số ít hơn, không có lượng người cung cấp đồi dào như ở Á Đông, cái yếu tố làm chùn bước can thiệp của Mĩ khi quân Tưởng thất bại ở Trung Hoa. Vậy là trong chiến lược siết-bù-lon của Mĩ, quân Việt cộng cũng lớn mạnh dần với vũ khí tối tân của Liên Xô, vũ khí cơ bản của Trung Quốc, với đồ tiếp tế nuôi sống quân đội, dân chúng bao gồm cả những vật dụng thường nhật như lời kể công sau này của Hồng quân:"Đến rau muống cũng đóng hộp đưa sang." Rốt lại, không phải là binh lực phía nhược tiểu yếu thế: Trong trận chiến

Mậu thân, tiếng súng AK nổ dòn tan át hẳn tiếng cắc bùm, tạch tạch của Garant M1, carbin M1, M2 trên tay người lính Cộng hoà; trong trận tấn công 1972, T.54, PT.76 rõ ràng trên chân thiết giáp M.113, M.114. Mộng ăn Tết ở Sài Gòn tan tành, người cán bộ Giải phóng trốn chui trốn nhủi (như sau này) đã than: "Không còn chỗ để trải chiếc chiếu nằm!" Vì thế năm 1972, quân chính quy Miền Bắc xông trận, không nệ tính cách thường tình của tờ giấy kí năm 1954 xa xưa, tràn ngay qua biên giới, lấy lại đất cho đệ tử Miền Nam có thế địa vực mà kí kết ở Paris. Và tiếp tục đến năm 1975 với SAM 7 cầm tay bắn máy bay.

Trong tương quan văn hoá, những người thừa hưởng văn minh Hi Lạp La Mã tự nhận đứng về phía Tây, còn nước Nga tuy có sự cố gắng hoà nhập của Pierre Đại đế vẫn bị coi là ở phía Đông. Sự tăng tiến của đế quốc Nga về phía Sibérie càng làm cho Liên bang Xô viết thành lập sau Cách mạng tháng Mười trở thành chủ phương Đông, lần này sự đối kháng không chỉ mang tính cách địa vực mà còn đậm thêm tính chất ý thức hệ gay gắt. Hơn nửa tỉ dân Trung Quốc nhập vào khối cộng sản làm tăng sức nặng của phe Đông. Trong lúc đó, Mĩ lớn mạnh cầm đầu phe Tây, mang tên tư bản đế quốc chủ nghĩa. Sự đối đầu không tránh khỏi đã xảy ra trên đất Việt mà những người lãnh đạo Đảng không thể chối bỏ được trách nhiệm. "Vùng lên hỡi các nô lệ ở thế gian..." là lời đe doạ vượt ngoài biên giới, chứng cớ đã lan sang Lào, Miên, Thái Lan, chưa kể lời huênh hoang (không biết có thật đến chừng nào) sau 1975:"Ta đào tạo cả Tổng bí thư Trung, Nam Mĩ!" Tuy nhiên hướng tiến khởi đầu của cộng sản Việt là từ Tây Phương: Các lãnh tụ được đào tạo trong môi trường Pháp, học mácxít từ tiếng Pháp - dù thường khi chỉ là những bài "sơ học vấn tân", sách-bổn qua loa. Đến khi đầu phục Liên Xô, phe "Tây" vẫn còn thắng thế: Trần Phú, Lê Hồng Phong, Hà Huy Giáp "cấp tiến" hơn Hồ Chí Minh, quê mùa hơn. (Có lẽ chứng cớ rõ rệt khi con ông Phó bảng làm đại biểu Đông Dương tham dự Hội nghị Nông dân Quốc tế.) Nhưng khi cầm chính quyền thì không thể giống như lúc còn lêu bêu. Thực tế giành quyền bính khiến người ta phải "tìm về dân tộc" và tuy lí thuyết có phòng hờ ngăn chặn không được "theo đuôi quần chúng" nhưng tập thể dân chúng đông đảo ảnh hưởng đến nhà cầm quyền vẫn là điều thường thấy. Vả lại mục tiêu chiến đấu ban đầu là giành độc lập nên lí thuyết quốc tế phải bị bỏ lơ một thời gian cho đến khi được người anh lớn chỉ dạy. Nhìn từ phía Âu Tây, Cộng sản Việt Nam trở thành lắc lư giữa hai ngành Đông: Đông-slave còn gợi hồi tưởng Tây nơi các lãnh tụ, và Đông-trung-hoa quen thuộc từ quá khứ dân tộc và cần thiết trong lãnh đạo chiến đấu cấp thời.

(Người ta tự hỏi nếu không có Trung Hoa mới thì người cộng sản Việt làm cách nào thực hiện cụ thể công cuộc cải cách ruộng đất, làm cách nào tổ chức chiến thuật có bài bản như đã xảy ra?) Khác với thời sau 75, sự tự tin chiến thắng và mối đe doạ thiên niên kỉ trở về khiến người ta ngả sang Đông-slave, từ 1949 đến chiến tranh "chống Mĩ", khuynh hướng Trung Hoa đã thắng thế khiến người ta không ngần ngại nâng sự khác biệt nội bộ trở thành một "vụ án xét lại chống Đảng" dây dưa đến ngày nay theo cách xử trí "chìm xuồng" quen thuộc chịu đựng của người dân và sự kiêu ngạo không-thể-nào-sai của người lãnh đạo. Nhìn từ vị trí đó thì Liên Xô trở thành "Tây" như sau này người ta đã gọi các cố vấn từ Kremlin tới (và có khi mở rộng với "người nước ngoài".) Nghe tiếng hô hào độc lập thống nhất từ những người chiến đấu, nhìn từ bên ngoài thấy toàn là người Việt, người ta đã không nhận ra vai trò to lớn của Trung Quốc trong cuộc chiến này. Tình hình đó không phải không góp thêm phần rối loạn ở Miền Nam.

Trong chiến tranh trước, người Pháp chỉ gặp mối bất ổn ở thôn quê - tình hình khiến các học giả càng tin ở cách giải thích sức mạnh Phép vua thua lệ làng của mình. Đến khi với người Mĩ thì rối loạn tràn về thành thị. Về mặt "chính nghĩa", theo lối nói thời thượng chính trị quen thuộc, thì điều đó chứng minh tính cách khác nhau của chính quyền Bảo Đại và chính quyền cộng hoà. Đệ nhất và Đệ nhị cộng hoà đã có dân trong vòng tay của mình, theo những khuynh hướng chính kiến khác nhau và quan trọng là biểu lộ thái độ theo các cung cách của nền dân chủ Tây Phương. Đó là dấu hiệu thành hình của một xã hội công dân trong đó có những người dân thay nhau điều hành chính quyền chứ không phải là những thần tượng cai trị dân chúng. Người lính cộng hoà thường bị chê là thiếu nhiệt tình chiến đấu thấy thường xuyên ở người lính Việt cộng, nhưng đó là họ làm bổn phận công dân như cậu lính Mĩ ngơ ngáo, như giờ công dân giáo dục ở nhà trường đã dạy. Nỗi bi thảm lớn nhất của một số người trong Mặt trận Giải phóng là đòi hỏi có đồng loạt cả hai - thần tượng và dân chủ - nên ở với Sài Gòn có thế vùng vẫy lựa chọn nhảy-núi, đến khi đối mặt "thần tượng" thì không còn đường xoay trở, hoặc ngẩn ngơ như hình ảnh ông X. ở chiến khu, hoặc ô ạt hùa theo để che lấp tự ái, để chiếm chút phần công lao, đàng nào thì cũng đánh mất giá trị mình muốn có, như ông Nguyễn Hữu Thọ với chút danh vang Chủ tịch Mặt trận, Chủ tịch Quốc hội, chờ mãi đến khi được phép mới cho biết rằng mình làm trưởng một hội đồng Gật. Có lẽ ông Nguyễn Khắc Viện hài lòng hơn: Lúc trẻ ở Paris, ông ca tụng Hitler, tán thành một chính quyền độc tài thường dễ khiến thực hiện được mục tiêu hơn là ở các nước đại nghị tranh cãi om tỏi.

Nhưng sức chịu đựng nào cũng có hạn: Đến cuối đời thì ông lại phản kháng, mà cũng phải đợi chút cởi trói lùng nhùng dài lâu. Hình ảnh thần tượng mang đầy tính xúc cảm, trong không khí hội kín (như ở phía Giải phóng) phải tan rã khi yên bình trở lại, con người phải đối diện ngay với thực tế: Tình hình như thế đã xảy ra với đất nước sau 1975.

Xã hội công dân manh nha ấy ở Miền Nam cũng là một hình thức nhập cảng mới giữa triều dâng của "truyền thống dân tộc", phương Đông. Nên nó yếu ớt. Và làm chính quyền suy sụp. Ông Hồ Hữu Tường sau Genève tiên đoán Miền Nam sẽ có một chế độ độc tài để tương xứng với Miền Bắc (do đó người ta phải theo Trung lập chế của ông để cứu đất nước.) Điều tiên tri của ông không xảy ra như ở Triều Tiên Đại Hàn chỉ vì, ngoài sự hiện diện của người Mĩ, dân Miền Nam, nhất là Nam Kì, được cai trị bởi người Pháp ban ngày ưa đánh giấc la-siết, ban đêm ưa nhảy (với) đầm chứ không như người Nhật kéo gươm dài lết đất chặt tay thằng ăn cắp ở Cao Li. Ông Ngô Đình Diệm là một ông quan, hành xử như một ông quan Thượng thư mất chức trở về với quan trường mới, lên chức Thủ tướng rồi Tổng thống chứ không phải là nhà độc tài. Đệ nhất cộng hoà là một hệ thống quan lại cũ mới chưa bỏ được tính chất thuộc hạ của quá khứ, đang học cách điều hành một đất nước theo cung cách dân chủ phương Tây, một cách thức cai trị không xa lạ nhiều và xa rời quần chúng như các học giả Tây vẫn tưởng: Tám mươi năm Pháp thuộc và mười mấy năm chiến tranh theo đà gia tốc lịch sử khiến người Việt không còn xưa cũ nữa. Dân chúng oán hận chính phủ Sài Gòn và vọng về "Bác" như một hình ảnh hơn Sài Gòn trong hướng tiến của họ đang sống chứ không phải trong u tối mù mịt của nghèo nàn xơ xác, có công an khu vực ngọt ngào xông vào nhà đon đả chào hỏi và dạy dỗ. Chứng cớ là họ thất vọng ngay sau 1975. Những nhà lãnh đạo cộng sản trong đà khai thác yếu tố chiến thắng đã kéo dân tộc thụt lùi trong tâm tưởng, như một cách lên đồng tập thể, vì ở một khu vực khác nên khác đối tượng tranh đấu cụ thể nhưng đồng bản chất với những gì xảy ra ở Trung Hoa, theo một cung cách ràng buộc cũng học từ Trung Hoa mới. Từ bên ngoài nhìn vào người ta thấy hấp dẫn cuốn hút, như được tham dự vào cuộc lên đồng mang nhãn hiệu yêu nước, truyền thống, đẩy họ xa rời cách biệt với người ngoại quốc mà sự sang trọng tạo ganh ghét, với cung cách ứng xử xa lạ đến thành "mọi rợ"(?)

Bởi vì người Mĩ vượt lên cả chủ nhân ông và bạn bè châu Âu quen thuộc trước kia, nay mang đến nước Việt một thứ văn minh Tây Phương cao cấp đến thành kiêu kì, hỗn xược. Ngày trước, người Pháp tạo dựng một hình ảnh phương Tây ở thành phố làm cách biệt với thôn quê tàn tạ, nghèo đói. Nhưng các thành phố thuộc địa có mang dáng dấp kiến trúc La

Mã, cách xây cất của một tỉnh lẻ Pháp thì còn có thể nhìn vào được, còn nhà Mĩ kín bưng với cửa kính, máy lạnh và càng lúc càng cao ngút người, ngạo nghễ khiến nhà dân thành phố càng thấy thấp hơn, tàn tạ hơn nhất là khi của dân tị nạn dồn về. Nổ bùng xã hội ở thành phố cũng là điều dĩ nhiên, nhưng ở các nước khác là sự xung đột của dân với nhà cầm quyền, ở đây có người Mĩ thì tội lỗi là ở người Mĩ, chính quyền bản xứ hiển nhiên chỉ là tay sai, nhất là khi có một chính quyền dân tộc khác tiếp nối truyền thống chống xâm lăng nay đang trên đà chiến thắng.

Cái gì xảy ra sau chiến tranh chống người phương xa? Xưa và nay vẫn có khác nhau nhưng nhớ lại lời ghi (ngắn ngủi) của viên sứ thần Nguyên trở lại tiếp nối bang giao thì lời vua Trần than thở cảnh tàn tạ của đất nước sau bao năm kết thúc chiến tranh, sao cũng muốn coi là giống với thời đại ngày nay. *Chó le lưỡi thì nai cũng vạt móng.* Xưa chỉ có một hướng: phương Bắc. Sợ mà phải thân. Cái kiêu ngạo chỉ có trong chiến đấu và sau đó một chút, sau nữa là sợ và cầu cạnh - trừ mấy anh thư lại gọt dũa văn từ, nói lén ở nhà. Hịch của nhà nho-nôm đòi *"Đánh cho dài tóc, đánh cho đen răng... đánh cho chích bất phản hồi..."* nhưng Phan Huy Ích theo ông vua giả sang chầu ôm gối Càn Long thì ngợp người ngây ngất xưng tụng. Ông Lê Duẩn không được như ông "Quang Trung", không phân trần nổi với ông "hoàng đế" Đặng Tiểu Bình (chữ của H. E. Salisbury) nên bị bỏ ở Quảng Đông, may không phải lủi thủi đi bộ về Hà Nội. Thế mà sau trận chiến 1979, các anh văn nghệ nối lại tình thân vẫn thấy từng phái đoàn bạn đứng dài trên sân ga, dọc toa xe ôm hoa vẫy chào, rồi cũng mang tâm tình rung động lúc ấy trút lên đầy giấy mực thừa mứa của thời đại mới. Chính cái tâm tình "quần chúng" này mới đáng sợ: Nó nuôi dưỡng *một kẻ nội thù êm dịu, dai dẳng.* Cho đến khi trở lại một sự a dua (bắt buộc hay không) nào đấy thì nó khiến người ta quên chuyện quyền lợi dân tộc mà cứ hùa theo Trung Quốc, một cách đầy nhiệt tình. Như vừa qua, khi Trung Quốc làm mình làm mẩy với Mĩ vì bắn lầm vào sứ quán ở Kosovo, thì lời lời ào ạt, tiếng tiếng gào thét, lặp lại y chang ngôn từ cũ chống đối thực dân đế quốc tư bản, nối dài một truyền thống kháng chiến đến lúc này đã lỡ thời, nhằm phục vụ cho một mục tiêu khác, chận đường tiến của chính mình, tự đẩy thêm vào sự lệ thuộc mới. Cho nên các lãnh tụ, quan chức mặc tên nữ sĩ Dương Thu Hương mắng mỏ, cứ nhẹ nhàng phản đối "ai đấy" không có tên, đã lên tiếng tranh giành lãnh thổ của mình. Hình như có một cái gì đó không ổn trong tâm hồn người Việt khi phải đối phó với nước lớn Trung Hoa. Cái gì đó không có dáng tự tin...

Đáng tiếc là điều ấy còn tiếp diễn đến ngày nay. Ngày xưa chỉ có một

nước Trung Hoa. Người Pháp chẳng phải có thiện ý với dân nước Việt nhưng cũng là làm công việc che chắn biên giới - biên giới cột mốc và biên giới văn hoá - trong 60 năm. Ngày nay, Thái Lan, Myanmar có giàu hơn Việt Nam nhưng hẳn binh lực yếu hơn nhiều vậy mà cũng chẳng cần phải quỵ luỵ với Trung Hoa như thế. Xưng là học hỏi quần chúng mà không biết câu: *"Ma bắt coi mặt người ta, Mặt nào mét mét thì ma bắt hoài."* Đọc mãi sách Thánh hiền mà không ứng xử theo với câu:"Quân tử chi giao đạm nhược thuỷ." Quân tử, theo nghĩa giai cấp là chỉ tầng lớp cầm quyền đấy. Lối làm văn thư "Chúc vua (Thái Lan)..." theo cung cách ngoại giao mang ý thức giai cấp, che giấu sự miệt thị, tiếp theo với tràng xưng tụng "Ngài... Ngài..." dùng cho các bộ trưởng, đại sứ, cả đến mấy ông đại biểu quốc tế (nghĩ là) có hơi hám tiền, lối hành xử đó có một chút gì không bình thường. Thằng, ông (nội, ông ngoại), ông thằng như thế đem áp dụng với Trung Quốc càng đưa lại hậu quả sâu xa, tệ hại hơn. Mối tình đồng văn thiên niên kỉ đã được đương nhiên hiểu với nghĩa phiên thuộc - thiên triều thì sự vồ vập dù mang cái từ "đồng chí" vẫn được hiểu, và rõ dáng nét là sự nịnh bợ khó thoát, mà muốn thoát thì phải có sự gãy đổ.

Cho nên, bởi sự chọn lựa chủ thuyết, bởi sự tiếp cận thực tế chủ thuyết qua biến đổi ở một nước đồng văn, bởi khả năng tâm tình của người lãnh đạo mới, từ 1949 nước Việt phải bị ràng buộc vào Trung Quốc mà sự gãy đổ 1979 chỉ khiến cho sự lệ thuộc càng mang dáng tinh tế hơn mà thôi. Như các chuyện đã từng xảy ra trong quá khứ xa. Một khối lớn trở lại với chính trường quốc tế như thế làm vững vàng hơn cho luận cứ "đổi mới mà bảo tồn truyền thống dân tộc" trong đó có "truyền thống kháng chiến" dính liền với danh dự và sinh mệnh Đảng lãnh đạo Việt Nam, tạo thành những ràng buộc trong, ngoài khó dứt trong tiến trình thay đổi.

"Con đường châu Á" trong phát triển được nói đến nhiều với sự nổi bật lần lượt của Nhật Bản, sự thay đổi của Trung Quốc và sự xuất hiện tỏ rõ hay e ấp của các "con rồng" lớn nhỏ (phải nhận, trong đó không có Việt Nam, có nói đến cũng chỉ là ước muốn xuê xoa.) Nhưng dù bằng cách biện minh nào đi nữa thì cùng đích phát triển cũng là để cạnh tranh... với Hoa Kì, châu Âu *theo các phương cách đã thực hiện ở những nơi đó*. Các yếu tố của một nền văn hoá vốn mang tính cách liền lạc chặt chẽ. Không thể niệm câu "Đạo khả đạo phi thường đạo" mà ráp tivi hay chế PC được tuy ai đấy đã viện dẫn đến kinh Dịch với các que liền, đứt trong bát quái mà cho là tiền thân của phép nhị phân thấy trong một nguyên tắc vận hành computer. Một nền văn hoá lớn, nói đại khái, là bao gồm những nguyên tắc lớn của nhân loại, và đồng thời mang tính khả thi để đưa con người

thay đổi, liên tục tiến xa khác với buổi đầu. Có bằng lòng hay không thì các nền văn hoá cũng vẫn mang tính lớn nhỏ, cái lớn thu hút cái nhỏ, biến đổi các tập đoàn mang cái nhỏ đó, chuyện đã xảy ra ở Trung Quốc với Hung Nô, Mông Cổ, Nữ Chân. Trong thu hút có sự huỷ diệt nhưng không phải không có phần tiếp nhận, chưa kể sự thụ nhận đến từ những giao tiếp tương thông. Từ châu Âu, văn hoá, văn minh Tây Phương theo tàu thuyền đi khắp thế giới mở rộng lãnh vực giao tiếp, áp đặt đồng thời thu nhận nhiều nên đã trở thành toàn cầu, hay ít ra cũng có ưu thế để trở thành toàn cầu.

Nhưng với ý thức nhân bản sâu sắc cùng lúc với điều kiện vật chất mở rộng thì vấn đề tương quan văn hoá cũng trở nên phức tạp hơn. Không chỉ có sự huỷ diệt giản dị không thắc mắc, hay chỉ có sự tiếp nhận kiểu vô ý thức hoặc tốt đẹp hơn, bao dung, như trường hợp dành một thứ để làm kiểng. Người ta muốn có một thứ nhân loại nhiều hình sắc, không phải một màu nhàm chán. Người ta muốn tôn trọng sự sống, cách sống của cả những tập đoàn dù nhỏ bé có khi còn sót lại trong nhiều thế kỉ tận diệt trước. Tuy nhiên sự cách biệt văn hoá, ít ra là ở điểm mức sống vật chất dễ thấy, lại khiến cho các tập đoàn nhỏ sống èo uột, căn cước của các cá nhân trong đó có dáng mờ nhạt, lung lay. Sự tàn tạ của các tập đoàn nhỏ hiển nhiên như là một định mệnh. Ở Trung Hoa (nhìn theo tỉ lệ đa số / thiểu số) các khu tự trị vẫn không tránh khỏi sự đe doạ Hán hoá. Sự đe doạ đó cũng thấy rõ ở Việt Nam với các dân tộc Tây Nguyên bị thu hẹp không gian sinh tồn. Khoanh vùng cho họ, như các reserves của Mĩ (hay ở Úc) để khỏi bị ảnh hưởng sức hấp dẫn của đô thị - mà cũng khó tránh khỏi, thì trông giống các trại tập trung, như lời tố cáo từ sự ganh ghét với cung cách giàu sang ngạo mạn của Hoa Kì. Mà dân trong ấy cũng không tự sống bình thường được ngoài sự trợ giúp trực tiếp của Liên bang, hay gián tiếp kiểu bao dung như mở sòng bạc. Những hội lễ loè loẹt nhộn nhịp ít nhiều gì với khách chứng kiến cũng có dáng như ở sở thú (người). Tuy nhiên, người ta không thể làm được trọn vẹn, hoàn hảo đối với bất cứ thứ gì.

Sự phát triển của phương Tây mang đến sự cách biệt giàu nghèo đối với các dân tộc có nền văn hoá xưa cũ. Và trong trường hợp này thì chớ nói đến "Đói cho sạch, rách cho thơm." Có thực mới vực được Đạo. Bần cùng sinh đạo tặc. Cho nên các phong trào nổi dậy, các mặt trận giải phóng, các nước nghèo, trong đó Việt Nam không thoát, là những ổ buôn ma tuý. Hấp lực của giàu sang là chuyện của muôn đời. Quân Mĩ vào Việt Nam đông thì me Mĩ là dân xóm Gò Vấp, truông Bà Đờn... cao cao hơn một chút thì cũng có bà Lệ Lí gốc nhà quê, nhưng ở Miền Bắc thì hướng

vào "làng Thuỵ Điển" chẳng hạn, là loại con-nhà có họ hàng mang cả đồ cổ tặng chú rể để cô dâu dùng thói ranh vặt đáng hãnh diện đưa vật quý qua mặt hải quan ra khỏi nước. Chớ nói đến truyền thống xa xỉ, đạo đức dân tộc xa vời khi chưa đủ ăn. Có lẽ vì thế mà ông Đặng Tiểu Bình bắt mèo trắng mèo đen đi làm vinh quang theo lối mới, có ông Đỗ Mười phụ hoạ.

Tuy nhiên, đã nói, không thể nào có đổi thay mà không mất mát. Sức hấp dẫn của văn hoá Tây Phương không dừng lại ở tiện nghi của cái xe hơi, tivi... như lối phân biệt Đông: tinh thần, Tây: vật chất một thời còn tự tín và rơi rớt mãi đến bây giờ. Nhạc nhà thờ trong những thánh đường to rộng đủ gây cộng hưởng, hay hơn, thu hút hơn tiếng ê a tụng kinh của thầy chùa trong các tự viện âm u. Các nhà truyền giáo không chỉ mang gạo mắm, áo quần xiđa đến cứu trợ mà còn là những học giả, chuyên viên đem kiến thức đến làm giàu cho vùng họ đến rao giảng. Cái uy thế đó lấn lướt yếu tố bản xứ có khi dẫn đến một thái độ trái khoáy về chính trị phe phía:Người chống cộng lờ đi khi báo Đảng đăng hình phái bộ Giám mục Việt được thủ tướng tiếp kiến. Và chính quyền khi đưa ra các hình ảnh này cũng có tính cách "cầu thân" rõ rệt. Giới chức Công giáo giữ được một thái độ giao tiếp ngang ngửa với chính quyền theo cả hai mặt vừa chống vừa thân, trong khi các hội đoàn tôn giáo cũ chỉ có thể hoặc nịnh nọt hoặc chui nhủi chống đối. Bởi vậy không lấy làm lạ khi các tôn giáo bản xứ phải cải tiến theo với các phương tiện vật chất của thời mới, cố vượt qua những thành kiến trì trệ cũ, kiểu: "Thầy chùa gì mà lại đi xe hơi!"

Thay đổi có gặp rối loạn thì thốt lời bào chữa đầy tự phụ:"Mở cửa thì ruồi muỗi bay vào!" Tây Mĩ nó cũng có ruồi muỗi nhưng đâu có nhiều như đậu đen trên mâm cơm của mình! Ruồi từ vườn nhà bay vào đấy chứ! Rốt lại chỉ vì bản sắc không có, chính sách không khôn ngoan, tinh nhuệ, và học hỏi người không tới nơi tới chốn, tiếp nối cái làng nhàng xưa cũ rồi cứ đổ tại người. Cái mâu thuẫn nằm trong lòng xã hội Việt như một sợi xích lằng nhằng. Xưa thì "Nam nữ thọ thọ bất thân" mà trai gái trong sinh hoạt đồng áng vẫn nhiều bờ cỏ, đống rơm; "trung thần bất sự nhị quân" mà giết vua như ngoé. Gần thì làm cách mạng vô sản mà lãnh tụ là con quan, con địa chủ, nhà tư sản ngơ ngẩn đi theo hướng lột bỏ bản thân, thoát li giai cấp (của mình) để phục vụ Giai cấp (vô sản); hô hào "Ba cuộc cách mạng (có) cách mạng kĩ thuật là then chốt" (sao giống của Kim Nhật Thành quá!) mà chỉ có lao động tay cuốc mới là vinh quang. Nay thì "Kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa" mà mạnh ai nấy làm giàu, vơ vét. Cứ toàn là khẩu hiệu, học thuộc lòng vài câu kinh sử, rốt lại muốn vượt qua thì trở thành tán rộng, nói khoác, với dân chúng thường

tình là những câu chuyện vặt kiểu Trạng Quỳnh, với trí thức là những danh từ đao to búa lớn, mượn màu khoa học, triết lí Tây Phương để suy ra Việt Nam / "Bác" nhất thế giới, tinh hoa của loài người.

Có một thời người Việt hướng về Nhật. Tinh thần đông văn, đồng chủng (châu Á!) gây ra phong trào Đông du. Nhưng không bắt chước, học hỏi đến tận cùng. Cứ lấy cớ sợ mất tinh thần dân tộc để che đậy sự thụt thò, nhút nhát cứ nhóng chừng ông bạn lớn làm sao thì dò theo. Rốt lại như anh chàng ở dơ, một lần tắm hở lỗ chân lông, bị cảm lạnh bèn không tắm luôn! Hay thấy tiếc lại tắm rồi cảm lạnh, cảm lạnh không tắm nên thân xác cứ bệnh hoạn triền miên. Thời Minh Trị, người ta tiếp tục thời Huệ An xưa, nhưng thay vì qua Tàu, người ta qua Tây, thấy rõ hướng đúng phải có, với cả một phái đoàn đầy đủ để học cách trị nước theo hướng mới. Kết quả đã rõ ràng. Và với tinh thần khiêm tốn chứ không phải huênh hoang. Nước Nhật bại trận học thêm một lần nữa. Lần này không phải nơi các nước châu Âu tụt hậu mà là nhắm vào nhóm Tây Phương nổi bật: nước Mĩ. Kết quả cũng đã rõ ràng. Nhật vẫn không biến thành một bang của Mĩ tuy trong một quyển truyện gián điệp Liên Xô (dịch cho dân Việt đọc) viết theo kiểu có ông đại tướng Nhật xanh mặt khi nghe tên đại uý Mĩ quát lên một tiếng!

Sức nặng Trung Quốc của thời mới, đúng là không thể coi thường trong sự mạnh dạn chuyển hướng theo thế giới mới. Nhưng với thời đại ngày nay, không dễ đánh ai thì đánh. Kinh nghiệm 1979, Trung Quốc gây nên sự hoảng hốt của Đông Nam Á, dè đặt với thế giới đã rõ ràng. Tương quan thiên triều - phiên thuộc sẽ không có hình thức như ngày xưa nếu mình không muốn, và cường thịnh lên. Đại Hàn không phải chỉ nhờ tấm đệm Triều Tiên, nhưng đối phó ngang ngửa với Trung Quốc bởi chính sự cường thịnh của mình. Đó là kết quả của những người muốn làm lịch sử, những người cầm chính quyền thật sự. Người Việt trong nước hiện nay đã thấy rõ điều đó. Tiếc rằng lại cũng là một cuộc bắt chước tủi hổ.❐

18 Chạp 1999

Trừ tịch trắng

TRẦN HỒNG CHÂU

Thức lâu mới biết đêm dài
Ai nghe gió thoảng lên dài tương tư
Kể từ buổi mới kim thu
Hồn đi bóng dã tâm tư về chiều

Mắt ai đêm gọi yêu kiều
Vào trong sương gió ưu phiền mấy muôn
Mắt ai trăng lặn suối tuôn
Mộng thêu gối chiếc sợi buồn đỏ đen

Ngậm ngùi một giấc mơ tiên
Nửa thân bướm trắng về miền gió trăng
Giờ đây hồng hạnh phân vân
Giờ đây đào lý mấy lần nở hoa?

Lầu thơ dịnh mệnh vào ra
Theo chân Lý, Đỗ hải hà là dâu
Vần reo chếnh mảng âu sầu
Có chăng tâm dắc qua cầu vài trang?

Ai toan thử lửa đá vàng
Non sông thôi lại bẽ bàng non sông
Tháng ngày mỏi mắt chờ trông
Du dồ một mảnh cỏ bồng gió bay.

Trắng đêm pha vị đắng cay
Rượu ngon một chén chở đầy phù du
Cỏ vọng ưu cỏ tương tư
Giáng Thơ huyền diệu lại từ đêm nay?

Trắng đêm pha vị đắng cay
Cõi đời sỏi đá lưu đầy những ai
Cầu mong xuân vẫn vàng mai
Giáng Thơ đôi cánh gót hài còn đây!

Đầu năm nói chuyện sách

Trần Long Hồ

Cuối năm 1999, chấm dứt một năm, đồng thời một thế kỷ, và xa hơn nữa, cho một thiên niên kỷ. Đầu năm nay, người Việt Nam trong đợt di tản đầu tiên vào năm 1975 đã sống gần trọn hai mươi lăm năm ở hải ngoại. Những đứa trẻ được sinh ra trong năm ấy, đến nay đã trưởng thành. Nơi chúng ta sống, tưởng như chỗ tạm dung, bây giờ, đã hiện nguyên hình là chốn dung thân, có vẻ như vĩnh viễn. Như thế, công việc giữ gìn và lưu truyền văn hóa đã nghiễm nhiên trở thành một bổn phận thiêng liêng của mỗi người. Do đó, chuyện duy trì chữ nghĩa được đặt lên hàng đầu trong các việc của chúng ta phải làm, và trong phần vụ đó, sách báo chiếm một vị trí then chốt.

Đã từ lâu, số người Việt nam ở hải ngoại đọc sách giảm dần đi. Sự suy thoái của thị trường sách hiển nhiên đi song đôi với sự tàn lụi của tiếng Việt trong thế hệ thứ hai là lớp người trẻ sinh ra và lớn lên tại hải ngoại. Mối quan tâm về sự mất mát tiếng Việt khởi đầu từ những băn khoăn riêng lẻ rồi lớn dần, đến một lúc, nó thành một mối de dọa nặng nề và bao trùm lên đời sống văn chương ở hải ngoại. Những người dấn thân vào sinh hoạt văn học càng nhiều thì mối lo sợ càng lớn.

Để bày tỏ mối quan tâm này, thay cho một bài kiểm điểm sinh hoạt văn học hàng năm, nhà văn Nguyễn Mộng Giác, chủ biên của tờ Văn Học đã thố lộ trong bài viết vào đầu năm 1999 là đang có hiện tượng lão hóa trong sinh hoạt văn học Việt Nam ở hải ngoại. Có lẽ càng ngày các tác giả gởi bài về càng già đi. Trong khi đó, những tác giả trẻ hơn bốn mươi hiếm dần và nhỏ hơn ba mươi lại càng hiếm nữa. Thỉnh thoảng có tác giả trẻ hơn ba mươi chịu viết nhưng lại viết bằng tiếng bản xứ như tiếng Anh, Pháp, hay Đức...

Về phần người đọc, cũng xảy ra hiện tượng tương tự. Đa số người đọc

cũng có số tuổi từ bốn mươi trở lên. Từ ba mươi đến bốn mươi, số người đọc sách ít dần đi. Dưới ba mươi tuổi lại càng hiếm hoi. Lâu lâu có một người khoảng hai mươi vào nhà sách tìm mua một vài cuốn sách. Hỏi ra, chúng ta mới biết những em đó là con cháu của các vị trong gia đình ra đi trong diện HO hay đoàn tụ gia đình. Còn các em được sinh ra và lớn lên tại hải ngoại thì gần như không bao giờ đọc sách Việt. Các em đã nói không rành hay không biết nói tiếng Việt, thì lấy khả năng gì để đọc và hiểu được tiếng Việt.

Điều minh chứng cụ thể nhất cho sự suy thoái trong sinh hoạt văn chương ở hải ngoại là thị trường sách báo. Số người đọc sách suy giảm nên mức độ tiêu thụ sách cũng kém đi, và hiện tại, số lượng này giảm đi rất nhiều nếu so với nhiều năm về trước. Gần đây, sự suy giảm của mức tiêu thụ sách có vẻ đứng yên. Điều này có thể giải thích được do số lượng người Việt qua Mỹ theo diện HO và đoàn tụ gia đình. Với mức độ tiêu thụ sách thấp kém như vậy, hiện tại không có một nhà sách bán lẻ nào có thể tồn tại được nếu chỉ có sách là nguồn thu nhập duy nhất. Phần lớn các nhà sách đều phải dựa vào nguồn thu nhập của băng nhạc. Trên thị trường hiện nay, số lượng tiêu thụ các loại dĩa nhạc CD hay video rất cao. Một dĩa CD hay băng video có giá tương đương với một quyển sách, từ 10 đô cho tới 17 đô. Nhưng có dĩa CD bán đến số lượng 100 ngàn cái trong một đợt ấn hành. Video nhạc của các trung tâm nổi tiếng bán được khoảng 30 đến 60 ngàn băng là thường. Còn sách thì quá tệ. Thông thường, mỗi mặt sách được in ra khoảng 1000 cuốn trong một đợt ấn hành. Nhà phát hành phân phối trong đợt đầu chừng 200 đến 300 cuốn là mừng lắm rồi. Đó là số sách được giao cho các nhà sách, để trên kệ, chứ chưa phải là số sách bán đến tận tay người đọc. Số sách còn lại được nhà phát hành tìm cách giao rỉ rả đến người đọc qua bưu điện hay bán từng đợt cho các thư viện. Thời gian bán hết sách lâu hay mau tùy thuộc mỗi loại.

Nguyên nhân nào gây ra sự suy thoái cho thị trường sách báo như vậy? Chúng ta thử suy nghĩ vài vấn đề như sau.

Khái quát về thị trường sách

Có một điều mới nhìn qua thị trường sách, chúng ta thấy có vẻ như nghịch lý: Bảo rằng thị trường sách suy thoái tại sao số lượng mặt sách gia tăng rất nhiều trong những năm gần đây? Số người viết gia tăng và số tác phẩm ấn hành cũng nhiều. Sự gia tăng về số lượng không chỉ nhiều về phía văn mà còn bên thơ. Nhất là trong lãnh vực thơ, số lượng tác giả và tác phẩm gia tăng đến chóng mặt. Tại sao như vậy? Chúng ta hãy xét một

số vấn đề liên hệ đến tác phẩm, tác giả, tác giả và tác phẩm, độc giả, tác giả và độc giả.

Quá trình thực hiện một tác phẩm.

Chuyện ra đời của một cuốn sách có quá nhiều thay đổi qua thời gian. Từ thuở xa xưa, chúng ta cứ lấy mốc thời gian từ lúc Doãn Hỉ đón đường Lão Tử ở hẽm núi Han Ku vào khoảng 500 năm trước Thiên Chúa Giáng Sinh. Nhờ Doãn Hỉ cương quyết không cho Lão Tử đi qua cho đến khi ngài chịu viết 5000 chữ để lại cho hậu thế. Đó là quyển Đạo Đức Kinh. Quyển sách này chỉ là chữ khắc trên nhiều thẻ tre. Đó là quyển sách quí báu nhất trong kho tàng tri thức của nhân loại. Chính vì cách cấu tạo sách bằng những thẻ tre được kết lại mà có sự đảo lộn thứ tự trước sau. Mãi đến thời đại của chúng ta, tức là khoảng 2500 năm sau, hậu thế vẫn còn chịu đựng hậu quả của sự đảo lộn thứ tự đó. Từ thẻ tre cho đến giấy là cả một chuỗi thời gian dài đăng đẳng và đau khổ của sách. Khi giấy ra đời, sách được thành hình bằng cách chép chữ ra từng cuốn. Ban đầu chỉ có một người chép, rồi lên vài người, sau gia tăng thành hàng trăm. Chép từng cuốn như thế bảo sao không cực khổ, chậm chạp, và nhiều sai lệch từ nguyên bản. Đến khi máy in ra đời, sách được ấn hành thong thả hơn. Kỹ thuật in còn thô sơ và số phận tác phẩm bị lệ thuộc nặng nề vào những người thợ xếp chữ vì họ nhìn ngược mặt chữ và xếp từng chữ bằng tay.

Bây giờ khác hẳn. Tác giả viết trực tiếp vào máy điện toán. Một máy điện toán ngày nay có đủ công dụng để hoàn thành sách và báo, giá chỉ khoảng 400 đô. Nếu chúng ta chịu ký giao kèo ít nhất ba năm cho một công ty chủ để lấy một "account" sử dụng mạng "internet" thì không phải trả đồng nào cả. Về nhà, chúng ta chỉ cần cắm điện và bỏ vài dữ kiện cá nhân vào là sử dụng được ngay. Còn chương trình tiếng Việt, ngoại trừ công ty VNI bán ra thị trường, hầu hết các tổ chức hay cơ quan khác cho không trên "internet". Cứ vào trang "web" của họ, lấy chương trình tiếng Việt về dùng ngay. Các chương trình dùng để xếp chữ vào trang như Ventura (đã ngưng sản xuất) và Pagemaker thường được bạn bè chuyền tay. Ngay cả loại dùng viết bài như Microsoft Word, Amipro hay WordPro,... ngày nay cũng có công dụng xếp chữ được. Đến đây, sắm máy điện toán và chương trình viết tiếng Việt, tác giả chưa tốn tiền gì cả. Bây giờ chỉ cần bỏ ra khoảng dưới 300 đô chúng ta có ngay một máy in "laser" với hiệu năng 300 DPI rất tốt. Ngay loại HP kiểu đã cũ là 4L chỉ 300 DPI nhưng chữ in ra sắc nét không thua gì các máy 600 DPI. Như thế, tác giả chỉ tốn không quá 300 đô la, có thể sáng tác và làm ra một bản để

in sách gọi là "camera ready". Chỉ cần mang bản ấy tới nhà in và trả không quá 2000 đô, chúng ta có ngay 1000 cuốn sách dày 200 trang, bìa bốn màu tráng láng đàng hoàng. Nếu tác giả muốn cái bìa đẹp, đã có những họa sĩ danh tiếng và tài năng sẵn sàng làm bìa, thời giá khoảng từ 100 đến 300 đô. Sau đó, tác giả nhờ một nhà phát hành lo liệu, hoặc là nhờ bạn bè ở nhiều nơi tổ chức ra mắt sách. Giá một cuốn sách chỉ có 10 đô, quá nhẹ nếu so với tình bạn bè hay xã giao quen biết. Cố gắng một chút, tác giả vừa có sách, có danh lại không mất mát một xu nào cả. Có khi, một tác giả khéo vận động lại có lời chút đỉnh.

Hoàn cảnh sống của tác giả.

Sau hơn hai mươi năm sống ở hải ngoại, tâm tình của người Việt Nam đã thay đổi quá nhiều. Có lẽ không mấy ai có ý định trở về định cư tại Việt Nam, về chơi và thăm viếng thì được nhưng ở luôn thì không. Hầu hết người Việt hải ngoại đã ổn định đời sống. Họ đều có việc làm, nhà cửa, xe hơi, con cháu đều tốt nghiệp đại học, xã hội tương đối yên lành, điều kiện y tế tốt đẹp. Những nơi tập trung nhiều người Việt Nam, chúng ta đều có một hay vài trung tâm thương mãi. Các trung tâm này thường chiếm khu thị tứ sầm uất, được dựng lên tuần tự và rầm rộ. Từ đó, đời sống người Việt Nam đã cắm rễ sâu dần vào mảnh đất, mà ngày nay, không còn tạm dung nữa. Bên cạnh đó, cộng đồng Việt Nam phát triển lớn mạnh trên mọi phương diện. Nếu so sánh với các cộng đồng đã định cư tại Hoa Kỳ rất lâu như Ấn Độ, Đại Hàn, Phi Luật Tân,... thì người Việt chúng ta sinh hoạt ồn ào ghê lắm.

Trên xứ người, các nơi có người Việt tập trung đông đều có mô hình một xã hội miền Nam trước 1975 thu nhỏ lại. Người Việt Nam đã thành hình được một cộng đồng đặc biệt, lớn rất nhanh, phát triển quá mạnh, và mang đầy đủ các sắc thái của một xã hội chính qui. Chúng ta nhìn lại thử xem, trong cộng đồng Việt Nam đã thể hiện gần như toàn vẹn bao điều tốt đẹp cũng như rất nhiều chuyện xấu xa tệ hại của xã hội miền Nam trước năm 1975. Dù di tản hay vượt biên, mỗi chúng ta đều mang theo trong lòng một số mầm mống từ cuộc sống cũ. Chỉ chờ ngày tháng thôi. Thời gian hơn 20 năm đã quá đủ cho các mầm mống ấy nẩy chồi và phát triển thành bao nhiêu cây đời xinh đẹp cũng như dị dạng.

Đến giai đoạn cộng đồng Việt Nam mãn khai, người Việt Nam đã no đủ về vật chất, bây giờ, họ muốn thỏa mãn về mặt tinh thần. Sẵn mọi phương tiện kỹ thuật đầy đủ, thêm lòng nhớ nhung quê hương, cộng khả năng văn chương ấp ủ từ lâu, và chút danh muốn nổi với đời, thế là mọi

người thi đua viết văn và làm thơ. Các cơ sở buôn bán đã mở ra và phát triển cũng cần phô trương và quảng cáo. Thế là sách báo theo phương cách đã nói ở trên được in ra ồ ạt. Số người viết và mặt sách ấn hành vì thế gia tăng đến một số lượng gây choáng ngợp. Chúng ta nhìn lại mà xem, có biết bao bạn bè trước kia không hề có dấu hiệu gì tỏ lộ năng khiếu trở thành một nhà văn hay nhà thơ cả. Thế mà, cứ lần lượt từng ngày, họ viết truyện và làm thơ đều đặn. Truyện và thơ của họ xuất hiện thường xuyên trên các báo quảng cáo phát không, được gọi nôm na là báo chợ. Thế rồi, lần lượt, họ cho ấn hành tác phẩm và tổ chức ra mắt sách thật long trọng. Họ cũng gây được tiếng vang mạnh mẽ trong cộng đồng. Chỉ có một điều, truyện và văn của họ không xuất hiện được trên các báo văn chương có tầm cỡ và uy tín ở hải ngoại. Những tác giả mới này cũng không vì thế mà phiền lòng. Trái lại họ rất sung sướng vì đã làm được một chút gì đó với đời. Tóm lại sách báo cũng như các ngành khác về nghệ thuật hay văn hóa nói chung của cộng đồng Việt Nam ở hải ngoại chỉ phát triển về mặt rộng, về số lượng mà kém chiều sâu, thiếu chất lượng.

Còn những tác giả đã thành danh trong nước, ở miền Nam trước 1975, khi sang định cư tại Hoa Kỳ, năng lực sáng tác của họ giảm sút hẳn đi. Chỉ một vài vị còn cầm bút nhưng viết rất ít, lâu lắm, có khi một năm mới có một truyện ngắn hay một bài thơ, như trường hợp Túy Hồng, Trùng Dương, hay Doãn Quốc Sỹ, Thanh Tâm Tuyền...

Nguyên nhân nào ảnh hưởng đến sự suy giảm sức sáng tác của các vị đã viết từ trước năm 1975?

Có vài yếu tố đáng lưu ý như môi trường sống, tuổi tác, đối tượng sáng tác... Chúng ta mường tượng con người cũng là một sinh vật, sự đổi đời quá lớn đối với các vị như một sự tước bỏ môi sinh (enviromental deprivation). Họ như những thân cây đã luống tuổi, mặc dù có vị khi ra nước ngoài chưa quá năm mươi. Những cây đã bị bứng gốc, đứt cả rễ, khi được mang đến vùng đất mới, sống lây lất cho khỏi chết là may rồi. Bảo các vị sáng tác như thời thanh xuân có là một đòi hỏi quá đáng. Hơn nữa năng lực sáng tác thuộc về tuổi trẻ. Chúng ta nhìn lại các vị như Võ Phiến, Mai Thảo đã bắt đầu sáng tác mạnh từ tuổi hai mươi. Đặc biệt ở hai vị, sức sáng tác vẫn bền cho đến tuổi già, ở mức người đời gọi là thất thập cổ lai hi. Các trường hợp khác như nhóm Sáng Tạo, khi thành hình, các vị đều rất trẻ. Khi Mai Thảo phát biểu "tuyên ngôn" của Sáng Tạo vào năm 1956, lúc ấy ông mới 30 tuổi. Thanh Tâm Tuyền tuyên bố nhiều câu "nẩy lửa" khi mới có 17 tuổi. Còn Tô Thùy Yên, tài thơ hiển lộ khi vừa qua tuổi trung học. Cung Tiến sáng tác những bản nhạc để đời như Thu Vàng, Hoài Cảm từ khi mới 17 tuổi. Đi xa hơn nữa vào cõi quá vãng, chúng ta

biết rằng Vương Bật hiệu đính quyển Đạo Đức Kinh của Lão Tử lúc vừa tuổi đôi mươi. Khi Vương Bật qua đời chỉ 24 tuổi. Như thế, hẳn nhiên tuổi tác chi phối nặng nề đến năng lực làm việc của con người nói chung và sức sáng tạo trong văn chương nói riêng. Trong văn học, càng già sức viết càng giảm đi. Nhưng cũng có trường hợp ngoại lệ, có trường hợp người già mà sức sáng tác vẫn sung mãn. Không cần nhìn đâu xa, chúng ta có nhà văn Võ Phiến. Trong năm nay, 1999, cụ đã 74 tuổi, vẫn hiệu đính và viết thêm để cho ra đời bảy quyển dày cộm trong bộ Văn Học Miền Nam. Số trang cuối cùng trong quyển Thơ của bộ Văn Học Miền Nam là 3229.

Một điểm nữa cần nhắc tới là đối tượng sáng tác. Khi bị tước bỏ môi sinh thì các vị cũng mất đi đối tượng để sáng tác trong thuở thanh xuân. Có lẽ các vị không còn rung cảm khi nhìn thấy chiếc Lexus LX 470 loại SUV hay Lexus LS 400 đời 2000 lướt như bay trên xa lộ. Các vị chỉ rung cảm khi thấy một người đàn ông gầy còm gò lưng trên chiếc xích lô. Hay các vị chỉ xúc động khi nhìn chiếc xe thổ mộ gập gềnh chạy trên đường mòn trong một buổi trưa hè. Như thế, sự vắng mặt của những nhà văn và nhà thơ thành danh trước 1975, ít nhiều cũng có ảnh hưởng đến sự phát triển của sinh hoạt văn học hải ngoại.

Sự phát triển tự phát của tác phẩm.

Trong xã hội miền Nam trước 1975, số người viết và sách báo ấn hành có mức độ. Một tác giả muốn nổi danh trước hết phải có bài đăng trên các báo văn học có uy tín như Sáng Tạo, Bách Khoa, Văn, Văn Học, Khởi Hành... Có chút tiếng tăm rồi, tác giả cần một đàn anh trong văn giới hỗ trợ về mặt tinh thần như viết tựa, viết bạt, giới thiệu cho nhà xuất bản. Hơn một chút, tác giả có trúng giải các giải thưởng văn học do chính phủ hay trung tâm Văn Bút tổ chức. Ngoài ra, tác giả còn phải được chủ bút các báo văn học có cảm tình. Có khi một tác giả không được một đàn anh trong sinh hoạt văn học đề bạt nhưng tạo được mối thân tình với chủ nhiệm hay chủ bút tờ báo, bài của họ cũng dễ được đăng hơn. Được một hay vài điều như thế, tác giả mới có cơ hội để in tác phẩm của mình. Do đó, số lượng tác giả được chọn lọc một cách tự nhiên trong khuôn khổ có sẵn. Và sự phát triển tác phẩm về mặt số lượng được kềm chế trong cung cách sinh hoạt văn học đương thời. Ngoài ra, đất nước đang chìm đắm trong chiến tranh khốc liệt. Sự an nguy trong đời sống mọi người bị đe dọa trầm trọng. Người dân chỉ mong mỏi một điều là sống yên ổn và được tạm đủ cơm ăn áo mặc. Ngày qua, người ta chỉ mong mỏi còn sống với một cơ thể lành lặn, còn tâm hồn có bị thương tổn cũng không sao. Họ chỉ

ước ao, còn sống là vui rồi. Trong đời sống như thế, người dân xem chuyện đọc đã là thứ yếu, cho nên sách báo cũng thành một thứ không cần thiết lắm, sau cơm gạo cũng như thuốc men và quần áo. Đi xa hơn, chuyện viết văn hay làm thơ đã ở ngoài sự suy nghĩ của đa số người dân.

Vì thế và từ đó, số lượng tác giả và tác phẩm phát triển có mức độ và được kiểm soát một cách tự nhiên. Phần lớn các tác giả bên phái nam ở trong quân đội. Họ là các nhà văn và nhà thơ xuất sắc, vừa đánh giặc vừa làm văn chương. Các nhà thơ quân đội có tác phẩm làm rung động lòng người như Tô Thùy Yên, Nguyễn Bắc Sơn,... hay các nhà văn như Y Uyên (đã tử trận), Trần Hoài Thư,... đều rất trẻ. Những bài thơ thuở ấy mang một sắc thái đặc biệt không thể nào có được ở xã hội hải ngoại bây giờ. Nét thơ dạo đó vừa kiêu ngạo, lại bất cần, pha chút lãng mạn, buông thả... Đọc lại những bài thơ đó, ba mươi năm sau, chúng ta vẫn còn cảm thấy ngây ngất, bồi hồi...

Bây giờ, tình hình sinh hoạt văn học ở hải ngoại khác hẳn. Sự phát triển văn học đang đi trên đà mạnh về số lượng và yếu về chất lượng. Sự phát triển này có tính cách tự phát, trong hình thái "vô chính phủ".

Sự lớn mạnh về số lượng tác giả mang tính cục bộ nặng nề. Trước tiên, dưới hình thái tổ chức Văn bút địa phương. Có nơi, cùng một chỗ có tới hai Văn bút. Theo điều lệ, phải có một số hội viên tối thiểu nào đó mới đủ tiêu chuẩn hình thành một tổ chức Văn bút. Về số lượng tác giả thì chúng ta khỏi lo. Tôi biết có những vùng, số lượng tác giả có tác phẩm ấn hành dư để thành lập một lúc cả bốn tổ chức Văn bút chứ đừng nói là hai. Kế đó, là sự hình thành phe nhóm dưới hình thức ban biên tập hay ban chủ trương của tờ báo. Trong tình hình hiện tại, báo vừa loại bán vừa loại biếu không càng nhiều thì số lượng phe nhóm càng tăng. Nếu báo bán, thì các thành viên tự nguyện đóng góp thường kỳ. Dưới hình thức này, tờ báo sống mạnh muôn đời. Còn báo quảng cáo phát không thì các thành viên có trách nhiệm đóng góp bài vở. Vì là báo biếu, độc giả thường dễ dãi khi đọc. Thứ ba, sự thành lập các nhóm sinh hoạt văn học. Hình thức này có ở vài nơi, tiêu chuẩn dựa trên quá khứ về địa dư, về tổ chức... Loại này tuy ít nhưng cũng chiếm một số lượng đáng kể trên toàn quốc gia Hoa Kỳ.

Sự lớn mạnh về số lượng tác phẩm mang đậm nét địa phương. Vì tầm vóc của một vài tác giả không vượt quá khuôn khổ một "city" hay "county" nên tác phẩm phải chịu số phận lưu hành trong khuôn khổ địa dư đó. Sách của tác giả đó nếu vượt ra khỏi tiểu bang, đi sang một nơi khác thì thông thường người ta không biết tác giả là ai. Sự lưu hành tác phẩm thường bắt đầu bằng một hay vài buổi ra mắt sách ở một vài chỗ trong thành phố hay quận cư ngụ. Trong buổi ra mắt sách, thông thường tác giả nhờ vài người

bạn thân giới thiệu cả sách và người. Dĩ nhiên, lời giới thiệu trong các buổi ra mắt sách luôn luôn tốt đẹp.

Sự suy giảm số lượng độc giả.

Phía người đọc, số lượng tăng dần trong thời kỳ phôi thai của cộng đồng Việt Nam khi những đợt sách cũ được một số nhà xuất bản ấn hành trở lại. Dạo đó, mọi người đều muốn thành lập một tủ sách gia đình. Lòng hoài niệm quê hương quá mạnh là một yếu tố thúc đẩy người Việt ở hải ngoại đọc sách nhiều. Trong khoảng thời gian này sách chiếm vị trí hàng đầu trong sinh hoạt người Việt. Phải nói rằng, trong mấy năm cuối thập niên bảy mươi và đầu thập niên tám mươi, số lượng người đọc cao nên thị trường sách phát triển mạnh. Sau đó, số độc giả giảm dần và sách cứ đi lùi. Từ giữa thập niên tám mươi trở đi, thị trường sách suy yếu hẳn đi. Nguyên nhân nào gây ra chuyện "thảm khốc" như vậy? Chúng ta thử xem xét một vài yếu tố gây ra thảm cảnh này.

Trước hết, sách suy yếu do sự lớn mạnh của các ngành nghệ thuật khác, nhất là kỹ nghệ âm nhạc. Số lượng băng nhạc audio, video, và CD gia tăng rầm rộ ở khắp mọi nơi. Nhất là CD và video ca nhạc, ngày càng đi lên và chiếm vị trí hàng đầu. Trước kia, một người chỉ là độc giả vì họ có bao nhiêu tiền dư thường dành tất cả cho sách. Bây giờ, có người để gần hết số tiền ưu tiên cho băng nhạc CD và video. Còn sót lại, họ mới mua sách. Buổi tối, sau một ngày làm việc mệt mỏi, trước kia họ đọc sách, nhưng nay thì không. Họ nằm duỗi dài trên ghế bành hay trên giường để xem video ca nhạc. Những trung tâm sản xuất băng nhạc đang tung hoành trên thị trường và đẩy lùi sách vào bóng tối là công ty Thúy Nga, Asia, sau đó là các trung tâm khác như Mây, Hollywood, Diễm Xưa, Bốn Phương,...

Độc giả đã thành khán giả và thính giả. Hình thái thưởng thức bằng mắt và tai đã chiếm ưu thế. Kẻ thù mặt vuông, như nhà văn Võ Phiến đã có lần hóm hỉnh đề cập đến, đã đẩy lùi sách đến chỗ không còn đất sống. Cứ nhìn tình trạng buôn bán của cộng đồng Việt Nam ở các nơi, chúng ta thấy ngay số tiệm bán băng nhạc mở ra quá nhiều, chỉ thua số lượng tiệm vàng và ở vài nơi, muốn vượt qua mặt số lượng tiệm ăn. Các nhà sách phải xuống nước, chịu thua, dồn sách vào một khu hẹp có vị trí khiêm nhượng, để dành chỗ trang trọng cho băng nhạc. Các "ex-độc giả" trước kia chỉ tìm sách, nay chỉ hỏi thăm các loại CD và băng nhạc của Thúy Nga, Asia, Mây, Hollywood,... Khi vào nhà sách, họ thường xông ngay vào khu nhạc, mua các loại CD và video mới ấn hành, rồi lẳng lặng ra về,

không ngó tới các kệ sách một phút nào. Đáng buồn thật, lâu lâu có một cô đi vòng qua mấy kệ sách, một lúc sau lấy một cuốn tiểu thuyết của Quỳnh Giao. Hay một ông lượn qua khu sách, ôm lấy một bộ kiếm hiệp của Kim Dung hay một cuốn sách bói toán hoặc phong thủy. Một bà có ghé qua mấy kệ sách, nhưng vớ ngay mấy cuốn sách nấu ăn. Phần lớn các anh trẻ còn đọc tiếng Việt, lướt qua khu sách, vớt ngay một hay vài cuốn sách "người lớn", rồi lẳng lặng trả tiền, đi ra. Thông thường, sách loại dành cho người lớn để giá cao hơn các sách khác. Cũng cùng 200 trang, các sách văn học hay loại khác thường ghi giá từ 10 đến 13 đô, nhưng sách người lớn có thể in giá đến 18 hay 20 đô. Thế mà các anh trả ngay không hề thắc mắc gì cả.

Số lượng độc giả suy giảm tỉ lệ ngược với tuổi tác. Trong cộng đồng Việt Nam hiện tại, tuổi càng trẻ càng ít đọc sách. Mới nghe qua tưởng như tuổi tác ảnh hưởng đến sự yêu thích đọc sách. Chính thật thủ phạm không phải tuổi tác mà hai nguyên nhân chính ảnh hưởng lên sự đọc sách là môi trường sống và cách giáo dục gia đình.

Mỗi người Việt Nam ở hải ngoại gánh chịu một sự tương tranh không nhân nhượng giữa phần đời cũ gắn bó với Việt Nam và ảnh hưởng của ngoại cảnh tại quốc gia cư ngụ. Một người Việt rời đất nước trong năm 1975 ở lứa tuổi năm mươi, để dễ suy luận chúng ta liên hệ trường hợp của các cụ như Mai Thảo hay Võ Phiến. Hai vị có đến 50 năm gắn bó với văn hóa Việt Nam, hơn nữa cả hai đều là nhà văn có tầm cỡ trong văn đàn. Như thế phần đời cũ của hai vị quá dài và quá mạnh, không có một sức mạnh nào có thể chen vào để ly khai văn chương ra khỏi con người hai vị. Còn một thanh niên vào tuổi hai đến ba mươi, cũng rời Việt Nam vào năm 1975. Cái vốn đời 20 đến 30 năm tuy không nhiều nhưng đủ mạnh để đương đầu với ảnh hưởng của ngoại cảnh tại xứ người, khó khăn lắm mới có thể xóa bỏ vốn liếng chữ Việt trong người họ được. Lứa tuổi ấy, bây giờ đang bước qua trung niên, có thể nói họ là thành phần chủ lực trong sinh hoạt văn học hải ngoại hiện nay.

Xa hơn nữa, những em bé chào đời trong mấy năm trước sau 1975, chuyện này mới đáng ngại, các em chịu ảnh hưởng nặng nề của nền văn hóa bản xứ. Cho nên tiếng Việt nếu còn tồn tại trong các em là nhờ nỗ lực ghê gớm của bản thân các em và cha mẹ. Không phải tất cả các em trong lứa tuổi này đều lãng quên tiếng Việt. Mỗi ngày, trong công việc khám bệnh, tôi thường tiếp xúc nhiều em trong lứa tuổi này. Tôi nhận thấy có vài điểm cần để ý như sau.

Dĩ nhiên vốn liếng tiếng Việt của các em tùy thuộc vào ý thức bảo tồn văn hóa của các bậc phụ huynh. Có lẽ chúng ta không cần bàn luận về

chuyện này. Bởi vì, bậc phụ huynh càng lưu tâm đến văn hóa nước nhà thì các con em họ giữ được chữ Việt càng nhiều. Sự việc này tùy thuộc vào ý thức của chúng ta. Điều đáng lưu tâm là ý thức này không tùy thuộc vào trình độ học vấn hay nghề nghiệp của các bậc phụ huynh. Theo lẽ thông thường, học vấn càng cao thì ý thức bảo tồn văn hóa càng cao. Chúng ta nghĩ như vậy nhưng chuyện đó không phải là một định luật. Trong nhiều gia đình, bậc phụ huynh có bằng cấp cao ở cấp tiến sĩ, bác sĩ, luật sư,... nhưng con em lại dốt hay hoàn toàn không biết một chút tiếng Việt. Ngược lại, trong nhiều gia đình, bậc phụ huynh không học cao, phải đi làm lao công trong nhà thương, lau chùi trong trường học, quét chợ,... nhưng con em họ lại giỏi tiếng Việt. Thêm nữa, ý thức bảo tồn văn hóa không nhất định tùy thuộc vào nghề nghiệp. Nhiều bậc phụ huynh làm công việc trực tiếp liên hệ đến văn hóa nói chung và văn học nói riêng nhưng con em không biết một chút tiếng Việt nào. Cũng ngược lại, nhiều bậc phụ huynh làm công việc chẳng dính dáng gì với văn chương như thợ hồ, thợ điện,... mà con em lại giỏi tiếng Việt.

Tôi biết một số trường hợp thực tế như thế này. Một người bạn cũng là một nhà văn. Anh là người yêu mến văn chương và có một số tác phẩm đã ấn hành. Anh là người hay đề cập đến chuyện bảo tồn văn hóa và rất lưu tâm đến vấn đề giữ gìn tiếng Việt cho thế hệ sau. Nhưng khi tiếp xúc với anh, tôi hết sức ngỡ ngàng. Khi anh gọi vào chỗ làm việc của tôi, anh nói tiếng Anh từ đầu đến cuối. Mặc dù anh có bằng cấp khá cao nhưng không vì thế mà giọng phát âm tiếng Anh phải hay. Sau đó, trong buổi tiệc tại nhà một người bạn khác, tôi gặp cả gia đình anh. Vợ anh cũng là một nhà văn mới bắt đầu viết. Còn bốn đứa con của anh, thật đau buồn, tuổi chúng từ 18 đến đến 24, mà không nói được tiếng Việt. Chúng nói với nhau bằng tiếng Anh. Thậm chí, chúng nói chuyện với anh cũng bằng tiếng Anh. Có gia đình, phụ huynh rán nói tiếng Việt còn con em nói tiếng Anh. Sự việc trông có vẻ kỳ khôi nhưng chúng ta thấy rõ sự cố gắng của bậc làm cha mẹ. Đàng này, anh bạn nhà văn của tôi nói hoàn toàn tiếng Anh với con. Nặng hơn nữa, cả bốn đứa đều không ăn được cơm và thức ăn Việt Nam. Trong buổi tiệc hôm đó, anh phải đưa tiền cho chúng ra MacDonald mua hamburgers.

Hàng ngày, có lẽ chúng ta cũng thấy những chuyện nhan nhản như vậy. Ngược lại, tôi biết một gia đình khác, cha làm nhân viên xếp quần áo trong một cửa tiệm, mẹ làm thợ trong tiệm bánh. Thế mà ba đứa con của họ không những nói tiếng Việt rành mà còn đọc và viết được tiếng Việt. Hỏi ra, chúng ta biết rằng trong nhà họ nói toàn tiếng Việt. Cả hai vợ chồng từ lúc đầu, ra lệnh rằng, nếu chúng không nói tiếng Việt thì không

được ăn cơm. Ngoài ra, ngày Chủ nhật họ còn chở các con đi học tiếng Việt ở các lớp của cộng đồng. Đó là một hay hai trường hợp trong hàng ngàn chuyện mà tôi được biết tương tự như thế.

Như vậy, ý thức bảo tồn văn hóa và giữ gìn tiếng Việt tùy thuộc tâm hồn yêu mến văn hóa nước nhà chứ không hẳn tùy thuộc vào bằng cấp hay nghề nghiệp.

Ở trên, chúng đã đề cập đến ảnh hưởng của sự phát triển các vấn đề khác của nghệ thuật như âm nhạc và tác động của tuổi tác lên sự suy giảm số lượng độc giả.

Bây giờ, chúng ta bàn đến liên hệ giữa yếu tố nghề nghiệp của độc giả và thị trường sách. Thông thường, ta nghĩ rằng, người nào làm công việc tiếp xúc với chữ nghĩa càng chặt chẽ thì người ấy thường mua sách nhiều. Trên thực tế, có lẽ chúng ta lầm. Trong vấn đề này ta cũng nên phân biệt hai chuyện tưởng như là một nhưng thực sự là hai. Đó là đọc sách và mua sách. Đọc sách tự bản chất không trực tiếp giúp cho thị trường sách phát triển. Mà mua sách mới là yếu tố quan trọng hàng đầu.

Từ bước đọc sách đến bước mua sách có một khoảng cách lớn và rộng lắm. Trong vấn đề này, chúng ta xét hai khía cạnh. Người mua sách thường là người đọc sách. Người đọc sách thường có khuynh hướng muốn có sách, nhưng ít mua sách.

Chúng ta bàn từng vế. Người đọc sách thường là người mua sách. Quan trọng ở chữ "thường" chứ không là "luôn" hay "phải". Trước tiên, những người mua sách về để đọc sách, dĩ nhiên. Nhưng có một số người, không phải là ít, mua sách nhưng không đọc hay ít khi đọc. Những người đó mua sách vì thích sách, muốn sưu tập sách, chứ không phải vì lý do muốn đọc sách. Về mặt thương mãi thuần túy, họ mua sách là được rồi, về nhà người ta có toàn quyền sử dụng cuốn sách đó. Họ mua sách về để chưng lên kệ, xếp ngay hàng thật ngăn nắp, để ngắm nghía. Một số người khác mua sách vì người khác đề cập hay bàn đến. Loại này hay ngồi la cà ở trà đình, tửu quán. Họ tụm năm tụm ba để bàn bạc và phê phán đủ mọi chuyện trên đời. Thường kẻ có "kiến thức" nhiều hơn hoặc "rộng họng" hơn là kẻ giữ diễn đàn và chiếm thượng phong. Người này là yếu nhân chỉ đạo cho mấy người kia biết sách nào nên mua. Những người kia mua sách về, thường là để đó hay xem lướt qua loa, vì "lỡ tụi nó hỏi tới mà không biết lại quê". Ra bình diện rộng hơn một chút, những người mua sách vì các tờ báo, có khi báo chuyên đề văn học, có khi báo "chợ", bàn bạc tới. Thường người viết là chủ biên tờ báo hay tác giả "hay viết phê bình". Những người trong loại này hay tìm mua quyển sách hay tờ báo đó rất sớm, về đọc kỹ bài viết, có khi học thuộc lòng một số đoạn, để đến lúc

"Hoa Sơn luận kiếm" sẽ đem ra hù dọa bà con. Còn nữa, chỉ chiếm thiểu số, một vài người mua sách vì cuốn sách đó đề cập đến đương sự, hay tác giả là bạn thân hoặc người quen biết. Những người này mua sách về, chỉ đọc đoạn có liên quan mà thôi. Trong lý do dính dáng đến bản thân, dù được khen hay bị chê, những người này đều mua quyển sách hay tờ báo đó đến mấy cuốn hay vài ấn bản.

Một câu chuyện có thật tại nhà sách Minh Văn. Một nhà văn nữ A ít khi đọc tờ báo B lắm. Một hôm bà A đến hỏi mua tờ báo B số tháng C. Các cô bán hàng ở nhà sách vội vàng tìm báo B số tháng E là số mới nhất, để đưa cho khách hàng. Bà A xua tay, gạt tờ B số E đi. Các cô ngạc nhiên hỏi:

– Thưa bà, số này mới nhất mà, mới về trưa nay.

Bà A bực bội nói:

– Không phải, tôi cần số tháng C.

Các cô hỏi lại:

– Số C cũ từ hai tháng trước rồi.

Bà A gắt gỏng:

– Tôi đã bảo, cần số tháng C thôi mà.

Các cô vội vã chạy đi tìm tờ C trong khu báo cũ. Một cô tìm được tờ C, nhanh nhẩu đưa cho bà:

– Thưa bà, cháu tìm được rồi.

Bà A mừng thấy rõ, một giây sau, lại gắt:

– Còn nữa hay không?

– Dạ thưa còn gì ạ?

– Tôi bảo, tờ C ấy mà. Còn bao nhiêu tờ C, tôi mua hết.

Hai cô ngạc nhiên nhìn nhau. Thấy các cô cứ đứng yên, còn bày chuyện nhìn nhau. Bà A nổi dóa, lại gắt:

– Tôi bảo mua hết tờ C, các cô nghe rõ chứ. Họ chửi tôi trong đó nhiều quá mà!

Các cô mừng rỡ chạy vào lục tung khu báo cũ và mang đến cho bà A một đống báo toàn là tờ C. Bà A trả ngay bằng tiền mặt, ôm hết chồng báo C, ra về.

Các cô khoái chí, ghi vào báo cáo, chưa tháng nào mà báo B bán hết sạch như tháng C.

Đó là mẩu chuyện vui nhưng hoàn toàn có thật.

Bây giờ chúng ta thử xem đến phần, người đọc sách có khuynh hướng muốn có sách, nhưng ít mua sách. Trên thực tế, người ham đọc sách, dĩ nhiên, hay mua sách. Có người một tuần đến nhà sách vài ba lần. Người ấy đi một vòng rất nhanh, đảo mắt quan sát chung quanh, chỉ hỏi một câu

rất ngắn, "có gì mới không?". Nếu có, đương nhiên ông ta sẽ xem xét kỹ, thường là mua cuốn đó. Nếu không, ông ta lẳng lặng ra về. Những người như thế rất ít. Còn lại, phần lớn những người ham đọc sách, dĩ nhiên muốn có sách nhưng lại không mua sách. Trên thực tế, những nhà văn, nhà thơ, nhà báo là những người ít mua sách nhất. Những người này, đương nhiên trong công việc hàng ngày, phải "vật lộn" với chữ nghĩa thường xuyên. Họ yêu mến chữ nghĩa và ham thích sách lắm nhưng lại ít khi mua sách. Về mặt tâm lý, hình như họ muốn được tặng sách chứ không khoái mua sách. Sự việc này cũng tương tự bên ngành y. Trong một lần thống kê về vấn đề kiểm soát sức khỏe định kỳ hàng năm (annually physical check up), người ta khám phá ra rằng, giới bác sĩ có tỉ lệ thấp nhất. Là những người phục vụ và săn sóc sức khỏe cho người khác nhưng giới bác sĩ là những người "lười" kiểm soát sức khỏe cho bản thân mình nhất.

Nhìn chung, trên thực tế, những người thường mua sách là những người làm những nghề ít dính dáng đến chữ nghĩa. Chúng tôi nhận thấy, những người thích mua sách hay làm các nghề như công chức, nhân viên hãng điện tử, kỹ sư, chuyên viên kỹ thuật, thợ điện, người bán hàng, làm tóc... Trong cộng đồng Việt Nam hải ngoại, nếu tỉ lệ nhà văn, nhà thơ, nhà báo càng cao thì nguy cơ suy giảm trên thị trường sách càng nặng. Điều đó đã được chứng minh: trong nhiều năm gần đây số lượng tác giả càng tăng, số lượng tác phẩm càng nhiều nhưng thực tế các nhà sách càng khó sống hơn.

Độc giả và tác giả.

Một vấn đề quan trọng nữa là mối tương quan giữa tác giả và độc giả. Trong sinh hoạt văn học hải ngoại, mối liên hệ này càng ngày càng lỏng lẻo đi. Sự xa rời giữa hai bên càng lúc càng nặng.

Trước tiên chúng ta có một số nhận xét như thế này. Trên thị trường sách báo hiện nay, các tờ báo như Tiền Phong, Phụ Nữ Diễn Đàn,... có số độc giả dài hạn rất cao. Trong những năm trước, con số này - theo một số thăm dò được nêu ra đây với sự dè dặt và cần được phối kiểm - từ 10 ngàn đến 15 ngàn. Trong khi các báo văn học chuyên đề như Văn Học, Văn, Hợp Lưu, Khởi Hành... sống rất khó khăn, mặc dù có sự tiến triển khả quan trong thời gian gần đây. Số độc giả dài hạn chừng 200 đến 400. Những con số này có thể thay đổi tùy theo thời gian nhưng khó lòng vượt quá con số 500. Các báo khác (ngoài phần văn có thêm thời sự chính trị, thời sự cộng đồng) như tờ Làng Văn, Thế Giới Ngày Nay... có lẽ số độc giả dài hạn cao hơn. Các tờ khác như Thế Kỷ 21, Sóng Văn, Hương Văn,

Gió Đông,... cũng bị giới hạn nhiều về mặt độc giả.

Tình trạng đọc sách suy giảm đến độ người đọc bên ngoài ít biết đến các tác giả sáng tác văn chương. Họ xa lạ với các nhà văn, nhà thơ và càng xa lạ với các nhà biên khảo, phê bình, và dịch thuật.

Có một câu chuyện thực tế như thế này. Nổi tiếng như nhà thơ Du Tử Lê mà vẫn có nhiều độc giả không biết về ông cho lắm. Như một lần ra mắt sách của nhà thơ Du Tử Lê ở vùng Virginia bên miền Đông Hoa Kỳ. Tôi nhớ, lần đó Du Tử Lê cho ra mắt cuốn "Chấm Dứt Luân Hồi Em Bước Ra". Buổi ra mắt sách được tổ chức thật long trọng và có nhiều người tham dự tại hội trường của một thư viện Hoa Kỳ. Chúng tôi có tham dự buổi đó. Một bà, tuổi gần năm mươi, ngồi gần vợ tôi. Trong khi chờ đợi, bà ta cho biết nhân tiện đi làm móng tay, quá giang xe một người bạn. Người bạn ấy đến dự buổi ra mắt sách nên bà đi theo. Câu chuyện diễn ra một hồi, bỗng nhiên bà ta vọt miệng hỏi:

– Ông Du Tử Lê chết hồi nào vậy?

Chúng tôi giật mình nhìn bà sửng sốt. Sắc mặt bà ấy tỉnh bơ khiến chúng tôi, bỗng nhiên, hoài nghi về trí nhớ và sự quen biết của mình. Chúng tôi kiểm soát ngay quá khứ gần nhất, lần chót gặp ông Du Tử Lê ở đâu? Lúc nào? Sắc mặt ông ấy như thế nào? Có vẻ gì bệnh hoạn hay không? Chúng tôi nhớ rõ còn gặp Du Tử Lê trưa hôm qua. Ông ấy cười nói vui vẻ. Du Tử Lê ốm mảnh khảnh, trông yếu ớt, và có vẻ như bệnh hoạn ngay trong lúc ông ta cảm thấy khỏe mạnh nhất. Những điều đó là bình thường đối với Du Tử Lê. Đâu có dấu hiệu gì lạ đâu. Chúng tôi bèn hỏi lại:

– Chị nghe tin này từ đâu vậy?

Bà ta cười, thản nhiên đáp:

– Tui có nghe ai nói đâu!

– Tại sao chị hỏi ông ấy chết hồi nào?

Chúng tôi vừa hỏi vừa đứng lên nhìn quanh hội trường. Du Tử Lê đang đứng gần cửa ra vào. Lưng ông ta hơi khòm, vai hơi rút trong cái dáng muôn thuở của nhà thơ. Du Tử Lê đang nói chuyện với một người trong ban tổ chức.

Chúng tôi thở phào, nói cùng một lúc:

– Du Tử Lê đang đứng đàng kia kìa.

Bà ấy nhỏm người lên hỏi:

– Đâu? Đâu?

Chúng tôi không thèm đáp, hỏi lại:

– Tại sao chị hỏi ông ta chết hồi nào?

Bà ta cười hệch hạc:

– Tại người ta hay làm tưởng niệm ông này, ông nọ, làm sao tui biết ông nào còn sống, ông nào chết!

Câu chuyện này chứng tỏ nhiều độc giả không biết gì cả về các nhà văn hay nhà thơ nổi tiếng của chúng ta.

Ngoài ra, chúng ta nhận thấy rằng, tựu trung có hai nguyên nhân gây ra cớ sự này: không đáp ứng đúng nhu cầu và chiều theo thị hiếu độc giả.

Tác giả không đáp ứng nhu cầu độc giả.

Đây là vấn đề muôn thuở của văn chương, thời nào cũng có, mỗi khi đưa ra để bàn luận là mỗi lần các vị bàn thảo sôi nổi để chẳng đưa đến một kết luận ổn thỏa nào. Đối với văn chương Việt Nam, đành rằng mức độ tiêu thụ sách không phải là một yếu tố để phê phán giá trị một tác phẩm nhưng tương đối, ở một phương diện nào đó, sự ủng hộ của độc giả vẫn là một tiêu chuẩn xác định chất lượng. Trong lãnh vực sáng tác, gần như có những tác giả quay lưng hẳn với độc giả. Thái độ này biểu hiện điều gì? Họ quay lưng vì không cần độc giả hay vì một lý do thầm kín nào đó không tiện nói ra? Nhân đây chúng ta cũng đề cập đến phần ý kiến và nhận định của độc giả. Phải nói rằng các tạp chí văn học đều có nỗ lực đưa ra mục ý kiến độc giả nhưng người Việt chúng ta có tấm lòng thuần hậu và dễ dãi nên thường ít có ý kiến. Ngoài ra, chưa kể đến vấn đề cảm tính của các vị chủ biên. Chuyện thương ghét là vấn đề cố hữu của con người. Các vị chủ biên cũng không đi ra ngoài cái lẽ thông thường đó.

Trong vấn đề xa rời giữa độc giả và tác giả, có lẽ thơ là lãnh vực có nhiều chuyện xảy ra nhất. Gần đây, tình trạng bất cần độc giả trong lãnh vực thơ có vẻ phát triển mạnh. Người làm thơ gần như chỉ muốn thỏa mãn riêng mình và chẳng cần người khác. Chiều hướng phát triển của thơ làm người ta liên tưởng đến hai chữ "thơ phiệt". Phải nói rằng lực lượng hùng hậu nhất của các nhà thơ hiện nay đang tập trung vào tạp chí Thơ. Mặc dù Thơ là một trong số các tạp chí có số bán rất giới hạn, nhưng Thơ cần có và nên tồn tại, bởi vì đây là một tạp chí chuyên đề có giá trị về thơ.

Trong tình trạng phát triển thơ hiện nay, phải nói rằng thơ đi quá nhanh và mạnh. Có một số bài thơ giống như một tấm bản chỉ đường, một toa thuốc, hay chữ viết xiêu vẹo của người say hay mắc bệnh tâm thần. Người thưởng thức thơ phải đi quá xa khỏi lãnh vực thưởng ngoạn như "đọc thơ" hay "ngâm thơ", mà phải tiến tới chuyện "xem thơ" giống như xem tranh vậy, hoặc là "hú thơ" hay "gầm gừ thơ", "cằn nhằn thơ",... Có phải thơ Việt Nam cần tiến tới mức như vậy hay không? Khuôn sáo thơ từ xưa đến hiện nay có làm điều gì lầm lỗi?

Làm mới văn chương là tâm nguyện của người đọc cũng như người viết. Nhưng làm mới đến độ quay lưng với độc giả thì tất nhiên độc giả cũng có quyền chẳng cần biết đến mình.

Tác giả chạy theo thị hiếu độc giả.

Nhà văn Hồ Trường An, là một trong số vài tác giả viết toàn thời gian hiếm hoi ở hải ngoại, sống bằng nghề viết. Ông thường viết thư cho tôi, than thở rằng, "lâu nay tôi chỉ là người làm việc trong kỹ nghệ văn chương". Nói như vậy, rồi ông vẫn viết theo thị hiếu của độc giả. Gần đây, ông bảo rằng, "chuyện ma đồng quê được lắm". Tôi hiểu chữ "được lắm" của ông. Sau đó, trên thị trường xuất hiện hàng loạt sách truyện ma đồng quê của Hồ Trường An. Đối với tôi, Hồ Trường An là một "Bà Già Trầu" giả hiệu. Ông chính thật là một nhà văn thành thị có tài. Tuyển tập truyện ngắn Hợp Lưu của ông, trước khi bước vào chuyện đồng quê, đã nói lên tài năng của ông. Phần lớn cuộc đời ông gắn liền với phố xá. Ông lớn lên trong ánh đèn thành phố. Ông vui tươi hớn hở trong sinh hoạt văn chương và âm nhạc tân thời. Ông cố viết truyện "miệt vườn" để chiều theo thị hiếu của người đọc trong những năm trước. Lâu dài, con người ông cũng bị biến đổi. Ông bị "đồng quê hóa" lúc nào không hay?

Sau 14 năm xa cách, vào năm 1989, khi gặp lại Hồ Trường An tại Virginia, vùng thủ đô Hoa Thịnh Đốn, tôi rất ngạc nhiên. Hồ Trường An từ cung cách cho tới lời ăn tiếng nói, rõ ràng là một bà nhà quê chơn chất. Ghê thật, văn chương biến đổi con người như thế đó.

Tôi nhớ có lần nhà văn Hồ Trường An viết về nhà văn Nguyễn Ngọc Ngạn trong quyển Chân Trời Lam Ngọc 1, như thế này:

"Nguyễn Ngọc Ngạn là người viết rất dễ, nên chẳng cần thứ gì để trợ hứng. Anh đánh máy liên tục, khi mỏi lưng thì anh nằm lăn ra đọc sách và xem tivi. Người chung quanh có ồn ào anh vẫn viết được. Đôi khi anh có bị ngắt quãng vì điện thoại, hoặc có khách lại chơi, nhưng không sao. Vừa nói chuyện, anh vừa viết cũng được. Hoặc đợi khi khách về rồi thì anh viết tiếp, không hề mất hứng - vì có hứng đâu mà mất."

Trong tiến trình phát triển sách trên thị trường, mối tương quan giữa người viết và người đọc đã xa rời. Số tác giả quay lưng về phía độc giả nhiều hơn là chạy theo thị hiếu. Sự quay lưng này chẳng phải do chủ ý của tác giả. Sự kiện này do các các yếu tố khách quan. Thứ nhất, người viết ngày nay tại hải ngoại không phải sống bằng ngòi bút. Đa số các tác giả viết thường không do đơn đặt hàng của các vị chủ bút, mà họ viết vì cảm hứng và sở thích nhiều hơn. Tác giả càng chú trọng kỹ thuật viết, càng

tội tình chi
LÂM CHƯƠNG

không hẹn
có gì đâu phải vội
mà em đi
quên nón che đầu
chiều lất phất vàm sông
mưa theo về Bến Kéo
tóc ủ ê
ướt chân mày nguyệt khuyết
lạnh từng dòng chảy xuống vai em

ngoái lại
chiêm bao ngờ nẻo cũ
nghiêng mái tình bước xuống Giang Tân
ai biết được
tai ương rình bắn sẻ
liếc đuôi mày dã lắp vòng cung
tà áo vẫy thoắt đi về biệt khuất
chiều mù tăm dìm dắm dòi nhau
thôi không hẹn
lỡ mai trời chẳng tạnh
tội tình chi con nhện giăng tơ
nước Tào Khê có bao giờ trở lại
mà em làm tượng đá chờ trông?

phân tích vấn đề thật tỉ mỉ như chẻ sợi tóc thành 32 hay 64 phần, thì càng xa rời độc giả. Có khi tác giả đi loanh quanh hàng chục lần mới tiến vào mục tiêu chính, lúc đó người đọc đã đi ngủ hết rồi. Thứ hai, trình độ thưởng thức của đa số người đọc không phù hợp với lãnh vực sáng tác của tác giả. Đó là lý do tại sao trong số người đọc, phái nam cứ đi tìm sách kiếm hiệp của Kim Dung và loại này có thể nói được các nhà xuất bản tự ý tái bản đến hàng ngàn lần, còn phái nữ thường đi tìm tiểu thuyết diễm tình của Quỳnh Giao và loại này cũng được tái bản theo cách như thế không biết bao nhiêu lần.❐

Kỳ sau: Mức độ tiêu thụ các loại sách trên thị trường
Các hình thái mới của sách

Thơ Hoàng Xuân Sơn

Vân hà
(đọc Hồ Minh Dũng, Cồn Mây)

đêm.
xuôi về ngọn nước hiền
thấy trăng không ngủ
thấy miền
nao nao
trời đất
lòng dạ
ngọt ngào
con chim khách lữ
dọt cao mây
nhìn
tiếng đời
trong khoảng lặng tim
thấm vô tích cũ
im lìm chuyện xưa
tình đầu kim buổi thêu thùa
mai kia hoa nữ gió lùa tóc vân .

Nhớ V

Trên mặt láng gầm trời
hòn bi cuộc đời lăn tuột
về xưa một chốn
khỏa thể tôi em thời chớm niên
niềm vui da hoa rung vỗ
mặt sáng láng cười
mát chiều dông cơn mưa hạ
con mắt. con mắt đen sau những giọt tranh
đã hẹn gì mai sau diệu vợi
vạt tóc bệt nước gửi trao
cái ngoéo tay một thời không đứt

Tháng núi gần năm thêm tuổi
sáng cõng đồng tiền mới du xuân
tình gái trai lượt là
chiếc bông vụ xoay quanh vườn thú
em chọn hiền nai tơ
còn tôi gã voi khờ muôn đời phủ phục
rồi cũng đến viễn trình thao thức
vết xước đầu đời (*) không dứ cầm chân trẻ dụ
tôi xa đi xa em khựng tình
chéo áo bứt lìa tơ tóc
không là gì của nhau
chiếc mỏ khua những đồi chim mộ vân
và con sông một lần chẩy thắt
có ai xin được mảnh trăng nguyền
vỡ vụn
chùm môi non

Đâu cứ là ngõ hẹp
cũng có lúc đời tàn phiên chợ hoa chiều cuối năm
lũng lờ hương
đầm cối nước lở trăng sen hồ
tịnh tâm giữa cồn thương nhớ
đau lặng về buổi xa lắc đò giang
áo trắng thơ chìm lưng thuôn ngõ
sào sạt lá tre chiếc dầm đau mưng

Cương thổ mù trời
đêm số sàng lấn lướt
đêm,
tuyết giú một nhành xuân.

(*) Tựa truyện, nhan sách - Trần Doãn Nho

Những bài thơ xuân của ba thi tăng Trung quốc

Tạ-quốc-Tuấn

Khi Xuân về với thế gian, hoa cỏ đua tươi, nhựa sống tràn trề thì con người dù có lòng chai đá, khô khan và không lý gì đến việc đời đến đâu đi chăng nữa cũng không sao thoát khỏi sức thu hút, cám dỗ của cái mỹ miều của Xuân, cái ấm áp của Xuân, cái dịu dàng của Xuân. Ngay cả những người xuất thế đi tu cũng không phải là ngoại lệ. Giống như các thi sĩ tục nhân, các thi tăng cũng đã làm không ít những bài thơ Xuân.

Trong bài "Các Bài Thơ Xuân Đầu Tiên Trong Văn Học Việt-nam: Những Bài Mang Ảnh Hưởng Tư Tưởng Phật Giáo" (*Văn Học*, Tết Kỷ-mão, số 153-154, th. 12/1999, tr. 11-25) chúng tôi đã trình bày sơ qua những cảm nghĩ về Xuân cuả một số thi tăng Việt. Dưới đây chúng ta sẽ tìm hiểu những cảm nghĩ về Xuân của ba thi tăng Trung-quốc là Giả-Đảo (779-843), Tê-kỷ (864-937) và Kính-An (1851-1912). Những bài thơ chọn xét ở đây tuy ít nhưng có thể coi là tiêu biểu cho loại thơ Xuân do các thi tăng Trung-quốc sáng tác.

1. Xuân Hành

Bài thơ Xuân Hành (Chuyến Đi Mùa Xuân) của Giả-Đảo phác họa một lữ khách cưỡi ngựa cứ đi đi mãi về miền viễn xứ, bụi bay theo nhịp ngựa chạy không ngừng. Trong lúc đi đường người lữ khách có nhiều cảm xúc thay đổi: khi thì xuống như ánh tà dương, lúc lại mang theo sắc xuân buổi sáng mờ sương, khi thì như nước trôi qua quán vắng, lúc lại như những đóa hoa mọc loạn nơi cung điện xưa. Cũng có khi người lữ khách nhớ tới quê hương xưa xa xôi ngàn dặm, nơi mang nhiều kỷ niệm thương yêu, dù là kỷ niệm sâu đậm mãnh liệt hay là kỷ niệm dịu dàng nhè nhẹ

như hình bóng cây dương liễu bị gió thổi lung linh trên mặt ao.

Khứ khứ hành nhân viễn,
Trần tùy mã bất cùng.
Lữ tình tà nhật hậu,
Xuân sắc tảo yên trung.
Lưu thủy xuyên không quán,
Kiện(1) hoa phát cố cung.
Cựu hương thiên lý tứ,
Trì thượng lục dương phong.

(Khách đi xa xa mãi,
Ngựa cuốn bụi không cùng.
Lòng khách sau tà bóng,
Khói sớm trong sắc xuân.
Nước trôi qua quán vắng,
Hoa mọc loạn cố cung.
Nhớ làng xưa ngàn dặm,
Bên đầm gió dương xanh.)

Người lữ khách trong bài thơ chính là con người nói một cách tổng quát và cuộc xuân hành này chính là cuộc lữ hành của con người trên đường đời.

Con người vừa lọt lòng mẹ là bắt đầu dấn thân vào cuộc hành trình trên đoạn đường dương thế. "Khứ khứ hành nhân viễn", con người cứ đi, đi mãi, từng bước từng bước một, không bao giờ ngừng, tiến về nơi xa tít mù tắp, tới điểm tận cùng của cuộc đời. Điều đáng nói là trong cuộc lữ hành này con người không phải là đi từ từ thong thả, mà là nhanh như phi ngựa, vùn vụt như tên bắn, như bóng câu qua cửa sổ, đến không thể nghỉ ngơi được, không thể kìm hãm được. Mặt khác, con đường đi của con người không chút thênh thang, không chút nhàn hạ, không chút bình an, mà là con đường chật chội, khổ cực, cam go, vất vả, đầy dẫy chông gai, tất cả theo đuổi con người, bám lấy con người, như bụi đường bám lấy ngựa lữ hành, "trần tùy mã bất cùng".

Hơn nữa, trong đời sống, con người còn trải qua vô vàn trạng huống. Có lúc được vui sướng, hạnh phúc, nhưng cái vui sướng ấy, cái hạnh phúc ấy không phải là cái vui sướng, cái hạnh phúc toàn mỹ của một ngày Xuân tươi sáng, ấm áp, mà là cái vui sướng, cái hạnh phúc lờ mờ của "Xuân sắc tảo yên trung", như vẻ Xuân bị khói sớm che mờ. Đấy là chưa

nói cái vui sướng, cái hạnh phúc con người được hưởng trong cuộc đời lại ít hơn là cái đau khổ. Có thể là cái đau khổ đen tối như cảnh vật "tà nhật hậu", sau buổi chiều tà. Hoặc có thể là cái đau khổ của một dòng nước trôi lặng lẽ qua quán vắng không người, "lưu thủy xuyên không quán". Lại cũng có thể là cái đau khổ lộn xộn như "kiện hoa phát cố cung", những đóa hoa mọc loạn nơi cung điện xưa huy hoàng tráng lệ mà nay bị bỏ hoang, không ai chăm sóc.

Trong lúc đi trên đường đời con người đôi khi cũng nhớ đến quê hương cũ của mình. Cái quê hương ấy không phải là làng xóm thực tế, nơi chôn rau cắt rốn, nơi cưu ngụ của con người, mà là cối nguồn của con người, nơi con người xuất phát và cũng là nơi con người hướng tới trong cuộc hành trình sinh ký tử qui. Cái quê hương ấy đẹp lắm, dịu dàng lắm, êm đềm lắm, thơ mộng lắm, chẳng khác chi ngôi làng nằm bên bờ ao với những hàng liễu xanh rung động trên mặt ao mỗi khi gió thổi, "trì thượng lạc dương phong". Tuy nhiên, nhớ chỉ để mà nhớ thôi, vì "cựu hương thiên lý", cái quê hương ấy còn xa vời vợi muôn ngàn dặm, không biết bao giờ mới có thể trở về tới nơi được.

Nói cách khác, theo Giả-Đảo, những chông gai, những cam go, những đau khổ mà con người phải chịu đựng ấy chính là bốn cái khổ (tứ khổ) bám lấy con người từ "khi mới chôn rau/Đã mang tiếng khóc bưng đầu mà ra" (Cung Oán Ngâm Khúc, câu 55-56): cái khổ lúc sinh ra (sinh khổ), cái khổ trong cuộc sống (lão khổ và bệnh khổ), và cái khổ khi chết (tử khổ). Những cái khổ đó bám chặt lấy con người không rời, cho dù con người có chết non hay sống lâu trăm tuổi thì vẫn khổ như thường, cho dù con người nghèo khó hay giàu sang, thấp hèn hay quyền quí, cũng không thể tránh khỏi được. Những cái khổ ấy, con người một mình mình mang, một mình mình chịu: sinh một mình, già một mình, bệnh một mình, chết một mình. Dù là cha mẹ, vợ chồng, con cháu, cũng không ai có thể gánh vác hộ, giúp đỡ cho, giống như người lữ hành cô đơn lẻ loi không bạn không bè, không cả người thân thuộc, một mình một ngựa đi qua miền hoang vu, về nơi xa xôi mù tắp của bài thơ Xuân Hành. Con người cứ bị trói buộc bởi những cái khổ, không sao tự chủ được, cứ lăn đi lộn lại mãi mãi, hết đời này qua kiếp khác, liên miên không ngừng, luân hồi chẳng dứt.

2. Xuân Phong Khúc

Ngoài Giả-Đảo ra còn có thi tăng Tế-kỷ cũng đã nói lên định mệnh con người sinh ra ở đời là phải chịu nhiều đau khổ và những đau khổ đó

hết sức tàn nhẫn và rất vô tình. Đó là ý Tê-kỷ nêu trong bài Xuân Phong Khúc (Khúc Ca Gió Xuân).

Xuân phong hà hữu tình,
Đán mộ lai lâm viên.
Bất vấn đào lý chủ,
Xúy lạc hồng vô ngôn.

(Gió xuân chẳng có tình,
Sáng chiều đến lâm viên.
Chẳng hỏi mận đào chủ,
Không lời thổi hồng rơi.)

Gió xuân làm chi có tình. Sáng cũng vậy, chiều cũng vậy, hễ lúc nào muốn là nó cứ việc thổi tới rừng, tới vườn. Nó cũng chẳng cần hỏi han xin phép chủ đào, chủ mận, cứ việc thổi, cho dù lá có rơi hoa có rụng cũng chẳng thốt lên một lời nào.

Tê-kỷ đã mượn hình ảnh gió xuân vô tình, "xuân phong hà hữu tình", để nói lên cái vô tình của những đau khổ mà con người phải chịu đựng, nhất là cái vô tình của tứ khổ.

Những đau khổ con người phải chịu đựng có thể bất chợt xảy ra, muốn đến lúc nào thì đến, muốn đi lúc nào thì đi, dù là sớm hay muộn trong cuộc đời con người, y như gió xuân "đán mộ lai lâm viên". Không những thế, những cái đau khổ ấy khi đến hay khi đi cũng không buồn thông báo cho con người biết trước, không cần hỏi ý kiến con người, không buồn xin phép con người xem có bằng lòng cho đến hay đi không, chẳng khác chi gió xuân khi thổi đến hay thoáng đi đâu có cần hỏi trước chủ đào chủ mận, "bất vấn đào lý chủ". Lại nữa, những đau khổ ấy muốn làm gì thì làm, không lý gì đến con người, dù có gây ra tai họa cho người hay làm tan nát cuộc đời con người hoặc xô đẩy con người đến chỗ phải chết mà không hề giải thích một câu, an ủi một lời, xin lỗi một tiếng, thương tiếc một ý, hối hận một lòng. Đúng là gió xuân "xúy lạc hồng vô ngôn", thổi rơi rụng nhiều đóa hoa khiến mặt đất đầy một màu hồng, như đầy máu thịt con người, mà cũng chẳng nói tiếng nào.

3. Tảo Mai

Tuy nhiên, vẫn theo Tê-kỷ, con người không nên quá tuyệt vọng vì những đau khổ vô tình, bao la, liên miên xảy ra cho mình hầu như bất tận,

mà cho rằng đời là khổ hải vô biên, là trầm luân khổ hải. Tê-kỷ cho rằng thực ra trong đời sống con người cũng có những giây phút sung sướng hạnh phúc.

Bài Tảo Mai (Mai Sớm) đã diễn tả ý này qua hình ảnh trong thôn xóm bên tuyết chìm ngập, với hàng ngàn hàng vạn cây bị đông lại vì trời đông giá đến sắp bị gẫy gục vì không còn chút nhựa sống, nhưng lại có một cây cô đơn vẫn còn chút hơi ấm nên bắt đầu hồi phục sinh lực và một cành bắt đầu đâm hoa. Rồi hương thơm tiềm ẩn trong hoa nhờ gió thổi tỏa ra khắp nơi và đã thu hút được chim chóc tới dòm ngó vẻ đẹp trắng toát của hoa. Sau đó Tê-kỷ kết luận là sang năm, nếu Xuân giữ đúng luật tuần hoàn thì trước hết Xuân còn phải tỏa sáng khắp nơi.

Vạn mộc đống dục chiết,
Cô căn noãn độc hồi.
Tiền thôn thâm tuyết lý,
Tạc dạ nhất chi khai.
Phong độn y hương khứ,
Cầm khuy tố diễm lai.
Minh niên do ứng luật,
Tiên phát ánh xuân đài.

(Vạn cây đông chực gẫy,
Chỉ một cây ấm hồi.
Thôn bên chìm trong tuyết,
Đêm qua nở một cành.
Gió cuốn trôi hương ẩn,
Bông trắng chim lại dòm.
Sang năm còn theo luật,
Trước chiếu sáng xuân đài.)

Cuộc đời con người không phải là luôn luôn chìm đắm trong mọi cái khổ đau bất tận như thôn xóm chìm đắm trong tuyết dày bao phủ, "tiền thôn thâm tuyết lý", và tuy những cái đau khổ ấy kết tụ lại trong con người nhiều đến nỗi có thể làm cho con người ngã gục bất cứ lúc nào như hàng ngàn hàng vạn cây có thể gẫy gục vì tuyết giá làm cho đông lại, "vạn mộc đông dục chiết", nhưng thế nào trong đời cũng có đôi lúc con người được sung sướng, được hạnh phúc, giống như trong ngàn vạn cây khô trong tuyết giá thế nào cũng có một cây vẫn còn giữ được chút hơi ấm để mà chỉ trong một đêm thôi là có thể ra hoa, "cô căn noãn độc hồi.../ tạc dạ nhất

chi khai."

Cái sung sướng, cái hạnh phúc đó tiềm ẩn sẵn trong con người và lúc phát ra sẽ lan tràn và được nhiều người biết tới, giống như cái hương ẩn của bông hoa trong đám cây khô cằn mới nở được gió thổi tỏa ra khắp mọi nơi, khiến cho chim chóc phải đến ngắm vẻ trắng của hoa, "phong độn u hương khứ/cầm khuy tố diễm lai." Cái sung sướng, cái hạnh phúc đó chắc chắn sẽ đến với con người. Đó là định luật bất di bất dịch của tạo hóa, giống như xuân đi rồi xuân lại tới theo luật tuần hoàn vô thủy vô chung của thiên nhiên, "minh niên do ứng luật".

Khi cái sung sướng, cái hạnh phúc đến thì con người tâm hồn sẽ phơi phới vui vẻ như được đứng trên đài ngắm cảnh xuân êm ấm tràn lan khắp vũ trụ, "tiên phát ánh xuân đài". Không phải chỉ có Tê-kỷ mới quan niệm như vậy. Trước thi tăng hơn 13-14 thế kỷ, Lão-tử cũng từng nói rằng "chúng nhân hi hi, như hưởng thái lao, như đăng xuân đài"(2), nghĩa là người đời vui vẻ, như được hưởng cỗ thịt trâu (tức được dự yến tiệc lớn), như mùa xuân lên đài cao, bởi vì, như lời Hà-thượng-công "xuân âm dương giao thông, vạn vật cảm động, đăng đài quan chi, ý chí dâm dâm nhiên" (Lão-tử Chú) hay là vào mùa xuân hai khí âm dương qua lại với nhau, vạn vật như nao nao cảm động, như người được lên đài quan sát, ý chí bừng bừng.

4. Xuân Nhật Linh-phong Đồ Trung

Mặt khác, đành rằng những cái đau khổ mà con người chịu đựng trong cuộc đời phần lớn do ngoại sự, ngoại vật đem lại, ngoài ý muốn, ngoài sự kiểm soát của con người, nhưng cũng có những cái đau khổ lại do chính con người tự tạo ra. Chúng ta hãy lấy một thí dụ mà thi tăng Kính-An đã nêu ra trong bài thơ Xuân Nhật Linh-phong Đồ Trung (Trên Đường Đi Ngày Xuân ở Linh-phong).

Khi Xuân đến, thi tăng trong lòng hứng thú tràn trề, nên đã một mình từ từ đi tới cửa hang núi Linh-phong(3). Cỏ bên suối bám lấy guốc thành một màu xanh biếc, mây trên lạch núi chiếu trắng trên áo, dưới suối hoa rụng trôi về nơi chúng muốn tới, và trên trời những con chim đồng bay theo làm bạn với thi tăng. Khi đi tới gần cuối con đường các tiều phu vẫn đi thì có tiếng chuông vẳng lên kéo thi tăng ra khỏi vùng xanh biếc huy hoàng.

Xuân lai đa dật hứng,
Độc khứ khoản nhàm phi.

Giản thảo thanh thừa kịch,
Khê vân bạch thượng y.
Lạc hoa tùy thủy chí,
Dã điểu bạn nhân phi.
Tiều lộ hành tương tận,
Chung thanh xuất thúy huy.

(Xuân đến hứng tràn trề,
Mình chậm tới cửa hang.
Cỏ khe xanh bám guốc,
Mây lạch trắng lên y.
Hoa rơi theo nước cuốn,
Chim đồng bạn người bay.
Cuối đường tiều phu tới,
Chuông thoát vùng trời xanh.)

Bài thơ cho thấy sự nhàn hạ, bình thản của một tâm hồn biết hòa mình vào vũ trụ và cái thú tâm hồn ấy được hưởng.

Thực vậy, trong lúc ngày Xuân phải là thời gian nghỉ ngơi cho lại sức sau một năm gian khổ vật lộn với đời sống đến quay cuồng chóng mặt thì, trái lại, dù là ở thành thị hay tại thôn quê, người người lại đổ xô, lăn mình vào những hoạt động ồn ào, náo nhiệt, hao tâm tổn lực, đinh tai nhức óc. Dường như họ nghĩ là họ phải "Chơi xuân kẻo hết xuân đi.../Kẻo cái già sồng sộc nó thì theo sau." (Tản-đà, Chơi Xuân Kẻo Hết Xuân Đi, câu 5 và 85)

Họ không biết một mình đi vào thiên nhiên, buông thả mình cho hòa nhập với vũ trụ để có thể chẳng những là thưởng thức những cái đẹp của thiên nhiên, mà còn cả di dưỡng tâm thần sau những ngày tháng chật vật mỏi mệt với cuộc mưu sinh.

Thi tăng đã nêu ra một thí dụ nên làm để cho thân xác và tinh thần được nhàn hạ thư thái.

Đó là cái nhàn hạ thư thái của "lạc hoa tùy thủy chí". Hoa muốn trôi đi đâu tùy ý, không phương hướng nhất định, không mục tiêu nhất định. Thi tăng đã biết làm như vậy, buông thả mình đi, đi chỉ để mà đi thôi, không nhất thiết phải đi tới một nơi nào cả. Mặc dù thoạt trông tưởng chừng thi tăng muốn đi đến cửa hang núi Linh-phong, nhưng thực ra cửa hang núi này chẳng qua chỉ là chiều hướng của bước chân đi của thi tăng, chứ không phải là đích điểm của sự đi. Trường hợp "tiều lộ" cũng vậy. Trên đường đi, lúc thi tăng gần đến cuối con đường các tiều phu vẫn đi thì nghe thấy tiếng chuông chiều. "Tiều lộ" vì vậy là một đích điểm ngẫu

nhiên của thời gian lúc tiếng chuông vẳng lên, chứ không phải là không gian quyết định sự đi.

Xét về một phương diện khác, trên đường đi, thi tăng đã được vạn vật chào đón và nhập bọn, hay, nói cách khác, thi tăng đã hòa nhập vào vũ trụ vạn vật. Cỏ xanh tuy là vật bất động nhưng khi bám trên guốc của thi tăng đã trở nên sống động, vẽ nên cảnh cỏ xanh biết đi biết đứng theo bước chân thi tăng. Mây cũng vậy, trông thì như tụ lại nguyên một chỗ (trên lạch núi) nhưng khi chiếu trắng trên áo thi tăng thì khi thi tăng đi đến đâu ánh trắng này, hay, nói đúng hơn, mây trắng cũng đi đến đó, di chuyển theo nhịp chân của thi tăng. Ngay cả lũ chim đồng cũng không bay đi nơi này hướng nọ mà lại bay theo thi tăng để làm bạn đồng hành. Vì vậy, tiếng là thi tăng "độc khứ" nhưng trên thực tế thi tăng đã "quần khứ" với vạn vật cùng đi theo.

Thi tăng cứ đắm mình trong cái đẹp của thiên nhiên ngày Xuân, như bị cái đẹp đó lôi cuốn, mê hoặc, cám dỗ, mà đi đi mãi cho tới khi nghe thấy vẳng lên tiếng chuông chiều, đánh thức thi tăng tỉnh dạy, lôi kéo thi tăng ra khỏi giấc mơ, ra khỏi vùng xanh biếc, trắng toát, nhắc nhở cho thi tăng biết là chiều bắt đầu xuống và một ngày sắp qua đi.

Như vậy rõ ràng là cái đau khổ của con người nhiều khi do con người không biết tận hưởng cái nhàn hạ của cuộc đời vào lúc có điều kiện hưởng thụ, không biết hội nhập cái tiểu ngã vào cái đại ngã, mà tự tạo ra những vất vả, khổ cực.

5. Nguyên Đán Thị Chúng

Theo thi tăng Kính-An sở dĩ con người không biết hòa mình vào vũ trụ để có thể bồi bổ thể xác và dưỡng tinh thần nà cứ đắm mình mãi vào những thú vui chơi, tham dự vào những hoạt động làm hao mòn thể xác lẫn tinh thần, nhất là vào dịp Xuân, đó là vì con người không biết rõ thực chất của đời sống của mình. Con người quá bám lấy và cũng quá say mê theo đuổi những ham muốn, những dục vọng ở đời để rồi từ đó mua đau chuốc khổ. Con người không biết rằng mọi sự, mọi việc, mọi thứ ở đời chỉ là huyễn ảo, không có thực.

Chúng ta có thể thấy ý niệm này của Kính-An diễn tả trong bài Nguyên Đán Thị Chúng (Nói Với Mọi Người Ngày Đầu Năm).

Đại thiên nhất khí chuyển hồng câu,
Khô mộc khai hoa tượng ngoại xuân.
Bạo trúc nhất thanh phiên tự tiếu,

Kim niên nhân thị khứ niên nhân.

(Thế giới một hơi chuyển đất trời,
Cành khô hoa nở tựa xuân ngoài.
Pháo vang một tiếng cười mình nhạo,
Năm nay người vẫn người năm qua.)

Trong vũ trụ (mà thi tăng gọi là "đại thiên", tức là "đại thiên" hay "đại thiên thế giới" hoặc "tam thiên đại thiên thế giới", tiếng nhà Phật, có nghĩa là thế giới lớn hoặc vũ trụ) chỉ một làn khí thổi qua là đã có thể làm cho đất trời (tác giả gọi là "hồng câu", còn gọi là "đại câu", có nghĩa là trời) vận chuyển, "đại thiên nhất khí chuyển hồng-câu", đã có thể đem lại một đời mới cho vũ trụ vạn vật. Cây cỏ đang khô cằn thế mà chỉ làn khí đó thổi tới là có thể bắt đầu đâm hoa, "khô mộc khai hoa". Con người cũng vậy, đang ủ rũ, buồn bã trong những ngày tháng đông lạnh lẽo thế mà chỉ nghe thấy tiếng pháo nổ đì đùng là đã có thể trở nên cười nói vui vẻ, "bạo trúc nhất thanh phiên tự tiếu".

Tuy nhiên, cái gọi là mới đó thực sự chẳng có gì là mới cả. Trời đất vận chuyển tuần hoàn vô cùng vô tận, khác chi cái chong chóng, cái bánh xe cứ chuyển từ điểm này sang điểm khác hết một vòng cho đến lúc trở về điểm xuất phát thì lại chuyển vận một vòng khác, cứ như thế mãi. Cùng với sự vận chuyển này của đất trời là sự biến hóa bất di bất dịch của vạn vật. Như cỏ cây nẩy mầm, khai hoa, kết quả, héo tàn, khô trụi, rồi lại nẩy mầm, khai hoa, v.v. Ngay cả con người cũng vậy nốt. Dù ngày tháng có qua đi khiến con người mỗi năm mỗi lớn, mỗi tuổi mỗi già, nhưng con người của năm nay chẳng qua vẫn chỉ là con người của năm ngoái, "kim niên nhân thị khứ niên nhân", không có gì khác.

Như vậy, cái gọi là xuân hay xuân mới bất quá cũng chỉ là "ngoại xuân", cái xuân bên ngoài, cái xuân huyễn ảo, hư giả, không thật, không có, chẳng có thực thể, chẳng bền vững. Giống như cuộc đời con người cũng chỉ là không, vô hình danh sắc tướng. Cho nên khi xuân đến chớ nên buồn vì thấy mình ngày một già thêm mà làm chi, hãy cất cao tiếng cười như đứa trẻ nghe thấy tiếng pháo nổ và tận tình hưởng cái đẹp, cái thú của đời người.

Tóm lại, qua các bài thơ Xuân tiêu biểu vừa xét ở trên, ba thi tăng Giả-Đảo, Tế-kỷ và Kính-An đã mượn hình ảnh Xuân để nói về kiếp số con người là luôn luôn phải mang nhiều đau khổ và cách giải thoát cần có. Con người không nên vì những đau khổ ở đời mà trở nên quá tuyệt vọng. Những đau khổ không bao giờ kéo dài vô tận cả đời. Trái lại, thường có

những vui sướng hạnh phúc xen giữa đau khổ, giống như trời có lúc nắng lúc mưa, như sau ba tháng đông lạnh lẽo giá buốt, mây trời ảm đạm xám xịt, mưa phùn gió bấc sẽ tới ba tháng xuân ấm áp, cây cỏ xanh tươi, ánh dương soi sáng tràn lan, hoa đóa đua nở. Cho nên điều cần yếu là con người biết giữ quân bình thể xác và tâm hồn, không nên quá bi lụy vì những đau khổ, nhưng cũng không nên quá say đắm thú vui vật chất, dù là thú vui lành lặn, và cần nhất là con người phải biết hòa nhập vào vũ trụ càn khôn và buông thả mình theo sự tuần hoàn của tự nhiên, để cho thể xác được luôn luôn bồi bổ và tinh thần luôn luôn di dưỡng.❐

Chú Thích

(1) Trong nguyên tác viết với bộ Môn (= cửa) và chữ Nguyệt (= mặt trăng). Từ này có ba cách đọc là "gian", "nhàn" và "kiện." Theo thiển ý của chúng tôi, cách đọc là "kiện" mới chính xác hơn, bởi vì đọc là "gian hoa" (gian = lỗ hổng trên vách; oán hận; nghiêng lệch; gian nhà) hay "nhàn hoa" (nhàn = an nhàn, thong thả, yên ổn, thư thái; rút gọn; về hưu; bỏ phí) không có nghĩa gì trong bài; trái lại, "kiện hoa" có nghĩa là hoa mọc loạn, hỗn độn không theo hàng lối gì cả.

(2) Câu trích dẫn này ở chương 20, câu 9-11, sách Đạo Đức Kinh theo các bản của Vương-Bật (226-249) hay Hà-thượng-công (sống khoảng thế kỷ thứ 2 TCN); còn theo hai bản tìm thấy ở xóm Mã-vương-đôi (gần thành phố Trường-sa tỉnh Hồ-nam) năm 1973 thì câu đó là: "chúng nhân hi hi, nhược hưởng ư đại lao, nhi xuân đăng đài" (chúng nhân vui vẻ, như mùa xuân được lên đài cao để ăn cỗ thịt trâu). Ngoài ra, trong hai bản Mã-vương-đôi này (a) chữ "hi" viết không có bộ "hỏa" (= lửa) ở bên dưới, (b) chữ "hưởng" (= dùng, hưởng thụ) viết bằng chữ "hương" (= làng) vì chữ này còn được đọc là "hưởng", và (c) chữ "thái" (= to, lớn) được viết bằng chữ "đại" (= to, lớn).

(3) Còn gọi là Linh-sơn. Ở Trung-quốc có 4 ngọn núi cùng mang tên là Linh-sơn: một ở đông bắc huyện Lâm-cù tỉnh Sơn-đông, một ở tây bắc huyện Kỳ tỉnh Hà-nam, một ở nam huyện Long-du tỉnh Chiết-giang và một ở tây huyện Triều-dương tỉnh Quảng-đông. Theo các tài liệu về tiểu sử Kinh-An, thì tăng sinh trưởng và đi tu ở tỉnh Hồ-nam, nhưng sau cuộc cách mệnh Tân-hợi (10.10.1911), thì tăng đã hoạt động ở thành phố Bắc-kinh và hai tỉnh Chiết-giang cùng Giang-tô, chứ không hề tới các tỉnh Sơn-đông, Hà-nam và Quảng-đông. Vì thế tuy thi tăng không nói rõ, chúng ta có thể suy luận là ngọn Linh-phong nói ở đây là ngọn núi ở tỉnh Chiết-giang.

Người đọc, vinh quang và trách nhiệm

Nguyễn Hưng Quốc

Lâu nay, mỗi khi văn học lâm vào tình trạng khủng hoảng hay bế tắc, chúng ta hay có khuynh hướng đổ thừa cho hoàn cảnh hay đổ lỗi cho giới cầm bút, trước hết là giới phê bình và lý luận, sau đó là giới sáng tác. Hình như chưa ai nói đến trách nhiệm của... người đọc.

Mà, theo những quan điểm văn học gần đây, người đọc đóng một vai trò rất lớn, ít nhất cũng lớn bằng hoặc gần bằng vai trò của tác giả hay là văn bản trong sinh hoạt văn học. Nói "gần đây" là bởi vì quả thật, đã có một thời gian rất dài, vai trò của người đọc đã không hề được quan tâm đúng mức. Trước, trong suốt thời kỳ cổ đại và trung đại, chiếm vị trí trung tâm trong tư tưởng văn học phần lớn là những yếu tố ngoại vi: với các nhà cổ điển và tân cổ điển Tây phương, đó là hiện thực và bản tính con người; với các nhà cổ điển Trung Hoa và Việt Nam, đó là "đạo", "chí", "khí" hay "lý". Tuy thỉnh thoảng họ nhắc đến các yếu tố tác giả, văn bản và người đọc, nhưng mối quan tâm chính của họ không phải là các yếu tố ấy mà là vấn đề bản chất, chức năng và thể loại của văn học. Nói đến bản chất của văn học là nói đến quan hệ giữa văn học với vũ trụ và con người. Nói đến chức năng của văn học là nói đến quan hệ giữa văn học với đạo đức và chính trị mà biểu hiện của đạo đức và chính trị lại được nhìn thấy trong quan hệ giữa người với người. Nói đến thể loại văn học, nhất là theo cách nhìn cũ, chủ yếu là nói đến chức năng xã hội của từng thể loại, cũng lại gắn liền với con người. Do đó, mặc dù chỉ tập trung chủ yếu vào các yếu tố ngoại vi của văn học, người ta không thể không nói đến vai trò của người đọc. Ngày xưa, khi Khổng Tử nói đến chuyện "khả dĩ hứng, khả dĩ quan, khả dĩ quần, khả dĩ oán" của thơ, Vương Sung nói đến cái "vi thế dụng giả", Hàn Dũ nói đến khái niệm "văn dĩ minh đạo", Chu Đôn Di nói

đến "văn dĩ tải đạo", hay khi Plato đòi đuổi các nhà thơ ra khỏi vương quốc cộng hoà, Aristotle nói đến chức năng thanh tẩy cảm xúc của bi kịch, Horace và Longinus nói đến cái cao cả như một phạm trù mỹ học, John Dryden và Samuel Johnson nói đến chức năng giáo hoá qua việc giải trí của văn học v.v..., họ đều nghĩ đến người đọc. Nhưng chỉ nghĩ đến vậy thôi chứ không hề công nhận một vai trò nào của người đọc. Vị trí của người đọc vẫn là ở bên lề.

Từ cuối thế kỷ 18, với các nhà lãng mạn chủ nghĩa, yếu tố tác giả đã đánh bật các yếu tố ngoại vi kể trên để chiếm vị trí trung tâm trong lãnh vực phê bình và lý luận văn học. Trên sân khấu văn học, một mình tác giả đứng lồng lộng như những thiên tài với sự nhạy bén và khả năng tưởng tượng phi thường đến độ trở thành lạc lõng giữa cuộc đời phàm tục, nói như Vũ Hoàng Chương, như những kẻ "đầu thai lầm thế kỷ", hay nói như Xuân Diệu, một "con chim đến từ núi lạ". Từ vị trí bên lề, người đọc bị đẩy lùi vào quên lãng. Mà người đọc, lạ thay, cũng rất thanh thản chấp nhận vị thế hẩm hiu ấy. Một thời gian khá dài, người ta xem mục tiêu của việc đọc thơ văn là để tìm tòi những bí ẩn giấu kín trong tâm hồn của những thiên tài. Dấu vết của cách nhìn này bây giờ vẫn còn: cảm giác sùng bái đối với khái niệm "độc đáo", "sáng tạo" và "cảm hứng"; ám ảnh về "cái tôi" của người nghệ sĩ; sự nhấn mạnh quá đáng vào yếu tố cảm xúc; quan niệm cho việc đọc, trước hết, là để tìm hiểu tâm tình của một nhà văn hay một nhà thơ. Cả những lý thuyết có vẻ chống lại chủ nghĩa lãng mạn cũng không thoát được ảnh hưởng của nó, tiêu biểu nhất là lối phê bình theo phân tâm học và lối phê bình theo xã hội học, kể cả xã hội học theo khuynh hướng mác xít: cả hai đều nhắm đến việc tìm hiểu tác giả, nhưng một bên thì truy lùng trong tiềm thức và trong tuổi thơ của tác giả, còn một bên thì truy lùng trong bối cảnh kinh tế, chính trị và xã hội chung quanh tác giả.

Từ đầu thế kỷ 20, liên tiếp có nhiều cuộc "đảo chánh" nổ ra nhằm lật đổ vị thế tuyệt đối của tác giả. Đi tiên phong là hình thức luận của Nga, nhưng có ảnh hưởng sâu rộng nhất lại là Phê Bình Mới của Anh và Mỹ. Lý do chủ yếu là hình thức luận của Nga, châu tuần chung quanh nhóm Opojaz tại Peterburg và nhóm Ngôn ngữ học tại Moscow, chỉ hoạt động một thời gian ngắn thì cuộc cách mạng tháng Mười bùng nổ khiến một số thành viên của cả hai nhóm phải di tản ra nước ngoài, số còn lại sống trong nước thì chỉ ít lâu sau bị Trotsky lên án gay gắt và sau đó hoặc bị lưu đày hoặc bị chuyển sang những ngành hoạt động khác. Phê Bình Mới, ngược lại,

kéo dài khá lâu, từ đầu thập niên 20 cho đến tận đầu thập niên 60, thoạt đầu tại Anh, sau, lan qua Mỹ, và từ Mỹ, mở rộng ảnh hưởng sang tất cả các quốc gia nói tiếng Anh.

Cả hình thức luận lẫn Phê Bình Mới đều cho những dòng chữ trên trang giấy có giá trị hơn hẳn tất cả các yếu tố ngoài văn bản như tiểu sử và ý đồ của tác giả hay bối cảnh lịch sử và ý thức hệ trong đó tác phẩm được hình thành. Nói cách khác, cả hai đều chủ trương truất phế tác giả như là một đối tượng nghiên cứu văn học. Với các nhà hình thức luận, đối tượng của nghiên cứu văn học không phải là tác giả, hay thậm chí cũng không phải là một tác phẩm cụ thể nào cả, mà chỉ là tính văn học (literariness)(1). Với các nhà Phê Bình Mới, chẳng hạn như W.K. Wimsatt và Monroe Beardsley, một sự phê bình dựa trên ý đồ của tác giả chỉ là một ảo tưởng và là một nguỵ biện - họ gọi là "intentional fallacy"(2).

Hơn nữa, cả hình thức luận lẫn Phê Bình Mới đều loại trừ người đọc: những hồi âm của người đọc không hề được các nhà hình thức luận quan tâm, còn các nhà Phê Bình Mới thì thẳng thắn tuyên bố việc phê bình dựa trên những ấn tượng của người đọc cũng chỉ là một thứ nguỵ luận - họ gọi là "affective fallacy" - trong đó khuyết điểm chính là lẫn lộn giữa cái văn học là và cái văn học làm; không những thế, nó còn dẫn đến một thứ chủ nghĩa tương đối trong nhận thức luận(3). Điểm cuối cùng này rất quan trọng: cả hình thức luận lẫn Phê Bình Mới, đặc biệt là hình thức luận, đều có tham vọng biến việc nghiên cứu văn học thành một khoa học. Những cách nói quen thuộc như "khoa học nghiên cứu văn học" hay "tính khoa học trong nghiên cứu văn học" mà chúng ta thường nghe ở Việt Nam lâu nay, nhất là vài năm gần đây, chính là những tiếng vang muộn màng, quá đỗi muộn màng, của tham vọng này.

Các nhà cấu trúc luận cũng chủ trương truất phế tác giả với tư cách là một đối tượng nghiên cứu để chỉ tập trung vào văn bản. Việc truất phế tác giả đi đến tận cùng khi họ, khác với các nhà Phê Bình Mới của Anh và Mỹ, từ chối cả việc tìm kiếm ý nghĩa của tác phẩm, mà chỉ tập trung vào những cấu trúc và những cơ chế làm nẩy sinh ý nghĩa, hầu tạo dựng một thứ "ngữ pháp" trong văn học.

Trên nguyên tắc, các nhà cấu trúc luận cũng không thừa nhận vai trò của người đọc trong lãnh vực nghiên cứu văn học. Tuy nhiên, khi đi tìm cấu trúc làm nảy sinh ra ý nghĩa, người ta dần dần khám phá ra là, nếu văn

bản văn học, nói theo thuật ngữ của Ferdinand de Saussure, là một thứ lời nói (parole), tuy có vẻ độc lập và tự trị nhưng ngẫm cho cùng, chỉ là sản phẩm của một hệ thống giao tiếp mà con người phải nội tâm hoá nếu muốn hiểu hay sử dụng nó. Đuổi theo những cái mã (codes) hình thức trong văn bản, các nhà cấu trúc luận đã bắt gặp một thứ liên văn bản (intertext). Theo Roland Barthes, văn bản thật ra chỉ là một "tấm vải" được đan bằng vô số các trích dẫn rút ra từ nhiều trung tâm văn hoá khác nhau và không có trích dẫn nào thực sự là độc sáng cả. Điều làm cho những "tấm vải" được thêu dệt bằng những sự trích dẫn ấy trở thành thống nhất không phải là từ nơi nó xuất phát: tác giả, mà chính là từ chỗ nó đến: độc giả(4). Như vậy, ở cuối con đường truy tìm cấu trúc tạo thành ý nghĩa, người ta bắt gặp một vị khách mới và vị khách ấy ngay lập tức đã trở thành một kẻ thoán ngôi, bởi vì nói như Roland Barthes, "sự sinh thành của người đọc phải được trả giá bằng cái chết của tác giả"(5). Một "triều đại" mới xuất hiện trong lịch sử lý luận văn học: "triều đại" phê bình căn cứ trên những hồi âm của người đọc (reader-response criticism) thay thế cho "triều đại" phê bình chỉ dựa trên văn bản (text-centred criticism).

Gọi là "triều đại" dĩ nhiên là một cách nói cường điệu, nhưng nó vẫn chứa một phần sự thật: một mặt, lối phê bình căn cứ trên hồi âm của người đọc không những đã quy tụ được nhiều trường phái lớn, từ chú giải học (hermeneutics) đến hiện tượng luận (phenomenology) và thuyết tiếp nhận (reception theory) mà còn thu hút được sự đồng tình, với nhiều mức độ khác nhau, từ những trường phái vốn thoạt đầu hầu như chủ trương hoàn toàn tập trung vào văn bản như cấu trúc luận và ký hiệu học. Cả nữ quyền luận (feminism) lẫn hậu thực dân luận (postcolonialism) cũng là những trường hợp đặc biệt của trào lưu phê bình căn cứ trên hồi âm của người đọc với những câu hỏi căn bản: một người phụ nữ đọc khác một người đàn ông ra sao? hay một người thực dân đọc khác một người sống trong một quốc gia thuộc địa ra sao? Có thể nói người đọc và việc đọc là một trong vài ám ảnh lớn nhất của sinh hoạt lý luận văn học trên thế giới mấy thập niên vừa qua.

Ở một cấp độ căn bản nhất, người đọc được xem là kẻ đã lấp đầy các khoảng trống trong văn bản khiến cho những câu văn ngỡ như rời rạc bên nhau, những hình ảnh ngỡ như xa lạ với nhau nối kết lại với nhau thành một chỉnh thể với một cấu trúc thống nhất và từ đó, một ý nghĩa cụ thể. Bởi vậy, nghĩ cho cùng, có thể nói cả cấu trúc lẫn ý nghĩa của một văn bản đều không phải là những gì có sẵn và bất biến nằm chờ đợi người đọc đến

nhặt lên mà là sản phẩm của một quá trình đọc. Phản bác lại lối phân tích thuần cấu trúc của Claude Lévi-Strauss và Roman Jakobson về bài thơ "Les Chats" của Baudelaire, Michael Riffaterre cho là ý nghĩa của một tác phẩm văn học là một chức năng của sự hồi âm của người đọc khi tiếp xúc với một văn bản nào đó, bởi vậy, nó không thể được trình bày một cách chính xác nếu tách rời ra khỏi những hồi âm ấy(6). Các lý thuyết gia trong trường phái tiếp nhận đi xa hơn, cho ý nghĩa của một tác phẩm là chính kinh nghiệm của người đọc. Văn chương là những gì diễn ra khi chúng ta đọc. Diễn dịch một văn bản là kể lại một câu chuyện về việc đọc. Và đọc là cụ thể hoá một tác phẩm, là biến một văn bản thành một tác phẩm, cuối cùng, là làm cho một tác phẩm thành một tác phẩm văn học(7).

Có nhiều hệ luận có thể rút ra từ những nhận định căn bản về vai trò của việc đọc và người đọc vừa nêu. Thứ nhất, nó chứng minh quan niệm về tính tự trị của văn bản mà trường phái Phê Bình Mới của Anh và Mỹ đã chủ trương trước đây là sai. Thứ hai, nó cũng chứng minh quan niệm cho có một cấu trúc cố định nào đó bên trong văn bản mà trường phái cấu trúc luận theo đuổi cũng là sai nốt. Thứ ba, nó làm cho tham vọng muốn biến việc nghiên cứu văn học thành một khoa học của các nhà hình thức luận và cấu trúc luận trở thành một ảo tưởng ngây thơ khi một trong những thành tố căn bản làm nên văn học là người đọc vốn lại mang đầy tính chất chủ quan. Thứ tư, với việc nhấn mạnh vào vai trò của người đọc, ý nghĩa của tác phẩm văn học trở thành một quá trình: lịch sử thực sự của văn học không phải chỉ là lịch sử sáng tác mà còn là lịch sử của việc đọc. Cái gọi là diện mạo thực sự của văn học Việt Nam thời kỳ 1932-45 chẳng hạn không những chỉ được tạo thành bởi sáng tác của các nhà văn như Nhất Linh, Khái Hưng, Thạch Lam, Nguyễn Tuân, Nam Cao, Vũ Trọng Phụng... hay các nhà thơ như Xuân Diệu, Huy Cận, Bích Khê, Hàn Mặc Tử, Vũ Hoàng Chương... mà còn bởi cách đọc lại lịch sử văn học Việt Nam của Dương Quảng Hàm, cách đọc lại Truyện Kiều và thơ Nguyễn Công Trứ của Nguyễn Bách Khoa, cách đọc Thơ Mới của Hoài Thanh, v.v... Ở đây, chúng ta nên chú ý là có khi cái mới loé lên từ cách đọc lại những tác phẩm đã cũ như trường hợp Roland Barthes đọc lại Racine hay Balzac; Jacques Derrida đọc lại Rousseau; Claude Lévi-Strauss và Roman Jakobson đọc lại Baudelaire.

Dĩ nhiên còn nhiều hệ luận khác nữa. Một trong những hệ luận đó có liên quan đến vấn đề chúng ta đang bàn: Nếu văn học là những gì diễn ra khi chúng ta đọc thì giá trị của nó tuỳ thuộc khá nhiều trên giá trị của tiến

trình đọc. Nhưng giá trị của tiến trình đọc lại tuỳ thuộc vào nhiều yếu tố khác nhau, chẳng hạn, vào cá tính, kinh nghiệm và cảm xúc riêng của từng người, như Normand Holland và David Bleich chủ trương(8), hay tuỳ thuộc vào những "chiến lược diễn dịch" (interpretive strategy) hay "cộng đồng diễn dịch" (interpretive community), như Stanley Fish chủ trương.

Theo Stanley Fish, đọc không phải là giải mã một tác phẩm mà thực chất là "viết" lại tác phẩm ấy theo những chiến lược diễn dịch mà mình hấp thụ từ một cộng đồng nhất định. Những "chiến lược diễn dịch" ấy thực ra là những quy ước và những chuẩn mực giúp chúng ta hiểu và từ đó, có thể tham gia vào bất cứ sinh hoạt nào của xã hội, từ việc đá banh đến việc ca hát, học hành, mua sắm hay là đọc một cuốn tiểu thuyết. Fish cho là ngay cả những khía cạnh có vẻ khách quan nhất trong văn bản như vần và nhịp cũng đều là sản phẩm của những chiến lược diễn dịch bởi vì những đặc điểm như thế không thể được công nhận, và do đó, không thể được cảm nhận, trừ phi tâm trí độc giả đã được điều kiện hoá để nắm bắt các đặc điểm ấy. Cũng chính vì những chiến lược diễn dịch ấy mà một câu văn có thể có những ý nghĩa và những giá trị khác hẳn nhau tuỳ thuộc vào việc nó được đọc như một câu thơ hay một câu văn xuôi. Điều cần chú ý là, thứ nhất, những chiến lược diễn dịch ấy không những chi phối cách đọc mà cả cách viết, cách suy nghĩ và cách hành xử của chúng ta nữa; thứ hai, trong một giai đoạn lịch sử nhất định có thể có nhiều chiến lược diễn dịch khác nhau và đó chính là nguyên nhân chủ yếu dẫn đến sự dị biệt trong cách đọc, cách cảm thụ và cách đánh giá giữa người này và người khác về một tác phẩm nhất định; thứ ba, những chiến lược diễn dịch ấy cũng thay đổi theo thời gian, do đó, diện mạo của một tác phẩm văn học có thể thay đổi từ giai đoạn lịch sử này qua giai đoạn lịch sử khác: cũng là *Truyện Kiều*, nhưng *Truyện Kiều* của Phạm Quý Thích khác *Truyện Kiều* của Ngô Đức Kế; *Truyện Kiều* của Ngô Đức Kế lại khác *Truyện Kiều* của Phạm Quỳnh, và tất cả những *Truyện Kiều* vừa kể đều khác với *Truyện Kiều* của Trương Tửu, trước năm 1945, hay của Phan Ngọc và Phạm Công Thiện, gần đây(9).

Điều cần lưu ý nữa là cái Stanley Fish gọi là "chiến lược diễn dịch" mà mỗi người đọc đều mang theo khi đi vào tác phẩm văn học, làm đồng-tác giả trong việc "sáng tạo" nên tác phẩm văn học vốn là một sản phẩm của văn hoá, nghĩa là những gì tự bản chất có tính chất bảo thủ. Bởi vậy những gì giúp chúng ta thẩm thức văn học lại trở thành một sức cản làm

cho chúng ta khó tiếp cận với những nỗ lực sáng tạo của người nghệ sĩ. Ví dụ: sự giáo dục, một mặt, giúp chúng ta cảm nhận được dễ dàng các yếu tố vần và nhịp trong thơ, mặt khác, lại làm cho chúng ta trở thành vất vả hơn khi đọc những bài thơ không có vần và rất tự do về nhịp, hay quan niệm xem văn học là tấm gương phản ánh xã hội có thể giúp chúng ta dễ dàng nắm bắt những thông điệp chính trị trong một tác phẩm hiện thực, ngược lại, làm chúng ta dễ lúng túng khi đọc những tác phẩm sử dụng các thủ pháp tượng trưng hay siêu thực, hay thậm chí, "hiện thực thần kỳ" (magical realism).

Hans Robert Jauss cho những kiến thức có sẵn về văn học như thế đã tạo thành một "tầm mong đợi" (horizon of expectations) trong mỗi người đọc khi họ tiếp xúc với một tác phẩm mới. Những tác phẩm nằm vừa vặn ngay trong "tầm mong đợi" ấy thường là những tác phẩm bình thường hoặc tầm thường, những tác phẩm thuộc loại "second-hand rate"; ngược lại, những tác phẩm thực sự lớn - có nghĩa là thực sự mới - sẽ mâu thuẫn với "tầm mong đợi" ấy. Điều này giải thích tại sao những tác phẩm lớn thường gây sốc và thường phải chờ một thời gian mới có thể được công chúng tiếp nhận. Jauss dẫn trường hợp của cuốn *Madame Bovary* của Flaubert và cuốn *Fanny* của Feydeau làm ví dụ: cả hai được xuất bản hầu như cùng lúc và cả hai đều viết về chuyện ngoại tình nhưng trong khi cuốn Fanny, thoạt đầu được độc giả tán thưởng nhiệt liệt và sau đó bị quên lãng dần rồi mất hút thì cuốn Madame Bovary, ngược lại, thoạt đầu làm cho nhiều người bất bình nhưng sau đó, cùng với thời gian, càng ngày càng nó nổi tiếng lừng lẫy. Sự khác biệt trong phản ứng của người đọc đối với cuốn *Fanny* và cuốn *Madame Bovary* lúc chúng mới xuất hiện chủ yếu là vì tác giả của cuốn thứ nhất chỉ nhắm đến việc thoả mãn ngay "tầm mong đợi" của người đọc trong khi tác giả cuốn thứ hai lại cố gắng tạo nên một chuẩn mực mới cho cái "tầm mong đợi" ấy(10).

Như vậy quan hệ giữa người đọc và văn bản không phải chỉ thuần là thứ quan hệ cộng tác hay cộng hưởng mà còn là một thứ quan hệ đầy thách đố. Những tác phẩm văn học có giá trị sáng tạo thực sự không xuất hiện để nằm lọt vào "tầm mong đợi" của người đọc mà là để gây hấn với "tầm mong đợi" ấy, gây hấn với những thị hiếu cũ, những clichés có sẵn. Chúng đến với người đọc không phải như một cố tri, quen thuộc và dễ chịu, mà như những người khách khó tính, học hắc đòi thay đổi căn nhà chúng ta đang ở, gây nên những xáo trộn không ngờ trước được.

Thành thực mà nói, phần lớn người đọc Việt Nam ít được chuẩn bị để đối diện với cuộc thách đố như thế. Về phương diện tâm lý, nói chung chúng ta có khuynh hướng tôn sùng quá khứ hơn hiện tại, thế hệ già hơn thế hệ trẻ; coi trọng quy ước hơn là sự sáng tạo; đánh giá cao tính đại chúng hơn là sự độc đáo; tin cậy vào những cái gọi là "khuôn vàng thước ngọc" của người xưa hơn là những thử nghiệm của thế hệ đương đại. Chính vì thế mà có những điều hết sức sơ đẳng với thiên hạ như ý nghĩa của cái mới, vai trò của kỹ thuật, quan hệ giữa truyền thống và cách tân, quan hệ giữa dân tộc và quốc tế, với người Việt Nam, vẫn là những đề tài nóng bỏng, rất dễ gây tranh luận. Hơn nữa, như là hậu quả của hơn một ngàn năm Bắc thuộc về chính trị và tiếp theo là ngót một ngàn năm Bắc thuộc về văn hoá, chúng ta có khuynh hướng phục Đông phương nhưng lại sợ Tây phương, từ đó, có tâm lý thà bắt chước Đông phương hơn là bắt chước Tây phương: trong một bài viết nếu trích dẫn thật nhiều lời nói của thánh hiền Trung Hoa thì được xem là uyên bác, nhưng nếu trích dẫn thật nhiều kiến thức trong sách vở Tây phương thì lại bị xem là... vọng ngoại. Cũng từ đó, chúng ta có tâm lý khác là thà bắt chước một cái cũ hàng ngàn năm (như thơ Đường luật hay các quan niệm văn học của Lưu Hiệp, của Kim Thánh Thán...) còn hơn là bắt chước những cái cũ năm bảy chục năm (như thơ tự do, thơ văn xuôi, thơ hình hoạ hay các khuynh hướng sáng tác hiện đại và hậu hiện đại chủ nghĩa). Có thể nói trong ý thức thẩm mỹ của người Việt Nam, văn học như một tiệm đồ cổ, ở đó, cái gì càng cũ kỹ, càng bụi bặm thì được xem là càng có giá.

Cũng về phương diện tâm lý, vốn quen với những cái đơn giản và rõ ràng, kiểu ca dao, truyện cổ tích cũng như các áng văn chương tải đạo và tuyên truyền ngây ngô từ xưa đến nay, chúng ta ít kiên nhẫn khi đụng đến những cái phức tạp, đa thanh và đa sắc, đa tầng và đa nghĩa; chúng ta ít có khả năng "chịu đựng" những gì không hợp với tì tạng của mình cho nên nhanh chóng từ chối sự thách đố của những tác phẩm vượt ra ngoài khuôn sáo bằng cách vất ngay chúng vào một khu vực gọi là "lai căng". Vô tình, chúng ta biến sự ấu trĩ thành một đặc điểm của dân tộc tính (chỉ xem những gì thật thô sơ, thật bình dị mới là... dân tộc); biến sự dốt nát của mình thành một tiêu chuẩn thẩm mỹ (cái gì hơi hơi khó hiểu một chút đều bị xem là tắc tị, là làm dáng trí thức và... dở!).

Nói cho đúng, chúng ta không kịp chuẩn bị. Với tư cách là người đọc, chúng ta có một lịch sử quá ngắn ngủi, mới khoảng một trăm năm nay, khi chữ quốc ngữ được phổ biến và khi các phương tiện ấn loát có thể mang

sách báo đến đông đảo dân chúng. Trước đó, chủ yếu chúng ta chỉ nghe thơ văn. Với một công chúng đông đảo chỉ thưởng thức bằng tai như thế, để tồn tại, văn học phải chọn một trong hai, hoặc cả hai hình thức: phải có vần điệu để dễ ngâm nga hoặc/và có cốt truyện để có thể tóm tắt và kể lại. Một-trăm-năm-làm-người-đọc không đủ xoá tan những thói quen đã có từ hàng ngàn năm trước: xem tác phẩm văn học như là cái gì có thể tách rời khỏi văn bản, thậm chí không cần văn bản. Có thể nói thói quen khinh thường văn bản là một thói quen phổ biến trong giới độc giả Việt Nam: trong nhà trường, từ trung học đến đại học, học sinh có thể nghe phân tích đủ thứ về Nguyễn Du và về *Truyện Kiều* nhưng lại không bao giờ bị buộc hay được khuyến khích phải đọc trọn *Truyện Kiều*; trong các "hội nghị khoa học", người ta có thể lớn giọng phê phán chủ nghĩa hiện sinh, chủ nghĩa siêu thực, và vô số các chủ nghĩa khác dù họ không biết gì về các trào lưu ấy ngoài cái tên gọi và những điều "nghe nói" về các trào lưu ấy; trong phê bình văn học, người ta có thể khệnh khạng cho người này bắt chước Kafka, người nọ mô phỏng James Joyce dù có khi họ chưa từng đọc Kafka hay James Joyce bao giờ. Với những thói quen ấy, trí thức là những người có lỗ tai tốt và mọi tác phẩm văn học đều biến thành ma để có thể tồn tại mà không cần thân xác: ranh giới giữa văn học và phi văn học biến mất.

Thời gian tập làm người đọc đã quá ngắn ngủi, lại thêm vô vàn những khó khăn. Các biến động chính trị và xã hội thường xuyên xảy ra khiến văn học trở thành chuyện phù phiếm với công chúng. Lấy tình hình sau năm 1975 làm ví dụ. Ở trong nước, sau bao nhiêu năm ngột ngạt và nghèo khó, được chút tự do và thoải mái của thời kỳ đổi mới, mọi người hăm hở hưởng thụ: chỉ có loại văn học giải trí là được mùa. Ở ngoài nước, sống thường trực với ám ảnh về chính trị, chúng ta đâm ra nhạy cảm một cách đặc biệt với những nội dung có tính chất chính trị mà lại hờ hững với những tìm kiếm và thử nghiệm về bút pháp và nghệ thuật của tác giả. Ở cả hai nơi, văn học được nhìn như một cái gì khác chứ không còn là văn học nữa. Hậu quả là số người đọc sách báo có thể đông nhưng số độc giả văn học thì lại vô cùng hiếm hoi. Có thể thấy điều này rõ nhất là qua các cuộc tranh luận liên quan đến văn học trên báo chí. Hầu hết các cuộc tranh luận ấy đều có một số đặc điểm giống nhau: thứ nhất, chúng thường xoay quanh các sự kiện liên quan đến khía cạnh sinh hoạt văn học hơn là xoay quanh các tác phẩm văn học; thứ hai, trong các tác phẩm văn học, các bài nhận định về văn học thường gây ồn ào hơn là các sáng tác; thứ ba, trong các sáng tác, điều thu hút sự chú ý của dư luận nhiều nhất là

phần nội dung xã hội, chính trị chứ không phải là khía cạnh nghệ thuật; và cuối cùng, mặc dù nói là "tranh luận" với nhau nhưng người ta ít khi thực sự đọc kỹ những gì người ta muốn phản bác. Trong không khí như thế, một mặt, các cuộc tranh luận rất ít khi có ý nghĩa về phương diện lý luận văn học, mặt khác, quan trọng hơn, rất hiếm tác phẩm nào không trực tiếp thể hiện một thái độ chính trị có thể được chú ý đúng mức. Theo tôi, đây là một trong những nguyên nhân chính dẫn đến tình trạng khủng hoảng trong văn học Việt Nam lâu nay. Nói cách khác nữa, văn học không phải chỉ bị khủng hoảng trong cách viết hay cách nghĩ như chúng ta thường nói mà thực ra là bị khủng hoảng cả trong cách đọc, hơn nữa, không chừng trầm trọng nhất là ở trong cách đọc.

Cách đọc của chúng ta hiện nay nói chung bị điều kiện hoá trong một số thói quen thẩm mỹ hết sức chật chội. Chúng ta chưa từng có một thời duy mỹ để thực sự biết bất cần những yếu tố không phải là văn học; chúng ta chưa từng có một thời tôn sùng hình thức luận để biết ngắm nghía tác phẩm chỉ như một văn bản; và chúng ta cũng chưa từng có thời "siêu thực" để tập thói quen nghe những âm thanh còn hỗn mang, chưa bị ý thức kiểm soát, kiềm chế và tái phối trí theo yêu cầu của sự hợp lý thông thường. Ngót cả một ngàn năm văn học viết, dạ dày người đọc Việt Nam chỉ được phục vụ có ba "món": cổ điển (theo "lối Đông phương"), hiện thực và lãng mạn. Theo đó, văn học nếu không "tải đạo" hay "nói chí" thì cũng phản ánh những cuộc đấu tranh âm thầm hay gay gắt giữa các lực lượng khác nhau trong xã hội hoặc bộc lộ những hỉ, nộ, ái, ố... của con người. Nói cách khác, do điều kiện lịch sử, "tầm mong đợi" của chúng ta rất hạn hẹp. Điều đó làm chúng ta dễ bị dị ứng với cái mới, dễ bị bội thực khi tiếp xúc với những tác phẩm ít nhiều có tính chất cách tân. Trong sinh hoạt văn học Việt Nam, buồn thay, cho đến nay, vẫn còn đầy những kẻ khăng khăng không chấp nhận sự hiện hữu của những ngọn đèn chốc ngược và những chiếc xe hai bánh. Như tổ tiên của họ gần hai trăm năm trước.

Độc giả càng bảo thủ, những kẻ cầm bút giàu tinh thần sáng tạo càng cô đơn. Không hiếm người không chịu nổi sự cô đơn ấy mà bỏ cuộc, khiến bao nhiêu lần, văn học Việt Nam vừa mới chớm đổi mới, ngỡ đâu sắp có cách mạng, đã vội quay lại lối mòn. Như những năm đầu thập niên 40 với nhóm *Xuân Thu Nhã Tập*; cuối thập niên 40 với Nguyễn Đình Thi, và cuối thập niên 50 ở miền Nam với nhóm *Sáng Tạo*.

Dĩ nhiên, người cầm bút không thể đổ lỗi hoàn toàn cho độc giả. Nói

cho công bằng, độc giả ở đâu cũng nặng tinh thần bảo thủ, nước này nước kia chỉ khác nhau ở mức độ nhiều ít mà thôi. Người cầm bút tiên phong ở đâu cũng đối diện với những sự hờ hững, hoặc có khi, tệ hại hơn, những sự phỉ báng. Một ngòi bút thực sự sáng tạo thường không có một giới độc giả nào sẵn để ăn theo cả: hắn phải viết cho những người đọc hắn muốn có hơn là đã có hoặc đang có.

Nhưng người đọc là ai?

Thật ra thì ai mà lại chẳng phải là người đọc. Ngay cả người viết, cứ hễ buông bút xuống hay rời tay khỏi bàn gõ computer để cầm một tờ báo hay một cuốn sách lên, hắn lập tức biến thành... người đọc. Hơn nữa, ngay cả khi hắn đang viết, hắn cũng là một người đọc: hắn là độc giả đầu tiên của những gì hắn viết.

Không chừng trong hoàn cảnh Việt Nam hiện nay chính cái hạng người đọc này mới là những kẻ đáng phàn nàn và cần phải tự cải tạo đầu tiên: sự thất bại của một người cầm bút bao giờ cũng bắt đầu bằng sự thất bại của chính hắn với tư cách là một người đọc.❐

1. Dẫn theo Ann Jefferson trong bài "Russian Formalism" in trong cuốn *Modern Literary Theory, a Comparative Introduction*, B.T. Batsford Ltd xuất bản tại London, 1989, tr. 28.

2. Xem bài "The Intentional Fallacy" của W.K. Wimsatt (viết chung với Monroe C. Beardsley) thoạt đầu đăng trên *Sewanee Review*, số mùa hè 1946, sau in lại trong cuốn *The Verbal Icon* của Wimsatt do Methuen & Co Ltd xuất bản tại London, 1970, tr. 3-18

3. Xem bài "The affective fallacy" của Wimsatt và Beardsley, thoạt đầu đăng trên *Sewanee Review* số mùa đông 1949, sau in lại trong cuốn *The Verbal Icon*, sđd, tr. 21-39.

4. Roland Barthes (1977), *Image-Music-Text*, Stephen Heath dịch và biên tập, Hill & Wang xuất bản tại New York, tr. 146-148

5. Xem R. Barthes (1977), tr. 42-8

6. Michael Riffaterre (1966), "Describing poetic structures: two approches to Baudelaire"s "Les Chats", in trên *Yale French Studies* 36/37, tr. 200-242

7. Xem Jonathan Culler (1983), *On Deconstruction: Theory and Criticism after Structurism*, Routledge & Kegan Paul xuất bản tại London, tr. 31-83

8. Norman Holland (1975), *Five Readers Reading*, Yale University Press, New Haven và David Bleich (1978), *Subjective Criticism*, John Hopkins University Press, Baltimore.

9. Stanley Fish (1982), *Is There a Text in This Class?: The Authority of Interpretive Communities*, Harvard University Press, Cambridge.

10. Hans Robert Jauss (1982), *Toward an Aesthetic of Reception*, Timothy Bahti dịch sang tiếng Anh, University of Minnesota Press, Minneapolis.

Nghệ thuật

NGU YÊN

Hãy hạnh phúc về buồn sầu mất mát
Hỡi em, kẻ không biết còn thấy bình minh
Vọng sướng vì lạc quan
là nông cạn
Chấp thỉnh bi quan
là tàn phai
Mỗi ai mấy tỉ hơi thở
Hỏi được hơi nào dài?
Người hạnh phúc nhất
dã không sinh ra
Người hạnh phúc nhì
sớm chết
Tôi đã mấy mươi năm
Không dành cắt sống
là người hạnh phúc thứ ba
Ham chơi niềm bất hạnh.
Vui nhận ung thư
Vui đeo đường tim nghẽn máu
Vui người thân qua đời
Vui xương thịt bỏ đi
Vui nghiệp già
Vui phận đau
Vui không cười mà thấy

Hãy hạnh phúc, hỡi em, chắc gì sống đến mai.

Houston, 26-10-99

Chữ

Võ Đình

Ngày xuân, chúng ta thường nói chuyện hoa mai, hoa đào. Hoa đào lại thường gợi nhớ đến một người: Ông đồ của thi sĩ Vũ Đình Liên. "Bao nhiêu người thuê viết" tấm tắc ngợi khen chữ ông đồ đẹp "như phượng múa rồng bay".

Xin nói ngay: *Chữ* đây không phải là thứ chữ ông đồ viết. Chỉ có những a,b,c... dấu sắc, dấu huyền, dấu hỏi, dấu ngã, mà thôi. Thứ chữ các cụ ngày xưa chê là ngoằn ngoèo như *con trùn* (thưa bạn đọc Bắc, Nam: con *giun*, con *trùng* đó ạ). Cũng xin nói rõ: *Chữ* đây là chữ viết, không phải "chữ nghĩa". Không có chuyện văn chương ở đây.

Chưa đầy sáu mươi năm về trước, cuốn *Vang Bóng Một Thời* của Nguyễn Tuân ra đời. Thuở đó, nhà văn Việt Nam chỉ sử dụng toàn thứ chữ "con trùn" này. Ông Nguyễn, viết thì viết thứ chữ "con trùn" đó nhưng lại có, trong "Chữ Người Tử Tù", cái giọng bi tráng tiếc thương nét chữ đẹp đã mai một. Nguyễn Tuân không nói ra nhưng người đọc thừa biết cái chữ đẹp đó không phải là chữ quốc ngữ như ta biết ngày nay mà là chữ Hán, chữ Nôm với những nét sổ, nét mác, nét câu, nét nại, v.v... Chẳng những người tử tù Huấn Cao cho chữ, ông còn có lời dặn dò viên quan cai ngục: *"Ở đây lẫn lộn. Ta khuyên thầy Quản nên thay chốn ở đi. Chỗ này không phải là nơi để treo một bức lụa trắng trẻo với những nét chữ vuông vắn, rõ ràng như thế. Thoi mực, kiếm được ở đâu tốt và thơm lắm. Thầy có thấy mùi thơm ở chậu mực bốc lên không?"*

Đọc mê lắm. Tuy nhiên, cái mê thời nhỏ tuổi khác với cái mê lúc về già. Đọc lại Nguyễn Tuân, tôi hụt hẫng: Làm sao ở bực thầy về một cách viết văn, sự hiểu biết về cái đẹp của chữ Hán lại có thể lơ mơ như thế! Nét chữ "vuông vắn, rõ ràng" thì đẹp nỗi gì mà viên ngục quan phải cung

phụng "người tử tù" đến mức ấy? "Vuông vắn, rõ ràng" đâu phải là tiêu chuẩn của thư pháp đẹp. Rồi lại thoi mực và chậu mực. Phải mấy thoi mới mài cho ra một "chậu"?

Nhưng thôi, Nguyễn Tuân là Nguyễn Tuân. Nhăn nhó với ông về ba cái lẻ tẻ này mà làm chi?! Thời các ông Huấn Cao, Nguyễn Tuân, đã qua rồi. Thời chúng ta, bây giờ đây này, thời những "con trùn" đã thực thụ trở thành *chữ*, duy nhất, độc tôn, thứ chữ chúng ta dùng để làm thơ cũng như để thảo văn kiện, để viết thư tình cũng như để gắn "mét-xa" lên tủ lạnh, thời nay chúng ta có ông Võ Phiến. Cha đẻ của ông Ba Thê Đồng Thời sanh ra thì chữ quốc ngữ đã bám rễ thật sâu, thật chắc rồi. Cho nên ông gần gũi với chữ "con trùn" hết sức. Ông viết về một người ngồi một mình xem sách (1): *"Ở góc bên trái phía dưới trang sách, một chữ O nhoẻn cười, vui ra phết. (...) Cái chữ O này láu lỉnh lắm nhá"*. Thấy được một chữ O cười, đã là tinh. Thấy được *"Giữa trang, một chữ N ngúc nga, ngúc ngắc (...)"*, đấy mới tài tình, chẳng phải ai cũng thấy được.

Trước ông Võ Phiến, trước cả ông Nguyễn Tuân, ở cái xứ từng đem quân qua xâm lược nước ta, cái xứ cũng dùng thứ chữ "con trùn" nói trên, có ông Arthur Rimbaud (2) (*"Tôi nhớ Rimbaud với Verlaine/Hai chàng thi sĩ choáng hơi men"* ... – Xuân Diệu) lại thấy cả màu sắc nơi các con chữ nữa kia:

A đen, E trắng, I đỏ.....

Các nhà văn, nhà thơ, họ mẫn cảm lắm. Ông Nguyễn Tuân tiếc thương cái thứ chữ sổ dọc đá ngang của tiền nhân. Ông Võ Phiến thấy những con chữ đứa thì "cười" đứa thì "ngúc nga, ngúc ngắc". Ông Rimbaud bên trời Tây xa xôi lại thấy những nguyên âm (*Voyelles*)... có màu có sắc! Cả ba ông, ông Tây của thế kỷ 19, hai ông Việt của thế kỷ 20, cả ba ông đều cầm bút sắt viết chữ "con trùn" cả, cái thứ chữ các cụ ta ngày xưa vừa ghét vừa khinh (và, có lẽ, vừa sợ).

Tôi không chia sẻ cái nhìn đầy thành kiến của các cụ.

Tôi lớn lên, chữ Hán, chữ Nôm đã mất hết địa vị ở nước ta từ lâu. Hồi nhỏ, tôi cũng có được học mót dăm ba chữ của "thánh hiền". *Tam Tự Kinh, Minh Tâm Bảo Giám*, thuộc như cháo đôi ba đoạn. Ở tuổi mươi, mười lăm, thú thật cũng đã có lúc trang trọng... ngoái ngược kiểu "vang bóng", ra cái điều cốt cách: nghí ngoáy viết chữ quốc ngữ theo lối viết chữ Hán, có đá, có móc, đủ ngón. Không viết ngang, từ trái sang phải, mà viết dọc, từ trên xuống dưới (!) Cổ kính mà. Những năm chưa được một ông bạn người Hoa khắc cho cái triện son, cũng có khi ký tên xong còn lẩn thẩn vẽ thêm cái hình vuông vuông rồi ngọ ngoạy chêm vào dăm ba

đường nét kỳ khu: Khi thì cái tên, khi thì cái năm (4 con số là đủ chật một khuôn hình nhỏ). Ông Huấn Cao mà thấy được cái lối đóng triện son này e rằng ông cũng phải khóc thét lên!

Sao lại có chuyện rắc rối như vậy?

Nghĩ lại, chung qui chỉ vì cái nọc độc hại của một mớ thành kiến: Cái ghét, cái khinh của các cụ đối với thứ chữ "con trùn" đã ăn sâu vào mình hồi nào không hay. Chữ "con trùn" là chữ của quân xâm lược, của ngoại nhân, của những giống "bạch quỉ". Chữ "con trùn" không được viết bằng bút lông mực Tầu cho nên những tiêu chuẩn truyền thống vốn để đánh giá cái nét đẹp, cái nét xấu, chỉ còn là một lũ ngơ ngáo không dùng vào đâu được. Chữ "con trùn" mà dùng để ghi chép lời hay ý đẹp của "thánh hiền", của "tao nhân mặc khách" à? Không được, không được! *Vang Bóng Một Thời* ra đời năm 1943: Tôi lên 10. Đâu ngờ hàng trăm năm sau ngày chữ "con trùn" xâm nhập vào đất nước của ông cha ta mà cái nọc độc của thành kiến vẫn còn sức công phá như thế.

***

Ông đồ già của thi sĩ Vũ Đình Liên, người tử tù của nhà văn Nguyễn Tuân, họ phải chịu phần nào trách nhiệm về cái sức công phá ấy. Trong mấy chục năm, thanh thiếu niên Việt Nam gồng mình cõng trên lưng khi thì ông đồ này khi thì người tù kia. Ông Vũ và ông Nguyễn không thể nào ngờ được rằng một ngày, đâu có xa xôi gì, cái thứ chữ "con trùn" ấy, khi đã hoàn toàn trở nên "quốc ngữ", tuyệt đối được chấp nhận và phổ biến, lại có nguy cơ bị hủy diệt. Xin thêm hai cái dấu kép: "Hủy diệt". Bởi chăng cái *tiếng* (Việt) thì vẫn còn, cái *lời* (văn) thì vẫn sống nhưng cái *chữ* (viết) lại đang trên đà tiêu tùng.

Cuối thế kỷ, sáu thập niên sau "Chữ Người Tử Tù", kẻ phá hoại không phải là thái độ bảo thủ của các cụ ngày trước mà là khoa học kỹ thuật Tây phương. Cũng chính một phương Tây ấy, khi thì đem qua cho ta chữ "con trùn", khi thì, với áp lực và cưỡng bách kinh tế, "vô tình" loại bỏ cái chữ viết của ta đã đến giai đoạn thay thế được những nét bút lông mê hoặc thuở nào.

A! đồ "bạch quỉ"! Đầu têu là cái máy đánh chữ (*machine à écrire*; *typewriter*).

Thuở nhỏ, tôi coi cái máy đánh chữ là một phát minh tuyệt vời. Được người lớn cho phép gõ lóc cóc vài chữ, sướng vô kể. Trong mấy thập niên nó được sử dụng để những gì viết (tay) ra nom gọn gàng, tươm tất, dễ đọc hơn, chính xác và "chính thức" hơn. Cho đến mươi năm trước đây cái máy đánh chữ còn được dùng đều đặn. Đồng thời người ta cũng vẫn còn cầm bút mà viết. Nếu cần, thì viết xong, "cho đánh máy" lại. Viết văn,

viết báo, viết bài (học), viết thư. Ngoại trừ một số trường hợp ở Âu Mỹ (viết thẳng với máy đánh chữ) cái máy vẫn chưa thay thế cây bút. Chẳng những thế, trong giới thượng lưu có học Âu Mỹ, người ta còn coi một lá thư *viết tay* như một dấu hiệu của cung cách lịch sự của người viết. Ngày nay, vẫn còn có những nữ chủ nhân cặm cụi viết tay những tấm thiệp mời đến dự một họp mặt tao nhã... Nhưng rồi, cái còm-piu-tơ cá nhân được sản xuất hàng loạt, tung ra thị trường, ngày càng tân tiến, càng hoàn bị. Lúc đó, trong giới tiêu thụ nói chung, cây bút mới biết thân biết phận, vội vàng rút lui.

Người ta không cầm cây bút mà viết nữa. Người ta gõ lóc cóc lên mặt chữ. Những con chữ chui ra từ máy điện toán, gọn ghẽ, sắc sảo, và... trần trụi. Chữ không còn là "trùn" nữa.

Gõ lên mặt chữ, cho cái máy nó in ra, nhanh hơn, "khỏe" hơn, hợp thời hơn. Dĩ nhiên. Đi xe hơi dĩ nhiên nhanh hơn đi xe đạp. Đi xe đạp dĩ nhiên nhanh hơn đi bộ: Cái hay, cái tiện rành rành. Kỹ thuật tuyệt vời. *Viết* được định nghĩa lại. Viết không nhất thiết phải là cầm cây bút mà viết những chữ "con trùn" ngoằn ngoèo lên giấy. Hoặc người ta không cầm cây bút mà viết nữa, hoặc bất đắc dĩ lắm phải cầm thì... Lẽ tự nhiên, cái gì một không làm thường xuyên, để ngày càng quen thuộc, càng nhuần nhuyễn, đến khi cần phải làm, làm... dở đi. Trong một bài viết cũ, tôi có kể lại kinh nghiệm bản thân. Thật lâu về trước, trong mấy năm trời, tôi không có dịp nói tiếng Việt. Một hôm, đột nhiên, có cơ hội nói mới kinh hoàng thây rằng mình nói tiếng Việt... ngọng! Phải chăng những ngón tay ngày ngày gõ lóc cóc lên mặt chữ của một cái máy, đến lúc cần phải cầm cây bút, chúng nó sao tránh khỏi trở nên cứng cỏi, ngượng ngập, vấp váp? Hậu quả đương nhiên: chữ viết bằng bút "xuống cấp" thê thảm.

Sáu thập niên về trước, ông Nguyễn Tuân tiếc thương cái chữ đẹp, mặc dù đó là thứ chữ của những kẻ đã bao lần đầy đọa ông cha ta. Ngày nay, chẳng biết sẽ có một ông Nguyễn Tuân nào khác khóc cho cái chữ "con trùn" trên đà mất dạng. Bởi chăng những "con trùn" hạ tiện ấy cũng có cái đẹp của chúng.

***

Chữ "con trùn" mà đẹp à?!

Đẹp chứ. Xin lạy các cụ ngày xưa mấy lạy. Chúng con chỉ biết có thứ chữ "con trùn" này mà thôi. Tuy không đủ khả năng thưởng thức thứ chữ của "thánh hiền" đến từ phương Bắc, chúng con vẫn trân trọng lòng kính yêu quí Cụ đã dành cho nó. Sự trân trọng đó, xin quí Cụ thông cảm cho, vẫn cho phép một số chúng con để mắt đến... cái đẹp của thứ chữ ngày trước quí Cụ đã vừa ghét vừa khinh. Bởi vì chữ "con trùn" không đẹp

bằng chữ Hán viết với bút lông mực tàu nhưng nó cũng đẹp. Cái đẹp riêng của chính nó.

Ngày trước, khi ở Âu Mỹ người ta còn dùng ngòi bút lông ngỗng (tiếng Pháp, *plume* là ngòi bút mà cũng có nghĩa là lông vũ), viết chữ "con trùn" thật đẹp được đưa lên hàng một nghệ thuật: *Calligraphy*, một từ ngày nay còn được dùng để gọi cả thư pháp Trung Hoa, *Chinese Calligraphy*. Bạn đọc ở Mỹ cứ vào thư viện mà xem hình chụp bản Tuyên ngôn Độc lập. Hơn hai trăm năm về trước, người ta viết chữ "con trùn" bay bướm thế đấy, phóng túng thế đấy.

Hiềm nỗi, các "cha già dân tộc" Hiệp chủng quốc còn dựa dẫm quá nhiều vào cái "đẹp" ước lệ dễ dãi: những đường cong lả lướt, vi vút, những râu ria xoắn tít xoắn mù, những "đuôi", những "vòi", chờn vờn, loanh quanh, điểm điểm tô tô thừa thãi và vô bổ. Công bằng mà xét, cái đẹp của chữ viết như thế chưa bước đến gót chân của nét bút Vương Hi Chi, Tống Huy Tông, Tô Đông Pha và những đại thư pháp gia khác của Trung Hoa xưa. Tuy nhiên, cũng vì công bằng mà không thể đem so những "con trùn" với chữ viết của "thánh hiền". Cần phải có một cách nhìn khác.

Cách nhìn đó phải gạt bỏ ra ngoài vòng chơi những thứ trang sức hoa hòe. Vì chữ "con trùn" được viết với bút sắt, bút "nguyên tử" (*ball-point pen*) nên không thể bàn chuyện "thịt", chuyện "xương", "gân" như khi thưởng ngoạn thư pháp Trung Hoa. Vì chữ "con trùn" được viết ngay hàng thẳng lối, theo một thứ tự đều đặn và liên tục của những mẫu tự nối chân nhau nên cũng không thể có chuyện con chữ "vuông vắn" như "chữ người tử tù" của ông Nguyễn Tuân. Ấy thế mà nếu được một bàn tay viết đẹp thì chữ "con trùn" cũng có thể đẹp lạ lùng.

Nhìn từ một góc độ khác, ở một thời điểm khác, trong một hoàn cảnh khác, đối tượng của cái nhìn đem lại cho ta một cái thấy mới mẻ đầy thú vị, những khám phá không ngờ. Bạn đọc hãy làm một thí nghiệm đơn giản.

Trên một mảnh giấy nhỏ bằng bàn tay, bạn lấy bút mực đậm (hay *magic marker* đen) viết tên bạn. Dưới tên ghi năm sinh, nơi sinh... Chỉ cần để ý một điều: hãy viết thật nhanh, đừng nắn nót, gò bó. Đoạn bạn lật ngược giấy lại, soi lên ánh đèn. Những chữ (ngược), những con số (ngược) đó ngộ nghĩnh hẳn ra. Thoạt đầu, bạn có thể bỡ ngỡ không đọc được tên mình vốn là những chữ quen thuộc nhất. Nhìn kỹ hơn, những nét bút lạ sẽ đem lại cho bạn một niềm thích thú mới. Bây giờ bạn hãy xoay mảnh giấy dựng đứng lên. Tên bạn, v.v... bây giờ nằm dọc chứ không nằm ngang nữa. Cái thứ chữ "con trùn" này, đâu ngờ nó cũng có móc, có câu, có sổ,

có đá đấy chứ không đâu! Bây giờ, bạn thấy rằng hiển nhiên, cái đẹp cũng có thể tìm được ở cái chữ "con trùn". Bây giờ, bạn hãy xoay mảnh giấy lại mặt phải của nó, và nhìn những chữ bạn đã viết với một đôi mắt mới tinh.

***

Nhất Linh là một nhà văn lớn mà tôi hết lòng kính yêu từ thuở chưa được phép... mặc quần tây dài! Yêu cả khuôn mặt dạn dày và bộ ria mép dáng dấp phóng đãng của ông. Nhưng khi có dịp thấy thủ bút của ông (được in lại), tôi tiu nghỉu. Chữ nhỏ li ti, đều đặn, liền lạc với nhau như những hạt mè đen nằm nối đuôi. Tôi vẫn tự hỏi làm sao một người như Nhất Linh mà lại có chữ viết như thế. Tôi cũng từng được thấy chữ ký của Khái Hưng. Vì ông ký một cách như viết nên thấy được tính cách của chữ viết: dõng dạc, phóng khoáng, đẹp.

Vốn lưu tâm nhiều đến chữ viết tay, tôi có được cái thú có thể gọi là... "bới lông tìm vết"! Phân tích chữ viết như một phương pháp có tính khoa học, tôi không màng. Tôi chỉ tò mò lấy làm lạ là có người viết (văn) hay mà viết (chữ) tồi. Có người bụng dạ thật tốt mà chữ viết... thật xấu. Có người tính khí mạnh mẽ mà chữ viết tầm tầm. Có người dè dặt, hiền lành mà chữ viết ngang nhiên, gân guốc. Vì thế tôi không dại đặt nhiều lòng tin ở nghệ thuật xem chữ đoán người. Sái một ly đi một dặm, là cái chắc.

Nhân nói chuyện về *chữ*, không thể không nghĩ đến một vài người quen biết gần xa, những người tôi vẫn coi là viết chữ tốt. Dĩ nhiên, cái nhìn của tôi đâu có thể không chủ quan!

Ở Việt Nam, Trịnh Công Sơn viết chữ thật tốt, mặc dù có khi đều đặn quá hay có khi lại bay bướm quá. Chữ Hoàng Phủ Ngọc Tường có thể không "tốt" bằng chữ Trịnh Công Sơn, nhưng cứng cỏi hơn, rạch ròi hơn. Vân Trì, hơn nửa thế kỷ, chữ viết không thay đổi: nét nào ra nét ấy, không thiếu không thừa. Chữ như vậy là tốt, nhưng đẹp?

Ở Pháp, thầy Nhất Hạnh cũng có lối chữ tương tự. Viết như thở: "Thở vào thì biết rằng thở vào"; "Thở ra thì biết rằng thở ra". Cho nên chữ viết dung dị, nghiêm túc, đều đặn. Và vắng bóng những nét bung phá ngoạn mục. Chữ Đặng Tiến có cá tính mạnh: trúc trắc, gập ghềnh một cách nghênh ngang. Thi Vũ: chữ viết chăm chút, nhưng rộng rãi, vững vàng.

Miền Đông Gia Nã Đại có một số chữ thật tốt: Nguyễn Quý Bổng ở Ottawa, Trần Sa ở Toronto, Hoàng Xuân Sơn và Hồ Đình Nghiêm ở Montréal.

Miền Tây Gia Nã Đại, ngươi Hạnh Cơ viết chữ quốc ngữ thật tốt mà viết chữ Hán với bút lông cũng nhuyễn lắm.

California, ha!

Ở Nam Cali, Bùi Vĩnh Phúc viết văn khúc chiết, sáng sủa, nhưng chữ

viết của họ Bùi, thật tốt, lại có lúc bay bướm quá. Hoàng Quốc Bảo cũng vậy: Chữ thật tốt nhưng đôi khi quá hoa hòe. (Nguyễn) Khánh Trường tránh né cái bay bướm, cái hoa hòe ấy được phần nào nhưng cũng có lúc yếu lòng bị chúng tóm được. Phóng bút là một cái "sướng" mà cũng là một cái "tật", dĩ nhiên. Cái "tật" ấy, tìm thấy tận bên trời Úc châu xa xôi: Nguyễn Hưng Quốc, văn đã hay mà chữ lại tốt. Chỉ tiếc đôi khi chữ người trượt chân xuống chỗ hoa hòe – như ba ông Bùi, Hoàng, và Nguyễn ở Nam Cali.

Cũng ở Nam Cali, nhưng không như ông Bùi (Vĩnh Phúc) viết chữ bay bướm, có bà Bùi (Bích Hà) chữ viết thẳng thớm, đều đặn, rất tốt, tuy không có cái nét bóng bẩy như lắm khi tìm thấy trong văn.

Bắc Cali có Nguyễn Bá Trạc: Bây giờ không biết thế nào chứ nhiều năm về trước, gặp nhau, thấy người thì năng nổ, "bất cần đời" mà chữ viết lại ung dung, cẩn túc. Lạ. Đó cũng là trường hợp Nguyễn Thị Hoàng Bắc ở Virginia: Chữ tốt, nghiêm trng, thon thả, không sắc nhọn, nghịch ngợm như người. Cũng ở Virginia, có ngươi Đinh Cường viết chữ tốt. Tốt nhưng, không như danh tính, hơi nhu.

Trở về California, thủ đô tị nạn: Nhiều người, lắm tài. Có một anh hay bệnh, gầy nhom, nhưng chữ viết lại ngang tàng, gân guốc. Nhịp viết phóng khoáng, tự do mà trang trọng, chu đáo. Nét chữ sắc sảo mà vẫn có dáng uyển chuyển, hào hoa: Hà Thúc Sinh.

***

Có một số chữ tốt khác, ở trong nước cũng như ở hải ngoại. Nhưng không nhắc đến vì nhớ chữ nào thì nhắc chữ ấy, thú hơn là ngồi "tính sổ". Sau nữa, vì chữ "tốt", chưa đủ; chữ "tốt" lại cần phải có "nét" nữa kia.

"Nét" là gì? "Nét" là cái gì đó đặc biệt quyến rũ cái nhìn của ta. Cũng như mặt người. Một khuôn mặt đầy đặn, và đều đặn; mắt, mũi, miệng cân đối có thể được coi là một khuôn mặt tốt. Nhưng phải có một hay đôi ba cái "nét" nào đó khác mới làm nên một khuôn mặt đẹp. Nhưng thôi, chuyện "đẹp", "xấu", nói không cùng. Thế này đã là chủ quan lắm lắm. Xin dừng lại đây thôi.

Tôi ước mong bạn đọc, bạn viết xa gần, gõ còm-piu-tơ thì cứ nhưng mỗi ngày hãy cầm lấy cây bút, tí toáy với nó một lúc đến khi nào ấm tay thì thôi, đừng để nó nằm vất vưởng một mình, tội nghiệp. Nhất là những vị may mắn được "trời cho" cái chữ tốt. Đừng để tác giả "Chữ Người Tử Tù", nơi minh mông, ông ấy tủi thân. Hỡi những ông (bà) đồ của thời nay!

(1) Võ Phiến, Xem Sách, *Ảo Ảnh* (Thời Mới, Sài Gòn, 1966) in lại trong *Tùy Bút* (Văn Nghệ, California, 1987)

Lệ vỡ thành dòng
ĐỨC PHỔ

thiên hạ. Dưới trời có đất
nương chân mấy buổi đi về
ngẫm ngó mặt không thấy mặt
bao dung. Mấy thuở hẹn thề.

quay tít quanh vòng tục lụy
mê man giữa khóm bông quỳ
nửa đời tóc tai bạc trắng
kìa xuân trở gót thiên di.

cơ khổ bước đường luân lạc
bâng khuâng trở dạ xuân thì
ngẫm chuyện nhân tình thế thái
vui vầy còn có mấy khi?

mai về thơm tho mùi đất
cổ áo cuối đời thinh không
phủi tay mãi đời không sạch
cũng dành ngoảnh mặt quay lưng.

mai về cỏ cây ngó sững
hình hài bỗ ngỡ núi sông
thương gã từ quan chết dúng
ăn năn. Lệ vỡ thành dòng.

(2) Arthur Rimbaud, thi sĩ Pháp, một thiên tài. Sự nghiệp thơ ca vượt bực được xây dựng chỉ trong bốn năm, từ tuổi 15 đến tuổi 19. Sau đó, không viết nữa. Sinh 1854, mất 1891.

Sự hình thành và phát triển nền văn học quốc ngữ trong thế kỷ XX

Thụy Khuê

Thế kỷ XX, văn học Việt Nam bước vào một giai đoạn mới: Giai đoạn quốc ngữ. Đó là một bình minh, một chân trời, một hy vọng. Nhưng chân trời bình minh hy vọng này ẩn dấu hai tính cách: *Đoạn Tuyệt* và *Bất Hạnh*.

Đoạn tuyệt và bất hạnh bởi việc thay đổi cách viết *Tiếng Việt*, từ chữ *Nôm* (theo khuôn mẫu chữ Hán) chuyển sang *Quốc Ngữ* (theo mẫu tự la tinh) đã có những xáo trộn sâu xa trong đời sống tinh thần và vật chất của người Việt.

Chữ *Quốc Ngữ* gắn liền với sự xâm nhập của người Âu vào lãnh thổ Việt Nam với những ý đồ vong bản hóa dân Việt.

Đầu tiên, việc phiên âm tiếng Việt bằng mẫu tự la tinh, đối với các vị thừa sai, không nhằm mục đích phục vụ văn hóa Việt mà chỉ nhằm mục đích giảng đạo, truyền giáo. *Những vị thừa sai Ba lê, người Pháp, có mục đích chính trị rõ rệt: Cô lập người công giáo trên bình diện văn hóa, biến người công giáo thành vong bản* (1).

Sau đó, người Pháp thực dân phổ biến chữ quốc ngữ, với thâm ý cắt đứt thế hệ trẻ với tư tưởng Nho giáo và truyền thống văn học Hán Nôm của lớp sĩ phu Hán học, là những người lãnh đạo tinh thần của dân tộc lúc bấy giờ.

Vậy, nếu lối viết *Quốc Ngữ* gắn bó với lịch sử thời Pháp thuộc, cho phép chúng ta tiếp cận dễ dàng văn hóa Tây phương, thì ngược lại, nó đã bắt chúng ta *đoạn tuyệt* với quá khứ Hán Nôm. Chúng ta không thể đọc *thơ Nguyễn Trãi, Truyện Kiều, thơ Cao Bá Quát* ... trong nguyên bản, nếu không có phiên âm, phiên dịch. Đối với một dân tộc, *mù chữ* trước một di sản quá khứ *hơn 1000* năm là một *bất hạnh*. Niềm bất hạnh lớn lao nhất

của thế kỷ này.

Như để đền bù nỗi bất hạnh đó và trả lời cho những ý đồ của thực dân Pháp, những sĩ phu Tây học và Nho học trong buổi giao thời đã hình thành một tiến trình khác, đó là sự phát triển và kiện toàn một nền văn học quốc ngữ trong thời gian kỷ lục, chưa đầy 50 năm, trong hoàn cảnh đất nước mất chủ quyền, dưới chế độ thực dân hà khắc và các nhà cách mạng còn đang bôn ba hải ngoại tìm đường cứu nước.

Như một nghịch lý của lịch sử, những nhà tiên phong khai phá quốc ngữ lại là những người có chủ trương ôn hòa với Pháp, như Trương Vĩnh Ký, Huỳnh Tịnh Của, Hồ Biểu Chánh... ở trong Nam, hay Nguyễn Văn Vĩnh, Phạm Quỳnh... ngoài Bắc. Họ làm văn hóa trên những tờ báo, cơ bản là do người Pháp hay chính quyền thuộc địa trợ cấp, nhất là trường hợp tờ Nam Phong của Phạm Quỳnh (2).

Đó là lý do khiến chúng ta có thể đặt lại vấn đề: Thế nào là yêu nước? Cầm súng chống Pháp chắc chắn là yêu nước, còn những người làm văn hóa, dưới sự giám hộ của chính quyền thuộc địa, phải đặt họ vào địa vị nào? Đây là một câu hỏi lớn cần phải đặt ra để định vị lại những danh nhân đã góp phần vào công cuộc khai phá nền văn học quốc ngữ trong thế kỷ này.

Như chúng ta đã biết chữ quốc ngữ được hình thành từ thế kỷ XVII, với các giáo sĩ dòng Tên, người Âu và các thầy giảng người Việt. Với những mốc quan trọng: Từ điển Việt - Bồ - La của Alexandre de Rhodes xuất bản tại La Mã năm 1561. Và hai văn bản bằng quốc ngữ, của người Việt, sớm nhất, được biết đến nay là của thầy Văn Tín và thầy Benito Thiện, viết năm 1659 (3)

Tuy chữ quốc ngữ đã phôi thai từ cuối thế kỷ XVII nhưng nó chỉ là phương tiện để các thầy giảng, giảng đạo. Nền văn học quốc ngữ chỉ thực sự bắt đầu hai thế kỷ sau, với Trương Vĩnh Ký, Huỳnh Tịnh Của, Trương Minh, Ký, v.v... Chủ yếu từ năm 1862 khi Trương Vĩnh Ký bắt đầu hoạt động văn học. Trong ba thập niên cuối thế kỷ XIX, có những mốc quan trọng:

1876 xuất hiện bài ký *Chuyến Đi Bắc Kỳ* của Trương Vĩnh Ký.

1887 tiểu thuyết *Thầy Lazarro Phiền* của Nguyễn Trọng Quản (4)

1895 phát hành *Đại Nam Quấc Âm Tự Vị* của Huỳnh Tịnh Của, cuốn từ điển đầu tiên bằng tiếng quốc âm của Việt Nam (5).

Nhà bác học Trương Vĩnh Ký đọc và nói rành 15 thứ sinh ngữ và từ ngữ của Đông Tây, viết được 11 thứ tiếng, xứng đáng với danh vị nhà trí

thức đầu tiên đã xây dựng nền móng cho nền Việt học, bằng chữ quốc ngữ.

Vừa là nhà văn, nhà biên khảo, nhà phê bình, uyên bác cả Hán học lẫn Tây học, ông đã giữ địa vị bắc cầu giữa quá khứ Hán Nôm và nền văn học mới. Ngoài việc làm từ điển Pháp-Việt, Việt-Pháp, viết sách sử ký, địa dư, sách về ngữ học, chú trọng đến các vấn đề mẹo, luật trong tiếng Việt, tiếng Pháp; Trương Vĩnh Ký còn phiên âm, phiên dịch, chú giải những sách cơ bản từ chữ Nôm, chữ Hán sang chữ quốc ngữ: Phiên âm: *Việt Nam Quốc Sử Diễn Ca, Kiều, Lục Vân Tiên, Phan Trần, Gia Huấn Ca, v.v...* Phiên dịch: *Minh Tâm Bửu Giám, Tam Tự Kinh, Trung Dung, Đại Học, v.v...*

Về văn, Trương Vĩnh Ký khai sinh lối viết «bạch thoại», tự nhiên và sống động như lời nói, khác hẳn với lối văn biền ngẫu của người đương thời, mà sau này Hồ Biểu Chánh, Vương Hồng Sển chịu ảnh hưởng và đưa vào văn học.

Khi Trương Vĩnh Ký và Huỳnh Tịnh Của mất, vào những năm cuối cùng của thế kỷ XIX (6), thì nền văn học quốc ngữ mà hai người đã góp phần xây dựng những viên gạch đầu, sẽ khởi sắc trong những thập niên đầu thế kỷ XX, với những tên tuổi như Nguyễn Văn Vĩnh (sinh năm 1882), Hồ Biểu Chánh (1885), Phan Khôi (1887), Tản Đà (1889), Phạm Quỳnh (1892) v.v...

Tờ báo quốc ngữ đầu tiên của Việt Nam, do chính quyền thuộc địa sáng lập ở Nam Kỳ, năm 1865, là tờ *Gia Định Báo*. Trương Vĩnh Ký làm chủ bút từ 1868 cùng với tờ *An Nam Chính Trị Và Xã Hội*. Về sau Huỳnh Tịnh Của thay thế Trương Vĩnh Ký làm chủ bút *Gia Định Báo*.

Thế kỷ XX, lịch sử báo chí Việt Nam bắt đầu với tờ *Nông Cổ Mín Đàm* ở Nam Kỳ; số 1 ra ngày 1/8/1901. Trong số 1 này bắt đầu đăng bản dịch *Tam Quốc Chí* của Trương Vĩnh Ký (7). *Nông Cổ Mín Đàm* phát hành với số lượng nhỏ vào những năm đầu. Theo lời rao in trên số 96, ra ngày 2/7/1903, thì Nông Cổ Mín Đàm có 350 người mua (8) . Phải đến năm 1907 báo chí quốc ngữ mới thực sự phát triển, một loạt các báo khác ra đời: Trong Nam có *Lục Tỉnh Tân Văn*, với chủ bút Trần Chánh Chiếu; ngoài Bắc, Nguyễn Văn Vĩnh vừa đi Pháp về, chủ trương tờ *Đại Nam Đăng Cổ Tùng Báo*, tờ báo quốc ngữ đầu tiên ở Bắc kỳ.

Năm 1910, Nguyễn Văn Vĩnh vào Nam làm chủ bút *Lục Tỉnh Tân Văn*. Rồi đến năm 1913, ông lại trở ra Hà Nội chủ trương tờ *Đông Dương Tạp Chí*.

Phan Khôi xuất hiện từ 1907 trên *Đăng Cổ Tùng Báo*.

Tới 1917, Phạm Quỳnh ra làm chủ bút tờ *Nam Phong* với sự cộng tác của Nguyễn Bá Trác và Phan Khôi. Được hai năm, vì bất đồng ý kiến với Phạm Quỳnh, Phan Khôi bỏ *Nam Phong* vào Sàigòn viết cho *Lục Tỉnh Tân Văn*.

Tản Đà xuất hiện lần đầu năm 1913 trên *Đông Dương Tạp Chí*. Năm 1916, in thi tập đầu tiên: *Khối Tình Con*. Năm 1921 chủ trương tạp chí *Hữu Thanh*.

Hồ Biểu Chánh viết cuốn tiểu thuyết đầu tiên **Ai Làm Được** năm 1912. Nhưng đến 1922 mới thực sự sáng tác đều đặn.

Sự phát triển của báo chí và văn học quốc ngữ đầu thế kỷ XX khởi xuất từ trong Nam, với những sách báo về lịch sử. Và tiểu thuyết lịch sử cũng phát triển sớm nhất, trước tiểu thuyết (9). Bài viết bằng chữ quốc ngữ đầu tiên còn lưu lại của Benito Thiện năm 1659 ở ngoài Bắc là bài *Lịch Sử Nước Annam*. Rồi năm 1822, có truyện *Annam Đàng Trong Đàng Ngoài* của T. Bình, ở trong Nam. Sau đó Trương Vĩnh Ký viết một loạt sách sử bằng tiếng Pháp cho học trò các trường Bảo hộ, đến năm 1915 xuất hiện trường thiên tiểu thuyết *Gia Long Tẩu Quốc* của Tân Dân Tử.

Phải chăng khuynh hướng phát triển các sách viết về lịch sử ở thời kỳ quốc ngữ phôi thai, là một khuynh hướng yêu nước xuất hiện dưới hình thức gián tiếp, của các nhà văn hóa đương thời?

Giai đoạn sau, từ 1915 trở đi, sự phát triển nền văn học quốc ngữ xảy ra một cách toàn diện trên mọi thể loại: Thi ca, tiểu luận, phê bình và tiểu thuyết.

Trước hết về thi ca với sự hiện diện của Tản Đà, một khuôn mặt cột trụ của thế kỷ XX. Con chim đầu đàn và cũng là người khai sáng thơ văn quốc ngữ. Tản Đà sinh năm 1889 tại làng Khê Thượng, huyện Bất Bạt, tỉnh Sơn Tây.

Năm Tản Đà 18 và 20 tuổi, hai vì sao cuối cùng của thơ Nôm là Tú Xương và Nguyễn Khuyến lần lượt qua đời(10). Năm 1912, thi Hương hỏng lần thứ nhì, người yêu đi lấy chồng, chán nản, Tản Đà bỏ đi phiêu lãng: Cùng bạn là nhà tư bản Bạch Thái Bưởi lên chùa Tiêu Sơn uống rượu, làm thơ. Cũng xin mở ngoặc là Bạch Thái Bưởi còn mượn Phan Khôi làm thư ký riêng, những năm 1916-1917, khi Phan Khôi chưa có việc. Tại nhà Bạch Thái Bưởi, Tản Đà được đọc nhiều *Tân Thư*(11), từ đó ông bỏ hẳn ý hướng khoa cử để bước vào nghiệp văn. Năm 1913, Tản Đà công bố những bài văn đầu tiên trên *Đông Dương Tạp Chí*, và năm 1916,

tập thơ đầu tay, *Khối Tình Con, tập I*, ra đời. Rồi 1917, tập ký sự *Giấc Mộng Con* và *Khối Tình Con, tập II*, năm 1920.

Tản Đà là cha đẻ của khuynh hướng lãng mạn và mộng mơ trong thơ Việt. Về văn, ông đã đưa tưởng tượng, hư cấu vào sáng tác. Các *giấc mộng con, giấc mộng con II* đều là những cuộc viễn du của tưởng tượng có tính chất thần tiên, mộng ảo, nhưng lại không xa vời thực chất đời sống con người, gián tiếp nói lên nỗi lòng của người dân mất nước.

Tản Đà là một trong những nhà thơ lớn của thế kỷ XX, nếu không muốn nói là lớn nhất. Ông đã là chiếc cầu nối giữa *thơ Nôm* và *thơ mới*. Ở Tản Đà, chất ngông, chất say đã rời khỏi nội dung Tú Xương, Nguyễn Khuyến để bước vào thời hiện đại mà sau này Nguyễn Tuân, Vũ Hoàng Chương sẽ tiếp tục truyền thống ngông, say trong văn học.

Khi thơ mới đã thành hình, Tản Đà, trên *Tiểu Thuyết Thứ Bẩy*, tháng 11 năm 1934, viết:

"Lại như bài Cảm Thu Tiễn Thu của tôi, một đoạn tả cảnh ở đầu rằng:

Từ vào thu đến nay
Gió thu hiu hắt
Sương thu lạnh
Trăng thu bạch
Khói thu xây thành
Lá thu rơi rụng đầu ghềnh
Sông thu đưa lá bao ngành biệt ly
Nhạn về... .

Mấy câu đó [...] tôi làm năm 1921, trong lúc tôi làm việc cho báo Hữu Thanh, cách đây 14 năm.

Lại như những bài Hoa Rụng, in ra ở Khối Tình Con, lời van rằng:

Hoa ơi, hoa hỡi, hoa hời!
Đang ở trên cành bỗng chốc rơi!
Nhị mềm cành úa
Hương nhạt màu phai
Sống chửa bao lâu đã hết đời
Thế mà hoa lại sướng hơn người.
...

Bài này viết ra, kể cách nay có tới 20 năm. Những điệu văn thơ đó, thật tự tôi đặt ra, không theo niêm luật ở đâu hết, duy tôi không gọi nó là thơ mới mà thôi." (12)

Tản Đà đã tự xác định vị trí của mình. Sự xác định này có thể chỉ để là trả lời Lưu Trọng Lư và những người quá khích trong phong trào thơ mới. Trong "cuộc cách mạng" thơ những năm 30, *làng thơ mới đã tàn*

phá thanh danh của Tản Đà, như Hoài Thanh viết trong *Thi Nhân Việt Nam*. Ngày nay nhìn lại, chúng ta thấy một nghịch lý: Thơ mới đã «thụ hưởng» tính chất lãng mạn và trữ tình của Tản Đà, trước khi đi tìm cái mới trong thơ lãng mạn và tượng trưng của Pháp. Ngoài ra, đường lối phá thể mà Phan Khôi đề xuất trong bài Tình Già, thơ mới lại không tiếp thu. Do đó, dù đả kích mãnh liệt Tản Đà, thơ mới vẫn gần Tản Đà hơn Phan Khôi! Mãi sau này, ở Đặng Đình Hưng mới thấy hình thức phá thể toàn diện. Vô tình hay hữu ý, Đặng Đình Hưng đã «nối tiếp» truyền thống phá cách, tự do của Phan Khôi những năm 30.

Trái với mọi định kiến cho rằng Việt Nam không có phê bình hoặc phê bình chỉ giới hạn ở hai tên tuổi Vũ Ngọc Phan và Hoài Thanh, thật ra ngành phê bình văn học ở Việt Nam đã phát triển cùng thời với thơ và tiểu thuyết và phát triển mạnh mẽ trên báo chí những thập niên đầu thế kỷ. Những tên tuổi lớn của văn học đều là những nhà phê bình: Trương Vĩnh Ký, ngay trong những cách biên khảo và chú giải, cũng chứng tỏ ông là một nhà phê bình, hoặc có tác phong phê bình khi nhận định văn học. Nhưng đến đầu thế kỷ XX, xuất hiện hai ngòi bút viết tiểu luận giá trị: Phạm Quỳnh và Phan Khôi.

Lối viết nghị luận của Phạm Quỳnh chặt chẽ, nghiêm chỉnh, vừa có tính cách trong sáng của văn Tây, vừa xen nhịp điệu biền ngẫu, nhịp nhàng của Hán văn. Phạm Quỳnh biểu dương hình thức giao lưu Đông Tây, từ tư tưởng đến cấu trúc ngôn ngữ.

Phan Khôi là người đi tiên phong trong hai lãnh vực: Thơ ca và phê bình. Về thơ, Phan Khôi được coi là cha đẻ của thơ mới với bài thơ văn xuôi Tình Già, in năm 1929 trên *Phụ Nữ Tân Văn*. Nhưng sở trường của Phan Khôi là phê bình. Ông là một kiện tướng trong lãnh vực phê bình xã hội và văn học. Chính ông đã thúc đẩy những cuộc bút chiến văn học trên báo chí, thập niên 30.

Có thể nói, với Phan Khôi, ngành tiểu luận -*essai*- của Việt Nam đã đạt những thành tựu đáng kể. Ông là một nhà Nho đi tiên phong trong cuộc đổi mới tư tưởng. Tính chất phản kháng trong văn học có từ Phan Khôi: Phản kháng luận thuyết của Khổng Tử, phản kháng thói tục hủ lậu, phản kháng sự ức chế người phụ nữ trong xã hội Khổng Mạnh... Phan Khôi cũng là một trong những người đầu tiên viết những bài phê bình văn học trên báo chí, sau in thành cuốn *Chương Dân Thi Thoại* (1936).

Từ những năm 30 trở đi, ngành phê bình văn học phát triển mạnh. Ngoài hai tên tuổi Vũ Ngọc Phan và Hoài Thanh, trên báo xuất hiện những bài viết của Thiếu Sơn, Trương Tửu, Trương Chính, Lê Thanh, Lê Tràng

Kiều, Hải Triều, Trần Thanh Mại, Đỗ Thúc Trâm v.v... Thiếu Sơn viết khá nhiều; sau ông tập hợp thành cuốn *Phê Bình Và Khảo Luận*, in năm 1933. Nhưng đáng kể nhất là lối phê bình của Trương Tửu, với loạt bài trên báo Loa năm 1935, tựa đề *Văn Học Việt Nam Hiện Đại*. Ông đã viết về Khái Hưng, Nhất Linh, Hoàng Ngọc Phách, Thế Lữ, Lan Khai, Lưu Trọng Lư. Lối phê bình của Trương Tửu cặn kẽ, có tính cách triết học và hiện đại hơn Vũ Ngọc Phan. Tiếc rằng Trương Tửu đã không cho in thành sách để phổ biến phong cách của mình.

Sau cùng, trong lãnh vực tiểu thuyết, người đi tiên phong là Hồ Biểu Chánh.

Những thế kỷ trước, chúng ta đã có những bài văn, những tác phẩm mà ngày nay gọi là truyện ký hay truyện kỳ, như *Lĩnh Nam Chích Quái, Việt Điện U Linh* hoặc tiểu thuyết lịch sử như *Hoàng Lê Nhất Thống Chí*. Rồi truyện Nôm viết bằng thơ như *Trê Cóc, Trinh Thử* ... đến *Hoa Tiên, Song Tinh, Kiều, Lục Vân Tiên*, v.v... Đầu thế kỷ XX xuất hiện nhiều lịch sử tiểu thuyết ở trong Nam, như *Phan Yên Ngoại Sử* của Trương Duy Toản (1910), *Hoàng Tố Oanh Hàm Oan* của Trần Thiên Trung (1910), *Gia Long Tẩu Quốc* của Tân Dân Tử (1915) (13) v.v... Đến năm 1912, Hồ Biểu Chánh viết *Ai Làm Được*. Đây là cuốn tiểu thuyết đầu tiên của Hồ Biểu Chánh và có lẽ cũng là cuốn tiểu thuyết quốc ngữ viết theo lối Tây phương đầu tiên của thế kỷ XX. Cùng thời với Hồ Biểu Chánh, Phạm Duy Tốn viết những truyện ngắn theo lối Tây phương: *Bực Mình* (1914), *Sống Chết Mặc Bay* (1918), *Con Người Sở Khanh* (1919)... Nhưng sự nghiệp tiểu thuyết gia của Hồ Biểu Chánh chỉ thực sự bắt đầu từ 1922, trước *Tố Tâm* của Hoàng Ngọc Phách ba năm.

Hồ Biểu Chánh là nhà văn tiên phong trong tiểu thuyết, ông đã xây dựng một phong cách tiểu thuyết xã hội hiện thực. Những tác phẩm của ông, dù một số dựa trên sườn truyện của các nhà văn Pháp như Hector Malot hay Victor Hugo, nhưng chúng đã rất xa nguyên bản để tạo một không khí xã hội, ngôn ngữ và nhân vật Việt Nam. Toàn bộ tác phẩm của Hồ Biểu Chánh, trên dưới 60 quyển, đã vẽ nên bối cảnh xã hội miền Nam dưới thời Pháp thuộc. Khi *Hồn Bướm Mơ Tiên* của Khái Hưng ra đời năm 1932, tức là 20 năm sau *Ai Làm Được* của Hồ Biểu Chánh, văn xuôi quốc ngữ Việt Nam đã đạt tới mức trưởng thành. Và *Hồn Bướm Mơ Tiên* trở thành một giá trị văn học có tầm vóc của thế kỷ, về mặt bút pháp cũng như tư tưởng.❐

Chú thích:

(1) Theo Nguyễn Văn Trung, Lược Khảo Văn Học, tập III, Xuân Thu, trang 66-68

(2) Tờ Nam Phong do Louis Marty, trưởng phòng chính trị tại phủ Toàn quyền bảo trợ.

(3) Đỗ Quang Chính, Lịch Sử Chữ Quốc Ngữ, tủ sách Đường Mới, 1985

(4) do Nguyễn Văn Trung phát hiện (trong thư viện Vương Hồng Sển), in thành tài liệu tham khảo năm 1987.

(5) Huỳnh Tịnh Của soạn từ 1889 đến 1893, cho in năm 1895

(6) Trương Vĩnh Ký mất năm 1898, Huỳnh Tịnh Của mất năm 1897.

(7) Lục Châu Học, công trình nghiên cứu của Nguyễn Văn Trung, chưa xuất bản.

(8) Nguyễn Văn Trung, sđd.

(9) Nguyễn Văn Trung, sđd.

(10) Tú Xương mất năm 1907. Nguyễn Khuyến mất năm 1909.

(11) sách chứa đựng tư tưởng Tây phương dịch sang tiếng Trung Quốc.

(12) trích bài Phong Trào Thơ Mới, in lại trong 13 Năm Tranh Luận Văn Học, Thanh Lãng soạn, tập I, NXB Văn Học Thành Phố Hồ Chí Minh, 1995, trang 145-146.

(13) Nguyễn Văn Trung, sđd.

Cáo Lỗi

Do số trang hạn chế, Ban Chủ biên không thể đăng hết những bài giá trị các văn hữu đã có nhã ý gửi về cho số báo Văn Học Tết Canh Thìn 2000. Nếu giữ tất cả những bài ấy cho số báo này, chiều dày phải đến 400 trang. Chi phí ấn loát, cũng như bưu phí gửi đi ngoại quốc không cho phép Văn Học tăng trang như mong ước.

Trân trọng cáo lỗi cùng các văn hữu đã gửi bài Tết cho Văn Học, nhưng Ban Chủ Biên đành phải gác một số bài và chuyển sang số Văn Học Tân niên phát hành đầu tháng Ba năm 2000.

Xin bạn đọc đón xem những tiểu luận, truyện ngắn, thơ của các tác giả từng được bạn đọc yêu mến như B.S. Trần Ngọc Ninh, Lê Hữu, Hoàng Ngọc Tuấn, Hoàng Liên, Nguyễn Mộng Giác, Ngự Thuyết, Đặng Thơ Thơ, Cổ Ngư, Vũ Đình Kh., Thu Thuyền, Thảo Chi, Nguyệt Thu, Trần Yên Hòa....trên Văn Học 167.

Văn Học Tân niên cũng có nhiều bài vở đặc sắc như Văn Học số Tết Canh Thìn.

Những nỗi ám ảnh của Hoàng Nga

Đoàn Nhã Văn

Hoàng Nga là một nhà văn nữ viết khá đều đặn từ 1995 đến nay. Truyện của bà có nhiều nét riêng, thu hút độc giả. Đi vào thế giới truyện ngắn, từ tuyển tập *Tháng giêng tháng bảy buồn như nhau* (TGTBBNH) xuất bản 1996, đến *Như một vết chim bay* (NMVCB) xuất bản 1999 của bà, điều đầu tiên mà người đọc bắt gặp, đó là những nỗi ám ảnh. Nói rõ hơn, nhân vật của bà luôn bị ám ảnh bởi một điều gì đó. "Điều gì đó" có lúc rõ ràng, có khi mờ ảo không rõ nét.

Trước tiên phải nói đến nỗi ám ảnh của những trói buộc trong quan hệ xã hội. Những trói buộc khắc khe này hiện hữu từ ngàn đời, và đã tạo ra những đắng cay ê chề mà sự nhỏ nhoi của con người khó bứt phá, khó vượt qua. Một trong những trói buộc này là quan hệ bà con, dòng họ. "Tôi với Phú là bà con bắn một trăm quả đại bác không tới. *Sở dĩ còn biết tên nhau là vì mẹ Phú buôn bán chung với ba mẹ tôi.*" (TGTBBNN, trang 7). Hai bên không hiểu cái quan hệ này được bắt nguồn từ đâu, tiếp diễn ra sao, đến đời thứ mấy. Nhưng quan hệ vẫn là quan hệ. Chính mối quan hệ này đã tạo cho nhân vật nữ ở vào vị thế cao hơn người nam. Họ đang có mối quan hệ "Dì-Cháu". Chức "Dì" đã làm nàng kẹt cứng. Kẹt, không phải vì không yêu Phú. Kẹt, không phải vì Phú không yêu mình. Mà kẹt vì cả hai yêu nhau nhưng không còn cách nào khác hơn là phải xa nhau. Tình cảm mà đôi bên dành cho nhau rất nồng nàn, tha thiết nhưng nỗi ám ảnh bởi mối quan hệ dòng họ, dù rằng có xa lắc xa lơ, cả hai cũng không bao giờ vượt qua được. Để cuối cùng nàng xếp lá thư của người bạn gởi từ bên ngoài về, đã kể về Phú, "để làm chứng tích cho tình yêu ngày ấy. *Phú, Phú có được tấm thẻ học sinh cũ của tôi để lâu lâu mở ra nhìn; còn tôi, chắc chỉ có một nụ cười buồn cho Phú mà thôi.*" (TGTBBNN, trang 17)

Sau ám ảnh quan hệ họ hàng là ám ảnh vì những hình bóng cũ, ám ảnh bởi quá khứ một thời. Mỗi người có một quá khứ riêng. Trong đo.Ô quá khứ tình cảm luôn là một vết cắt. Vết cắt nào rồi cũng lên da non theo năm tháng. Nhưng mỗi khi nhìn lại, lòng vẫn bồi hồi. Thậm chí, khi nhìn lại, có người còn thấy lòng mình dấy lên những nuối tiếc khôn nguôi, hay những niềm đau muộn màn mà có lúc chân không còn đứng vững. Có gần gũi với người chung quanh mới có cơ may hiểu rõ, hay cảm nhận phần nào quá khứ của họ. Có nhạy cảm với thực tế mới thấy ám ảnh của người khác cũng là ám ảnh của mình. Trong truyện của Hoàng Nga, quá khứ còn tươi rói, nên đáy lòng còn đầy dông bão.

"Không biết sách vở, bài thi rồi có làm tôi còn đủ thời giờ nhớ Thuần hay không, nhưng chắc chắn là tôi sẽ được thấy mùa hè về. Trong trí tôi hai câu thơ của Nguyễn Đình Toàn chợt đến. Tôi đọc. Kỷ niệm cũ vẫn còn nguyên vẹn đó. Trời tháng giêng tháng bảy buồn như nhau. Tôi ra đến sân, chuẩn bị băng qua cây phượng tím. Tôi nhớ mình quen Thuần hồi tháng bảy năm ngoái." (TGTBBNN, trang 43)

"Ừ, tại sao mình không dám nói với Di rằng mười lăm năm trước đây mình yêu Di nhỉ? Mười lăm năm, cái khoảng thời gian đã xa vời vợi, cái cuộc đời của hai đứa cũng đã có những khúc rẽ quanh co. Đứa nào cũng đã già đủ để có thể quay nhìn lại quá khứ bằng những nụ cười thán ái mà không bối rối, mắc cỡ. Vậy tại sao lại không dám nói cho Di biết về những xôn xao ngày ấy của mình?" (TGTBBNN, trang 157)

Rồi thì ám ảnh bởi tử-sinh để thấy mình không là gì cả giữa đất trời rộng lớn:

"Ngày hôm qua đi dự một đám ma, rồi hôm nay nhận được môt thiệp cưới. Hai mươi bốn tiếng đồng hồ của đất trời trôi qua có biết bao thay đổi trong đời mọi người..." (TGTBBNN, trang 206)

Nhưng rõ nét hơn hết và dằn vặt hơn hết đó là nỗi ám ảnh bởi những cơn sóng lịch sử. Ở Hoàng Nga, những dấu ấn lịch sử nằm trong tiềm thức, chỉ chờ một dịp nào đó là bùng sống dậy, phơi bày ra, hằn in lên những dấu nét hãi hùng (NMVCB, trang 210). Những nỗi ám ảnh này bàng bạc trên những truyện ngắn ở tập truyện ngắn thứ hai: Như một vết chim bay. Làm sao không ám ảnh được, khi từ ải Nam Quan đến mũi Cà Mau người người phải "mặc đồng phục" của thời đại, sống trong những nỗi bất an, và khi mở miệng, dường như phải bắt đầu bằng một giọng điệu như nhau. Đất nước bao phủ một màu, thành phố không sức sống, thôn

quê gầy teo tóp, huyện lỵ nằm hắt hiu. Để rồi, tất cả *"tựa như ung mủ, làm độc, lở loét trong tôi nhiều năm, mà cho đến khi kín miệng, vẫn còn đau nhức âm ỉ."* (NMVCB, trang 64)

Ám ảnh bởi những cảnh đời sau "giải phóng" ập vào mắt một lần, rồi đời đời không thể nào quên:

"...hàng đoàn tù binh mang biển số, tay đập đá, vai gánh những thùng phuy nước và phân người để tưới rau dưới cái nắng hừng hực, miệng phải hô lớn con số tù oan nghiệt của mình." (NMVCB, trang 63)

Những thước phim cũ quay về. Mỗi lần quay về, niềm đau cứ như vỡ ra, tràn mãi...

"...hàng hàng lớp lớp người chạy loạn, như những cơn sóng dữ, hết xôn xao dồn lên, rồi lùi lại một cách kỳ quặc. Những gương mặt nhớn nhác. Những ánh mắt bàng hoàng kinh hãi. Những chuyển động vội vã. Những cập rập tới lui..." (NMVCB, trang 208)

Ám ảnh bởi những đá nát vàng phai:

"Không buồn không được! Như thể mất mát, lại còn mất mát hơn. Nhuế có cảm giác giống như người du khách đang ngậm ngùi chứng kiến cảnh đổ nát hoang tàng của các di tích lịch sử đã từng có thời nổi tiếng. Xót xa, bồi hồi." (NMVCB, trang 17-18)

Cái mốc 1975 tạo ra những biến động lớn cho nhiều thế hệ người Việt, từ cuộc sống vật chất đến tinh thần. Chính sự xáo trộn lớn trong cuộc sống tinh thần đã gây ra những mảng vỡ ăn sâu vào ký ức của mỗi người dân Việt. Những mảng vỡ này tạo cho con người một đời sống bất an. Nỗi bất an không rõ ràng, có khi không là điều gì cả, chỉ trống vắng, vu vơ. Chạy dài theo hai tập truyện ngắn *Tháng giêng tháng bảy buồn như nhau* (TGTBBNH) và *Như một vết chim bay* (NMVCB), nỗi bất an như đeo đuổi các nhân vật của bà. Mà cũng phải, làm sao không bất an cho được. Làm người dân thường, mỗi khi nghe tiếng gõ cửa là mỗi lần trái tim nhảy dựng. Người không công ăn việc làm thì chạy mánh. Nói theo ngôn ngữ đời thường thì "ai mua cái gì cũng bán, ai bán cái gì cũng mua". Mà làm nghề này thì bất an cũng là một chuyện thường tình. Thầy giáo đứng trên bục giảng cũng bất an. Người mở tiệm cà phê lậu cũng bất an. Ngay cả học

sinh cũng mang một nỗi bất an canh cánh trong lòng.

Cả một xã hội bất an, thì sự bất an của từng nhân vật trong truyện ngắn của Hoàng Nga cũng không phải là chuyện khó hiểu. Bất an của mỗi nhân vật cũng chính là bất an của bà.

Tất cả những bất an, những nỗi ám ảnh làm nên những truyện ngắn đi vào lòng độc giả. Nhưng, không khí truyện và cung cách đối thoại của mỗi nhân vật mới là điểm độc đáo, thực sự làm sáng tên tuổi Hoàng Nga.

Trong truyện ngắn, đối thoại là một điều hết sức quan trọng. Đối thoại để tạo nên cá tính riêng của mỗi nhân vật. Ngôn ngữ đối thoại nếu không "sống", sẽ làm cho những nhân vật mất phần hồn mà chỉ trơ ra phần xác. Đối thoại còn mở ra một điểm lý thú khác: xác định tính chất địa phương của từng nhân vật. Trong từng mẩu đối thoại, người đọc có thể liên tưởng đến từng vùng trên mỗi miền của đất nước, dù người viết không hề kể ra nhân vật của họ sinh ra ở thành phố, lớn lên vùng biển, trôi giạt về miền núi .v.v. Ở Hoàng Nga, ngôn ngữ đối thoại của mỗi nhân vật sắc xảo và có duyên. Đằng sau ngôn ngữ đối thoại, người đọc nắm bắt được những phần đời riêng của họ.

Trong truyện ngắn *Phía Bên Này Đời*, nhân vật nữ là dì Đông. Một người đàn bà ấp ủ hình bóng của một thanh niên ra Bắc tập kết. Bà chờ đợi, không nản lòng. Vì nuôi hy vọng người ấy trở về, bà chối từ những mai mối xung quanh. Trước 1975 bà ra riêng, mua nhà để làm chỗ che giấu cho người phía bên kia. Sau 1975, bà hiến dâng cả cơ ngơi của mình gầy dựng cho Ủy ban quân quản, để được một giấy phép đi đường tìm bóng dáng người xưa. Rồi người xưa trở về, tìm bà.

"Dì quýnh quáng lên lên làm mạ tôi phì cười:

"-Tau đố tụi bây ông Huấn đi cưới dì Đông bây cái thứ chi?

Chị Ngoạn:

-Chắc là mấy thước vải xi-ta bà Thoan may tã cho thằng cu Ti.

Chị Thoan phản đối:

-Tau may tã cho con tau bằng vải Ka-tê bốn ngàn đàng hoàng nghe mi.

Tôi nói:

-Ông Huấn đi bộ đội chắc chắn là đi cho dì mình một chục lương khô.

-Con thì chắc ổng tặng cho dì Đông một cái khăn voan hết mốt mấy chục năm ở miền Nam, nhờ mấy ổng vô mà đâm ra có giá."

(TGTBBNN, Trang 53)

Người đọc mường tượng ra một gia đình thân mật, ấm cúng, gốc Huế. Và đặc biệt, mỗi nhân vật nữ trẻ hiện lên cái nét rất lém lĩnh trong lối pha trò. Trong *Những thoáng ngậm ngùi* cũng thế:

"Nhuế may cái áo dài màu vàng hoàng yến ông ả như màu mơ. Khuyên nói:

-Bà Nhuế mặc áo vàng cho người ta về yêu hoa cúc. Tui mặc áo đen cho có thằng yêu ...nhân dân tự vệ!

Ba chị em, mà Nhuế và hai con em tính tình khác hẳn nhau. Hai đứa hay về hùa chọc Nhuế. Phấn bảo:

-Cái tên bà Nhuế nghe Huế trơ Huế trất. Tôn Nữ mà lại Thị Nhuế. Quê một cục. Rồi bà Nhuế lại chơi với bà Thu Ba. Thu Thủy, Thu Cúc, Thu Thảo hay Thu chi chi đó chớ ai lại Thu mà Ba!

Nhuế lườm phấn:

-Mi vô văn hóa. Người ta tên chữ đàng hoàng. Thu Ba là sóng thu. Biết chưa con khỉ?

Phấn cười khanh khách:

-Còn tên bà thì không có nghĩa chi hết phải không?"

(NMVCB, trang 9)

Cái đỏng đảnh của những người con gái bật lên từ mỗi mẩu đối thoại.

Ở một truyện ngắn khác, *Sợi Tình Xưa Ngàn Năm*, là một lũ em trai ... quậy không chịu được.

"Đám em tôi khi biết ra chuyện tôi yêu Di nhiều năm ròng rã mà Di không hề hay biết, mỗi đứa một vài câu, xúm lại...sĩ vả tôi"

-Tình cảm là tình ...tàn tật. Là tình yêu xa xỉ. Là tình yêu phí của giời. Là tình chẳng những cho không mà còn biếu thêm.

Đứa khác:

-Yêu thì phải cầm tay nắm chân, phải hôn hít, hò hẹn thế nọ thế kia mới rã rích chứ yêu cái kiểu của bà là kiểu Lục Vân Tiên, khoan khoan ngồi đó chớ ra, nàng là phận gái ta là phận trai. Nghe sao nó quê mùa quá đỗi bà Nga ơi! Yêu như vậy mà cũng bày đặt yêu đến mười mấy năm cho nó mệt cái thần hồn!

. . .

-Tối nay bà nên nói với ông Di là hồi đó bà yêu ông ấy xem ông ấy phản ứng như thế nào.

Tôi cười. Thằng em:

-Không cần xem phản ứng đối phương, mà nên thử xem phản ứng

của chính mình, thử đo lường cái mức độ tình yêu của chính mình ra sao thì hay hơn.

. . .

Tôi đùa:

-Lỡ ông ấy xỉu thì tao không chịu trách nhiệm đâu nhé!

Một đứa lườm tôi:

-Chỉ sợ bà lăn đùng ra thôi."

(TGTBBNN, trang 157-158)

Một đoạn đối thoại thấy cả một đám con trai rất rổn rảng và nghịch ngợm. Tình cảm chị em trong gia đình rất gần gũi, chia xẻ.

Suốt hai tập truyện ngắn, khi tỉ tê khoan nhặt, lúc đấu hót tưng bừng trời đất; cộng với nhận xét rất bén nhạy của từng nhân vật, tạo nên những gợi mở, những tháo gút bất ngờ. Ngôn ngữ đối thoại của Hoàng Nga gần gũi mà linh động; dung dị mà sắc sảo. Người đọc có thể không biết nhân dáng của họ ra sao, nhưng vẫn thấy được mỗi nhân vật có một khoảng trời riêng. Viết đều tay và rất gần gũi với người đọc, chứng tỏ một sự tinh tế và gạn lọc.

Bên cạnh cái sắc sảo trong nghệ thuật xây dựng đối thoại, Hoàng Nga còn cho thấy một sự mới lạ khác trong cách đào sâu nội tâm của nhân vật. Nội tâm nhân vật càng khai quật kỹ càng, truyện ngắn càng chuyên chở được cái chiều sâu cần thiết. Thay vì dùng nhiều tính từ để diễn tả nội tâm như thông thường mà người đọc vẫn thấy, bà đi bằng một con đường khác: dùng cấu trúc câu văn.

Trong *Còn nụ cười buồn*, khi nghe tin người yêu lấy vợ, có một người con gái ôm mối tình câm, tức tưởi:

"Tôi ù tai. Miếng cơm trong cổ nghẹn cứng không chịu trôi xuống. Phú đi hỏi vợ."

(TGTBBNN, trang 12)

"Tôi lau ước mắt. Phú lấy vợ. Thế là chấm hết."

(TGTBBNN, trang 13)

Câu văn đã rút ngắn đến mức không thể nào viết ngắn hơn được nữa. Đây chỉ là một sự tình cờ? Không, tôi không nghĩ vậy. Đây là một dụng ý của bà. Cố ý tạo nên sự ngắt quãng trong mạch chính. Cái gì vậy cà? Tiếng nấc, đứt quãng, nghẹn ngào, nấc. Thở ra, nấc. Câu văn ngắn, ngập ngừng, gãy khúc là trạng thái nội tâm của nhân vật khi phải ức chế, kềm

giữ lại tình cảm sâu đậm rất riêng tư mà không muốn cho người khác biết.

Ở một truyện khác, *Dòng sông vắng nước*, khi một người đàn bà bỏ nhà ra đi theo tiếng gọi con tim, cả gia đình gần như từ bỏ, nhất là người cha. Người cha thề sẽ tìm ra tung tích của người con gái, và sẽ giết như con gà con vịt. Ông tìm đủ mọi cách, với thế lực hiện có của mình, để đẩy người tình của con gái mình ra vùng hỏa tuyến. Hai tháng sau, người tình về lòng đất. Nhân vật nữ mang ý định tự tử nhưng không dám thực hiện. Bà ngồi bên mộ người-chồng-chưa-cưới mà than vãn với đất trời. Rồi, "Con cáo có hang, con chim có tổ", bà định quay về. Tới gần nhà, đứng bên kia đường nhìn lại nhà mình nghe lòng dấy lên những nỗi niềm khó tả. Nhưng bà lại chùn bước vì nhớ tới những trận đòn thừa chết thiếu sống, nhớ tới ánh giận dữ như tia lửa của Cha mình. Bà lại ra đi.

"Dì Bắc đã lần nữa, rời thị xã, như rời cái ước mơ hiền hòa, dễ thương của mình. Đoạn đành. Lìa hẳn. Không bao giờ còn trở lại."

(NMVCB, trang 130)

Mỗi nhịp ngắt biểu hiện cho một sự dứt khoát, rõ ràng, không thể lay chuyển được. Đó là quyết định cuối cùng của nhân vật chính, không bao giờ trở lại nơi mình đã từng bứt bỏ, ra đi.

Một độc đáo khác của bà đó là lối bắt đầu một truyện ngắn. Không màu mè mây nước, bà đi thẳng tới, mở cửa, mời độc giả bước vào ngôi nhà của bà, hết sức tự nhiên và thân mật. Bà vạch chiếc bức sáo ngăn phòng khách và nhà sau cho độc giả nhìn ra những tiềm ẩn của nó từ những con chữ đầu tiên. Cái tự nhiên của bà như một lời mời gọi tha thiết, như một sự rủ rê thân tình, dẫn dắt độc giả vào những nơi chốn riêng tư trong đời sống của mỗi nhân vật.

Viết về một gia đình đông chị em gái, bà đi ngay vào vấn đề:

"Nhà mấy chị em, cái gì cũng chộn rộn. Buổi sáng nội chuyện vệ sinh không là đủ thành cái chợ rồi."

(TGTBBNN, trang 19)

Đưa độc giả vào cuộc tình đơn phương, chờ đợi của một người phụ nữ miền Trung, bà không cần giấu diếm:

"Dì Đông yêu ông Huấn. Đánh nhau liên miên chưa kịp đám cưới thì ông Huấn đi tập kết. Dì tôi chờ ông Huấn hai năm như nhiều người hẹn nhau lúc đó. Hai năm, ba năm, rồi bốn năm trôi qua. Trai tráng trong làng nửa đi chiến dịch, nửa lấy vợ hết. Dì tôi cứ ở vá chờ ông Huấn trở

về" (TGTBBNN, trang 45).

Kể chuyện một người con gái bỏ nhà dòng, nhập tục, bà không kiểu cọ, màu mè:

"Chuyện Chị Tâm bỏ nhà dòng đi lấy chồng làm xôn xao cả thị trấn. Cái thị trấn nhỏ như bàn tay, hầu như ai cũng quen hay biết mặt nhau, tin tức lại càng dễ loan đi nhanh."

(TGTBBNN, trang 59)

Viết về một người thầy giáo cũ bị chế độ "đì" sau năm 1975, bà đi vào chi tiết liền:

"Văn bị đổi về tỉnh. Rồi từ tỉnh về một cái xã nằm dọc theo quốc lộ một. Chàng bị kỷ luật. "Thành tích" gồm nhiều lần cãi tay đôi với hiệu phó, gây gỗ với bí thư đoàn trường, và thường xuyên dung túng, bao che cho đám học trò nghịch ngợm"

(NMVCB, trang 21)

Hoàng Nga bắt đầu một truyện ngắn từ chỗ "có chuyện" . Cũng ở cái chỗ cụt ngũn, gọn lõn và không khách sáo này, có nhiều người đọc không thích mấy, vì thói quen vẫn được đọc những truyện ngắn mà mở đầu là một đưa đẩy hay dẫn dắt lòng vòng trời-trăng-mây-nước trước khi vào mạch chính. Tuy nhiên, văn chương cũng như bất cứ một bộ môn nghệ thuật nào, khó có thể đáp ứng được sở thích của hết thảy mọi người, mọi giới. Những người đọc nào đã quen với cái "gu" của bà thì hễ đọc truyện ngắn nào, họ phải "dính" với nó cho tới những dòng chữ cuối cùng.

Ở Hoàng Nga, người đọc đã bắt được cái "căn cướcõ của những nhân vật trong truyện. Họ Huế, rất Huế, thuần Huế. Nói rõ hơn, chính là cái giọng điệu Huế không thể nào chối cãi được trên mỗi nhân vật, cho dù bà không hề giới thiệu là ông này ở bên kia thành Nội, cô nớ ở gần chợ Đông Ba.

"Tôi xém buột miệng nói mai mốt dì tra ngắt, sức mấy mà được ăn đám cưới nhưng nín kịp."

(TGTBBNN, trang 46)

"-Bà Nhuế chưa tra mà đã lẫn rồi tề."

(NMVCB, trang 7)

Phải là dân Huế chính gốc mới dùng được chữ "tra" mang tính chất

địa phương này.

"Rứa thôi con ơi. Tau đạp qua rồi. Tau đang ớn như đàn bà có chửa ớn cơm tanh cá. Còn nhiều thứ dễ sợ hơn chứ không phải giỡn mô. Ngày mai tụi bây lo mà dẹp bớt ba cái quần áo lòe loẹt đi. Lũ hắn mà để ý một cái là mệt cả chục năm cho bây coi."

(TGTBBNN, trang 52)

Tao kinh qua rồi, tao biết nhiều rồi, tao đã sống qua rồi, tao rành nó sáu câu vọng cổ rồi. Tất cả những thứ ấy, có thể tóm gọn lại trong một chữ: Đạp. Tau đạp qua rồi.

Đây không phải là cái "căn cước" của nhân vật hay sao?

Bên cạnh những sắc sảo của bà, người đọc thảng hoặc bắt gặp đôi sự trùng lặp trong những truyện ngắn. Có khi là một hình ảnh, có lúc là ý nghĩ của nhân vật. Nhưng đậm nét nhất là ý truyện, qua hai truyện ngắn: *Khung trời cũ qua đường* và *Một đời không cùng*.

Trong truyện *Khung trời cũ qua đường*, nhân vật nữ chính, Vi, đã phải chia tay với người yêu. Người tình của nàng, Nguyễn, đi du học ở Nga, sau đó về nước cùng với người vợ mới cưới, là con một ông bộ trưởng của chế độ mới. Vi vượt biên. Chuyện gia đình mỗi người mỗi cảnh. Mười mấy năm sau, trên nước Đức, Vi bất ngờ nhận được thư của Nguyễn. Nguyễn đang ở trại tị nạn bên Đông Đức. Nguyễn muốn được gặp lại Vi. Sau nhiều ngày suy nghĩ, Vi khăn gói đi gặp Nguyễn trên chuyến xe kửa tốc hành về miền Nam nước Đức. Có gặp nhau, có giã từ, đó là lẽ thường tình của cuộc sống. Trên đường về, Vi *"nghĩ lại đoạn đường trở lại, với bốn tiếng đồng hồ lắc lư trong một toa tàu chật hẹp, mỏi mệt. Nghĩ đến công việc làm ở hãng sắp tới. Nghĩ đến khung trời cũ đã qua, đã trở thành quá khứ, và nghĩ đến cả những lời của bài hát đang réo lên như một chua xót mỉa mai mà nghe lòng bùi ngùi, cay đắng vô kể."* (TGTBBNN, trang 88)

Ở truyện ngắn *Một đời không cùng*, nhân vật nữ cũng đi gặp người xưa, cũng sau mười mấy năm xa cách, dù mình đã tay bế tay bồng. Nàng phải dối chồng, tạm quên con để đi tìm lại hình ảnh của một thời xa vắng. Đoạn đường gặp người cũ cũng nhiêu khê. Nàng phải *"mất bốn tiếng đồng hồ ngồi co chân trên đống khô cá hay khô đầu tôm còn ỷ nước, mũi lùng bùng với mùi cá mực hạng bét đã bắt đầu ươn vì không đủ nước đá để ướp, hay mùi nước mắm hạng ba đã ngả sang khắm; và nữa, chịu ê mông với lớp đá xanh trải vội trên đường mỗi lần xe xóc qua"* (TGTBBNN, trang 141)

Hai câu chuyện gần giống nhau. Khung cảnh có khác ở chỗ: truyện trước không gian ở Đức. Truyện sau diễn ra tại Việt Nam. Cả hai nhân vật nữ chính đều phải đi "bốn tiếng đồng hồ", phải chịu ngồi lắc lư trên toa tàu chật hẹp hay phải co chân trên chiếc xe đò chật ních hành khách để đến với người xưa. Cả hai dù cảm thấy bất an nhưng vẫn bấm bụng mà đi. Cố ý? Ngẫu nhiên? Dù tình cờ hay cố ý, người đọc vẫn thấy có chút gì đó có vẻ không được tự nhiên lắm. Và quan trọng hơn hết, sự lập lại vẫn là điều không nên xảy ra trong nghệ thuật.

Hoàng Nga là một người viết có nhiều chất liệu sống. Những chất liệu cần thiết để làm nên tên tuổi của bà có lẽ được gom lại từ những nổi trôi trong đời. Bà rành rẽ về Huế. Bà thấm nỗi khổ cực của miền Trung, bà sống nổi hiu quạnh của những quận lỵ heo hút. Bà tường tận nghề gõ đầu trẻ trong lòng chế độ mới sau 1975. Bà cảm nhận được cái nghẹt thở mà những tôn giáo phải gánh chịu trong mùa mạt pháp; bà rờ được xác trẻ thơ còn hơi ấm vừa được người lớn trốn bệnh viện mang ra, trên xe đò chật cứng dân buôn. Bà chạm mặt với những ngày đầu hội nhập, đến tình người ly hương, và xoải tay cả đến chuyện tường nhân. Sự có mặt cùng khắp, cộng với trái tim nhạy cảm nên bà luôn bị ám ảnh. Ngay như trong cách đặt tên truyện ngắn, người đọc cũng thấy đậm nét điều này.

Nhớ hai câu thơ của Nguyễn Đình Toàn, bà lấy ngay câu thứ hai làm tựa truyện ngắn, *Tháng giêng tháng bảy buồn như nhau*. Trong truyện *Chim vào lồng* (TGTBBNN, trang 102), bà mượn phần sau của câu ca dao mà làm đề tựa: *Cá cắn câu biết đâu mà gỡ / Chim vào lồng (biết thuở nào ra)*... Ở một truyện ngắn khác, bà dùng tên bài hát phổ từ thơ của Trần Dạ Từ, *Người đi qua đời tôi*, làm tên cho một truyện ngắn của mình. Viết về một chuyện liên quan đến trường lớp, đến phấn trắng bảng đen, bà dường như bị đeo đuổi bởi lời nhạc trong một bài hát khá phổ biến trong nước: *Mùa xuân ai đi hái hoa, còn em đi nuôi dạy trẻ* (NMVCB, trang 21), để rồi lấy vế đầu làm tựa cho truyện ngắn khác của mình. Nhớ Nguyễn Bính với: *"Hỡi ơi bướm trắng tơ vàng, về đây mau chịu tang nàng đi thôi"* (NMVCB, trang 42), bà lấy *bướm trắng tơ vàng* làm tựa. Thấm thơ tình Phạm Thiên Thư: *"Cõi người có bao nhiêu / Mà tình sầu vô lượng / Còn chi trong giả tướng / Hay một vết chim bay"* (NMVCB, trang 65), bà lấy *một vết chim bay* làm tên truyện ngắn của mình.

Còn nữa, và nhiều nữa trong những truyện ngắn khác.

Tạo nên một truyện ngắn hay, khó. Kiếm tựa truyện cho thật "bắt mắt" mà thâm thúy, hợp cảnh, hợp người cũng không phải dễ. Hoàng Nga liên tưởng tới những điều người trước đúc kết và ghi lại. Bà "mượn" những

đúc kết khó nhọc này để làm những đề tựa cho hơn một nửa số truyện ngắn mà bà đã in thành sách trong hai tập truyện *Tháng giêng tháng bảy buồn như nhau* và *Như một vết chim bay*. Bà là người dựng nên nhân vật. Bà là người tạo ra không khí trong những truyện ngắn của mình. Nỗi buồn của nhân vật theo bà trên mỗi trang giấy, thì nỗi buồn của người xưa cũng ám ảnh, đeo đuổi bà trong từng con chữ. ở sự "vay mượn" này, người đọc thấy cái "ma lanh" của bà nhưng cũng chính điều này cho thấy rằng sau mỗi truyện ngắn, bà có vẻ không chú ý nhiều cho việc đặt tựa, mà dành thời gian đó tiếp tục cho những thiên truyện ngắn tiếp theo.

Theo thi hào Goethe (1749-1832), đi từ cái chung đến cái riêng là con đường của ngụ ý, ngụ ngôn, còn đi từ cái riêng đến cái chung mới là con đường của nghệ thuật. Nếu hiểu như vậy, người đọc thấy Hoàng Nga đã bước vào con đường nghệ thuật thật sự ngay từ tập truyện ngắn đầu tiên.

Đọc xong những truyện ngắn của Hoàng Nga, gấp sách lại ta còn nghe văng vẳng giọng nói ríu ra ríu rít hòa một chút lém lỉnh của những nhân vật nữ. Ta mường tượng ra những lần đỏng đảnh, những lúc điệu đàng với óc hài hước trong khi họ đối thoại. Ở thế giới các ông, cái rổn rảng, tếu táo và chất pha trò cũng rõ nét, sống động không kém. Nhìn xa hơn, ở một góc trời riêng của từng nhân vật, những nỗi bất an vẫn đeo đuổi trong lòng họ, dù bên ngoài là những cười vui với thời thế, với tha nhân. Ta liên tưởng đến cái chung của thời cuộc, của một lớp người sống trong một giai đoạn lịch sử hết sức đặc biệt của đất nước. Và giai đoạn lịch sử này sẽ không bao giờ lặp lại, mà dẫu có lặp lại, thì cũng chỉ là trên bề mặt hình thức. Đi vào đời sống tinh thần, thì lớp người đã khác, tình cảm đã khác, và dĩ nhiên cái chung đụng, đối xử với nhau cũng sẽ khác rất nhiều.

Trong thế giới truyện ngắn, Hoàng Nga đã tạo cho mình một cái "địa chỉ" mới. Mà người đọc, nếu có vô tình đọc ở đâu đó một truyện ngắn mà không đề tên tác tác giả, họ cũng sẽ tìm ra: nó thuộc về địa chỉ của Hoàng Nga hay không.

Ngắn gọn, sự xáo động lớn của lịch sử tạo nên những xáo động nhỏ trong mỗi con người. Có người nhanh chóng hòa nhập vào cuộc sống mới, có người bị dị ứng ngay từ phút đầu tiên. Ở Hoàng Nga, người đọc thấy những bất an, những ám ảnh còn đeo đuổi theo từng nhân vật, hay nói xa hơn, nó còn theo bà dù rằng bà đang từng bước hội nhập vào dòng chính nơi xứ người. Ngày nào bà còn bị ám ảnh, ngày đó, bà còn viết được

Thơ Nguyễn Nam An

ta đi

Ta đi với đất vô cùng rộng
Ngoảnh lại cơ hồ mây trắng bung
Ta đi với núi lưng đèo biếc
Chiều chạnh lòng không nỗi nhớ chùng
Ta đi chốn cũ không người nhớ
Cuối một đường xa dất lạ tên
Cuối một chiều hoang lơ ngơ phố
Cuối một nỗi buồn lại có thêm

Một mình khuya về phương bắc

Đường xa chắc ngươi mệt mỏi
Như ta giờ đói kiếm cơm
Có quen gì không chốn tới
Hay rồi bóng tối, cô đơn
Đứng bên lưng đèo thở dốc
Đường lên nghìn thước hoang mang
Núi rừng đã vàng thu chớm
Ta người, hơn gì? Cô đơn
Thì thôi khuya xa lộ Năm
Đường xa đen núi âm thầm
Ta nói với người như bạn
Mà nỗi buồn muốn dậy ngangà

những thiên truyện ngắn mang vết tích của một thời, mà người đọc như tìm thấy những hình ảnh thân quen, những giọng nói ấm cúng, những tiếng cười rộn rã, mà tất cả được dàn trải trên từng trang giấy, để gởi đến chúng ta, giúp ta vơi bớt những căng thẳng, lo âu, và lắm lúc phiền toái của cuộc đời.❐

Đoàn Nhã Văn
11/99

Đến thăm nhà bạn

TRIỀU HOA ĐẠI

. gửi anh chị Hồ Minh Dũng và các cháu .
. riêng với bé Tino

Buổi sáng ra vườn thấy nhánh hoa . Rơi
thấy lá vàng, xanh chao qua tóc rối
một đời thôi. Sáu mươi năm gặp lại
ôm nhau cười mây bay ngang vai

ôm nhau cười mà lòng dưng dưng
quê hương dây đâu phải quê mình
Cồn Mây . Như tóc ai ngày trước*
phả bóng hoàng hôn chiều đã xanh

mà tiếc chi một ngày sẽ khuất
diệt sinh, sinh diệt cũng như nhau
ngày mai mở mắt ta còn đấy
mây trôi theo lá rụng chân cầu

muốn nhìn quỳnh nở giữa đêm sao?
thấy chi những mất mát đời sau
bạn, tôi sẽ đến nơi phải đến
ta ngắm sao sa nước mắt trào

còn nữa chú. Lại một đàn công
xòe đuôi mừng bạn hết long đong
chỉ thương tiếng hát ngày khô khốc
chỉ thấy trong nhau những héo lòng

thôi mà bạn. Tạ lòng nhau dấy
giữa nhân gian tiếng khóc, tiếng cười
mai kia về lại đường xưa cũ
thấy lại nơi mình những lẻ loi

thôi mà bạn, sáu mươi năm qua đi
muốn, không ngày cũng phải chia lìa
cuối năm ta ngồi đây hơ rét
thấy ở trong hồn những tái tê

chỉ vì lòng bạn, lòng ta thôi
về lại bên nhau góp tiếng cười
cứ lấy quê người làm quê cũ
một chén thôi mà. Chén nữa thôi

tiễn tôi về. Bạn bốn lần bắt tay
mong sao tôi bình yên đường dài
lúc máy bay ngang qua nhà bạn
ngước lên nhìn. có thấy lệ tôi rơi !

Triều Hoa Đại
Middleburg , 11/99

** Cồn Mây là tên truyện dài của HMD*

Cúc vàng, và những truyện khác

Nguyễn Xuân Thiệp

Trên đường xa xứ, đôi khi tôi gặp những bông cúc vàng, và chợt thấy lại hình ảnh cô bé bán bánh khúc ngày nào.

Cô bé ngồi dưới mái hiên phố chợ, chỗ con đường dẫn ra bãi sông. Cô hãy còn rất trẻ, tôi đoán chừng ngoài hai mươi. Gầy, xanh trong tấm áo bạc màu, chỉ có đôi má ửng hồng. Cô hay cười, đôi mắt có đuôi. Đôi mắt sắc, như trong ca dao, của những cô gái ven sông Hồng. Cô vào ở vùng này, không hộ khẩu, mới được hơn năm. Miền Nam, như cô nói, dù sao cũng còn có cái để ăn.

Sáng nào tôi cũng ghé qua phố chợ, chỗ cô bé bán bánh khúc. Chợ hãy còn thưa người, song cô bé đã có mặt ở đó tự bao giờ, cùng với con em cũng gầy ốm như chị. Cô ngồi, với nụ cười, và chõ bánh bốc hơi nghi ngút. Thường tôi mua hai trăm đồng. Hai trăm đồng bánh khúc chẳng thể no đến trưa, nhưng cũng đủ ấm lòng buổi sớm mai se lạnh.

Bánh khúc, người miền Nam gọi là xôi cúc, là món quà ở các phố chợ nghèo. Có điều đáng nói là bánh khúc của cô bé lúc nào cũng nóng, thơm và dẻo. Bao giờ cũng vậy, cô lấy cho tôi hai miếng bánh khúc lẫn với nhiều hạt đậu màu vàng, thêm một ít xôi vét quanh chõ. Tất cả được gói trong lá chuối xanh. Cô bé cười, nói đặc giọng miền Bắc: Cháu mua toàn gạo nếp ngon. Đậu, mỡ, cái gì cũng đắt. Lời lãi vì vậy chẳng được bao nhiêu. Quê cháu nghèo lắm, chú ơi. Mùa đông, rét và đói thắt ruột. Mùa hè, nắng cháy da. Bố cháu đi B rồi mất tích. Mẹ cháu và chị em cháu làm lụng quanh năm dưới đồng sâu không đủ ăn. Năm mười tám, cháu lấy chồng, thương binh về vườn. Hai vợ chồng, thêm một em gái, dắt díu nhau vào Nam, bỏ lại ven sông một mẹ già và thằng em trai nhỏ. Chồng cháu hiện giờ không đi đâu được, ở nhà chăm sóc luống rau và mấy con gà. Cháu ngày ngày ngồi bán bánh khúc ở chợ này, giật gấu vá vai vừa đủ

mấy miệng ăn. Lại còn phải lo giỗ, tết và mua manh quần tấm áo gửi về.

Tôi nhìn cô bé, nghĩ đến anh chồng thương binh của cô. Giữa tôi và họ thật sự có đường ranh nào không trong cái khổ vô cùng tận của đất nước. Chiến tranh đã qua hơn mười năm, những vết thương vẫn không lành miệng.

Một sáng, ghé mua bánh khúc như thường lệ, tôi bỗng gặp một niềm vui nhỏ: cô bé đang mặc một chiếc áo len mỏng màu vàng hoa cúc. Cô đẹp rực rỡ trong nắng mùa đông. Thấy tôi cười, cô bé cho biết: Cô mua trả góp ở chợ, mỗi ngày trả một nghìn đồng. Nhưng có hôm không đủ tiền trả, chủ đòi lấy áo lại. Vì vậy, cô tính sẽ giao chõ bánh cho đứa em gái ngồi bán, còn cô theo người trong xóm đi bắt tôm cá ở mương rạch kiếm thêm tiền. Đi từ đầu hôm tới sáng. Cô nói thêm: Vả lại gần tết rồi, chú ạ, cháu cần tiền gửi về cho mẹ và em.

Mấy hôm, trời bỗng dưng trở lạnh khác thường. Đêm, gió nổi lên từ sông, vật vã trong những khóm dừa nước và hàng cây bên đường, chui vào bên trong liếp cửa. Hơi lạnh tỏa khắp nhà, bắt đầu thấm vào đồ vật. Lạnh qua manh chiếu sờn, tấm áo mỏng. Da, tóc đều thấm lạnh. Đêm, thức giấc, gửi vào âm vang của gió vài tiếng ho khan. Mặc thêm áo, đốt điếu thuốc, ngồi nghe gió. Tôi nghĩ đến cô gái lội bì bõm trong bùn nước mương lạch. Trời lạnh thế này...

Bẵng đi một hai tuần, tôi phải đi xa, không ghé mua bánh khúc. Cho tới một buổi sáng, tôi đạp xe ngang qua góc phố chợ, không thấy cô gái bán bánh khúc như mọi hôm. Một mình đứa em gái nhỏ ngồi bên chõ bánh. Nó mặc chiếc áo vàng của chị, đầu chít chiếc khăn trắng. Thấy tôi, mắt nó đỏ hoe, hai giọt nước long lanh. Chị cháu... Tôi im lặng, không hỏi thêm.

Ở một nơi nào đó, tôi ước mong cô bé được mặc chiếc áo màu vàng của đồng hoa cúc dại.

Chim bay qua trời

Chỉ có hai người trong nghĩa trang. Và tiếng gió. Mùa thu đã về. Những chiếc lá phong bắt đầu chín vàng rụng trên lối đi lát đá. Trên cao, từng đàn chim soải cánh, lặng lẽ bay về phía chân trời.

Người con gái giở túi xách, lấy ra con gấu bông màu vàng, đặt trên bệ đá trước mặt người thanh niên.

- Em gửi con gấu bông này lại cho anh. Ngày xưa, anh đã chẳng từng thương nó. Lâu nay, hàng đêm nó vẫn thường nằm trong lòng em.

Bây giờ nó sẽ ở với anh. Xa em, vắng em, anh hãy chơi đùa, chuyện trò với gấu bông, nha.

Người thanh niên vẫn im lặng, nhìn nàng. Cô gái thở dài.

- Mới đó mà đã nửa năm. Phải chi ngày ấy ta cứ đi về miền Nam với hai bàn tay trắng...

Ngừng một lát, người con gái nói tiếp, giọng vỡ ra:

- Đâu ngờ lão Joe có súng... Anh vào rồi, còn một mình em trên góc phố, dưới trời khuya. Chợt em nghe tiếng súng nổ. Rồi sau đó là tuyệt im lặng. Im lặng...

Bây giờ chỉ còn mình em đi về miền Nam. Con đường xa tít tắp. Chẳng biết đến bao giờ mới trở lại thăm anh. Miền Nam có nắng vàng quanh năm như nắng quê nhà. Ở đó, dù sao cũng dễ sống hơn, như lời anh thường nói.

Gió động trong cây. Lá phong vàng ố rơi từng chiếc trên những nấm mộ đá. Người con gái cầm túi xách, đứng lên. Nàng nhìn xuống mặt người thanh niên.

- Thôi, em đi đây. Từ nay, mưa rơi hay tuyết phủ chẳng còn làm đau rát da thịt anh. ánh nắng sẽ không còn làm anh chói mắt. Anh ở lại. Gấu bông ở lại. Em đi...

Nàng ra xe. Tiếng động cơ nổ. Trên cao, chim từng đàn soải cánh, lặng lẽ bay về phía chân trời.

Tào khê nước chảy

Chờ Cụ Cử và lão bộc đi khỏi, Tâm khép cổng lại. Con Vàng theo sau cô. Nó chui vào nằm dưới gầm giường, mõm gác lên chiếc guốc mộc,mắt nhìn ra chỗ ánh nắng ngoài sân.

Trong nhà hoàn toàn vắng vẻ. Cô đến thắp nhang trước bàn thờ mẹ, cúi lạy, đoạn lấy từ dưới tủ thờ ra cái túi cói. Mở túi, cô cầm trên tay xấp lụa, cái gương soi, hộp phấn, chiếc lược gỗ hồng tâm... Một mùi hương nhẹ thoảng, lẫn với mùi nhang tỏa khắp nhà.

Trời đã ngả về chiều, nhưng nắng quái còn rực bên kia sông. Cây lựu đầu hè lấm bụi, im sững. Tiếng súng từ đồn binh của lính Pháp thỉnh thoảng vọng về lẻ loi. Hình như phía đàng Đông, cơn giông tháng năm đang chuyển bụng. Không khí trong ngôi nhà cổ nóng bức, đặc quánh lại. Mồ hôi tươm ướt manh yếm trong của cô. Trong ánh sáng đổ xuống từ vuông cửa sổ, Tâm nhìn những món đồ trên tay với đôi mắt ráo hoảnh. Cái gương soi và hộp phấn là của anh ấy mua ở trên phố phủ tặng cô nhân dịp

ngày rằm trẩy hội chùa Thầy, cách đây dễ cũng đã dăm năm. Chiếc lược có cái cán dài và nhọn là do anh ấy tự tay làm trong những tháng xuôi ngược miền thượng du với một vài đồng chí. Gỗ hồng tâm rắn, sắc, lên nước, ửng màu đỏ sậm. Cô quý chiếc lược lắm, bởi nó có tấm lòng và cả máu của anh ấy. Còn đây, xấp lụa Tô Châu anh ấy mua nhân chuyến sang Tàu gặp gỡ một vài nhà lãnh đạo Trung Hoa.

Cô còn nhớ hôm ấy, hồi mẹ cô còn sống, anh từ Quảng Châu về trong trang phục nho sinh. Vào nhà, vừa kịp chào Cụ Cử và trao đổi một hai câu ngắn, anh xin phép gặp cô. Xa cách lâu ngày gặp lại, lòng cô như chiếc lá sen dưới cơn mưa đầu mùa. Anh cầm tay cô, mỉm cười, trao tấm lụa. Má cô nóng ran vì hạnh phúc, Kịp lúc đó, mẹ gọi cô xuống bếp phụ làm bữa ăn. Buổi tối, anh ở lại dùng cơm, nói chuyện với Cụ Cử tới tận khuya. Trước khi đi, anh ấy mở túi đeo vai lấy ra một xấp giấy, đưa cô và dặn một vài điều, bảo hãy cẩn thận, rồi từ biệt. Nghe tiếng chân anh xa dần, không hiểu sao nước mắt cô ứa ra. Trước ngày chuẩn bị khởi nghĩa, cô còn gặp anh ấy một vài lần. Lần nào cũng vậy, thật ngắn ngủi. Chỉ kịp nhìn nhau, thăm hỏi vài lời, dặn dò đôi câu. Rồi anh đi. Dáng anh cao gầy, tóc xõa xuống vai, như cây thông đầu gió.

Lần cuối, anh đến bằng ngựa, trong chiếc áo màu chàm, lúc cô ở chợ huyện chưa về. Anh vội thúc ngựa đi tìm cô. Gặp nhau giữa đường lúc cơn giông núi đổ ập xuống. Cô ngồi sau lưng anh trên mình ngựa chạy trong cơn giông. Mưa như roi, quất vào lưng, vào mặt. Rừng vầu xô giạt, xẻ ra từng luống lớn. Một cây cổ thụ bên đường bật gốc, phơi màu đất đỏ máu dưới cơn mưa. Cô ôm cứng ngang người anh, gục đầu vào vai, nhắm mắt lại. Mùi mồ hôi đẫm hơi mưa, bốc lên nồng gắt.Ngựa chạy vào núp mưa bên tòa miếu cổ. Tóc và quần áo cô ướt đẫm, rũ xuống như tàu chuối xanh. Mưa xối xả, quận thắt và hân hoan. Đằm trong cơn giông giằng xé bầu trời, thân thể cô cơ hồ tan ra trong mùi nhục cảm.

Nắng chiều đã nhạt. Bên nương ngô, tiếng người gọi nhau mơ hồ vọng lại. Tâm vẫn ngồi với tấm lụa và chiếc lược trên tay. Một sợi tóc rụng xuống trong chiều. Cô nhìn sững những đường vân đỏ trên lược, thẫn thờ vuốt cái chuôi dài, nhọn bén của nó. Cuộc khởi nghĩa đổ vỡ như mùa nhãn bị cơn giông ruồng phá. Anh ấy và các đồng chí bị bắt lúc đang họp. Khắp nơi, từ thôn ổ đến kẻ chợ xôn xao rồi nín bặt. Nhà nhà đóng cửa, đêm không dám thắp đèn. Đã hết chờ đợi. Xếp cờ và biểu ngữ lại. Chôn giấu súng ống, gươm dao. Bít kín tiếng người. Lúc trời bật sáng cũng là lúc tiếng hô cuối cùng tắt nghẹn trên đoạn đầu đài. Cụ Cử nói với cô: "Mười mấy người, con ơi. Có cả anh ấy nữa..." Cô đã thấy, đã

nghe.Tiếng sấm ran chớp giật từ xa vọng lại xé nát lòng cô. Có lúc lòng cô cơ hồ trống rỗng, vô hồn, vô cảm.

Đứng trên đồi, nhìn quanh là đồi cọ vàng xơ xác, những mái nhà cheo leo bên sườn thung lũng, dãy Hoàng Liên Sơn trùng điệp, xanh mờ. Pháp trường đã được thu dọn, chỉ còn mấy cây cột và màu đất hoen ố. Trong nắng trưa, từ đồi nhìn xuống, cảnh vật trơ lì, bất động. Thỉnh thoảng cô nghe tiếng mõ trâu từ bên kia đồi. Cơn gió xa về thổi bốc lên từng đám bụi. Trên cao, mấy cánh chim đen lượn vòng, đâm bổ xuống, rồi vút bay đi.

Buổi chiều ở Yên Bái về, cô đem đốt hết giấy tờ và cả tấm ảnh của anh ấy. Đêm qua, một mình đứng bên bờ ao, nghe tiếng cá đớp mồi dưới mặt bèo, cô tự hỏi còn gì nữa. Anh ấy đã đi, đi mãi... Cô nhìn lên trời, tìm chuôi sao tinh đẩu. Có phải chỗ kia, nơi vệt sáng mờ kéo dài, là giải Tào Khê không? Một con ếch từ bờ đất ẩm nhảy tòm xuống nước, âm thanh dội lên ngắn ngủi rồi chìm dưới khóm lau sậy... Cô xếp mấy món đồ lại, cho vào túi cói cùng với đám quần áo cũ. Vẫn còn trên tay cô tấm lụa vàng và chiếc lược gỗ. Cô cẩn thận trải tấm lụa ra giường. Nắng đã tắt bên sông. Cô bắt đầu cởi khuy áo, kéo vạt yếm sang một bên. Tay phải cầm chiếc lược gỗ hồng tâm, cô ấn đầu cán của nó vào khoảng dưới ngực. Chỗ da màu ngô non lõm xuống, sâu và nhọn.

Sáng hôm sau, khi bóng đêm tan trên những gốc nhãn trong vườn, hàng xóm nghe tiếng chó sủa từ bên nhà cụ Cử. Con chó vàng rên rỉ, tru tréo liên hồi. Mọi người bảo nhau chạy sang xem. Họ thấy một đường máu thẫm đen chảy từ trong vách ra tới gốc cây lựu. Và cuối hè năm ấy, gốc lựu bên hiên nhà trổ hoa, đỏ rực cả một vùng.

Dã quỳ

Thế là Đài không trở về nữa. Anh đã mất hút sau cánh đồng dã quỳ bên kia suối. Tin từ người nhà của Đài cho biết chiều ngày 25 tháng 2 anh lái xe đến thành phố Wichita, tiểu bang Kansas. Trước khi mất tích, dường như anh có điện về nhà nói anh đang dừng chân ở một quán bên đường lúc chiều đã xuống. Bặt tin tức của Đài trong nhiều ngày, người nhà tìm đến cái quán nọ thì dân địa phương cho biết có một chiếc xe hơi nằm trong ruộng hoa quỳ nhưng không thấy người chủ xe đâu. Vào sâu trong ruộng, thấy quả nhiên như thế, chiếc xe của Đài nằm chơ vơ trong ruộng quỳ vàng.

Tôi như người bước đi trên không. Sự ra đi của một người bạn thân,

dù là mất tích hay chết, cũng khiến mình bàng hoàng. Sẽ chẳng bao giờ còn gặp Đài nữa ư? Thật tình, tôi hoang mang dao động, không biết Đài đi đâu. Đã hơn một tuần trôi qua, người nhà nhờ đến cảnh sát nhưng vô ích. Đài như một cánh bướm biến mất trong màu vàng lộng lẫy của hoa quỳ vào một buổi chiều nắng rực.

Hồi tưởng lại, chúng tôi đã từng có mặt bên nhau trong những quãng đời đứt nối. Quen biết nhau hồi mới vào quân trường đầu cạo trọc lóc. Ra trường mỗi người một phương. Tôi ở lính một thời gian rồi được biệt phái về bộ Tư pháp; còn Đài trước đóng đồn miền núi, rồi về quân đoàn làm phóng viên quân đội, đồng thời là corespondent cho một hãng thông tấn ngoại quốc. Chuyện tình của Đài và Ngọc tôi có biết ít nhiều do Đài kể trong những lần đi bãi qua rừng cao su hoặc ở những dịp gặp nhau vội vã tại Sài Gòn. Ngọc là học trò cũ của Đài ở trường LNH bên dòng sông Cửu Long những năm cuối 50. Họ yêu nhau, một thứ tình yêu chín đỏ như trái mận đầu cành. Thời gian Đài đóng đồn ở Kontum, Ngọc có lên thăm một lần giữa mùa hoa quỳ nở. "Ngọc mặc áo lụa trắng, đi giữa rừng hoa quỳ bạt ngàn. Màu hoa quỳ vàng dội trong nắng, Ngọc như cánh chim bay lướt trong trời giêng hai ấm áp. Về phía con sông rừng, một đoàn quân xa lăn bánh trong bụi mù... Hình ảnh ấy ở mãi trong trí mình, như một vết cháy, một ám ảnh vừa đau đớn vừa hoan lạc." Đài kể với tôi như thế. Họ yêu nhau, như hoa quỳ yêu nắng, như rượu yêu môi. Nhưng chiến tranh vào thời kỳ khốc liệt nhất, đã chia cách họ, làm họ bặt tin nhau.

Từ ngày sang Mỹ, tôi và Đài có dịp gặp lại trong những sinh hoạt văn hóa. Đài hiện sống với gia đình và con cái, nhưng dường như không mấy vui bởi đã có nhiều đổi khác trong sinh hoạt của từng người. Trong điện thoại gọi cho tôi cách đây mấy tuần, Đài cứ nhắc đi nhắc lại về những cánh đồng đã quỳ ở Kontum ngày nào. Anh nói: "Thơ của bạn sao nhiều hoa quỳ thế?

Một lần
cổ hoa thầm nhắc
tên một đóa quỳ điên
và
Cầm bút viết. đời hoa quỳ vàng
rồi lại
Hút với nhau điếu thuốc
Giữa buổi chiều hoa quỳ
Nói dăm câu từ tạ
Mây với người cùng đi

Ngày ấy, Ngọc lên thăm mình, đi giữa đồi hoa quỳ vào độ giêng

hai. Ngày đó, mỗi lần đi làm phóng sự mặt trận ở vùng Kontum mình lại có dịp hái hoa quỳ, ép vài cánh trong sách rồi gởi về cho Ngọc. Hoa quỳ ở những vùng đó đẹp vô cùng, hoang dã nguy nga. Dã Quỳ. Mùa xuân bắt đầu là nở vàng rộ như một tấm thảm nhấp nhô biển sóng dưới ánh mặt trời. Sang Mỹ, mình cũng có dịp nhìn những ruộng dã quỳ quanh thành phố Oklahoma và vùng ven con Sông Đỏ. Những lúc đó, tâm trí đầy ắp hình ảnh Ngọc. Quay quắt và đau đớn, như một vết thương bỗng cựa mình, bật máu. Rồi trong những giấc mơ chợt đến vào những đêm chuyển trời, mình thường thấy chìm sâu trong biển hoa quỳ nồng nàn quyến rũ. Và có lúc, mình thấy Ngọc bay lượn trên triền sóng vàng dậy. Mình đuổi theo, càng đuổi theo thì Ngọc càng bay xa, rồi mất hút. Trời, mình có nghe tin tức về Ngọc, khá mơ hồ và bất định. Dường như Ngọc đang có mặt đâu đây, ở thành phố phía Bắc Oklahoma. Nhưng chắc chuyện đã khác ngày xưa rồi. Sông không ngừng trôi và con người cũng phải đổi thay... Tìm lại đóa hoa ngày cũ e chỉ là ảo tưởng, nhưng ảo tưởng đó sao đẹp não nùng đến thế? Có thể nào người ta chết vì một ảo tưởng không?"

Đài đi đâu, hay Đài đã chết trên một ngọn đồi nào đó, như ngọn đồi ngày xưa ? Chính sự mơ hồ này làm tâm trí tôi không yên, cứ như vướng mắc vào một mạng lưới trùng điệp. Với những điều biết được, rất là rời rạc và bềnh bồng, tôi có thể tạm dựng lên một kịch bản như sau. Và đã là kịch bản thì chắc không ăn khớp với thực tế một cách toàn vẹn được. Tôi thấy chiều hôm ấy Đài lái xe từ Oklahoma City đi Wichita. Anh đi tìm ai? Có thể đó là Ngọc vì anh cũng nói hình như Ngọc hiện có mặt tại thành phố này. Buổi chiều đầu xuân, nắng rự rỡ. Hai bên đường nhấp nhô những ruộng hoa quỳ trong nắng gió. Vàng trong không gian, vàng ngợp như men say. Dọc đường, Đài dừng xe ở một lữ quán, có lẽ để giải khát hoặc uống một vài ly rượu. Ngồi trong lữ quán nhìn ra, mắt anh bị màu vàng rỡ của những ruộng quỳ thu hút. Uống xong anh lái xe đi tiếp, nhưng thay vì đi thẳng về hướng Wichita, anh lại rẽ vào một ruộng quỳ, và cứ thế lái xe dẫm nát tấm thảm màu vàng của dã quỳ. Đài đã nhìn thấy gì chăng? Một ảo ảnh? Có thể lúc ấy tâm trí mê thiếp trong hương say của dã quỳ và men rượu, anh đã nhìn thấy Ngọc trên cánh đồng hoa quỳ vàng xô. Và Đài đã đuổi theo, bỏ xe chạy băng qua ruộng quỳ, lội qua suối và rồi...

Không ai biết Đài đi đâu, về đâu? Có thật là Ngọc, người học trò xưa và người yêu thất lạc của anh, ở Wichita không hay một người nào khác cùng tên? Và Đài đi tìm một cái bóng chăng? Có lẽ chỉ có loài hoa dã quỳ mới biết được sự thật mà thôi. ❐

Bài thơ cho chim nhỏ

KINH DƯƠNG VƯƠNG

Khi gặp em
tôi ước sống đời đời để yêu em
trong những ngàn năm sau
Ôi Em-Chim-Non
Hoàng oanh bé bỏng bay chuyền
trong các cành cây buổi sáng
Em hát - giọng hát trong ngắt quãng
xui tôi cảm động
Tôi khóc - mà em nào biết
Mắt em hồn nhiên sáng ánh sương mai
dọi nắng lá non xanh
Chạm đến hồn tôi - hồn siêu thoát
Hỡi Chim nhỏ ơi! Em đã bao lần rửa sạch tâm hồn tôi?

Nơi nào Em sinh ra
Khi nào Em lớn lên
Hỡi Chim-Non-Thành-Phố?

Hỡi chim ngây ngô yêu quí
Ngày sau Em sẽ lớn lên
Đừng trở thành hoa hồng. Em ơi!
Người ta yêu Em bằng lòng độc ác
Tôi ước, Em là sen: giống hoa thùy mị mùa Hè
Hương thơm Em theo gió bay về cõi xa...

Hỡi Nàng Chim! Tôi yêu Em
Tôi không là thánh
Nhưng tôi yêu Em bằng lòng thanh khiết
Đó là lúc tôi bắt gặp

Tôi bắt gặp tình cờ điều ước mơ
Như mọi người đều bắt gặp sự thánh thiện trong lòng.

Sao Em không là chim của đại dương
Lướt cánh bay trên biển muôn trùng
Phút lâm chung xác Em trôi bềnh bồng trên sóng
Chìm ngập trong ánh sáng tươi hồng?
Em ơi!
Có thể Em phật lòng
Khi ước mơ tôi quái dị
Nào Em thấu hiểu điều tôi nghĩ
Biển tinh khôi đón nhận xác Em ướp thơm hương huệ
Đó là giờ Mùa Xuân
Giờ con trẻ của Vũ trụ
Nắng sạch tràn dâng tiếng hát tiễn Em
Thế giới Em không là Thành Phố

Cuối cùng còn điều ước mơ này
Tôi mong Em không bao giờ lớn lên
Em mãi mãi là Chim Non để hót trong
những buổi sáng của tôi
Những buổi sáng sau đêm sương
Tôi dành tất cả thì giờ nhìn Em nhảy nhót trên cành
Nghe Em hót những tiếng trong xanh
Tôi dứng ở cửa nhìn Em khi nắng chiếu nhẹ
lên mình Em
Những buổi sáng sau đêm sương
Tôi nhìn Em, hai mắt cay cay

Tôi nghe Em hót và khóc vô cớ.

Hương Xuân và Giai nhân

Quỳnh Giao

Tôi đã từng nghe nam giới luận bàn về rượu, từ cách uống của Lệnh Hồ Xung tới ly chén của Tổ Thiên Thu, hoặc đánh giá các loại *Clos* này hay *Chateau* kia của Pháp hay California. Vì vậy, tôi thầm nghĩ tại sao mùa Xuân về ta không bàn về một chất lỏng khác cũng làm say lòng người, dù nồng và cay hơn mà lại chẳng phải uống vào bụng?... Đó là nước hoa... vốn là một sở thích từ bé của mình. Chả thế mà mấy cô em gái mỗi lần viết thư thăm chị thường có đoạn tái bút "dạo này bà giám đốc hãng nước hoa có khám phá ra mùi gì mới chưa", hoặc "nơi chị vừa mới dọn đến, chắc là cửa hàng bán nước hoa làm ăn khấm khá hơn trước!"

Năm xưa, thì tạm gọi như vậy vì cũng đã sáu mùa xuân qua rồi, tôi đã viết nghịch một tạp bút về nước hoa cho số *Văn Học* Xuân Quý Dậu. Bài đó chỉ viết về các mùi hương tuyệt hảo mà các nhà sản xuất nổi tiếng trên thế giới đã tung ra để phục vụ nhu cầu của khứu giác, một giác quan yếu nhất vì kém tinh mà lại dễ bị nhiễu loạn nhất của chúng ta. Chứ gì nữa?... Không tin, bạn cứ ở miền Đông này vào mùa Xuân đi, cả người Mỹ cũng khóc vì tháng Tư đó. Mắt mũi cứ lã chã giọt châu rơi, hoa xuân đẹp rực rỡ mà chẳng dám hé cửa thưởng ngoạn, vì sợ bị dị ứng với phấn hoa.... Năm nay, thay vì bàn về các nhà sản xuất ra nước hoa, tôi lại lạm bàn về... phía bên kia, về người dùng nước hoa. Biết đâu bài viết lọt mắt xanh... ông chủ hãng nào đó, dám mình được mời làm cố vấn, hay tệ lắm cũng được biếu *free sample* thử dài dài...

Nói chơi vậy chứ người sành nước hoa chỉ chọn "một" mùi thích hợp chứ ít đổi tới đổi lui vì mùi mình bôi là "cá tính" riêng của mình, trở thành một hành trang (tôi nói hành trang vì nghĩ tới mùi *Equipage* của người

bên cạnh) đi cùng nhân dáng của mình. Đôi khi, người ta cũng đổi thay mùi hương cho hợp với khí hậu, như mùa hè dùng mùi khác với mùa đông. Riêng tôi thiển nghĩ là khác mùa cũng vẫn nên dùng một mùi, chỉ đổi ở chỗ đậm lạt, từ *eau de toilette* là loại nhẹ, sang *eau de parfum* rồi tới *parfum* là tinh chất nước hoa nên mùi đậm và bền hơn. Nhân đây, phải nói nam giới là phái khỏe nên yếu hơn chúng tôi nhiều không có *parfum*, chỉ có *eau de Cologne*!

Nếu tôi lạm bàn nhiều mùi quá, thì bài tạp bút này sẽ dài lắm, và nhà xuất bản sẽ tốn tiền pha mực lẫn mùi hương lên từng trang giấy, nên chỉ viết và phân tích một số mùi tôi biết, ưa thích hoặc cũng quen thuộc đối với độc giả...

Hương thơm là một hiện diện vô hình. Vì lẽ đó mà người bôi nước hoa đều mong ước người thân của mình chỉ cần ngửi mùi mà nhận ra mình, hoặc tình tứ hơn, là... nhớ đến mình. Không cứ là nước hoa, một mùi cỏ khô năm xưa khi mình dìu bước bên nhau sẽ trở về tràn ngập trong tâm trí... nếu một mình ta trở lại vườn cũ. Có lẽ vì khứu giác chúng ta không tinh bằng các giác quan kia, nên ký ức của nó mới dễ gợi nhớ tới nhiều điều mơ hồ vây quanh, và nhớ khá lâu, như vết chém trong tâm tư, còn đậm nét hơn cả một mẩu chiều tím lịm ghi bằng thị giác. Chẳng riêng nước hoa, mà khi xa con, không người mẹ trẻ nào lại không quay quắt nhớ mùi thơm sữa trên má trên cổ đứa bé, chỉ mong chóng về để "hít lấy hít để" mùi... con mà cũng là từ mình... Hương gây mùi nhớ là thế đó.

Nhưng, về sau này, người ta không còn bôi nước hoa vì lý do... ích kỷ đó nữa, mà trước tiên có lẽ để làm chính mình vui vì thấy thoải mái với hương thơm vây quanh. Dù chả đi đâu ra ngoài, nhiều người chẳng xức nước hoa buổi sáng đó ư?

Ngày còn bé, nước hoa đối với tôi có sức thuyết phục hơn lời nói. Sức thuyết phục của nước hoa thì không cưỡng được. Qua khứu giác và trí tưởng tượng, nó đi vào mình như hơi thở đi vào phổi. Ngày ấy cứ mỗi lần ông ngoại tôi đến chơi, tôi thích nhất được ông ôm vào lòng, để được ngửi mùi nước hoa thơm nhẹ nhàng và đằm ấm của ông. Và tôi bỗng thấy mình được bao bọc che chở, cảm thấy hạnh phúc vô cùng. Ông tôi lúc ấy cỡ lục tuần, mùi *eau de Cologne* ông thường xức có tên *Jicky* là của nhà Guerlain, được coi như vô địch về nước hoa của Pháp. Tôi tra trong cuốn tự điển nước hoa mà nhà tôi tặng ngày mới gặp lại (chàng khôn lắm bạn ạ, đánh

trúng yếu điểm của tôi), thì thấy gốc của nó là *fougère*, hình như là cây dương xỉ, trong Nam mình gọi là lưỡi rắn. Sau đó tôi đi tìm thêm nhiều tài liệu khác trong quán sách để biết thêm các công thức của nhiều loại nước hoa. Miệt mài cứ như là học trò sắp thi dùi mài kinh sử vậy. Mỗi khi vào hiệu sách, ngoài việc đi tìm mua truyện trinh thám mà tôi rất mê tôi thường lục lọi tìm sách viết về nước hoa, thường rất hiếm, hoặc có khi cổ quá, đã lỗi thời. Mà tôi đâu muốn tìm sách giới thiệu nước hoa thôi, tôi còn muốn ngửi thử và tìm hiểu công thức, tên các tinh dầu, hương liệu v.v... thế mới rắc rối!...

Theo kết quả "điều tra" của tôi thì *Jicky* tổng hợp hương liệu của huê mộc, tinh dầu cam chanh, chanh, oải hương, lá mê điệp, hoắc hương và bạch đàn. *Jicky* có mùi thơm quí phái và rất nhẹ. Nếu bôi buổi sáng, đến trưa phải bôi lại, không thì mùi đã phai đi nhiều. Điều đáng nói là bà ngoại tôi cũng dùng *Jicky*. Đây là mùi mà ta gọi theo lối bây giờ là *unisex*, dùng cho cả hai phái. Bạn đọc có tưởng tượng ra không, *Jicky* được Aimé Guerlain sáng chế từ năm 1889, và được coi là nước hoa đầu tiên của thời hiện đại đấy!

Một năm trước đây tôi có đọc được trong một tờ nguyệt san phụ nữ của Mỹ bài viết về các đệ nhất phu nhân, qua đó được biết hai đệ nhất phu nhân Roosevelt và Truman đều xức *Jicky*. Hương thơm của *Jicky* nhẹ, thanh thoát mà vẫn ấm áp. Cái chất nhẹ mà ấm đó thích hợp với người đã đứng tuổi, có địa vị và tính tình trang nghiêm. *Jicky* có lẽ hợp với mẫu người đẹp trang trọng, dù vẻ bên ngoài cứ như là dửng dưng với cuộc đời, như Deborah Kerr, Kim Novak, Ingrid Bergman xưa kia, hay Glenn Close ngày nay chẳng hạn...

Cũng trong một cuốn sách quảng cáo nước hoa, mới đây tôi đọc được một bài viết về Creed, nhà sản xuất nước hoa của Pháp. Trước đây, Creed có làm riêng sáu loại nước hoa không bán trên thị trường, trong đó có ba loại dành riêng cho các minh tinh màn bạc nổi tiếng. Một cho Grace Kelly do lời yêu cầu riêng của ông hoàng Rainier để nàng dùng ngày tân hôn khi đội vương miện nữ hoàng Monaco, sau được đặt tên là *Fleurissimo*. Một cho nữ tài tử có nét mảnh mai quí phái là Audrey Hepburn, lấy tên là Hoa Xuân (*Spring Flowers*). Mùi thứ ba tôi không nhớ tên là dành cho nam tài tử gốc Anh là Cary Grant. Đến nay cả ba đã ra người thiên cổ, những mùi đặt riêng đó mới được đem bán rất hạn chế ngoài thị trường.

Tôi đã đến Neiman Marcus vì chỉ ở đó mới có bán ba mùi ấy, và chỉ đặc biệt vào dịp Giáng sinh thôi, để đòi... thử cho biết. Không thấy bầy ra ngoài như những thứ nước hoa khác tại quầy nước hoa, tôi phải hỏi người bán hàng - một người đàn ông da trắng ăn mặc lịch sự - về loại đặc biệt này. Trong ba loại đó, tôi ưa *Fleurissimo* hơn cả vì giống như người dùng là Grace Kelly. *Fleurissimo* thơm nhẹ nhàng, kín đáo, cao quý và rất thanh thoát. Trong tạp chí tôi đọc thì mùi dành cho Cary Grant nay được Clint Eastwood, Richard Gere, Val Kilmer và khá nhiều nam tài tử khác dùng. Được phỏng vấn là vì sao mùi này lại được nhiều tài tử tuổi tác và cá tính khác nhau cùng thích, nhà sản xuất trả lời: Những người có cá tính mạnh mẽ thường thích dùng mùi nhẹ, thật nhẹ, vì họ không muốn một thứ gì (kể cả nước hoa) lớn hơn họ, họ phải lớn hơn mọi thứ và bao trùm mọi thứ. Nghe thấy tôi kể như vậy, từ đó nhà tôi bèn đòi bôi nước lã... cho yên tâm.

Ngoài *Jicky*, mùi nước hoa coi như lâu đời nhất nay vẫn còn được bán vì vẫn có người dùng, nhà Guerlain còn có *Shalimar* sáng chế từ năm 1925 là mùi bán chạy nhất của họ. Cái mùi này mới ly kỳ.

Shalimar nghĩa là phiến tình hay khối tình, và tôi nghĩ rằng dịch cho thơ mộng thì phải là lâu đài tình ái. Mùi này khởi đi từ ngôi lâu đài mà quốc vương Shah Jedan xây tặng người yêu là hoàng hậu Mumtaz Mahal, là tòa Taj Mahal nổi tiếng ở Ấn Độ. *Shalimar* thơm nồng nàn những hương vị đặc biệt Đông phương, quyến rũ mà... hơi ngọt nữa! Bạn đọc có biết vì sao không?... Vì có dầu *vanilla*, thứ dầu mình vẫn dùng làm bánh hay quay kem đấy! Đây nhé, công thức của *Shalimar* là hoa chanh, hoa hồng, hoa nhài, hoa khoa diên vĩ (*iris*), tinh dầu cam chanh, va-ni, trầm, cây độc hoạt điểu. Mùi này, xưa kia là mùi của đệ nhất phu nhân Jackie Kennedy và Rita Hayworth. Theo tôi tưởng tượng, phụ nữ trẻ, đẹp não nùng trong dáng cao ngạo thì bôi *Shalimar* thật hợp, như Ava Gardner, Fanny Ardant hay Sophie Marceau vừa xuất hiện cùng James Bond chẳng hạn... Từ lâu rồi, nhà tôi gọi *Shalimar* là độc dược của *femme fatale*, vẻ Đông phương tàn khốc dưới mái tóc đen xậm, làm đàn ông biết là sẽ bị vật chết mà vẫn ôm tim đi tới... và tơi tả đi lui, gọi đó là hạnh phúc.

Nhà Guerlain còn có nhiều mùi nước hoa khác cũng khá hấp dẫn, nhưng vì viết về người bôi nước hoa, tôi chỉ muốn có vài thí dụ điển hình thôi nên khỏi nói về mùi *Mitsouko*, sáng chế năm 1919 với tên một nhân vật nữ trong vở *Madame Butterfly*, hay *Samsara* là mùi mới ra đời vài

năm nay, và cũng rất được ưa chuộng ở Mỹ. Thực ra, chỉ với hai chai *Jicky* và *Shalimar* thì nhà Guerlain cũng đủ gieo sóng gió trong chốn nhân gian rồi.

Nhà Chanel nổi tiếng sản xuất quần áo và nước hoa cực kỳ thanh lịch, được những người đứng tuổi ưa thích. Lừng lẫy nhất là *Chanel số 5* (1921). Cho tới nay, *Chanel số 5* là mùi *classic* nhất, được trưng bầy thường trực tại phòng triển lãm nghệ thuật hiện đại tại New York từ năm 1959. Nữ tài tử Marilyn Monroe từng tuyên bố như khiêu khích, rằng khi vào giường ngủ nàng chỉ "mặc" *Chanel số 5*!... Ngoài ra, Marilyn còn dùng mùi *Joy* (1930) của nhà Jean Patou nữa. Và tôi nghĩ Marilyn và cả Madonna thời nay, có lẽ hợp với *Joy* hơn là *Chanel số 5*. *Joy* thơm nồng ấm, hơi mạnh và dù rất quí phái, vẫn nặng chất *sexy*. Khi ngửi *Joy*, tôi liên tưởng đến những người đàn bà khêu gợi, thân hình hơi đẫy, da trắng mỡ màng. Nếu có người Trung Hoa ở đây, chắc là họ sẽ nói mùi *Joy* là nước hoa của Dương Quý Phi.

Joy được xem là nước hoa đắt tiền nhất và có rất nhiều hãng về sau cố bắt chước mà không thành công được như vậy. Lý do ư? Ngoài hương liệu cất từ hoa hồng Bảo Gia Lợi và hoa nhài, *Joy* là hợp chất của 100 loại dầu và tinh dầu khác! *Chanel số 5* thì tổng hợp sáu loại hoa và bốn loại tinh dầu, là hoa hồng, hoa nhài, hoa khoa diên vĩ, hoa linh lan, hoa sơn trà, hoa thủy tiên, hương bài, hoắc hương, long diên hương và xạ hương. Các bạn thấy chưa, thu góp bao nhiêu hương liệu của đất trời mới có được một mùi độc đáo như thế. Cái hay của *Chanel số 5* là có nhiều người cùng bôi, nhưng mỗi người lại toát một hương thơm đặt biệt như được chế cho riêng mình, vì cái *chemistry*, cái phản ứng hóa học của da thịt mỗi người đều khác nhau đối với công thức độc đáo của nó. Tuy nhiên, vì mùi thơm thanh nhã, đài các và đượm vẻ cổ kính, tôi nghĩ *Chanel số 5* chắc thích hợp với phụ nữ đẹp lộng lẫy và quí phái. Các nữ tài tử Catherine Deneuve, Vivien Leigh, hay cô đào mới nổi từ phim Zorro là Catherine Zeta Jones chẳng hạn...

Mười bốn năm sau khi bà Gabrielle Chanel tạ thế, những người kế tự cho ra đời mùi *Coco*(1985) là biệt danh của nữ chủ nhân quá cố. Tại Mỹ thì mùi *Coco* mới mẻ này lại không được thịnh hành lắm. Nói chung, dường như dân Hoa Kỳ chưa có khứu giác tinh tế như người Âu, họ thích những gì hoặc quá đậm, hoặc quá nhạt. Người Mỹ lớn tuổi thường thích mùi ngọt lịm, còn lớp trẻ thì thích mùi nhẹ như hoa, trái cây hoặc... cỏ dại mà thôi. Có lần xem một đoạn phim cũ phỏng vấn Gabrielle Chanel quan

niệm về nước hoa của bà, tôi nhớ câu trả lời thật lý thú: "Tôi thích nước hoa vì nó cho tôi cảm giác mình trở thành một người văn minh, thanh lịch, không phải là từ giầu qua nghèo, mà từ thô kệch đến phong nhã. Nước hoa phải như một thứ "luxury", một xa xỉ phẩm, chứ không thể thơm mùi một trái cây hay một thứ hoa được. Nếu muốn ngửi các thức ấy cứ ra chợ mà ngửi". Đáo để chưa?!...

Mùi *Coco* có rất nhiều hương liệu và công thức pha chế chắc là rắc rối lắm. Đây nhé, có nhựa độc hoạt điểu, an tức hương, cây hương đậu, bạch đàn, đinh hương, oải hương, tinh dầu hoa cam và hoa hồng Bảo Gia lợi. *Coco* thơm nặng hơn *Chanel số 5*, hơi cay và nồng, nên dùng vào mùa đông rất đúng. Mùi này có lẽ thích hợp cho loại phụ nữ đẹp ngổ ngáo và hơi hoang dại một chút, như Brigitte Bardot hay Raquel Welch chẳng hạn...

Christian Dior cũng có nhiều mùi nước hoa thơm danh tiếng. Mùi đầu tiên của họ là *Miss Dior* (1947), mà tôi nghĩ là mùi "thiếu nữ" chẳng do cái tên mà vì thơm nhẹ và thoáng. Cái chất "thoáng" có lẽ do tổng hợp mùi của các loại cỏ, các loại hương từ gỗ chứ không từ hoa mà ra, như tinh dầu cam chanh, long diên hương, xạ hương, hoắc hương, hương bài và... rong biển. *Miss Dior* thích hợp cho thiếu nữ, hay phụ nữ thanh tao dáng thiếu nữ, chứ không mang vẻ mệnh phụ. Tôi nghĩ *Miss Dior* hợp với Meg Ryan hay Julia Roberts chẳng hạn... Ngoài ra, nhà Dior còn có *Diorissimo* (1956) thơm mùi hoa và tổng hợp bảy loại hoa, từ hoa nhài, hoa linh lan, hoa cam, hoa hoàng lan, hoa loa kèn tím (người khác gọi là cung nhân thảo).

Diorissimo thơm như thể mình đứng ở chợ hoa ngày Tết, đặc biệt là có dư hương rất đậm mùi thủy tiên, dù trong các loại hoa vừa kể không có thủy tiên, thế mới thần tình. Bôi mùi này vào dịp đi chơi núi, như đi Đà Lạt, hay đi cắm trại thì rất thích hợp, mùi ngọt nhưng phảng phất và gần gũi thiên nhiên, dù có khi dễ bị ong bướm vây quanh vo ve bài hoa thơm bướm lượn. Típ phụ nữ có vẻ khỏe mạnh, da nâu hồng và tóc dài rậm rất thích hợp với *Diorissimo*, như nàng Bo Derek năm xưa chẳng hạn...

Hãng Guy Laroche cũng có mùi tương tự như *Diorissimo* mang tên *Fidji* (1966) là một hải đảo giữa Thái Bình Dương. *Fidji* gồm tổng hợp hương thơm của năm loại hoa và sáu loại tinh dầu, là biển bách, khoa diên vĩ, tường vi, hoa hồng Bảo Gia Lợi, hoa nhài, đinh hương, bạch đàn, hoắc hương, sả, nhựa thông, xạ hương vùng Tây Tạng, và long diên hương

của vịnh Ba Tư. Đây là mùi hoa có thiên nhiên rõ là lên núi xuống biển mới có, nhưng đặc biệt hơn là lại thoảng chút nồng nàn của đô thị, có thể dùng cả khi đi nghỉ mát cũng như khi đi làm. Vì hương của *Fidji* nhẹ thôi nên có dùng trong phòng làm việc chung đụng với nhiều người cũng không làm đồng nghiệp bị choáng váng vì dị ứng!.. Ngày xưa, *Fidji* được quảng cáo với tấm hình một phụ nữ quấn một con trăn hoa trông rất man dại và khêu gợi một cách nguy hiểm. Sau này, chắc là các ông sợ nên cho hội Bảo vệ Súc vật lên tiếng phản nàn, nên không thấy hình quảng cáo này nữa! Tôi tưởng tượng Sandra Bullock bôi mùi này rất thích hợp với vẻ đẹp khỏe mạnh và tự nhiên của nàng...

Nhà Hermès xưa kia khởi nghiệp là đóng hành lý, sau nổi tiếng về ví da, khăn lụa và cả cà vạt (cho các ông), thứ nào cũng đắt mà bán rất chạy. Hermès có mùi *Calèche* (1961) mà tôi rất yêu thích. Từ cái tên cũng đã hay rồi, vì gợi lại hình ảnh cổ kính và thanh lịch của thế kỷ 19 đầy lãng mạn: cỗ xe song mã, phương tiện di chuyển của giới lịch lãm Paris vào thế kỷ trước, bên trong có đệm lót lụa là... *Calèche* tổng hợp hương thơm các loại hoa như hoa nhài, hoa hồng, hoa tường vi, hoa khoa diên vĩ, hoa nguyệt quế, hoa điều bá hương, và bạch đàn.

Calèche thơm rất nhẹ, bôi buổi sáng đến trưa đã tan, nhưng trong tàn phai vẫn có sự tồn tại... Khi tan đi, *Calèche* còn phảng phất mùi ấm, ấm như cái gối trẻ con nằm lâu ngày có một dư hương đặc biệt. Nước hoa cũng như con người, nó sống có thời gian, có thời trẻ, thời trưởng thành và tuổi già. Chỉ khi nào nó tỏa mùi dễ chịu như nhau trong cả ba giai đoạn thì mới được gọi là đạt. *Calèche* đạt ưu điểm đó. Mùi này thích hợp với những phụ nữ mảnh mai có vẻ đẹp đài các, đằm thắm dịu dàng và kín đáo. Tôi nghĩ Grace Kelly, Audrey Hepburn, công chúa Diana, hay nữ tài tử trong phim *Shakespeare in Love* là Gwyneth Paltrow chẳng hạn... Người tặng tôi chai *Calèche* đầu tiên là... người bên tôi.

Ngày còn thiếu nữ, tôi vẫn nhớ mẹ tôi ưa dùng *Arpège* (1927) của nhà Lanvin, một nhà sản xuất quần áo lừng danh, nhất là áo cưới. *Arpège* thu góp chỉ năm loại hương thơm của hoa, là hoa nhài, hoa hồng Bảo Gia Lợi, hoa linh lan, hoa trà, và hoa lan dạ hương (hyacinth) thành một mùi tinh tế khác. Cho đến nay, *Arpège* vẫn là loại nước hoa được ưa thích trong các mùi đã thành cổ điển. Khi còn thiếu nữ tôi cũng dùng mùi này, vì mùi thơm mà cũng vì cái tên liên quan đến chuỗi âm thanh của âm nhạc!... Nhưng lạ thay, khi có mang cháu gái, cứ ngửi mùi *Arpège* là tôi choáng

váng buồn nôn, từ đó hết dùng được nữa. *Arpège* thơm nhẹ mà bền. Mùi hương nồng nàn quyến rũ và đầy nữ tính. Ngày nhỏ, đi xem Natalie Wood đóng với Warren Beatty trong phim *Splendors on the Grass*, không hiểu sao, tôi cứ có ấn tượng là nàng đang bôi mùi *Arpège*. Ngoài Natalie Wood ra, tôi nghĩ đến Pier Angeli ngày xưa và Michelle Pfeiffer hay Kim Bassinger ngày nay cũng rất hợp với mùi này.

Marcel Rochas sản xuất nhiều mùi nước hoa độc đáo, trước hết là mùi *Madame Rochas* (1960). Sài Gòn vào đầu thập niên 70 rất chuộng mùi này, đến nỗi vào quán nhạc là y như có 20 bà Rochas ngồi ở dưới. Tôi có nhược điểm là hễ thấy nhiều người dùng rồi thì lại không thích nữa, dù *Madame Rochas* rất thơm. Nồng nàn và dịu ngọt, đó là tổng hợp của 200 loại tinh dầu cùng các mùi hoa như hoa nhài, hoa thủy tiên, hoa tường vi và hoa hồng Bảo Gia Lợi... Tôi tưởng tượng là mùi này thích hợp cho những buổi party lịch sự, hoặc đi nghe nhạc vào buổi tối, vì hương của nó có vị ấm, hơi nóng một chút. Những phụ nữ lịch lãm và kiêu kỳ dưới vẻ lộng lẫy có lẽ rất hợp với mùi này, chẳng hạn như Heddy Lamarr trong vai *Dalilah* hoặc Elizabeth Taylor trong *Cat on the hot tin roof* mà thời xưa chúng ta biết dưới tên là *La chatte sur un toit brulant*.

Ngoài ra Marcel Rochas còn sản xuất mùi *Femme* (1944) làm quà cưới cho vợ, sau đó mới chia sẻ cho người.

Femme nồng nàn tính khêu gợi của phụ nữ. Hương của *Femme* tổng hợp 100 thứ tinh dầu và các loại hoa như hoa nhài, hoa hồng Bảo Gia Lợi, hoắc hương và long diên hương. Mùi *Femme* mới ngửi thì có mùi của hoa và cả trái cây, nhưng tan đi thì dư hương là trầm và quế, mặc dù trong công thức không có hai thứ ấy, thế mới thấy sự tài hoa của các nhà hóa học, như những phù thủy về mùi hương! Tôi cho rằng *Femme* thích hợp vào mùa đông, với phụ nữ tình tứ và quyến rũ ở cá tính rất mạnh, như Sophia Loren ngày xưa hay Sharon Stone và Demi Moore thời nay chẳng hạn....

Nhà sản xuất thời trang là Nina Ricci có *L'air du Temps* (1948) là loại nước hoa có mùi rất thoáng và rất thiếu nữ. Tổng hợp mùi thơm của các loại hoa như hoa trà, hoa nhài, bạch đàn, hoa cúc, hoa cẩm chướng, tường vi và hoàng lan. Tuy nhiên, theo tôi nghĩ, mùi này khi phai lại vương mùi phấn nên không có dư hương sang quý. Cũng như thế, nhà sản xuất nước hoa Caron có một mùi *Fleurs de Rocaille* (1930) rất được yêu thích ở Việt Nam vào thập niên 50. *Fleurs de Rocaille* có mùi thơm dịu dễ

thương lắm, nhưng khi bay đi thì chỉ còn mùi phấn, dù công thức cũng khá cầu kỳ vì tổng hợp hương liệu của hoa tử đinh hương, hoa huệ, hoa linh lan, hoa nhài, đinh hương, hoa lan tím, khoa diên vĩ, hoa hồng, bạch đàn, xạ hương. Cả hai mùi, *L'Air du Temps* và *Fleurs de Rocaille*, thích hợp với những thiếu nữ trẻ thơ, nét mặt còn vẻ sinh viên và nũng nịu như Sandra Dee khi đóng *Mirage de la Vie* (Imitation of Life) với Lana Turner và John Gavin...

Nhà Yves Saint Laurent có mùi *Rive Gauche* (1971) cũng là tên tiệm quần áo khi xưa của họ trên tả ngạn sông Seine. Vừa tung ra, *Rive Gauche* được giới phụ nữ trẻ tuổi yêu thích, tương tự như sự thành công của nhà Balmain khi tung ra *Miss Balmain* (1967). Cả hai mùi vừa kể là của hai hãng khác nhau nhưng lại có chung kết quả. *Rive Gauche* gồm hoa trà, dạ lý hương, hoa nhài, hoa hoàng lan, hoa khoa diên vĩ, hoa mộc lan, hương bài và bạch đàn. *Miss Balmain* gồm có hương của hoa hồng, bạch đàn, long diên hương, rong biển, vỏ cam, thông, hoắc hương và hương bài. Các thiếu nữ hoặc thiếu phụ còn trẻ thì rất thích hợp, dù mùi hương *sexy* nhưng không quá lộ, quá nồng. *Rive Gauche* và *Miss Balmain* có lẽ hợp với những phụ nữ có dáng vẻ nhanh nhẹn, vui tươi và có duyên Shirley Mc Laine ngày xưa hay Nicole Kidman và Angelica Jolie mới xuất hiện với Denzel Washington trong phim *The Bones Collector* mới đây chẳng hạn....

Từ nãy giờ, đọc bài tạp bút chắc độc giả chưa ngửi thấy gì đã bị nhức đầu vì cứ lập đi lập lại bao công thức và tên của các loại hoa rất lạ. Ấy! Đấy mới là cái tài của những nhà sáng chế nước hoa. Nghĩ tới việc người ta phải tìm ra hạch bài tiết của súc vật, trộn với tinh dầu hay cốt hương của mọi loại kỳ hoa dị thảo từ đỉnh núi xuống đáy biển, để cất thành dung dịch có mùi thơm riêng biệt nhằm làm đẹp cho đời... tôi thấy con người thật đáng yêu. Cũng hoa nhài, hoa hồng, hoa linh lan, hoa hoàng lan, cũng tinh dầu của hoắc hương, bạch đàn, xạ hương, long diên hương trộn tới trộn lui. Nhưng pha chế làm sao, gia giảm thế nào, vị nào nhiều vị nào ít mới và chúng tác động với nhau ra sao... là điều quan trọng, vì đưa đến kết quả mỹ mãn cho khứu giác từ khi bôi đến khi bay mà còn làm mình bâng khuâng.

Vẫn biết rằng hữu xạ, tự nhiên hương, nhưng đó là nói bóng gió mà chẳng để lại mùi thơm nào cả: Có phải ai cũng như nàng Hương dược xoa Mọc Uyển Thanh của Kim Dung, sinh ra là đã có mùi thơm tự nhiên tỏa ra

từ da thịt? Vì vậy mà người xưa mới phải tắm trong nước trải hoa, và thời nay mới dùng nước hoa...

Tôi trộm nghĩ rằng một trong những nét văn minh của con người là làm đẹp, và nhiệm vụ đầu tiên là phải làm đẹp cho... phái đẹp. Từ cổ xưa tới nay, và ngay trong các dân tộc mà nhiều người bạo miệng gọi là bán khai, người ta đều chứng kiến cái nỗ lực làm đẹp đó, trước tiên qua các vật trang sức, tới y phục rồi những vật dụng hàng ngày. Tột cùng của nỗ lực làm đẹp đó là nước hoa, vì là vật trang sức cho cái đẹp vô hình, mà lại thay đổi cùng thời gian nội một ngày.

Các loài chim muông có thể có bộ lông, tiếng hót hoặc mùi hương, và nhiều mùi khó ngửi khác, để nhận ra nhau, để kêu gọi và tìm đến nhau mà tiếp tục cuộc sinh tồn (nói theo giọng vệ sinh các cụ). Chỉ có loài người là siêu đẳng đến mức làm đẹp và rải mùi thơm lên mình mà chẳng phải vì cái mục tiêu... truyền chủng đó. Thật vậy, đây là hành động tiêu biểu nhất của cái mà triết gia Pháp gọi là... *l'acte gratuit* dù lại rất đắt tiền: thời nay, phụ nữ dùng nước hoa chủ yếu để chiều lòng mình, chứ không để "phân vùng ngự trị" và mà cũng chẳng để chinh phục ai hết.

Còn lại, có ai vì hương thơm đó mà ngẩn ngơ thì... cứ ráng mà chịu, khi giữa cảnh Xuân về vẫn thấy mình lủi thủi đời Đông giá chỉ vì tưởng nhớ lại một mùi hương cũ, đã phai trong không gian mà vẫn đậm trong trí nhớ...❐

Quỳnh Giao
Xuân 2000

Quí độc giả lâu nay vẫn thích đọc tùy bút của nhà văn Trúc Chi trên Văn Học, xin đón mua

đó đây...

tập tùy bút của Trúc Chi

Tạp chí Văn Học xuất bản
dày 240 trang, giá 12 MK
Văn Nghệ phát hành vào tháng 12.1999

Thơ tình tháng chạp
NGUYỄN THỊ MINH THỦY

đêm cali trở mùa gió lộng
em một mình
ra parking gió ơi là gió
vắng ngắt dìu hiu
như định mệnh dìu hiu dành sẵn
cây cối chuyển mình
rác lá cuốn bay
xô đẩy
đuổi nhau
sợ hãi
bên những xác tàu dừa khô
nằm rã rời sóng soải
tiếng phong linh nhà ai
vật vã từng hồi ngân khắc khoải
dưới một vầng trăng
lưỡi liềm
ma quái
như trong hình vẽ halloween
và đôi mắt mèo đêm khuất trong vũng tối
bỗng rực lóe màu xanh biếc lân tinh
làm em rùng mình
làm em nhớ anh!

mỗi năm dăm lần
orange húng chịu cuồng phong gió giật
rồi an bình trở lại
cuộc tình hai ta trọn mùa êm ái
mà anh ơi
có bao giờ thực sự bình an!

đêm cali sương mù dày đặc

em một mình
lái xe qua phố xá

lạ lẫm ngắm nhìn cảnh vật thân quen
đèn tiệm
đèn đường
xanh, đỏ, cam, vàng
bỗng xinh đẹp như chưa từng xinh đẹp
cảnh đời như thực như mơ
huyễn ảo
thần tiên
cổ tích
áo rách lọ lem thoắt thành gấm vóc
huy hoàng khánh hội hoa đăng
lộng lẫy sánh vai hoàng tử

đêm cali đầu gì vẫn đẹp
như em
đầu sao cũng vẫn yêu anh

đêm tháng chạp uyên ương mặn nồng mùa cưới
đêm cali em lại một mình
lái xe
giữa tường sương dục
lòng mơ hồ về nhiều nỗi mơ hồ
và đau nhói con tim
vì một điều mơ-hồ-có-thực
như ánh mắt anh
u ẩn
dò tìm

anh yêu thương
đêm cali như nhiều đêm cali
lòng em rộn da doan
như cuộc đời đầy da doan
có bao giờ sau khi sương tan
bên nhau
mỏi mê
lõa thể
chúng mình bỗng ân hận
đã nhìn rõ nhau dưới ánh mặt trời?

Tỏ tình với bình minh

Phùng Nguyễn

Có khi nào bạn bắt đầu một điều gì đó với một quyết tâm dường như không thể lay chuyển để rồi dừng lại với nỗi hoang mang? Tôi đang ở vào một tình cảnh như vậy. Tôi bỏ ra nhiều ngày đêm viết xuống những suy nghĩ của mình về một người đàn bà và dự định sẽ gởi cho nàng khi bức thư hoàn tất. Bây giờ tôi không biết chắc đó có phải là điều nên làm hay không nữa! Tôi không biết tại sao. Không chừng bạn có thể giải thích cho tôi tại sao. Bạn, phải, chính bạn. Bởi vì tôi sẽ kể cho bạn nghe về những điều tôi đã dự dịnh sẽ chia sẻ với nàng.

Có lần tôi đọc được một cuốn tiểu thuyết có nhan đề *"Yêu một người viết văn."* Nếu bạn hỏi tôi về nội dung cuốn truyện, tôi sẽ lúng túng ghê lắm bởi vì tôi chẳng còn nhớ gì về cuốn sách này ngoại trừ cái tựa. Dù vậy, tôi không hề nghi ngờ những điều đã được viết ra. Cái lý do thực đơn giản: Tác giả là một người đàn bà, cái tựa cho phép tôi nghĩ rằng bà yêu một người đàn ông làm công chuyện viết lách, và trong trường hợp đó, những điều viết ra được kinh nghiệm bản thân của tác giả hậu thuẫn. Tôi chả dại gì đi cãi vả với một người có nhiều kinh nghiệm như thế. Hơn thế nữa, tôi còn lấy làm tiếc vì cái trí nhớ kém cỏi của mình có khi đã làm vuột mất cơ hội áp dụng những kinh nghiệm của tác giả trong việc gìn giữ mối quan hệ tôi đã có với nàng. Tại sao à? Tại vì nàng cũng là người viết văn chứ còn sao nữa!

Tôi làm quen với nàng trước. Tôi đọc thấy trong một truyện ngắn của nàng một nơi chốn, một thời điểm của quá khứ, ở đó tôi đã có nhiều niềm vui hơn bất cứ giai đoạn nào sau đó trong đời sống của mình. Tôi gởi một điện thư đến tòa soạn của tờ tạp chí nơi truyện nàng được chọn đăng, yêu

cầu chuyển lời cám ơn của tôi đến tác giả. Sau đó ít hôm, tôi nhận được hồi đáp của chính nàng, cũng qua phương tiện điện thư. Đó là một bức thư cám ơn chứa đầy những cụm từ sang trọng và nghiêm túc chẳng kém gì bản Tuyên Ngôn Nhân Quyền! Tôi thấy mình giống như anh chàng bán dạo dầu thơm giả mạo đến rao hàng trước cửa nhà người đàn bà lịch sự, sang trọng, và sực nức mùi nước hoa đắt tiền. Cám ơn, nhưng tôi không hề có ý định sử dụng hàng của ông, bây giờ hay sau này! Tôi vẫn thường cho rằng những người viết văn làm thơ là những người có khát vọng muốn chia sẻ với nhân gian không chỉ những điều họ trải ra trên giấy mà cả những điều không thể giãi bày. Tôi cho rằng họ là những người cô đơn, rất cô đơn. Nếu không, tại sao viết? Bạn cười gì đó? Nhất định là bạn đang cười những nhận định ngốc nghếch của tôi về giới viết lách phải không? Dù sao thì cách ứng xử của người đàn bà này đi ngược lại với những điều tôi tin tưởng và trong một khoảnh khắc đã làm tôi thất vọng một cách sâu sắc. Ngay lúc đó tôi đã quyết định sẽ không cho mình cơ hội nhận một điện thư với sự nghiêm túc không cần thiết như vậy thêm một lần nữa. Tôi sẽ quên đi rất nhanh bức thư, người đàn bà viết văn, và ngay cả cái truyện ngắn dễ thương của nàng.

Vậy mà không quên được dễ dàng bạn ạ, bức điện thư đó. Không phải vì tình cờ mà một người có khả năng vận dụng ngôn ngữ như nàng đã chọn một phong cách như thế để ứng phó với người muốn tiếp cận mình. Có khi chữ nghĩa được dùng để lột trần những sự kiện. Có lúc chúng là bức màn che giấu những tâm tình. Tôi đâm ra hoài nghi sự chính xác của những phê phán tôi đã vội vàng dành cho tác giả bức điện thư. Làm sao biết được phía đàng sau chiếc bình phong dựng bằng những lời lẽ trang trọng và lạnh lùng kia không phải là niềm nghi ngại lớn lao không chỉ cho riêng ai mà cho cả đời sống, là kinh nghiệm khó quên của con chim đã một hay nhiều lần mang thương tích, là sự bất lực có ý thức nằm bên dưới bộ lông nhím tua tủa giương lên dọa nạt. Tôi lại viết thư cho nàng, tự bào chữa là để kiểm chứng lại cảm giác của mình. Tôi khá lúng túng vì thực ra chẳng có điều gì ra hồn để nói với nàng hết. Tôi lấy cớ là thư của nàng chẳng để lộ một vết tích nào để tôi có thể dựa vào đó mà xưng hô cho phải phép. "Người ta vẫn gọi tôi bằng cô. Ông cũng có thể gọi tôi như vậy," nàng trả lời. Tất nhiên rồi, thưa cô, tôi nghĩ thầm.

Tôi sẽ không đi sâu vào chi tiết của những lần trao đổi sau đó. Điều này không cần thiết. Chúng tôi sau cùng rồi cũng thiết lập được một mối quan hệ mà căn cứ vào những sắp đặt của nàng, sẽ không hề được phép đi

xa hơn giới hạn của tình bằng hữu. Tôi có thể nói ngay với bạn đó là một quan hệ không dễ dàng. Nàng không phải là loại người thích phơi bày ruột gan mình cho bất cứ ai. Nếu có lần nào đó nàng vui miệng nói về chính mình nhiều hơn "khẩu phần" ấn định, nàng sẽ cố gắng lấy lại bằng cách sau đó rút mình vào lớp vỏ cứng trơn tuột, trắng bóng, lạnh lùng như chiếc bình sứ và ở mãi trong đó. Mới đầu điều này có tạo hứng thú cho tôi, như thể tôi có bổn phận phải lôi nàng ra khỏi cái hào lũy kiên cố đó. Nhưng nếu bạn cứ phải làm như vậy thường xuyên và làm một mình, sẽ có lúc bạn không còn cảm thấy hăng hái nữa. Có lần tôi buồn rầu bảo nàng có lẽ phải cần đến một con chim gõ kiến với chiếc mỏ nhọn và cứng như sắt để làm thủng lớp vỏ phòng thủ của nàng. Nàng bảo là nàng không thích tôi có những ý nghĩ điên khùng như vậy. Hơn nữa, việc tôi đề cập đến chim gõ kiến làm nàng không yên tâm. Có một con chim gõ kiến đã xuất hiện vài hôm trước ở khu vườn sau của nhà nàng, gõ lộc cộc vào gốc cây sồi một cách chăm chỉ. Tôi bảo nàng tôi sẽ quên đi cái ý nghĩ điên khùng đó, nếu điều này làm nàng vui. Sau này tôi biết ra mình đã không quên, còn nàng thì vẫn nhớ rất kỹ những điều khiến nàng không hài lòng về tôi.

Dù sao thì tôi cũng biết được về nàng nhiều hơn chỉ cái bút hiệu. Nàng thích nói về cái mà nàng gọi là "thế giới tinh thần." Đó là vùng đất tị hộ, cái thánh địa an toàn mà trong đó nàng sẽ bơi lượn thoải mái cùng đám bè bạn của mình. Tôi quả có chút hoài nghi về sự hiện hữu của một thế giới như vậy, hoặc ngay cả khi tôi chấp nhận nó có thực, tính thực dụng của nó. Tôi cho rằng điều nàng đang nói đến thực ra chỉ là một dạng giản lược và thu nhỏ lại của đời sống, trong đó mọi điều mọi việc đều có vẻ quen thuộc và đáng tin cậy. Quen thuộc và đáng tin cậy là những điều làm nàng yên tâm. Cái thế giới của nàng bao gồm những người quen biết để nàng không phải tự vệ một cách quá khẩn trương hoặc những người có chung sở thích để nàng yên tâm mình sẽ được tiếp nhận. Nếu là như vậy, tôi nghĩ ai cũng có thể sở hữu ít nhất một thế giới như thế. Bạn có thế giới của bạn, tôi có thế giới của tôi. Những thế giới tưởng tượng của cá nhân chồng chéo lên nhau và mỗi người bận bịu túi bụi cai quản, sắp xếp cái của mình, thêm vào và bớt đi những quan hệ mới cũ, và trong cái quá trình tíu tít đó, cảm giác yên tâm và tự hào sẽ nảy sinh từ cái ảo tưởng về quyền năng của mình. Nàng ừ ào một cách kiên nhẫn khi tôi lảm nhảm những điều kể trên và ngay sau đó bảo rằng sẽ vui lòng nhận tôi vào nhóm khách quen trong chính cái thế giới mà tôi đang ra sức bác bỏ đó. Tôi không tỏ ra thích thú lắm với đề nghị này. Tôi không quen sinh hoạt trong

một khung cảnh giới hạn bởi những đức tính. Thái độ lừng khừng của tôi khiến nàng không vui. Nàng bảo tôi luôn luôn làm nàng cảm thấy bất an.

Nàng không có thói quen bộc lộ cảm xúc một cách ồn ào. Nàng biết cách kềm giữ chúng nằm sâu dưới lớp da của mình. Trong một lần vô cùng hiếm hoi, nàng giận tôi. Nàng pha cho mình một ly trà nóng, uống chậm rãi chờ cơn giận lắng xuống và bỏ đi ngủ. Hoặc là nàng để cơn giận lắng xuống bằng cách đi ngủ ngay sau khi uống trà, tôi không biết chắc. Tôi không có mặt ở đó. Bạn hãy tưởng tượng đi. Uống trà và đi ngủ! Tuy nhiên cũng có khi nàng làm tôi vui, phải nói cho công bằng. Đó là những lúc nàng tạm bỏ xuống cung tên giáo mác, kể cho tôi nghe về một điều buồn cười ở sở làm, về một ý nghĩ nàng sẽ mang vào câu truyện đang viết dở dang, về một kỷ niệm nhỏ nhặt nào đó ở quê nhà hoặc ở xứ người, về ngay cả những điều chẳng liên quan gì đến nàng hay đến tôi. Thỉnh thoảng tôi sẽ chen vào câu chuyện của nàng, nói một điều gì đó làm nàng vui cười hoặc làm nàng tức tối. Trong cả hai trường hợp, tôi đều thấy được niềm vui trong vắt và ấm áp toát ra từ nàng, làm mềm đi cái vỏ ngoài cứng nhắc mà nàng vẫn dùng để che chắn quanh mình khi phải đối phó với đời sống. Tôi yêu những giây phút đó. Chính là ở một trong những lần như vậy tôi đã nghĩ đến một cảnh giới khác trong đó có rất nhiều bãi cỏ xanh để tôi có thể nằm xoài ra bất cứ lúc nào để nghe nàng nói về một điều gì đó. Cái thế giới đó sẽ rộng thênh thang để có thể chứa hai người và vô cùng chật hẹp để không có người thứ ba chen vào. Và tôi đã dại dột nói ra điều đó với nàng.

Phản ứng nàng dành cho cái ý nghĩ hoang đường và cải lương một cách vô tội của tôi quả có phần hung hãn. Hóa ra tôi đã phạm phải điều cấm kỵ! Nàng nhảy dựng lên như thể có con chuột nhắt đang chui vào mình, giáo mác gươm đao dựng lên tua tủa. Nàng buộc tội tôi đã cố tình bước qua cái giới hạn mà trong đó quan hệ giữa chúng tôi được thiết lập, và nàng cấm tôi không được đề cập đến những điều tương tự nếu còn muốn tiếp tục làm bạn với nàng. Rõ ràng là nàng không có vẻ đùa cợt gì hết. Phản ứng mà tôi có thể có ngay lúc đó là kêu trời. Trời đất, đó chỉ mới là một ý nghĩ thôi mà! Hay là tại tôi không biết cách nói. Hoặc giả đó là cách các nhà văn nhà thơ ứng xử khi tiếp cận với những biểu lộ tình cảm lãng nhăng cũng không chừng. Tôi không biết, tôi chỉ cảm thấy hoang mang. Và buồn phiền. Tôi nghĩ đến cái cảm giác đã có khi nhận được bức điện thư đầu tiên của nàng. Về anh chàng bán hàng giả và người đàn bà thơm ngát mùi nước hoa đắt tiền. Tôi thường nghĩ về mình như là một

người đa cảm, đa cảm đến độ rất dễ dàng trở nên đa tình. Anh có thể yêu một người đàn bà chỉ vì người đó tỏ ra tử tế với anh, một cô bạn đã có nhận xét về tôi như vậy. Thì đã sao, tôi cãi lại. Không lẽ chỉ nên yêu người không tử tế với mình? Dù sao thì tôi thừa nhận cô bạn mình có phần đúng. Tôi yêu chính mình cũng dễ dàng như yêu người khác. Tôi cảm thấy bị xúc phạm bởi cái phản ứng "quá tay" của nàng. Tôi gởi nàng một điện thư với nội dung khá lộn xộn, trong đó tôi liệt kê một lô những "tội lỗi" của nàng. Tôi than phiền là trong khi nhăm nhăm đòi hỏi ở tôi một tình bạn chân thành và đáng tin cậy, nàng đã không hề động một móng tay vào việc xây dựng và phát triển mối quan hệ đó. Tôi cáo buộc nàng đã thường xuyên biến những lần nói chuyện của chúng tôi thành một cuộc đấu trí, trong đó nàng rình mò xét nét từng câu từng chữ của tôi để xem chúng có ẩn chứa bất cứ âm mưu nào không. Tôi bắt nàng chịu trách nhiệm về cái cảm giác vẫn thường kéo đến với tôi mỗi khi nàng lui về cố thủ phía sau lớp vỏ cứng trắng toát, trơn tuột như men sứ. Cảm giác của kẻ đang kéo theo với mình một toa tàu nặng nề và trống hoang, tôi bảo nàng. Sau hết, tôi bày tỏ ước muốn có lúc được nhìn thấy trái tim trần trụi của nàng để biết chắc nó cũng được làm thành từ máu thịt. Bức thư được gởi đi ngay sau đó bởi vì tôi không muốn cho mình cái cơ hội để suy nghĩ lại. Tất nhiên là tôi chẳng mong đợi gì ở nàng, ngay cả một lời trách móc. Cùng lắm thì nàng sẽ pha thêm một bình trà nóng, tôi nghĩ!

Nhiều ngày tháng trôi qua từ khi bức thư được gởi đi. Chúng tôi đã không còn liên lạc với nhau nữa, nhưng điều đó không ngăn cản được tôi tiếp tục nhìn ngắm nàng. Tất nhiên là từ xa, qua những tác phẩm đăng rải rác trên các tạp chí văn chương mà tôi ưa thích. Tôi đọc nàng thực kỹ, lục lọi trong từng con chữ một dấu vết, một ký hiệu nào đó. Tôi chỉ hoài công. Không có dấu hiệu nào chứng tỏ nàng đã thay đổi. Vẫn cái phong cách quen thuộc, ở đó nàng khéo léo giữ mình ở một khoảng cách vừa phải, không xa quá để bỏ sót bất cứ chi tiết quan trọng nào, nhưng cũng không gần quá để người đọc có thể nhìn ra bóng dáng mình trong tác phẩm. Đã có nhiều ý kiến thuận lợi đối với một số truyện ngắn của nàng, trong đó khả năng quan sát bén nhạy và văn phong trầm tĩnh, chững chạc của nàng được đánh giá cao. Tôi, trái lại, muốn thấy nàng đến gần với tác phẩm của mình hơn. Tôi muốn nàng không chỉ tường thuật mà sống với sự kiện. Tôi nghĩ mình sẽ hoài công. Những con sâu luôn cảm thấy an toàn hơn trong chiếc kén của mình.

Bạn muốn biết điều gì khiến tôi ngồi xuống viết thư cho nàng sau

một thời gian dài im hơi lặng tiếng? Sau khi đã kết luận rằng mình chỉ hoài công? Vì một giấc mơ. Đúng vậy, một giấc mơ. Giấc mơ bắt đầu một cách ồn ào. Một cái mỏ chim vàng khè đang giáng xuống liên tục trên một khối bằng sứ trơn nhẵn và trắng toát. Đó là cái mỏ của một con chim gõ kiến khổng lồ với đôi cánh màu xanh da trời và chòm lông ức trắng tinh. Không cần phải nhìn vào gương soi tôi cũng có thể hình dung ra cặp mắt tròn to màu xanh lá cây vô cùng tinh quái của mình bên dưới chùm lông đầu màu hung đỏ dựng đứng nghịch ngợm. Tình thế có vẻ khôi hài. Tôi, Mr. Woody Woodpecker*, đang mổ lấy mổ để lên mình một con ốc bằng sứ trắng toát, và phần trên của con ốc sứ đó là khuôn mặt thất thần của nàng! Tôi nhớ ra có lần muốn làm chim gõ kiến mổ thủng lồng ngực nàng để nhìn tận mắt trái tim lạnh tanh trong đó. Tôi có thể nhìn thấy ánh mắt van lơn của nàng. Nhưng tôi là Woody Woodpecker, con chim gõ kiến sặc sỡ chỉ biết mổ và mổ. Những vụn sứ trắng toát bắn tung chung quanh tôi, và sau cùng lớp vỏ cứng bằng sứ trắng vỡ ra từng mảnh. Phía dưới đống đổ nát đó là trái tim của nàng, đẫm máu, trơ trọi, sợ hãi, đập loạn xạ như sắp vỡ tung. Nó không quen bị bóc trần ra như thế. Tôi thấy nước mắt nàng ứa ra. Nhất định tôi đã làm nàng đang đau đớn nhiều lắm. Với tất cả thận trọng và dịu dàng có thể có được, tôi đưa tay ôm trái tim nhỏ vỗ về. Phải, với đôi tay của tôi. Cặp cánh màu xanh da trời đã biến đi đâu mất, và cùng với chúng là chiếc mỏ nhọn màu vàng tươi, đôi mắt màu xanh lá cây, và bộ tóc hung đỏ. Mr. Woody Woodpecker đã làm xong nhiệm vụ của mình. Tôi cúi xuống rất gần, gần đến độ tôi có thể nhìn thấy những vết cắt chưa thành sẹo, những lằn roi còn tươm máu trên khối cơ bắp đỏ hồng đang phập phồng trong nỗi kinh hoàng. Chủ nhân của trái tim này nhất định đã có lần nằm vùi một chỗ và mong sẽ không bao giờ còn trở dậy nữa. Tôi biết rất rõ cảm giác đó. Tôi cúi xuống thấp hơn nữa trên ngực nàng, phả hơi thở ấm áp của mình lên trái tim đang đập rất nhanh, rất dồn dập, rất kinh hoàng dưới kia. Tôi ngước lên và bắt gặp đôi mắt rất to rất tròn đang nhìn tôi, nhìn thực sâu trong mắt tôi. Tôi nhìn nàng khuyến khích; tôi muốn nàng đọc thấy trong mắt mình điều tôi muốn nói với nàng đã lâu. Nét kinh hoàng trên khuôn mặt nàng dần biến đi, thay vào đó là nỗi bình yên vừa tìm thấy. Và phía bên dưới làn da ngực mịn màng, nhịp đập của tim đã điều hòa trở lại, êm ả, nhịp nhàng như sóng vỗ bờ xa. Tôi ngủ thiếp đi trong chính cơn mơ của mình.

Buổi sáng, tôi thức dậy và tiếc đến ngẩn ngơ. Những giấc mơ như thế không đến nhiều lần. Tôi nghĩ về giấc mơ suốt ngày, và bỗng nhận ra đó là một giấc mơ rất thô bạo. Tại sao ư? Tại vì nó không dành cho tôi một

khoảng trống cỏn con nào để suy đoán, và do đó, để nghi ngờ cái ý nghĩa của nó. Giấc mơ là một khẳng định chắc nịch của điều tôi đã biết và giữ cho riêng mình bấy lâu nay. Hơn thế nữa, giấc mơ là một nhạo báng về cái ý nghĩ "giữ cho riêng mình" của tôi. Đằng sau cái vẻ táo tợn, bất cần của chú mày là lá gan không lớn hơn hạt đậu. Điều gì đã khiến chú mày im lặng bấy lâu nay? Chú mày biết nàng ở đâu, và cái khoảng cách giữa hai người không xa hơn những nút bấm có đánh số của chiếc điện thoại trên chiếc bàn đêm của chú mày! Tôi là người nhạy cảm nên không thể nào chịu dựng được những lời lẽ như thế ném vào mặt mình bởi bất cứ một ai, ngay cả khi "một ai" đó chỉ là một giấc chiêm bao. Tôi quyết định ngồi xuống, viết cho nàng một lá thư.

Vậy mà khi đã viết xong, tôi ngần ngừ mãi không chịu gởi đi. Có lẽ vì tôi chưa từng thực hiện một điều gì khởi đi từ chiêm bao. Có lẽ vì có những điều chỉ có thể xảy ra trong chiêm bao. Có lẽ vì có những điều chỉ nên xảy ra trong chiêm bao. Tôi thực hoang mang, không biết phải làm gì. Bạn có thể giúp tôi được không? Tại sao bạn chỉ mỉm cười? Bạn thực tệ quá, tôi đã tốn bao nhiêu thì giờ kể lể. Dù sao thì cũng cám ơn bạn đã lắng nghe...

Này bạn, tôi đây. Đừng có vội bỏ đi như thế, tôi sẽ không giữ bạn lâu đâu. Tôi làm sao? Có vẻ hớn hở ư? Tệ thực, tôi ít khi giấu nổi cảm xúc của mình. Nàng gọi tôi đêm qua. Thực đó. Giữa đêm khuya. Và bạn có tin được điều này hay không, nàng khóc rấm rức! Sau cùng thì những tách trà nóng đã không còn hiệu lực. Và cả cái "thế giới tinh thần" quen thuộc và đáng tin cậy của nàng! Nàng vừa trải qua một cơn ác mộng, nàng bảo tôi như vậy. Có một con chim gõ kiến với bộ tóc đỏ kỳ dị và cặp tròng mắt xanh lè cứ nâng chiếc mỏ dài nhọn hoắc mổ túi bụi vào ngực của nàng. Bạn có thể tưởng tượng nàng đã sợ hãi như thế nào. Khi cơ thể nàng vỡ ra từng mảnh để lộ trái tim đỏ hồng, trần trụi, đầy thương tích, và phập phồng loạn xạ như sắp vỡ tung, nỗi hoảng sợ cùng cực kéo nàng ra khỏi cơn ác mộng. Nàng tỉnh giấc trong đêm đen, trái tim đập điên cuồng trong lồng ngực, cô đơn và yếu đuối hơn bao giờ hết. Vậy mà có lần anh nghi ngờ tim em không phải làm thành từ máu thịt, nàng tức tưởi. Bây giờ thì anh biết rồi, tôi trả lời. Anh còn biết là con chim quái ác sẽ không còn trở lại khi giấc mơ tiếp tục. Sẽ là một giấc mơ rất dịu dàng. Lần đầu tiên nàng không chút hoài nghi điều tôi nói. Nàng kêu lên những tiếng nhỏ vô nghĩa và nhanh chóng chìm sâu vào giấc ngủ. Tôi gác điện thoại một cách khẽ khàng, xoay người nằm yên trong bóng tối như thể một cử động đột ngột

Homeless
GIANG

Cánh cửa sầm đóng lại
Chìa khóa quăng lên trời
Ta bước đi vất vưởng
Tay không, bầy cuộc chơi

Ánh nến nào những đêm
Sưởi lòng ta chút ấm
Tiếng nói ai giữa đời
Ru ta trong thầm lặng

Đứng giữa trăm ngả đường
Không lui và chẳng tới
Ta như đêm mịt mù
Giữa trùng trùng duyên khởi

Không dung và bỗng dưng
Ta lẽo đẽo theo người
Đi đâu? Rồi tới đâu
Ta sống như ngố dại

Quanh một vòng trái đất
Lại quay về chốn xưa
Ngồi bên hè phố cũ
Tỉ tê khóc, nhớ nhà

có thể xua đuổi cái cảm giác ấm áp đang bao bọc lấy mình. Đêm rất sâu, rất yên ắng. Nhưng không hoàn toàn yên ắng. Có tiếng róc rách, rì rầm của dòng suối nhỏ tự trời chảy xuống phía sau nhà. Không có một dòng suối nào như thế quanh đây. Tôi chợt nghĩ ra, đó là tiếng của những mầm cỏ non đang chỗi dậy từ lòng đất giá lạnh của một đêm cuối mùa Đông. Những mầm cỏ non ẻo lả sẽ xuyên qua lớp đất khô khốc đầy sương giá trước khi đêm tàn, và không điều gì có thể cản trở được chúng.

Ngày mai, vào lúc sáng sớm, tôi sẽ bước ra vuông sân nhỏ sau nhà để ngắm những mầm cỏ đẫm sương đêm đang vươn lên tỏ tình với bình minh của một mùa Xuân lúc bấy giờ hãy còn rất mới.❐

Tự họa
NGUYỄN MẠNH TRINH

Ta tự họa một cuối năm dất khách
nhựa xôn xao trong cây cỏ nẩy mầm
có phải mùa xuân ghé nơi bản trạch
không bấc phai sao tuyết dọng thâm tâm.

Có lúc khề khà áo tơi đi đạo
ai hoa tươi nụ nở rộ cuối vườn
ta hồn bướm mịt mù thân thu thảo
hóa thân nào trong năm tháng mênh mông.

Ta tự họa một chân dung biệt xứ
vờ kêu thương con cuốc gọi nước nhà
thơ với thẩn, cũng một loài đĩ chữ
văn chương hò, đòi học khóe tinh ma.

Có lúc bâng khuâng một thời mải miết
thục. ảo. có. không. đi. đến. gần. xa.
đêm hiu hắt vẫn một mình. biền biệt
tuổi năm mươi. bạc tóc vẫn chưa già.

Ta tự họa thương ta vô tích sự
mãi vọc vầy, nhốt trăng gió làm chơi
dèn đại lộ nhá nhem ngày lịch sử
ai âm thầm chiu chắt ngọn nến rơi.

Phân vân mãi, có phải ta, vô đạo
hay vô tâm quay quắt với buồn mình
cũng có lúc quen mồm câu xấc láo
một kẻ nào? ẩn náu giữa lặng thinh.

Ta tự họa ta quay lưng diện bích
ngồi kiết già tìm lại chút hư vinh
tâm sự trong mê chập chờn u tịch
đêm đã khuya mà tưởng mới bình minh.

Có lúc dong chơi trong tuồng cổ tích
ta dại khờ ngồi vẽ một tương lai
mù mịt lũng hoang đời ngàn vở kịch
búa chém chằn bờ suối mấy khi mài?

Ta tự họa một người thơ tất bật
sớm với chiều, khuya với tối, xoay vòng
đuổi bắt hư không vẫy vùng góc chật
một kẻ mộng du tìm nỗi nhớ mong.

Sợi nắng hôm nay có gì khác lạ
ta có là ta, tạm ngụ xứ nào?
mãi hối hả guồng đời dang vội vã
sao làm thơ, hò hẹn với trăng sao.

Ta tự họa một ta không thực tế
sáng nay nằm ngủ nướng nắng qua vai
bỗng giòn giã bên tai ngàn kinh kệ
như dòng sông trôi mãi đến phương ngoài.

Hỏi ngó ngẩn, đất hay trời, gần nhất
khi tóc phai từng mảng trắng muộn phiền
hỏi để hỏi, bởi trong ngàn ẩn mật
sẵn căn phần, một định mệnh cách riêng.

Ta tự họa, một chân dung kẻ khác
mải ham vui tìm kiếm mãi lẽ đời
đeo mặt nạ giả làm người kiêu bạc
dù trong lòng có lúc lệ thầm rơi.

Những lúc một mình lái xe thầm nghĩ
mộng mơ xưa ngày niên thiếu có còn?
hay lần nữa, tàn phai theo nghiệp đĩ
như yêu em còn lại một vết son...

Ở một nơi không có Tết

Hoàng Nga

Không biết nghĩ thế nào, mẹ lại gọi điện thoại sang cho nàng, nhờ đón đưa người đàn ông ấy. Chị Sa, thoát nợ, cười cười trêu chọc. Mẹ chọn mặt gửi vàng. Bực, nhưng nàng làm thinh không nói gì. Lát sau chắc chừng thấy vẫn chưa đủ hả hê, chị lại cười. Mẹ hiểu lòng mấy đứa con, chỉ dám giao cho bàn tay nhân hậu chứ làm sao dám giao trứng cho ác. Nàng nổi sùng. Quạu. Ngồi im ngó ra sân. Nỗi ức nghẹn, cộng thêm nỗi chán ngán tràn ứ lên làm nóng rát cả mặt nàng. Nàng làm bộ như không nghe chị Sa nói bởi đang bận nhìn ngắm khoảng không gian mơ mòng ở bên ngoài.

Trời tưởng đã hết tuyết cả vài tuần nay, bỗng lắc rắc đổ trắng khắp nơi. Những nhánh thông và dương liễu đang xanh lá ngoài vườn chợt cong oằn, nặng trĩu vì tuyết bám. Mặt đất chỗ nhầy nhụa đen, chỗ lác đác xám, chỗ trắng tinh. Thỉnh thoảng vài ba cọng cỏ non mỏng mảnh cố vươn mình lên không, bên cạnh những cọng cỏ khô khốc cong queo, những nhánh cây còn đôi ba lá xanh nham nhở, những bụi gai trơ trốc, những chậu cây thối ủng nâu xỉn, không được mang vào nhà đợt rét trước; khiến các hình ảnh thơ mộng, lôi cuốn của một mùa đông phương bắc nằm trong trí nàng qua phim ảnh, tranh vẽ thời còn ở quê nhà, vốn đã mất mát đi gần hết sau nhiều năm tháng định cư ở Âu châu, giữa lúc này, lại càng chẳng thấy tăm hơi, vết tích nào nữa.

Nàng lan man nghĩ đến lời mẹ dặn, sau khi đón người đàn ông ra khỏi phi trường, nhớ đưa đi ăn rồi mới chở ông về khách sạn. Mẹ nói đoàn của ông lo trước tất cả mọi thứ, từ người đón đưa, đến chỗ ăn nghỉ trong suốt thời gian ông lưu tại thành phố này, nhưng tại mẹ muốn ông gặp ít nhất là một trong những đứa con gái của mẹ. Nàng ngơ ngác tự hỏi. Để làm gì vậy nhỉ? Rồi tự trả lời với một bộ mặt hết sức rầu rĩ. Thật tình, chẳng biết

để làm gì! Bởi cái cuộc sống thường thường, chìm nghỉm, lặng lẽ của nàng ở nơi này, dẫu thỉnh thoảng vẫn cần một vài sự đổi thay, một vài chấn động lộn xộn nào đó cho bớt nhàm chán; nhưng nếu bảo để thay đổi bằng sự tiếp kiến một người đàn ông lạ hoắc, lạ hươ nào đó theo lịnh của mẹ, phải đón đưa một cách miễn cưỡng như thế, chắc chắn một trăm phần trăm chẳng thể nào nằm trong chương trình của nàng.

Nàng vòng tay lên ôm cổ, cố che một phần tai và mắt của mình ở bên phía chị Sa đang đi lên đi xuống, đi qua đi lại, nhưng rốt cuộc vẫn phải thấy, vẫn phải nghe. Mai ta lại đi họp nữa rồi. Cái quyết định tuần rồi vẫn chưa ổn với đám công nhân... (Ngắt câu). Thật chán ghê. Suốt đời ta thì chỉ cứ họp với hành như thế này đây (Chấm phẩy). Hết công đoàn qua hãng xưởng, hết hãng xưởng lại đến thợ thuyền... (Chấm lửng). Đình công với biểu tình. Đoàn kết với đấu tranh (Chấm than)...

Hai hàm răng nàng trong đôi môi khép kín phải cố lắm mới không nghiến lại với nhau dữ dội. Nàng không biết nên làm cách gì khác để những lời nghe có vẻ như lảm nhảm, nhưng thực chất đây "mưu đồ" của bà chị không lọt vào tai mình một cách khó chịu. Ai chứ chị Sa thì nàng rành sáu câu. Hiếm thấy chị chấm hết, dứt đoạn một khi đã có ý định gì đó. Kiểu quyết chiến, tiến lên toàn thắng ắt về ta!

Lát sau, chừng như không chịu đựng nổi nữa, nàng co cả hai chân lên ghế xa lông, cằm chống lên gối, sụp mắt nhìn xuống những chiếc móng sơn đỏ của mình, lẩm bẩm trong bụng. Toàn những thứ chết tiệt như vậy, những thứ cà chớn như vậy, mà dân ăn lương của hãng để ngồi trong cái gọi là công đoàn cho... có giống như chị, có bao giờ dám nghĩ đến chuyện bỏ việc! Nàng bậm môi, lấy ngón tay di di lên những chiếc móng chân của mình. Ở đời, thường con người ta vẫn hay rủa sả những thứ chết tiệt, thế mà rất nhiều khi lại dựa vào những thứ chết tiệt đó để tránh những việc trời ơi đất hỡi khác, tránh được không ít chuyện phức tạp, nhiêu khê vẫn bủa vây quanh mình. Nàng lườm mắt với lũ móng chân. Chẳng hạn như bỗng dưng sắp sửa phải... đưa đón một người quen của mẹ, thì lại "được" đi họp, "được" đi chống đỡ biểu tình, đấu tranh!

Nàng thở dài, mường tượng ra cảnh mình đến phi trường, tự hỏi, suốt đoạn đường từ phi trường về tiệm ăn, trong tiệm ăn và rồi từ đó về khách sạn, không biết nàng sẽ làm gì, nói gì với người đàn ông nàng chưa hề biết mặt ấy. Bình thường, vốn hay thu mình trong lớp vỏ của mình, khi phải ngồi chung với những người không mấy thân trong các bữa tiệc, hoặc một chỗ công cộng nào đó, là nàng cũng đã lúng túng lắm rồi. Cũng đã không biết mở đầu chuyện như thế nào, hỏi han thiên hạ điều gì để khỏi rơi vào bầu không khí nhạt nhẽo, vô vị. Nàng lắc đầu. Vậy mà, lần

này...

Chưa đưa, chưa đón, chưa đối diện, chưa gặp gỡ, nàng đã biết chắc cái không khí giữa khách và chủ sẽ chẳng có đường bột ngọt cũng chẳng cả mắm muối! Nỗi chán ngán kéo lên đến tận cổ. Nàng ngấy như vừa mới ăn xong bữa tối đầy những thứ nặng bụng, mỡ màng, sau đó lại bị bắt buộc phải xem một vở kịch dài lê thê được trình diễn bởi những diễn viên hạng bét nhất trên đời. Nàng tự trách mình, vì lẽ ra nàng phải nói với mẹ để con tính lại xem sao, chứ chưa gì đã dạ vâng một cách ngoan ngoãn đến là vậy!

Ngồi mãi, nhìn ra ngoài cửa mãi, mệt, và coi bộ không cách gì chịu đựng nổi cảnh chị Sa cứ than vãn một cách... hí ha hí hửng như vậy, lát sau nàng bỏ về phòng. Nàng nghĩ, ở riết với bà chị, chắc thế nào có ngày nàng nổi khùng! Nhưng nằm cũng không yên, nàng bỗng nảy ra ý định, hay là nàng sẽ gọi lại cho chị Khanh, bà chị kế của nàng, nhờ thay thế mình trong vai trò đón đưa bất đắc dĩ này. Tuy nhiên nghĩ lui nghĩ lui, thấy bà chị không biết lái xe, con còn nhỏ, vừa phải mất công giải thích với chồng của chị, người đàn ông ấy là ai, nên nàng đành than ngắn thở dài một mình. Nàng nhăn nhó, mệt mỏi mường tượng ra những phức tạp nhiêu khê, rắc rối của đời sống chồng con. Những đi, về, trình khai báo cáo. Những lắng lo sợ hãi ghen tuông... Nàng sống độc lập đã lâu. Ngày hai buổi gần như một mình trong phòng tối, chuyện tiếp xúc, gặp gỡ với người khác phái đã hiếm hoi, cộng thêm chuyện phải "đương đầu" với chị Sa thường xuyên, nên cái niềm vui đôi lứa bỗng trở nên tắt nghẽn, hụt chân, không có được một chỗ đứng trang trọng trong đời sống của nàng. Bạn bè thì chê nàng... lười, không dám bắt đầu một thay đổi, không dám xáo trộn những sinh hoạt vốn đã thành nếp, còn bạn chị Sa nói nàng nhút nhát, không biết tấn công đàn ông.

Nàng ngước mắt nhìn lên trần nhà. Nghĩ ngợi lung tung xèng một hồi, cuối cùng vẫn quay về chuyện cũ. Và bất thần, kêu lên. Chao ơi! Nếu chồng con, ở một vài trường hợp nào đó, là một cái cớ tốt, cái khiên cái mộc, cái mũ giáp trụ để che cho mình thoát được những cơn phiền toái của cuộc đời, thì chắc là nay mai này, nàng phải đi lấy chồng quách cho rồi! Nỗi bực dọc tưởng đã dịu xuống bớt, bỗng quay trở lại một cách gay gắt, khó tả hơn. Nàng cau mày tự hỏi, tại sao lại là mình phải đón đưa người đàn ông ấy nhỉ? Và người đàn ông ấy là ai mới được chứ? Cái tên với âm hưởng nghe quen quen, như lờ mờ thấp thoáng trong ký ức, nhưng bị phủ bọc bởi nhiều lớp sương mù, nên dẫu đã hết sức cố nhớ, vẫn không biết là ai, vẫn không biết mình có gặp ở đâu hay chưa, khiến nàng khó chịu. Nàng điểm tới điểm lui mấy chục mạng quen biết, thân thích với cả

ba lần mẹ của mình, nhưng sau cùng cũng đành phải vùng dậy chạy ra hỏi chị Sa về "tung tích" người đàn ông.

- *No idea!*

Chị Sa trả lời. Nghe còn tệ hơn là chị nói chẳng biết. Nàng mất hứng trở về phòng. Định đi nằm trở lại, nhưng bỗng thấy chán ngán cảnh nằm nhìn tuyết bay lất phất ngoài cửa với nỗi hậm hực, ấm ức trong lòng, nên quyết định thay áo đi ra ngoài. Mùa này ở bên này vẫn còn lạnh buốt da. Những cơn gió nhẹ thoáng qua cũng đủ làm se sắt đôi bàn tay để trần, làm đỏ ửng đầu chóp mũi không thể che kín, làm tê dại những ngón chân trong lần vớ mỏng. Nàng bước xuống khỏi bậc tam cấp, ngang qua hàng cây chỉ còn trơ những nhánh xương xẩu, đen sậm. Một cụm tuyết bám trên nhành cây bỗng buông rơi xuống trước mặt nàng như tiếng gieo mình của một kẻ chán đời, không còn muốn sống làm nàng giật mình nhìn quanh. Vậy đó mà mẹ mới nói với nàng hôm qua, là sắp Tết ở quê nhà.

Sắp Tết! Nàng cau mày. Có thể nào là sắp Tết ở một nơi nào đó hay không, trong khi ở bên này nàng đang phải co ro cúm rúm, sáng sáng trước giờ đi làm, phải ra đứng trơ giữa trời, cày cục nạo từng mảng tuyết, cậy từng mảng băng đóng kín trên nóc, trên cửa kính xe, rồi khi chui được vào chỗ ngồi, lại phải toát mồ hôi hột gài số, đạp thắng đạp ga, de tới de lui, trườn qua trườn lại trên lớp tuyết đóng cứng chung quanh chiếc xe của mình, mới rời được khỏi nhà! Là Tết hay chăng khi mỗi chiều về đến ngưỡng cửa, hai tay mang găng thu lu giấu chặt trong túi áo dạ, vẫn thấy những ngón xương gầy của mình cứng còng, đơ đơ ra như gỗ đá. Tết? Là Tết khi năm nào cũng như năm nào, chị Sa cứ đặt mấy cái bánh chưng, kho nồi thịt, mua vài hũ dưa món chay, bày biện lên bàn một vài bó hoa có màu vàng rực rỡ như hoa mai mà người bản xứ dùng để chưng trong những ngày Chúa chết và phục sinh, rồi la lên bai bải với nàng và bà chị kế, Tết.

Là Tết, như vậy đó? Như một sự "lừa dối" không hoàn hảo? Mẹ ở xa, chắc chẳng bao giờ biết được Tết ở đây dẫu đã "khá" hơn, so với những năm chị em nàng mới vừa đặt chân đến, đã có vẻ đượm hương vị quê hương hơn nhờ có mảnh lá chuối, lá giang còn khá tươi xanh nhập từ Thái Lan sang, gói bên trong những tấm bánh chưng lớn, nhờ những chai nước mắm Phú Quốc bày tràn lan trên các kệ tủ các cửa hàng thực phẩm Á châu, nhờ dưa hành, dưa món đóng hộp, nhờ phong bì lì xì đỏ rực màu phẩm in hình rồng phượng. Nhờ người bản xứ bắt đầu đi du lịch Á châu nhiều hơn, biết về phong tục tập quán Á châu nhiều hơn, nên thỉnh thoảng đã có nơi cho phép nhân viên được lấy một ngày nghỉ vào dịp này... Nhờ

gì gì nữa nàng không biết được. Nhưng Tết, là với ai khác, chứ với nàng, quanh đi quẩn lại, năm nào cũng chỉ là những bữa tiệc bù khú của các cặp vợ chồng, các chuyên viên phê bình chuyện thiên hạ, bạn của chị Sa. Cũng chỉ hai gương mặt miễn cưỡng, chán ngắt đến khó chịu của vợ chồng chị Khanh. Cũng vẫn cái không khí thiếu đằm thắm thuận hòa giữa các chị em nàng và cũng vẫn không khí chẳng chút hội hè chung ở ngoài đường.

Nàng vung chân đá một cục đá nhỏ còn phơi mình lộ thiên, lăn ào xuống chân dốc, đụng vào thanh sắt làm giá đỡ cho thùng thư công cộng khiến một tiếng động vang lên rất rõ giữa bầu không khí lạnh tanh, vắng lặng. Một con chim mùa đông không biết đang nấp ở xó xỉnh nào đó, bỗng giật mình kêu lên, rồi lao vút đi. Nàng cũng giật thót cả mình, nhưng sau đó lại bật ra một tiếng cười thỏa thuê, hả dạ một cách hết sức... tiểu nhân, bởi những tác động mình mới vừa gây nên cho chung quanh.

Cho hai tay vào túi áo dạ, nàng bước xuống đường, trí bừng bừng nóng sốt những ý nghĩ, những trầm tư mặc tưởng chưa bao giờ có trước đây. Nàng nhận ra gần cả nửa đời, mà hình như nàng chưa hề cự tuyệt một chuyện gì quyết liệt trước những ý muốn của người thân mình. Hình như chỉ trừ vài ba cái cau mày, một tiếng chặc lưỡi, một đôi câu phản đối không đáng kể, rồi cuối cùng vẫn là sự im lặng nín chịu, vẫn răm rắp thực hiện những điều mình không hoàn toàn muốn, không đồng ý. Mãi cho đến năm ngoài hai mươi tuổi, học xong, có việc làm đàng hoàng, có riêng một tài khoản trong ngân hàng để công ty chuyển tiền vào mỗi tháng, nàng mới được đi mua sắm quần áo, nữ trang theo ý riêng. Nàng tự hỏi chẳng hiểu sao mình nhu nhược đến nỗi chẳng bao giờ dám từ chối những điều mình không muốn; cũng như chẳng bao giờ dám thực hiện điều mình ao ước, nghĩ suy. Nàng nhớ tới cái chuyện đã nhiều lần định đề nghị với chị một giải pháp nào đó để tránh cảnh hai chị em không hợp tính hợp tình mà vẫn cứ lẽo đẽo ở chung với nhau như thế này nhiều năm, nhưng rồi cuối cùng chẳng thực hiện được. Bởi không biết bắt đầu ra sao với chị Sa, và tệ hơn nữa là bởi trong tâm nàng chừng như lúc nào cũng cứ dấy lên một nỗi áy náy, sờ sợ không có tên nhưng rõ ràng là... nặng ký, là có trọng lượng.

Nàng ngước nhìn bầu trời xám trắng. Nghĩ đến chị Sa, nghĩ đến những cá tính dị biệt, cứng cỏi, độc đoán của chị, mà tự hỏi lòng, không biết sự thuần phục mang đầy tính chất chịu đựng "phần số", sự đầu hàng chấp nhận một cách dễ dàng như mình, là thể hiện cái cá tính nào. Hiền? Ngoan? Hay nhu nhược? Nàng lại nghĩ đến nỗi "thống khổ" của mình thời còn đi học ở bên nhà mỗi bận Tết đến. Nhớ cái kiểu... quân phiệt áp đảo của chị

Sa khi khăng khăng muốn mẹ may sắm cho ba chị em những thứ quần áo giống hệt nhau vào dịp Nguyên Đán. Nàng vẫn còn nhớ như in, lũ bạn thường xúm lại trêu nàng con bà sơ, dân cô nhi viện như thế nào khi thấy ba chị em nàng xuất hiện ở đâu đó, đi chúc Tết, đi chơi chung với nhau. Nhớ chuyện nàng sợ sẽ bị xui cả năm nhưng vẫn cứ khóc, cứ ứa nước mắt vào ngay ngày mùng Một. Nhớ cả sau này, khi chị Khanh dãy nảy lên nhất định không chịu mặc quần áo "cô nhi viện", mà nàng thì vẫn bị bắt buộc phải tuân theo cặp mắt thẩm mỹ của chị Sa. Tết, đã có biết bao nhiêu cái Tết, chờ đợi cả năm trời để được diện quần áo mới, giày dép mới, nhưng cuối cùng lại chẳng hề muốn ra đường như thế...

Nàng chép miệng. Rảo bước xuống con dốc. Tự dưng bỗng cảm thấy buồn cười cay đắng một cách hết sức con nít, khi nghĩ giá mà nàng có một đứa em, đứa cháu nào đó dưới "cơ", dưới trướng, để khi ấm ức, lúc bực bội, còn có cơ hội chém xuống được cái "thớt" ấy cho bớt giận, như chị Sa vẫn thường áp dụng đối với nàng và chị Khanh hồi nhỏ, chắc là... đỡ lắm! Nàng ấn mạnh gót giày lên đường. Những cụm tuyết dưới chân nàng xột xoạt kêu lên những tiếng nhỏ như than oán. Nàng thấy mình cũng muốn kêu lên những tiếng than oán khi lẩn quẩn nhớ đủ thứ chuyện xưa cũ, quá khứ xa, quá khứ gần, rồi chợt nhớ đến lời dặn dò của mẹ hôm qua. Nếu có thể được, con đưa bác đi mua sắm chút ít gì đó mang về làm quà Tết. Quà? Cố nghĩ mãi nhưng vẫn không ra cái quan hệ giữa gia đình nàng và người đàn ông ấy, để có thể định mức độ thân thiện, nàng nhăn mặt thầm hỏi. Quà gì bây giờ! Cho ai? Một người? Hai người? Năm bảy người? Hay cả nhà? Chao ơi, làm sao mà mua được một thứ quà Tết nào đó ở một nơi không có Tết như thế này?

Đi mãi, mỏi chân, nàng mới nhận ra mình đã lang thang xuống đến tận đầu phố. Nàng dừng lại trước một hàng hiên của cửa tiệm tạp hóa, đứng ngơ ngác nhìn ra đường. Chúa nhật, phố xá đìu hiu chẳng khác gì bức tranh quê vẽ cảnh chợ chiều trong cuốn sách giáo khoa của nàng ngày còn nhỏ. Chỉ trừ những tiệm ăn lớn, còn lại tất cả các hàng quán khác đều đóng cửa im lìm, bên trong nhờ nhờ tối một cách buồn bã. Nàng ngó quanh ngó quất. Xe cộ ngoài đường thỉnh thoảng lắm mới có một chiếc chạy qua, với tiếng động cơ đều đều vang lên một cách đơn điệu, lạc lõng. Nàng lại nghĩ đến cái không khí hội hè, Tết nhất ở nhà, bằng một trí nhớ rất đáng ngờ. Một kiểu trời sắp Tết mà lòng người... chẳng Tết.

Nàng bước tới vài bước, quyết định đi đến nhà chị Khanh bằng một chuyến xe bus vừa trờ tới cho đỡ chán, sau khi nhận ra hình như mình cũng rất khó có một chỗ nào đó, trừ nhà mình và nhà chị để qua lại, tới lui. Nhưng đi được nửa đoạn đường, nàng bất đầu hết muốn giữ ý định cũ,

nên xuống xe, mua một tờ báo lá cải, rẽ vào một quán cà phê bên đường, gọi một ly trà, rồi ngồi chống cằm nhìn ra cửa sổ y hệt như kẻ thất tình. Nàng nhẩm tính số ngày nghỉ còn lại của mình, trừ ra vài ngày đón đưa, dẫn lối chỉ đường người đàn ông quen biết thế nào đó của mẹ, nhất quyết trong dạ, sẽ làm một chuyến đi xa trong dịp nguyên đán này, dầu thật sự chưa hề biết mình sẽ đi đâu. Và liền ngay sau đó, nàng lại thầm hỏi mình. Đi đâu bây giờ? Thật tình là nàng chẳng biết đi đâu. Không lẽ chỉ lật bản đồ ra, kiếm một địa danh nào đó không nằm ở Âu châu này, rồi moi móc ra một cái địa chỉ, một số phone, cố nhớ đến một kẻ... vô phúc, gọi tới, bảo rằng muốn gặp một trong những thành viên của gia đình họ. Và cuối cùng, lên máy bay?

Nàng sụp mắt xuống ly trà pha sữa nhờ nhờ đục một cách giận dỗi, như trẻ con hờn mẹ. Đi chơi đâu, nàng hoàn toàn chưa biết, nhưng trước mắt thì sắp phải ra phi trường, phải chờ đợi, phải đón đưa khổ ải rồi... Nàng đẩy tách trà đã hết ra một bên, gọi thêm tách nữa, nghĩ thầm, chắc chiều nay nàng sẽ "bám trụ" cái quán cà phê này cho tới lúc chán hơn chán... chị Sa, mới về nhà. Nghĩ là làm, nên nàng mở tờ báo, bắt đầu đọc từ trang thứ nhất cho đến trang trong một cách tẩn mẩn tỉ mỉ. Đến mục tử vi, nàng bỗng dừng lại, đọc tới đọc lui đoạn dành cho ngôi sao chiếu mệnh của mình. "Bạn rất được thích vì sức làm việc, nhưng người ta không ưa con người của bạn. Tại sao vậy? Bạn có nghĩ đến điều này không?".

Nàng ngẩn người. Đành là nàng không bao giờ tin bói toán, tử vi, nhưng những điều vừa đọc được, cứ như một tiếng trống nhỏ gióng lên trong trí làm nàng loay hoay tự chất vấn, có nên chăng, chuyện suy gẫm về con người của chính mình một lúc nào đó? Có nên hỏi thầm vì sao thiên hạ không ưa mình? Hay là cứ kệ, ai nghĩ gì thì nghĩ, ai không ưa mình cũng... đâu có sao? Nàng buông tờ báo nhìn ra ngoài. Những bông tuyết trắng đã hết bay phất phơ trong không. Nàng chợt nhận ra hình như nàng cũng chơ vơ, lạc lõng lắm giữa cõi thiên hạ. Nhận thấy mình chẳng giống ai, cuộc sống chẳng giống bất cứ con giáp nào. Nàng sực nhớ chị Sa thỉnh thoảng còn có một người nào đó để hẹn hò, cãi cọ và chia tay. Thỉnh thoảng còn có dịp đổ những giọt nước mắt vui sướng hay sầu tủi nghẹn ngào. Nhưng còn nàng thì cơ hồ như xuân hạ thu đông đều giống hệt nhau. Thời tiết nào cũng như thời tiết nào...Nỗi chán ngán bất giác lại ứ lên một cách không cưỡng được, nàng trả tiền, ra ngoài, lửng lơ bước đi trên hè phố đã bị tuyết lấn chiếm hết gần phân nửa lối. Nàng bực bội rủa thầm những ngày tháng vô vị, nhạt nhẽo y hệt những cái Tết "giả vờ" ở một nơi không có Tết ở sau lưng. Lẫn ở cả trước mặt mình.❐

Tâm chim sẻ, mặt trời

NGHIÊM XUÂN HỒNG

Gửi Anh Huỳnh Hữu Cửu

Hắn lững thững bước trên bờ cỏ úa,
Cỏ từng xanh hay đã úa rồi đây.
Ngước mắt nhìn phía xa mặt trời đang lặn,
Thấy rõ ràng mình cũng sắp lặn rồi đây.

Lặn rồi nổi, cái trò chơi huyền hoặc
Của cái Tâm bí ẩo thục khôn dò.
Lặn nơi đây, rồi lại nổi nơi kia,
Cũng tương tự như mặt trời mọc, lặn.

Mặt trời kia, ngàn xưa nuôi mình sống,
Cũng ngàn xưa luôn thiêu rụi xác thân mình.
Lạ một cái là mặt trời cũng rứa,
Cũng phôi thai lưu xuất tụ Tâm mình.

Lưu xuất từ Tâm, rồi quay đầu trở lại,
Phóng tia hồng trưởng dưỡng cái huyễn thân.
Trưởng dưỡng chán lại xoay ra thiêu rụi,
Làm trò chơi câm lặng của ngàn thu...

Hắn vừa thấy lạ, vừa dâm ra chán ngán,
Cái trò chơi luẩn quẩn bất tận của hóa nhi.
Châm điếu thuốc hắn phì phào thở khói,
Làn khói mờ bao bọc ánh sao hôm.

Hắn chợt thấy trên cành cây rúc rích
Mấy con chim se sẻ nhảy tìm mồi...
Thân hình chúng lung linh tràn pháp giới,
Tưởng chừng như không hề có sự chết nơi đây.

Trò mọc lặn giờ đây đã gần điểm...
Đứng lặng nhìn đàn chim nhảy mặt trời xoay
Chợt thấy rõ Sống Chết là do Tâm mình Động
Nếu bặt được Tâm này..thì bất tử ngay.

Mùa nắng cuối cùng

Đặng Mai Lan

Con đường lớn, ngắn, nằm ngay trung tâm phố nhưng lại có một khoảng cấm mọi xe cộ lưu thông, chỉ dành riêng cho khách bộ hành vì san sát hai bên là những quán cà phê lộ thiên, quán rượu, quán ăn... Những cửa tiệm sách báo, quà lưu niệm, cửa tiệm bách hoá và cả những cửa tiệm quần áo sang trọng dành cho giới thượng lưu.. Có hai rạp ciné lớn nhưng chỉ duy nhất một khách sạn.

Với bản chất mơ mộng, cô thích cái khách sạn đầu tiên mà người hướng dẫn viên của trung tâm du lịch đã chỉ dẫn. Đó là một khách sạn nhỏ, khuất lấp ở một khu ngoại ô. Nó đứng đơn độc trên một chu vi lớn rộng, đầy dẫy những bụi hoa vàng vây quanh. Sau lưng là rừng thông và nếu họ xuống phố chính hay từ đó trở về, dù lấy bất cứ một con đường nào họ cũng phải băng qua ngút ngàn những ruộng nho đang mùa trổ lá. Ngay chính anh, anh cũng không thích sự náo nhiệt của đô thị ... Họ đang ở trong một thành phố có thể gọi là một thành phố du lịch, nằm về hướng bắc của nước Pháp. Một thành phố có nhiều di tích lịch sử và chỉ cần vượt những khoảng đường trong vài giờ lái xe là họ có thể đặt chân đến một xứ sở khác ngay. Chính vì thế, nó luôn luôn nhộn nhịp với những khuôn mặt lạ, những tiếng nói lạ đến từ các nơi. Anh và cô cũng là những du khách nhưng không đến đây để tìm tòi thăm viếng các danh lam thắng cảnh như những du khách khác. Họ tìm chính họ, người này nơi người kia và ngược lại.

Anh quyết định chọn ngay khách sạn này khi vừa nhìn thấy. Đây là một toà nhà rộng lớn, có hai tầng lầu. Phía dưới có hầm chứa xe nên tầng trệt lại cao vượt hơn những ngôi nhà, những cửa tiệm nằm cạnh nó. Tất cả mọi phòng trọ đều nằm trên hai tầng cao. Tầng dưới là một quán ăn với những hàng cửa kiếng chạy dài, trong suốt mà ngồi ở đó, dù bất cứ một

góc nào vẫn có thể nhìn thấy người qua kẻ lại phía ngoài. Vì sao mà anh chọn nó một cách chóng vánh, vội vàng? Cũng dễ hiểu thôi. Cách kiến trúc và cái tên của nó gợi anh nhớ lại những năm tháng tuổi trẻ của anh trên quê hương cũ.. Continental, tại sao anh lại tìm thấy nó ở đây ? Anh sung sướng và hân hoan ra mặt. Cô không có những kỷ niệm như anh. Cô chưa từng được ngồi ăn uống trong cái quán chênh vênh giữa phố phường sang trọng ấy, may lắm là trên khoảng đường gần đó. Cô đến, cốt chỉ để vào một tiệm vải của những người Ấn, cắt, mua một xấp vải may áo hay là một thỏi son môi, một hộp phấn.. ở một cửa hàng mỹ phẩm .. Cũng tiện thôi. Cô nghĩ, ở đây, mỗi buổi sáng, chỉ vài bước chân là anh có thể băng qua con đường để đi mua một tờ báo mới, hoặc một tạp chí ở tiệm sách Guerlin & Martin đối diện. Anh thích đọc sách. Sách báo là một nhu cầu cần thiết của anh, nhất là sách báo Pháp, thứ chữ nghĩa mà anh đã bỏ quên đi rất nhiều năm tháng. Còn riêng cô, cô thích gì nơi đây ? Có phải là những hàng cây xanh cao ngất, thả bóng rợp mát trên các lối đi trong công viên trước mặt hay mái nhà ga xám xịt, cũ kỹ nằm sau lưng nó. Nhà ga không lớn gì lắm nhưng hầu như ngày cũng như đêm, tấp nập những hành khách lên xuống, đi về. *Những cuộc chia lìa khởi từ đây, cây đàn xum họp đứt từng dây* ... Cô yêu những sân ga, cô yêu quang cảnh phi trường. Yêu sự chia ly, tiễn biệt qua những câu thơ đọc và nhớ mãi từ thời còn bé dại. Hay cô yêu cái bóng nắng chênh chếch ngã xuống mỗi trưa từ tàng cây phong già nua trong khoảng sân sau của khách sạn. Bóng nắng trên những mái nhà cao, thấp. Những bóng nắng, từ bao giờ cô đã mải miết chạy theo nó, đuổi bắt, kiếm tìm ?

Không phải chỉ riêng những người tập thể dục thường đến tụ tập mỗi buổi sáng trong công viên mà dường như cả thành phố đã bừng thức sớm. Người lao công của quán cà phê nhỏ bé, khiêm nhường ở một góc đường đang lục tục mang những bàn ghế sắp xếp, bày biện trên vỉa hè. Tiệm bán thuốc lá, bánh kẹo, đồ chơi cho trẻ em và các thứ nhật báo... thì tấp nập người ra kẻ vào, chen chút nối đuôi nhau. Và hình như mỗi người từ trong tiệm bước ra đều có trong tay họ một loại mắt kiếng đặc biệt làm bằng giấy cứng mà hai tròng mắt là một thứ giấy đen đặc, như một loại phim để chụp hình. Người ta mua thứ kiếng ấy để nhìn ngắm mặt trời. Người ta đang xôn xao như đón chờ một ngày hội lớn, đón chờ hiện tượng nguyệt thực cuối cùng của thế kỷ này. Bởi vì theo các nhà khoa học nghiên cứu về sự vận hành cuả trái đất thì phải đến cả hàng mấy mươi năm sau, hiện tượng này mới có thể nhìn thấy lại một lần nữa. Thành phố này lại là một nơi có thể nhìn thấy sự xâm thực toàn vẹn nhất. Thế nên từ tối hôm qua khi cô và anh về ngang khoảng sân rộng lớn trước một giáo đường cổ kính

đã thấy các giới truyền thông báo chí đang rầm rộ dàn dựng những khán đài, những dụng cụ, máy móc... để lấy tin tức, quay phim.

Công viên mỗi lúc mỗi đông người hơn, họ đứng tụm năm, tụm ba chuyện trò. Có lẽ họ đang râm ran bàn tán về những lời đồn đãi, tiên đoán , dựa theo một thứ sấm truyền nào đó ..Về những tai ương sẽ xảy ra trên xứ sở này, về ngày cuối cùng của nhân loại .. Cô không để tâm vào những chuyện nhảm nhí mà thiên hạ bàn bạc cả mấy tháng nay, nhưng hốt nhiên cô chợt nghĩ nếu quả tình như thế thì sao ? Cô và anh sẽ nằm bên nhau như cặp vợ chồng già nằm chờ chết trong một căn phòng, giữa lòng một con tàu mà tứ bề mênh mông sóng nước, cảnh quay trong một cuốn phim nói về một vụ đắm tàu đã xảy ra từ thập niên đầu thế kỷ. Đời sống và những nhiêu khê phức tạp sẽ được chấm dứt trong phút giây. Vậy thì mọi điều.. Cần gì phải đối đầu, suy nghĩ...

Cô thả buông tấm màn cửa về vị trí cũ, căn phòng chìm lại trong bóng tối. Anh vẫn đang ngủ say. Hai cánh tay ôm choàng chiếc gối trên lồng ngực. Anh có thói quen ôm gối. Hình như anh luôn luôn cần một chiếc gối. Chiếc gối đặt dưới ngực khi anh nằm xấp mình đọc sách. Chiếc gối dưới tay anh, khi anh nghiêng người trò chuyện với cô và ngay cả trong cơn người hung hãn nhất đôi lúc anh đã không ôm cô mà lại ôm choàng chiếc gối. Cô sợ một mình và với cá tính hãy còn trẻ con, vòi vĩnh, ít khi nào cô để anh ngủ yên khi cô đang thức. Cô thường kéo anh rời khỏi giấc ngủ bằng cách vuốt ve khuôn mặt anh. Cô thích mân mê những vết nhăn dưới đuôi mắt anh, đôi môi anh, khuôn cằm nham nhám những chân râu vừa mới cạo. Nhìn ngắm anh như thế, đôi lúc cô thấy anh già, đôi lúc cô thấy anh trẻ. Gần bên anh nhưng hình ảnh anh không rõ nét trong cô. Như anh không hề có thật. Không có hiện hữu. Chỉ có quá khứ và một tương lai nào chưa thể hình dung được. Anh chỉ là cái bóng sẽ bay đi, đang bay đi. Cô luôn mang trong lòng những hình ảnh, những ấn tượng buồn rầu như thế.

Chiếc gối anh đang ôm trong tay là cái gối nằm của cô. Anh có ngửi thấy chút hương hơi nào của những giọt nước mắt thầm lặng đêm qua cô nhỏ xuống trên mặt vải trắng phau mềm mại ấy ? Nước mắt chỉ có vị mà không có hương, làm sao anh ngửi được. Ôi sáng nay sao trong đầu cô lại đầy những ý nghĩ rối rắm ... Cô nhẹ nhàng khép cửa bước ra, dù không biết đi đâu và làm gì.

Người đàn bà trọng tuổi thường hay ngồi với một đám đông cô vẫn gặp mỗi tối dưới lữ quán lộ vẻ kinh ngạc lẫn thích thú khi cô đến, xin được ngồi ở cái ghế trống cạnh bà ta.

- Ông nhà đâu, sao cô lại đi một mình?

- Đêm qua chúng tôi đi chơi về muộn và anh ấy còn đang ngủ.

Cô nói và khuấy những bọt chantilly đang sủi tăm trên vành ly cà phê nóng.

- Tối hôm qua chúng tôi cũng đi dự một party dành cho những người già, nhưng đa số là các ông goá, bà goá như tôi. Chẳng rõ ai vô ý quá, làm rớt cái áo khoác của tôi ngay chỗ phòng máng áo mà mấy đứa trẻ con nghịch ngợm, không hiểu cháu chắt của ông bà nào trốn vào ấy chơi lại dẫm bừa cả lên. Rõ khổ! Đi đến những nơi chốn ấy mà mang theo con nít để làm gì! Mai tôi về rồi, tôi không cần cái áo đó nữa nhưng tôi muốn những thứ mà tôi xếp vào valise phải sạch sẽ và thơm tho.. Tôi vừa mang cái áo bỏ giặt ở đầu đường kia và sẽ đến lấy trong vòng một giờ sau nên mới ngồi đây đợi.. Cũng muốn nhìn thiên hạ cho vui đấy mà!

Người đàn bà nói một hơi dài. Có lẽ để giải thích sự một mình của bà ta. Một bà goá trung trinh gương mẫu, tươm tất và sạch sẽ. Ý nghĩ làm cô buồn cười.

- Bà giặt áo chi vậy? Bà không nghĩ rằng chỉ vài tiếng đồng hồ nữa thôi cả thế giới này sẽ biến mất, hoặc cả thành phố này sẽ bị thiêu rụi, rồi chúng ta sẽ là những đám tro bụi bay trong vũ trụ hay sao?

- Trời, cô nói giống hệt cô thợ giặt đã đùa với tôi khi nãy. Cô ta bảo tại sao tôi lại không đợi đến ngày mai.

- Vâng, nếu tôi gặp bà trước tôi cũng sẽ khuyên bà như thế thôi.

Cô nghĩ đến anh. Ngày mai, ngày mai cô cũng phải trở về. Và những ngày mai nào khác chưa hình tưởng được. Cả thế giới này, cô và anh .. Mọi sự không thể biến mất dễ dàng nhưng dù gì mình cũng sẽ đợi đến ngày mai, sẽ chỉ còn một ngày mai và không bao giờ nữa.

- Mà ngày mai bà về đâu thế?

- Vosges, Les Vosges .. Người đàn bà nhấn mạnh, một nơi nằm về hướng đông và rất nhiều tuyết trong mùa đông. Chỉ cách nơi này khoảng chừng hơn ba trăm cây số. Cô có bao giờ đến đó chưa? Phong cảnh núi non rất đẹp, có cả những bãi để trượt tuyết. Nếu có được kỳ nghỉ mùa đông, cô cũng nên đi về đó một lần cho biết. Mà cô ở đâu vậy?

Cô cảm thấy lúng túng. Tôi ở đâu? Khi tôi xách hành lý rời khỏi nhà thì tên tuổi và gốc gác tôi đã không còn. Tôi tuyệt tích. Tôi không là ai, không là gì cả. Tại sao tôi lại đi đặt câu hỏi về nơi ăn chốn ở của một người khác. Cô ngó đăm đăm người đàn bà. Ôi bà tươm tất gọn gàng, hẳn là đời sống của bà cũng mẫu mực, khuôn thước. Không một ngoặc ngoẹo, một tỳ vết, bợn nhơ nào có thể vấy lên được. Có bao giờ bà nói dối một điều gì chưa? Tôi thì dối trá trăm điều, tôi đã nói dối như một cái máy. Và tôi lại

phải nói dối bà mất thôi, không cách chi khác được....

- Tôi nói và hiểu được tiếng nói của dân tộc bà nhưng chúng tôi không phải là người sinh sống ở đây. Chúng tôi đến từ Hoa Kỳ. Tôi chưa biết Vosges ở đâu. Tôi cũng không bao giờ được nghỉ phép mùa đông. Vả lại tôi thích mùa hè hơn, tôi cần nắng lắm.

Cô nói một cách buồn rầu khi mường tượng lại những ngày đông xám lê thê. Mỗi sáng ra đi, mỗi chiều trở về. Phố xá mù mịt trong thứ không khí ướt át, ẩm lạnh. Cô lăn trôi, run rẩy chạy đuổi theo đám đông, hòa nhập theo dòng người trong cái ánh sáng mờ nhạt như sương loãng dưới những hầm xe điện ngầm, lồng lộng gió lùa từ những cánh cửa không ngừng mở ra đóng vào, ở đầu, cuối, những hành lang hun hút. Cô cần nắng, cần mùa hè biết bao. Những mùa hè không hề có trong ký ức, nên không có trong hồi ức của cô. Chỉ có nắng, nắng trong veo màu mật mới, chan chảy trên tàng lá ngọc. Nắng thả bóng chao động dưới một hiên nhà rợp mát, đầy li ti những hoa trắng rụng. Nắng xuyên suốt qua những ô cửa, hắt vẽ lên tường nhà từng đốm sáng di động như những nụ cười hồn nhiên nở mãi trên môi cô thuở đó và nắng trong mắt anh sáng ngời những niềm tin về một tương lai đang bước tới. Đó là những ngày nắng trong mùa nắng chứ không phải mùa hè. Bởi vì anh chẳng bao giờ có mặt trong ngôi nhà có tàng cây trứng cá của cô khi mùa hè đến. Mùa hè anh phải đi về một nơi chốn khác của riêng anh. Anh và cô không hề có chung một mùa hè nào cả. Chỉ có bây giờ, mùa hè của cô và anh vừa mới bắt đầu. Như địa cầu này chưa bao giờ có một mùa nào như thế. Như trái đất vừa thay da đổi thịt, vừa vén lấy những bức màn khi quyển tối mù, thả xuống nhân gian một mùa rực nắng. Và cô đang muốn sống, muốn hưởng lấy tận cùng những giọt nắng vừa được thắp lên sau nhiều năm dài lạnh giá. Những ngày nắng cũ và cả ánh sáng mùa hè đang còn rất mới nơi đây. Cô muốn chúng đừng bao giờ tắt đi. Cô muốn giữ chúng lại để nhìn ngắm. Mùa hè, một mùa đầu tiên ở giữa đời người cô mới có anh.

Người đàn bà bỏ đi lấy áo, cô lang thang trên những con phố cũ kỹ. Cô đi vào nhà ga, cô ngồi trên chiếc ghế đá trong công viên ngắm người qua kẻ lại. Một cặp tình nhân trẻ đi ngang. Người con trai có mái tóc dài cột túm lại thành một cái đuôi nhỏ. Cô gái dáng cao gầy, mái tóc thẳng mượt, thả dài, ôm lấy khuôn mặt không điểm trang nhưng vẫn nổi bật nhờ đôi mắt to tròn một vẻ gì ngơ ngác, ngây dại mà bất cứ cái nhìn nào ném về phía cô, dù hời hợt cách mấy cũng vẫn nhận ra điều đó. Họ trang phục khá giống nhau, quần jean bạc và áo khoác xậm màu, trên vai đeo những túi xách. Họ có vẻ nghệ sĩ, nhìn họ như những nhạc sĩ hay nhạc sinh vừa rời khỏi một trường nhạc nào đó. Người con trai dừng lại và hôn cô gái.

Khi anh buông cô ra anh nói:

- Hãy cho tôi hôn em một lần nữa khi mặt trăng ôm trọn lấy mặt trời.

Câu nói lả lơi của gã con trai làm cô nhớ anh quá đỗi. Anh đã ngủ dậy chưa và anh đang làm gì một mình trong căn phòng đó? Cả thành phố này bao nhiêu cặp tình nhân đang chờ đợi ngày trở thành đêm, trong giây phút giao thoa nhật nguyệt để yêu nhau. Cô lại đang chờ đợi để nói với anh một lời chia tay. Sao lại vô lý đến như vậy? Nhưng biết làm sao? Cô yêu anh nhưng cô không muốn mãi hoài là một kẻ nói dối. Và đâu thể nào sống mà gian dối mãi.

Cô nhón lấy trái anh đào đưa lên môi và thận trọng cắn vỡ giữa hai răng. Những giọt chua, chát bắn ra làm cô nhăn mặt. Cô không thích lắm loại trái cây này, và cũng chưa phải mùa để nó có thể chín đỏ, ngọt mềm. Vậy mà cô vẫn kiên nhẫn, đứng xếp hàng chờ mua, khi ngang qua hàng hoa quả sáng nay. Những trái tròn trĩnh và cái màu đo đỏ của nó khích động thị giác của cô. Cô nhìn ngắm chúng với một nỗi xúc động cực kỳ mãnh liệt. Như những quả trứng cá ươn hồng đầy ắp trong tay cô mà cô đã hái được, đã nâng niu khoe với anh những ngày thơ ấu cũ. Và ngày đó anh vẫn kinh ngạc khi nhìn thấy cô ăn những quả trứng cá một cách ngon lành. Làm sao mà anh nhớ lại được những điều như thế nhỉ? Anh đang cầm tay cô nhưng anh vẫn thản nhiên nhìn chăm chú khung ảnh truyền hình đang quay trực tiếp sự mơn trớn của hai vòng nhật nguyệt. Thật sự không bao giờ cô và anh chạy đuổi mà bắt gặp được nhau. Khi anh trưởng thành như một thân cây vững chãi, vươn cao, tràn đầy sức sống, đam mê thì cô còn quá bé chưa biết yêu anh. Và khi cô là một người đàn bà chín muồi, bén nhậy thì những nhịp rung trong tim anh chừng đã cạn cùng, mỏi mệt.. Anh không chia cùng cô, không nhìn thấy, bắt nắm được những suy tưởng lãng mạn, ẩn mật thầm kín nơi cô. Anh cầm tay cô, anh ôm cô, một người đã chia cùng anh quá khứ, một thứ tặng vật anh tìm thấy lại sau một thời gian dài bỏ quên, mất dấu đâu đó. Nhưng anh chỉ cầm giữ lấy thứ kỷ vật được đóng khung gọn gàng, đẹp đẽ ấy. Nó không mở ra thêm một điều gì khác nữa nơi anh. Cô có cảm tưởng như thế. Đôi khi cô nao lòng buồn bã tự hỏi rằng anh có yêu cô không. Cô hiện đến với anh như một loài cỏ lạ mọc trong khu vườn anh một sáng nào anh bỗng nhìn thấy. Quá khứ, những ngày anh ở trọ nhà cô, những ngày nắng êm đềm cũ chỉ như tựa đề của một trang tiểu thuyết mở ra, một nguyên nhân khởi đầu, một tên gọi của một câu chuyện tình. Câu chuyện nào cũng giống nhau. Những người đàn ông, những người đàn bà... Nhục cảm và thân xác. Anh có nhiều mối tình cuồng vội. Cô rồi cũng chỉ là một người đàn bà như bao

người đàn bà đã đi qua đời anh, đã sẻ chia với anh ngần ấy thứ. Không có gì khác biệt hơn, cao quý hơn như cô mong mỏi. Phải chăng cuộc tình nào cũng thế. Cuối cùng rồi cũng phải như thế thôi.

Người phóng viên của đài truyền hình vẫn nhẫn nại giải thích từng li từng tí sự chuyển động của các đám mây. Mặt trời chỉ còn nhìn thấy như một múi quít vàng óng ả, mảnh dẻ trong vòng ôm đen tối của mặt trăng. Bầu trời đã bắt đầu âm u. Không còn bao lâu nữa ánh sáng sẽ mất đi nhường bước cho bóng tối. Nhìn đám người lố nhố tay giữ chặt lấy cặp kiếng giấy đưa lên che mắt, hân hoan nhìn ngắm một mặt trời tuyệt vọng. Cô nhớ đến đôi tình nhân trẻ trong công viên buổi sáng. Không hiểu họ đang ở góc phố nào chờ đợi hôn nhau? Hãy cho tôi hôn em một lần nữa khi mặt trăng ôm lấy mặt trời. Câu nói lờn vờn trong đầu cô. Một khuôn mặt ngẩng lên, một đôi môi cúi xuống. Cái hình ảnh đắm đuối và đẹp đẽ biết dường nào. Cô len lén nhìn anh, cái bóng đang bay đi, ngày mai sẽ bay đi của cô, nó dậy lên trong cô chút rạo rực khát khao cùng với một nỗi buồn rầu ngầy ngật.

Anh đưa tay tắt ngọn đèn khi cô nằm xuống bên anh, mặt trời chỉ còn là một đường viền vàng mỏng manh. Trời đất tối xầm. Đã hết, cuối cùng cho một hoà hợp vẹn toàn sung mãn của hai vầng nhật nguyệt. Tiếng máy lạnh chạy rè rè ở một góc phòng, tưởng như âm thanh của loài dế giun nào đông vọng trong đêm. Một sự lạnh lẽo đột ngột ùa đến, tràn vỡ, làm se gợn những chân da. Cô cảm thấy sợ hãi bóng tối. Cô không còn nhìn rõ mặt anh, đồ đạc trong phòng, những trái cerise chín đỏ cô bỏ lăn lóc trên chiếc bàn đêm. Họ ôm xiết lấy nhau, tìm môi nhau, tìm thân thể của nhau. Đêm sẽ kéo dài bao nhiêu phút? mười phút hay hai mươi phútánhư đã được loan báo ? Hay sẽ chẳng bao giờ còn thấy lại mặt trời. Cô không cần nắng nữa. Mùa hè, những ngày nắng và mặt trời thôi hãy vĩnh viễn tắt đi. Cô sợ bóng tối nhưng mong đêm dài vô tận. Và sao không một dấu hiệu nào cho thấy trái đất sẽ vỡ tung? Có phải cuộc chinh phục đã hoàn tất, mỹ mãn và vầng trăng phản bội đang rướn mình quay đi bỏ lại mặt trời. Có phải bóng đêm đang qua và ngày lại tới?

Khi bóng đêm đi qua, ta sẽ nhìn rõ lại nhau và em sẽ nói gì với anh cho một cuộc chia tay phải đến. Thế nào thì chúng ta cũng phải xa nhau. Cô ứa nước mắt.❐

Thơ Luân Hoán

Dặn Chừng

tôi đi vào cuối tháng tư
giường trăng mới trải bỗng dư chỗ nằm ?
tôi đi vào đầu tháng năm
giường trăng mới trải chỗ nằm bỗng dư ?
tôi đi bất dắc...bây chừ
giường trăng em gác chân như mọi ngày ?
có nghe thấy dưới cánh tay
trái tim nóng hổi loay hoay thở dài ?
giường trăng chảy lạnh nhánh vai
đừng quên vạc áo và hai lai quần
thơ đầy trong đó, em cưng
kéo mà đắp ấm từng vùng cỏ hoa
ở đâu tôi cũng như là...

Đi theo
tặng đôi bạn Tâm Thanh,Khánh Hà

đi theo tay đánh đòng-xa
đi theo tà áo lật ra úp vào
đi theo đôi guốc làm cao
đi theo cái háy vãi bao nhiêu tình
đi theo cặp môi làm thinh
đi theo tim dập rung rinh cả người

đi theo vơ vẩn vậy thôi
cảm ơn sắp đến cuối đời vẫn theo

Giao thừa của chị Lam

Ngô Nguyên Dũng

Xa quê hơn gần mươi năm, lần đầu tiên chị Lam đề nghị gói bánh chưng ăn tết. Nhà chỉ có bốn chị em. Sau chị là tôi, tới thằng Phẩm và con Lựu, mà chúng tôi quen miệng gọi "Na", vì đôi mắt đen nhánh như hai hạt na của nó. Cha mẹ chúng tôi lần lượt qua đời cách đây vài năm. Chị Lam ở vậy, thay quyền phụ mẫu, chăm nom chúng tôi. Tuổi chị ngấp nghé bốn mươi. Chị không đẹp. Trán chị hơi ngắn, mắt hơi xếch, sống mũi hơi thấp, cặp môi hơi mỏng. Diện mạo gồm những cái "hơi" đó gộp thành cái xấu đậm nét, cộng thêm đôi lưỡng quyền nhô làm khuôn mặt chị Lam có vẻ dị dị, khó coi. Chị chỉ được ở hàm răng trắng đều và giọng nói mềm mỏng.

Chị giáo dục chúng tôi nghiêm chỉnh. Việc nhà được chị chia đều cho tôi và thằng Phẩm. Con Na còn bé, chỉ phải phụ hợ lặt vặt. Sau giờ học ở trường, anh em chúng tôi cứ theo thời khoá biểu chị Lam treo trong nhà bếp mà thi hành. Đi chợ, giặt quần áo, hút bụi, lau cửa sổ, tưới cây, cắt cỏ, ... Tối tối, cơm nước xong, chị cho phép chúng tôi xem truyền hình vài tiếng, rồi đứa nào vào phòng đứa ấy học bài trước khi đi ngủ.

Nhịp sống gia đình chị em tôi trầm lặng, êm ả như biểu đồ của một vùng đất không có những chấn động. Quen thuộc như tiếng chân lệch xệch của chị Lam dẫm lên cầu thang khoảng mười giờ tối, tới gõ nhẹ lên cửa phòng mỗi chúng tôi, đẩy vào, hỏi han đôi điều rồi chúc chúng tôi ngủ ngon. Thân thiết như tiếng ho của chị vang vẳng những khuya trở mùa. Âm thanh lòn lách qua nhiều khung cửa đóng. Giấc ngủ tôi nhoi nhói như cấn phải vật gì, tỉnh giấc. Tôi thường nghĩ tới khuôn mặt khắc khổ, nhiều góc cạnh và bàn tay sần sượng vì việc nhà việc hãng của chị Lam để dỗ giấc ngủ tiếp. Những giấc mơ rối, ngắn, phiền muộn như nhúm tóc cắt rơi vãi trên sàn nhà lẫn vài sợi trắng của chị Lam nuôi chúng

tôi lớn. Tôi bước qua thời trổ mã, rồi sang tuổi trưởng thành khi nào không hay. Mặt đất tâm hồn và thể xác tôi hoàn toàn yên tĩnh, khiến tôi đôi lúc có cảm tưởng mình là chiếc bóng đối tính của chị Lam. Nhưng không phải ai cũng như tôi. Khi thằng Phẩm khởi sự bể tiếng, là lúc có "vấn đề".

Tính thằng Phẩm không giống tính tôi. Chị Lam thường so sánh, tôi là mặt trăng, còn nó là mặt trời. Tôi không vừa ý cách ví von này, vì mặt trăng gợi lên trí tôi hình ảnh dịu dàng, lãng mạn của phụ nữ. Thằng Phẩm háo động. Tới tuổi lớn, thêm tính nóng nảy và lười biếng. Nó lơ là thời khoá biểu nội trợ, tôi và con Na phải làm thay. Nó thường vắng nhà sau mười giờ đêm, không cho biết la cà, đàn đúm ở đâu, với ai.

Một lần, như lệ thường, tới giờ chị Lam lên phòng chúng tôi chúc ngủ ngon, tôi ngồi bên bàn học chờ nghe tiếng gõ rụt rè của chị. Đỗi lâu vẫn không nghe động tĩnh gì, tôi rón rén mở cửa ra xem xét. Cửa phòng thằng Phẩm hé rãnh đèn sáng. Vẫn lặng lẽ. Tôi nghi hoặc, tới đẩy cửa, thấy chị Lam đang ngồi bất động như tượng nơi mép giường gối chăn xộc xệch. Chị hướng mặt ra khung kính chồng choáng đối ảnh trong ngoài. Phiến tường dán nhiều bích chương quảng cáo phim ảnh trơ trơ in bóng lên chòm cây lá đen sẫm, ràn rạt gió đêm. Tay chị cầm lỏng lẻo tờ giấy. Tôi bước đến bên chị, quì xuống, ngẩng mặt chờ. Chị Lam xoay chậm gương mặt ốm, nhìn tôi, tia mắt rười rượi. Tôi khẽ hỏi:

- Phẩm chưa về hở chị?

Chị Lam lun run trao cho tôi tờ giấy, giọng khô quánh:

- Em Phẩm không cho biết khi nào.

Tôi ngẩn ngơ lướt mắt lên hàng chữ xệu xạo của thằng Phẩm để lại: "Em đi với bạn một khoảng thời gian, đừng tìm!" Tôi buông tờ giấy xuống sàn nhà, thẫn thờ đứng lên, ôm vai chị Lam. Bấy giờ chị mới nấc giọng thều thào: "Tại sao, tại sao vậy? Nói chị nghe, chị đã phạm lỗi lầm nào?" Tôi chỉ biết an ủi chị bằng mấy lời vụng về học lóm trong phim tập, rồi dìu chị xuống nhà dưới. Khi bước ra hành lang, tôi thấy con Na đứng bên khung cửa mở, nét mặt kỳ lạ như vay mượn của ai khác.

Tính đến nay, thằng Phẩm bỏ nhà đi hoang đã hơn hai năm. Phòng riêng của nó, chị Lam vẫn để vậy, mỗi tuần hút bụi lau chùi một lần. Hằng năm, vào dịp tết ta, chị Lam đều bày một mâm cơm chay, châm nến và thắp nhang tưởng nhớ vong linh ông bà cha mẹ. Những tối giao thừa, chị thường luẩn quẩn trong bếp tới khuya mịt, để quết thịt làm chả, hấp xôi hay sên mứt. Chị vừa làm vừa lóng ngóng. Khung cửa trổ ra vườn sau lúc nào cũng mở toang. Thời tiết vào dịp này trở mát, chị Lam bảo, nhờ gió xuân phân từ bên kia Thái bình dương xa xôi thổi qua. Tôi yêu nét mặt

chị Lam khi thốt lên những lời kỳ quặc ấy. Ánh mắt chị rực sáng làm chuôi mắt bớt xếch. Chiếc miệng chúm chím xoắn lấy từng chữ. Hai gò má hưng hửng hồng như vừa chạm phải nắng hạnh phúc, thứ nắng chỉ thấy ở đất quê nhà. Nhưng có lẽ đó chỉ là một phần nguyên nhân khiến chị Lam thay đổi. Tôi đoán, lý do sâu xa khác là chị thầm mong thằng Phẩm trở lại. Vô lý, vì thuở thằng Phẩm còn sống chung với chị em tôi, chưa bao giờ nó lưu tâm tới những dịp lễ tết. Nó thờ ơ như người ngoài, một kẻ lạ mặt với chính cội nguồn chủng tộc. Đã có lần tôi và nó lớn tiếng tranh cãi nhau về vấn đề này. Tôi nặng phần tình, nó phần lý. Anh em tôi sống cạnh nhau, cùng một huyết thống và sinh quán, mà như hai người đồng hành bị vực thẳm cá tính ngăn đôi. Chị Lam thường nói, cha mẹ sinh con, trời sinh tính. Khi gặp những chuyện không thể hay không muốn giải thích, chị Lam đều viện lý "trời khiến". Chị cam phận chấp nhận những rủi may trong cuộc sống, không một lời than trách. Chị một mực tin tưởng vào chân lý lạc quan, có suy ắt có thịnh, có tan ắt có hợp, vì vậy đương nhiên sẽ có lúc thằng Phẩm quay về. Tôi cũng mong thế, nhưng thâm tâm tôi đôi lúc không khỏi sinh lòng đố kỵ, cho rằng chị Lam chia sớt tình thương không đều.

Khi nghe chị Lam hăm hở đề nghị gói bánh chưng, con Na đồng ý ngay. Tôi ngần ngừ chất vấn:

- Chị định nấu bánh ở đâu? Nấu bằng lò điện vừa tốn vừa không thú vị.

Chị Lam trỏ tay ra vườn sau:

- Mình đốt lửa nấu trong nhà chứa dụng cụ làm vườn.

Con Na le lưỡi:

- Em sợ ma.

Tôi ngờ vực:

- Có lạnh lắm không?

- Mùa này, nơi đây, chưa bao giờ lạnh. Mà lỡ như trời trở rét, đã có bếp lửa sưởi ấm.

Tôi rạo rực bất ngờ vì chữ "rét" chị Lam vừa thốt. Lâu rồi, tôi không nghe ai dùng chữ đó. Nơi đất khách, càng không. Có nhiều sự kiện nhỏ nhặt, tưởng tầm thường như một chi tiết vô vị bên lề cuộc sống, nhưng nhằm đúng nơi chốn và thời điểm nào đó, chúng hiện ra như mũi kim dịu dàng châm lên thịt da ký ức. Như giọt mưa cường toan cào lên những lớp kính phân đoạn thời gian. Đứng nơi ranh giới hiện tại chia hai dĩ vãng và tương lai, vẫn nhìn thấy ảnh sắc những chặng đường cũ, nhưng không thể quay lưng tìm lại. Chữ "rét" khiến tôi nhớ đến tấm khăn quàng của ai vướng phải bụi gai trụi lá. Chéo khăn rách bươm. Gió thản nhiên phất phới. Khăn như trang sách thốc gió, mở ra trong tôi những chương chữ.

Căn phòng quê nhà một chiều thưa nắng, tôi ấu thơ khệ nệ khuân quyển bách khoa tự điển Larousse của cha tôi từ kệ xuống đất, nằm sấp dưới sàn nhà lót gạch bông mát rượi, lần tay giở từng trang giấy kín chữ. Không phải tiếng Việt nam. Tôi chỉ xem hình. Mắt tôi dừng lại đối lâu trên những ảnh chụp tranh tượng khoả thân. Ngón tay giơ lên trong bức tranh người đàn ông nằm, khuôn mặt Tây phương tuấn tú, ngực vai lực lưỡng. Một dải khăn vắt ngang bụng. Thiên thần bụ bẫm lân la nơi ngón tay đưa ra cong cong. Cảm giác lạ lùng bủa lấy thân tôi, lan khắp. Người tôi nổi gai. Niềm khoái cảm đầu đời bật thức như tín hiệu cám dỗ toát ra từ ngón tay. Muốn nắm lấy mà e ngại. Khoảng cách ngăn bẩm sinh như lời nguyền rủa cắm sâu trong tiềm thức, tưởng gần mà xa dịu vợi, không bao giờ chạm nhau.

Hương lửa ấm áp hiện lên khuôn mặt chị Lam, khi chị vẽ vời cảnh đêm giao thừa nấu bánh chưng sắp tới, làm tôi mủi lòng nao nao. Sau giờ làm việc, tôi siêng năng giúp chị dọn dẹp nhà kho. Lúc gia đình tôi dọn về đây, nó đã có đó. Diện tích chừng tám thước vuông. Mái tôn sơn nâu, vách gỗ màu lục già. Tới gần, thấy lớp sơn đã quá tuổi, khô khốc, có thể bóc ra từng mảng nhỏ. Mở cửa, tiếng bản lề rít khẽ như cáu kỉnh quở trách kẻ đánh thức chúng dậy từ giấc ngủ rỉ sét. Bên trong chứa nhiều vật dụng làm vườn, hai chiếc xe đạp và hai trụ đá dựng trong góc. Để làm gì vậy? Trụ đá nhẹn giăng, lấy tay phủi sạch, thấy lồ lộ màu đá xám xanh, gợn vân trắng như sữa. Chị Lam bảo, trông giống đá hoa cương. Tôi lau chùi, cặm cụi đánh bóng hai trụ đá phẳng mặt, khuân đặt ngoài vườn. Tôi đề nghị mua hai chậu cúc tím về chưng trên đó. Chị Lam góp ý, tết ta là mùa của hoàng mai, nên mua cúc vàng em ạ.

Những chiều nắng tươi, tôi thường ra sân làm vườn. Chị Lam bảo tính tôi giống tính cha, yêu cây cảnh. Có luồng nắng thẩn thơ rớt trên chậu cúc. Màu hoa vàng đã tươi, càng thêm rạng rỡ. Tôi thấy ra trong đó khoé môi cười của những người thân quen trở về tề tựu trong ngày đầu năm. Hoa cười lặng lẽ. Hoa nhìn không chớp, như muốn uống lấy cảm xúc tương lân kỳ lạ. Tôi nửa muốn kéo gần nửa muốn xô ra cảm tính uỷ mị đã khiến tôi bao lần thay đổi những dự tính. Tôi nghĩ tới thằng Phẩm. Chuyện nó bỏ nhà đi hoang đột ngột như đào thoát là một câu hỏi lớn. Nó còn trẻ nên liều lĩnh hơn tôi. Chị Lam đâu biết rằng, đã nhiều lần tôi có ý dọn ra riêng. Cũng là một cách thoát ly, một bứt lìa những quan hệ huyết thống, nhưng không nhẫn tâm như thằng Phẩm.

Luồng nắng sáng làm nụ hoa nở cười. Chút khói chiều không biết từ đâu vẩn vơ toả lên bên kia rặng cây rậm lá, mỏng manh tan vào lòng trời, không một lời nuối tiếc. Tự dưng tôi liên tưởng tới khói lò sưởi tại những vùng đất lạnh. Nó gợi lên không khí ấm cúng bên trong. Những cọ xát

thân mật của tĩnh vật và linh hồn. Đồ vật trang trí va chạm, giao tiếp nhau, chuyện vãn bằng thứ ngôn ngữ riêng như trong chuyện cổ tích. Tôi tự nghĩ mình rành rẽ thứ giao cảm thầm kín này hơn mọi người, nhưng tôi không nói ra. Làn khói yếu ớt kia vừa truyền rao những tín hiệu như lời báo động của mặt đất.

Chị Lam chăm chỉ sắm sửa đón Tết. Chị làm bếp khéo. Tôi yêu nét mặt đỏ lơ đỏ lưỡng, nửa ngượng ngùng nửa hãnh diện của chị, khi nhận được lời khen nấu một món ngon miệng hay nướng một ổ bánh khéo tay. Chị hỏi tôi và con Na thích chị làm món gì? Tôi không có ý kiến. Con Na đề nghị chị ngâm chua củ cải trắng và cà-rốt, ăn kèm với thịt kho. Chị Lam tròn mắt, có gì đặc biệt đâu? Con Na múa tay, có chứ, em thích chị xắt khoanh củ cải và cà-rốt cho em lấy khuôn ấn hình con nầy con nọ. Thì ra vậy, chị Lam cười giòn. Rồi chị thêm vào, thằng Phẩm ưa ăn bánh chưng với dưa món. Tôi cũng muốn kêu lên, thì ra vậy, nhưng ngăn lại kịp. Tôi không nỡ dập xoá vẻ tươi tắn trên khuôn mặt kém duyên dáng của chị Lam. Nhiều lần tôi tự hỏi, có bao giờ chị được nghe lời tán tỉnh?

Dưới mái nhà trú xứ, chị Lam, tôi, thằng Phẩm và con Na tuy gần gũi trong liên hệ thường ngày, nhưng mỗi người là một ốc đảo. Vắng mặt thằng Phẩm, khoảng cách giữa ba ốc đảo còn lại càng lúc càng xộc xệch. Chúng tôi đối đãi nhau bằng thứ tình ruột thịt thuần Đông phương, không bao giờ bàn tới những tâm sự thầm kín. Điều này giống giống như kỷ niệm ấu thời chưa khép lại trong trí tôi.

Khương là em họ, nhưng lớn hơn tôi nhiều tuổi. Lần đầu Khương tới thăm gia đình tôi thuở trước ở quê nhà, cha mẹ bắt tôi gọi Khương là chú, vì Khương vào chùa tu tập từ nhỏ. Chú Khương điềm đạm, nói năng chừng mực, và khắng khít tôi một cách đặc biệt. Chú thường đặt tôi lọt thỏm vào lòng trong lúc trò chuyện vẩn vơ với người lớn. Tấm áo lam chú mặc toát mùi là lạ, pha lẫn trầm hương thơm nồng và mồ hôi găng gắt. Lần nọ chú Khương xin phép mẹ chở tôi đi chơi bằng xe đạp. Chuyến đi khá xa. Bỏ lại sau lưng phố chợ bụi bặm, nhốn nháo. Rồi rẽ vào lộ đất ốm cong, nhiều cây cao xoã bóng mát bên ruộng nước vừa gieo mạ run rẩy ánh nắng. Tôi ngại ngần hỏi chú Khương, mình đi đâu? Chú đáp, tới chỗ Khương tu học, hôm nay chùa cúng rằm, nhiều bánh trái lắm. Tôi rộn vui, tưởng tượng ra mâm bàn ăm ắp quà bánh, tôi tha hồ lựa chọn, ngốn ngấu no nê, sau đó còn được mang về. Đột ngột chú Khương dừng đạp, bảo tôi xuống, dựng xe bên gốc cây. Chú thản nhiên nói, mắc tiểu quá, rồi lủi đứng sau thân cây. Tôi ngẩn ngơ. Nghe chú nói, tôi sực nhớ, mình cũng mắc tiểu, nhưng ngại ngùng cố nín. Tôi nghe tiếng nước rưới xàn xạt xuống lùm cỏ. Thứ âm thanh quen tai vì tôi và lũ bạn cùng xóm thường

hay bày trò thi đái xa. Nhưng trong tình huống này, lại là chú Khương, một người tu hành, bỗng dưng tôi cảm thấy có điều gì thiếu mạch lạc. Tôi vẫn tưởng, các nhà tu hay những bậc trí tuệ cao cả không cần giải quyết chuyện bài tiết thường tình ấy.

Tôi tự hỏi, tại sao ý tưởng dung tục kia lại hiện lên tâm trí tôi lúc này? Nó dính líu gì tới sinh hoạt đón Tết và đời sống tình cảm của chị Lam? Có, một cách gián tiếp. Nó thầm nhắc tôi về những lẽ nhân sinh tầm thường, và hãy xô ngã những tường vách định kiến của giáo điều, của những bản kẽm rập khuôn một mẫu sống thánh thiện, mực thước. Mẫu sống của thằng Phẩm vượt ngoài qui định của gia đình tôi, là kẻ xem chuyện bài tiết không phải là điều nhơ bẩn.

Không hiểu từ đâu, chị Lam mượn về được cái khuôn gói bánh chưng, tôi không hỏi. Chị đặt mua lá chuối tại mấy siêu thị thực phẩm Á châu, rồi ngâm nếp và đậu xanh để qua đêm. Vài hôm trước, tôi thoáng ngỡ ngàng khi bật truyền hình xem chương trình dự báo thời tiết. Có cơn lốc xoáy ngoài khơi Thái bình dương trực chỉ đất liền, sẽ thổi qua đây vài ngày sắp tới. Tôi không cho chị Lam biết tin này. Hình như chị cũng không để ý, vì bận bịu chuyện gói bánh. Tôi và đất hồi hộp chờ bão tới.

Bắt đầu là những đụn mây xám. Chiều đi làm về, ngang qua khoảng đất cao, tôi thấy từ chân trời ngoài hướng biển, thốc mây cuồn cuộn. Ánh chiều khắc khoải tắt dần. Bầu trời chỉ còn những vồng mây màu tro, chắc nịch, vạm vỡ như những bao cát đẫm nước, chực trút xuống cơn mưa hung bạo. Trước đó, chỉ vài giây, từ viền đất loè nhoè mấp mô, hiện lên chiếc cầu vồng không trọn vẹn. Cột màu khẳng khiu tàn tật rựng lên, run rẩy sáng loá, rồi tan mất như màn độc diễn vụng về bị mây mù kéo lại xua đuổi. Máy phát thanh trong xe loan báo, tâm lốc đổi hướng, chỉ chạm hờ đất liền trong khuya nay. Nhiệt độ xuống thấp. Mưa ở đồng bằng, tuyết trên những vùng cao.

Về nhà, tôi nhận ra ánh mắt tiu nghỉu của chị Lam. Chị cố làm mặt vui:

- Trời không thuận lòng người.

Tôi đùa:

- Hai ngàn năm dương lịch đã qua, giờ đến lượt hai ngàn năm âm lịch. Sấm truyền...

Chị Lam ngắt lời:

- Thôi đi, sấm với sét.

Lúc ngày trở màu nhá nhem, mưa dông ụp xuống như roi quất. Chị Lam ơi ới thúc tôi và con Na chạy đóng cửa nẻo, tránh mưa tạt. Ngọn đèn bếp thỉnh thoảng chớp tắt như lời đe doạ câm. Ba chị em ngồi chờ mưa

tạnh trong gian bếp có cửa mở ra vườn sau. Chị Lam bày thức ăn nhẹ ra bàn. Súp bò nấu với khoai tây, cà-rốt. Chúng tôi vừa ăn vừa trông ra cảnh mưa xối xả, đục ngầu. Nhà kho trở thành chiếc bóng mờ, có vẻ như nghiêng theo hướng gió. Tôi liên tưởng tới những toà nhà khuấy trời ngoài phố chính, và những biệt thự dựng bên vách biển. Không biết, chúng có chịu đựng nổi? Tiếng mưa chợt rầm rập như gõ tay lên mái ngói. Con Na kêu hoảng:

- Chị ơi, mưa đá.

Chúng tôi đồng loạt xô ghế, chạy ra cửa, dí mặt sát khung kính. Mưa rắc hạt li ti xuống hiên nhà lát gạch, lên nóc nhà kho, lên sân cỏ ngập hơi nước. Hai chậu cúc trên trụ đá xanh trở thành hai đốm vàng xỉn, lem luốc trong không gian ẩm ướt.

Chị Lam chắt lưỡi than:

- Thiên tai, đúng là thiên tai em ạ.

Tôi an ủi:

- Mưa đá mau tạnh, chị đừng lo!

Thật vậy, đỗi sau đã thấy cảnh vật sang sáng. Mưa nhẹ tiếng. Con Na nhảy cỡn, mở cửa chạy ra. Hơi rét gây gấy lùa vào. Tôi kêu thầm, trời ơi, cái "rét" giao thừa của chị Lam, rồi cuống chân ra theo cùng con Na. Tôi ngửa tay hứng. Mưa giăng sợi mỏng, châm nhoi nhói vào lòng tay tôi. Tiếng chị Lam nhắc chúng tôi vào mặc thêm áo, không thôi cảm lạnh. Tôi khựng chân, tần ngần trông lên rặng cây kên kia vườn nhà. Khói, không biết từ đâu, thốc lên từng đoá trắng xoá như mẫu đơn. Sắc trắng tươi mới loé lên một thoáng trong ảo giác tôi, khiến tôi ngỡ như mình vừa xoè tay chạm phải cái khối trắng đùn đục, mềm mại như một con sứa biển ấy. Trong giây khắc ấy, tôi thực sự tin tưởng vào linh tính của chị Lam. Nhất định phải xảy ra chuyện gì trong giao thừa năm nay.

Tôi nhóm lửa với tâm trạng chờ đón. Trời vẫn mưa kim châm. Đất ẩm những ngày khô ráo choàng sương mỏng. Củi lửa kêu lắc rắc. Ánh sáng chập chờn điệu múa sơ khai trên vách gỗ. Tôi thận trọng cho than vào hoả lò. Nhà kho ấm dần. Sắc lửa rực rỡ trong bóng đêm sẫm đặc như chén thuốc bắc. Mùi củi than, mùi thiên nhiên thiêu rụi quyện lấy hương nếp mới thơm lừng, làm sắc mặt chúng tôi ửng hồng, tia mắt long lanh và cảm giác ngập sóng hoài niệm, thứ sóng của những liên hệ huyết thống không thể giải thích. Tôi ghét chúng. Tôi ghét những xúc động uỷ mị nữ tính ấy. Chúng đã dựng lên những thành vách vô hình nhưng vững chãi giữ chân tôi lại, đóng khung tôi vào diện tích chật hẹp của gia đình, quê hương, chủng tộc.

Con Na than lạnh, dù chị Lam đã ý tứ mang ra ba tấm chăn cho chúng

tôi quấn người. Thỉnh thoảng chị Lam lại rạp lưng, lấy đũa sắt khơi lửa. Nồi nước bắt đầu tươm khói. Gương mặt chị Lam và con Na hồng ánh lửa, rợn lên nỗi gì rất đậm đà thân cận. Một đường chớp kỳ diệu loé lên trong tâm tưởng tôi. Cái nỗi thân cận ấy chính là thứ tình gia đình, quê hương, chủng tộc mà tôi cứ tìm cách chối bỏ, nhưng không thể.

Câu chuyện khởi đầu bằng cơn bão trái mùa, tiếp theo là chuyện trường lớp của con Na, chuyện làm việc của tôi và của chị Lam, sau cùng chuyển sang chuyện nhà. Giọng chị Lam càng về khuya càng dịu dàng:

- Ở quê mình, chỉ có dân quê còn giữ tục lệ canh nấu bánh chưng đêm giao thừa. Mà đó là lúc chiến tranh chưa lan rộng. Đêm ba mươi không trăng, đen như mực, tiết trời dịu mát chứ không ren rét thế này, thuở đó chị cỡ tuổi con Na bây giờ, ngồi rúc vào lòng bà, nghe kể chuyện. Trẻ con sợ nhưng lại ham nghe chuyện ma.

Hai mắt con Na sáng lên. Nó nhích người gần tôi hơn. Khi chị Lam kết thúc những mẩu chuyện vụn vặt về vùng đất đông người mà cũng lắm ma bằng câu: "..Bóng ma thiếu nữ xoã tóc ngồi bên cầu ván mỗi sáng tinh mơ, lúc bà chèo xuống ra chợ bán hàng, nghe kể nhiều lần đến độ quen tai, hoá thành hình ảnh không thể bôi xoá, kề cận như một người thân. Nó gọi mua hàng, trả bằng tiền vàng mã. Thế thôi, không phá phách, không hãm hại ai."

Nước sôi lục sục, đều đặn. Hương bánh lẫn với hương gỗ nhà kho sau nhều năm mới tiếp nhận lại chút hơi người lê la chuyện vãn, tạo nên bầu không khí thân tình, ấm áp kỳ lạ. Con Na tựa đầu vào vai tôi, ngọt giọng:

- Cho em dựa chút xíu thôi.

"Chút xíu" sau, đã nghe tiếng con Na thở đều. Chờ thêm một đỗi, tôi nhẹ tay kê đầu nó lên đùi. Lần đầu tôi nhìn rõ mặt đứa em gái. Nó cũng có vài nét hao hao chị Lam, nhưng được xếp đặt cân đối hơn, những dị điểm không quá lộ liễu. Tôi nghĩ tới một khay trà cụ. Cũng với bấy nhiêu ấm tách, mà có khay được bày biện đẹp mắt, có khay không. Rồi tôi nhếch cười vì lối so sánh lệch lạc đó. Ngũ quan trên mặt người được thiên mệnh sắp đặt. Trà cụ trên mặt khay là do tay người.

Chị Lam khẽ hỏi:

- Em cười gì?

Tôi lấp liếm:

- Em nghĩ quẩn quơ.

Chị Lam nhìn thật sâu vào hai mắt tôi. Chuôi mắt xênh xếch thuần á đông của chị bỗng trở nên lôi cuốn lạ thường. Sớ gỗ nhà kho no hơi ấm, chuyển mình lắc rắc. Chị Lam len lén trông ra hướng cửa khép, thở dài nghe rõ:

- Chị loáng thoáng hiểu ra lý do tại sao em Phẩm bỏ đi.

Tôi mân mê một lọn tóc của con Na vãi trên đùi, lắc đầu:

- Không đâu, không ai hiểu được nó. Biết đâu chừng, chính nó cũng không biết tại sao...

Chị Lam rối giọng:

- Đó, đó chính là điều chị muốn nói. Vì không biết mình muốn gì, nên mới xử sự như vậy. Ở tuổi em Phẩm, người có tính rung cảm quá độ, thích tìm tòi khám phá. Đi để tìm, nhưng không biết tìm cái gì. Tới một lúc, chán, sẽ quay về.

- Chị tin thế sao?

- Tin.

Giọng chị chắc nịch, nhưng biểu lộ trên gương mặt chị hoàn toàn trái ngược. Chị khoả lấp vẻ thấp thỏm, bối rối bằng cách mở nắp nồi, trở bánh. Ngoài trời, gió rít khẽ. Không dưng tôi nghĩ tới một chương tiểu thuyết cổ điển viết về đêm lén lút đến thăm nhà bạn của một kẻ dấn thân vì vận nước. Cũng nhằm mùa gió rét. Người yêu cũ tình cờ ghé qua. Chiếc áo khoác đọng giọt mưa phùn, hộp thiếc đựng thuốc lá tố cáo sự lánh mặt vụng về của người đàn ông. Họ yêu nhau ngần ấy, mà vẫn xa nhau, vẫn có người đương nhiên bỏ đi, không một câu giãi bày cho ra lẽ.

Con Na trở mình kêu ú ớ, rồi bật ngồi dậy như cái lò xo, mặt mày dáo dác. Nó vuốt lại đầu tóc bù rối, hé môi mấp máy giây lát mới bật ra lời:

- Em ngủ mơ thấy trời đổ tuyết. Mặt đất trắng xoá. Lối vào nhà mình in dấu giày còn ấm hơi người.

Chị Lam nhổm lưng, thoắt cái đã thấy chị mở xoạc cửa, lao ra. Tôi và con Na quấn chăn lúp xúp theo sau. Trời đổ tuyết thật, mỏng như rắc muối. Chúng tôi vòng qua hiên nhà, bước ra cổng trước. Trụ đèn đường soi vàng. Tuyết rơi nghiêng từng sợi lên đất. Không một bóng người, không một tiếng gọi quen tai, cũng không một dấu giày in trên tuyết.

Chúng tôi tụm sát bên nhau, tìm hơi ấm. Bàn tay chị Lam run rẩy tìm tay tôi, siết lại. Tôi muốn an ủi chị, nhưng không biết nên nói gì. Đêm giao thừa ngồi canh bánh chưng nơi đất khách trôi qua trong tẻ nhạt. Nhưng linh cảm của chị Lam quả nhạy bén. Hôm sau, mồng Một, thằng Phẩm trở về thật. Nó hiện ra như một hồn ma bên ngưỡng cửa, giữa bữa điểm tâm, giọng ngập ngừng:

- Đúng ra, em chọn đêm giao thừa để về, nhưng thời tiết xấu quá, không có chuyến xe nào khởi hành trong đêm. Em có lời chúc mừng năm mới đến anh chị và em Na.❐

(11.1999)

Bệnh xá mùa Xuân

Trần Hoài Thu

Khi những hàng muồng trong bệnh xá trổ bông vàng rực, thì bọn thương binh cảm thấy trong lòng họ nẩy nở những cảm giác bâng khuâng, xao xuyến. Và tâm trí họ thêu dệt về những ngày sắp sửa, với biết bao cơn mộng tưởng tuyệt vời.

Từ buổi chiều cho đến tối, họ quay quần chuyện phiếm. Con ma sốt rét nghĩ đến ngày được trở về cố quận, một ngôi làng ven biển, để sáng chiều hưởng ánh nắng mặt trời. Hắn dõi mắt lên rừng hoa muồng, đang dần dần trở màu vàng sẫm:

- Nghĩ đến giờ phút gối đầu trên cát, thì tao muốn chết đi được.

Một thằng quê ngoài Trung, vừa gãi khúc tay còn lại đang bịt băng trắng hếu:

- Còn tao, tao sẽ canh ngày cuối năm để xuất viện. Đầu tiên, tao sẽ đi xe đò xuống đèo, rồi đi theo xe hỏa về Đại Lãnh. Nghỉ một đêm, sáng hôm sau tao sẽ đi xe đò vào chuyến đầu tiên.

Ngừng một lát, vầng trán y chợt nhăn:

- Tao sẽ trở về đơn vị cũ, xem ai còn ai mất. Một thằng cụt chân, đỏ mắt buồn so:

- Còn tao, tao không biết về đâu.

- Sao vậy?

- Quê tao Đông Hà. Đông Hà ở bên dòng sông Hiếu Giang. Mất rồi... cha mẹ tao mắc kẹt ở ngoài nớ.

Rồi tiếng thở dài nghe thật rõ. Có tiếng nói vẩn vơ:

- Liệu Tết năm nay có bình yên hay không...

- Bình yên là cái chắc! Mày xem, tình hình đã quá sáng sủa.

Lại con ma sốt rét thêm vào:

- Dù sao, bọn mình là một lũ may mắn. Từ nay chúng ta không còn cơ

hội để trở lại mặt trận nữa.

Đến đây, đôi mắt hắn chợt âm u:

- Nghĩ đến những con suối vùng cao nguyên này, ta phải lạnh mình. Nước gì độc địa. Cả đại đội vượt qua đều ngã nhào ôm nhau mà run cầm cập.

Bây giờ là buổi chiều. Một buổi chiều cuối năm, một buổi chiều như trăm ngàn buổi chiều khác. Vẫn một bầu trời thiêm thiếp, mà màu xanh đã thấy bàng bạc một màu ráng đỏ, với những cụm mây trắng lười biếng trôi qua như đàn cừu trở về chuồng. Những thân cây cổ thụ đã thu hình trong nỗi buồn tịch liêu của một bệnh xá miền núi. Giờ đây, ngày cũng sắp lặn và gương mặt của mỗi thằng thương binh đã trở nên gầy hao hơn dưới ánh hoàng hôn nhá nhem, và những bóng áo nhà thương màu xanh dương đang lướt qua, chậm rãi, mỏi mệt đã trở thành những bóng ma của trần gian... Chỉ có những cụm hoa muồng, mới còn biểu hiện cho một mùa xuân sắp đến, chỉ có những bờ vách được quét bằng một nước vôi mới, và những thức ăn được gia tăng, mới báo trước những ngày trọng đại linh thiêng sắp đến...

Riêng các tên y tá trực, hôm nay, bỗng trở nên dễ dãi. Họ không còn kiểm soát sự có mặt của đám thương binh như thường lệ nữa. Vì thế, con số thương binh nhảy rào ra thị trấn đã trở nên đông đảo hơn bao giờ hết. Họ nhảy qua hàng rào của căn nhà xác, rồi lén lút ra các vỉa hè phố. Họ sợ viên y sĩ điều trị bắt gặp, thì lập tức, dù muốn dù không, sáng mai họ bị xuất viện... Chỉ còn lại trong bệnh xá là những tên bị thương nặng, hoặc những kẻ không có gì ngoài phố để luyến tiếc. Họ tụ họp dưới ánh điện vàng mờ tỏ. Họ lại đánh cờ, hoặc trò chuyện. Họ quên đi những cơn mê sảng của người lính già - mắc bệnh tâm trí, khi ánh điện vừa sáng lên:

- Siêu điện phản lực. Nó chạy rần rần trong trời, ối! Ối! Nó chạy vào người tao. Nó xông vào nhà thờ. Quân bán Chúa. Nhân danh cha, con và Thánh thần, Amen.

Đêm nay, lúc 7 giờ 30 phút, có kẻ mở đài B.B.C. Bản tin đầu liên quan đến tình hình VN. Giọng nói của người nữ xướng ngôn đêm nay bỗng trở nên nghiêm trọng lạ lùng. Dường như, lúc này con tim của nàng đang hòa cùng niềm vui trọng đại của đất nước nàng. Và lũ thương binh cũng vậy. Tâm hồn họ mở rộng, lồng ngực họ muốn vỡ tung. Họ ngất ngây trong một giây phút. Bởi vì họ đã biết được một sự thật. Hòa bình sẽ đến. Bóng chim bồ câu, lần này đã thấy hiện trong cõi trời nhiễu nhương. Họ nhìn nhau, bằng ánh mắt long lanh. Và một thằng cụt tay thốt lên đầu

tiên:

- Hai ngày nữa. Trời ơi! Chỉ còn hai ngày nữa.

Thằng vừa băng bột ở chân phụ thêm:

- Hai ngày thật dài cho mọi người.

Thằng sốt rét ném mẩu thuốc qua ô cửa:

- Nhất là những kẻ đang ở ngoài mặt trận. Đúng là những kẻ đang sống vào giờ thứ 25!

- Còn mình?

- Giờ thứ 24.

Thằng sốt rét cười. Hắn lại đốt thêm một điếu thuốc mới, rồi nói tiếp:

- Tết năm nay chắc là cái Tết vui nhất của mọi người. Một cái Tết mang nhiều ý nghĩa. Thằng cụt tay lại phát biểu:

- Theo tao, thì ngày ngưng tiếng súng mới là ngày Tết. Đó là ngày mà ai ai cũng phải cảm tạ, cũng phải vui mừng.

- Thôi, mình ăn hai cái Tết cũng được!

Thằng sốt rét lại cất tiếng:

- Lần này trở về, chắc mẹ tao phải khóc. Chắc bà ta sẽ làm thịt con heo để mừng tao.

- Hãy cho tao ăn giùm với.

- Dĩ nhiên, với điều kiện mày về quê tao.

Nhắc đến quê, thằng cụt chân đâm ra buồn bã. Hắn không còn quê hương để mà về. Và đôi vai hắn chợt chùng xuống, khi nhớ lại những kỷ niệm ở quê nhà. Cha mẹ, người yêu, và đám cháu ngoan hiền. Hắn thấy lại một căn nhà cổ kính ba gian hai chái, với những mái ngói âm dương đã trở màu rêu phong. Hắn thấy lại ngôi vườn, với những cụm hoa mà ba hắn nưng niu yêu mến nhất đời. Hắn nín thở, trước một cơn gió lạ từ đâu thổi qua. Cơn gió mang theo mùi cát bỏng của Gio Linh, mùi trưa nồng của Ái Tử, mùi muối mặn của Cửa Việt. Nhưng sau đó, hắn sực tỉnh cơn mộng. Bởi vì, hắn đã nhận chân được sự thật: Hắn đang là kẻ côi cút nhất trần gian. Nước mắt muốn ứa ra, hắn cúi đầu nhìn khúc thịt đang còn mưng mủ. Một cơn gió lạnh từ đâu thổi về làm run rẩy cả châu thân hắn! Hắn liên tưởng đến những ngày sắp sửa. Những ngày không có một chỗ để trở về

Những ngày mà đôi nạng gỗ sẽ tiếp tục gõ từng nhịp buồn hiu tại những chốn không người.

Vì thế, hắn không khao khát thèm muốn như lũ bạn. Mà trái lại, hắn chỉ cần một giấc ngủ, thật cô độc trong bệnh xá này. Hắn muốn nằm lại đây như một con sâu cuốn chiếu...

Lại có tiếng nói thốt lên:

- Chắc chắn rằng nay mai bệnh xá này sẽ không còn một thương binh nào nữa.

- Vì sao?

- Đâu còn đánh nhau mà có thương binh...

Nửa đêm, cả lòng đêm bỗng dưng bị dội lên bởi những quả đạn rơi rất gần khu bệnh xá. Những tiếng la thất thanh. Pháo kích! Pháo kích! Tiếp sau là những bóng người vụt chạy ra hầm núp ngoài sân. Tên thương binh cụt chân, trong cơn bấn loạn tột độ ngỡ mình vẫn còn lành lặn như xưa, đã ào nhảy xuống giường. Sau đó, hắn mới biết được sự thật. Hắn ôm khúc đùi rên rỉ và nằm ngay dưới nền. Hắn không còn nhận ra cặp nạng nữa. Hắn thì thào: "Các bạn ơi, giúp đỡ tôi! Các bạn ơi!" Nhưng chẳng có ai nghe tiếng van lơn của hắn cả. Họ đã có mặt trong hầm, hoặc nằm sát xuống chân tường mà run rẩy. Chỉ có mỗi người lính già- biệt danh là Ông Già Siêu Điện, thì cơn mê sảng lại chợt kéo về như một trận bão lốc. Ông hét lớn:

- Siêu điện phản lực. Mô cha quân bán nước. Nó tung ra những hình nhân như lính trinh sát. Nó chạy vào nhà thờ, giết cả thánh thần. Ối ối. Nó đến kìa. Bớ người ta!

Sau đó, cõi im vắng lại trở về. Cuộc pháo kích đã chấm dứt. Lũ thương binh mập mờ trở về giường, mò mẫm trong bóng tối. Một tên vấp phải gã thương binh cụt chân, chới với, khiếp đảm.

- Ai đó?

- Tôi đây... Tôi đang nằm đây... giúp cho tôi cặp nạng, bạn ơi.

- Trong khi đó, những tiếng chửi thề, càu nhàu lại tiếp tục vang lên:

- Đ.M., gần đến ngưng bắn rồi, mà còn chọc tao hoài...

- Không hiểu, có phải đây là cuộc pháo kích cuối cùng hay không?

- Làm sao mà biết được.

- Dù sao, mình cũng phải tin tưởng như vậy.

- Tội nghiệp cho những kẻ không may mắn trong đêm cuối cùng.

Có tiếng hét từ đâu đó thật ghê gớm:

- Trời ơi, đứa nào đạp cứt mang vô phòng. Đi ra mau không.

- Thúi ơi là thúi!

Cả căn phòng đồng loạt rú lên, như một lớp học con gái trong giờ vắng mặt giáo sư.

Một đêm lại trôi qua như mọi đêm của bệnh xá này. Biến cố về cuộc pháo kích vào nửa khuya cũng bị quên lãng nhanh chóng, chỉ có khác

chăng, là tên thương binh cụt chân phải trằn trọc suốt giờ còn lại. Vết thương tự dưng chảy máu lại, và hành hạ hắn không ít. Và hắn đã cố cắn răng để cầm cự cùng cơn đau nhức vô tận. Hai giọt lệ đã lăn trào trên gò má tái xanh, bệnh hoạn của hắn. Hắn lại nhớ đến cha, đến mẹ, đến người yêu và bầy cháu ngoan. Giả dụ lúc này, hắn có một bàn tay chăm sóc, một ánh mắt dịu dàng, một lời nói chân tình thì đỡ khổ cho hắn biết bao nhiêu. Nhưng, những thứ đó đã mất biệt rồi. Mất biệt từ mùa hè năm xưa, khi hắn ngồi trên mỏm đá của rặng Trường Sơn để áp chắc máy thu thanh bỏ túi mà nghe những tín hiệu thê thảm nhất từ phương trời xa bay lại. Mất biệt từ khi hắn biết mình không còn một chân nữa để tiếp tụ phần sống của con người. Nghĩ đến đó, hắn lại tha hồ khóc. Hắn khóc tức tửi như một đứa con nít. Miệng hắn nếm mùi mặn của nước mắt, như nếm nỗi buồn của kẻ bị tàn phế trong đêm cô độc của trần gian.

Buổi sáng lại về. Mùa xuân đã thấy lấp ló trong một bầu trời sương mù và gây lạnh. Rừng hoa muồng long lanh hạt sương, phủ ngập cả con đường đất đỏ dẫn từ doanh trại ra khu nhà bếp. Tiếng nhạc mừng xuân, từ lâu lắm, mới chợt nghe lại, từ chiếc máy thu thanh trong câu lạc bộ. Rồi sau đó, tiếng nói lúc rạng đông. Tiếng nói bắt đầu bằng một lời cảnh giác về ngày sắp đến. Tiếng nói bị khuất đi bởi tiếng chuyện trò của những tên thức dậy sớm. Hôn trời đất tự dưng tươi mát và tinh khiết lạ lùng. Bãi cỏ gần cửa ra vào thật xanh. Và dọc theo bờ tường vôi, hàng sứ nở rộ trắng ngập cả một khu đất.

Trong khi đó, những tên chờ đợi xuất viện đang sửa soạn thức dụng, cuốn lại mền, mùng, hoặc rảo khắp phòng bắt tay từ giã lũ thương binh còn lại.

Tên cụt tay, với một ống áo gục xuống, thì vui như tết. Y bắt tay thằng sốt rét:

- Ở lại nhá!

Y quay về tên cụt chân:

- Khi xuất viện, nhớ về quê tao nhá!

Rồi y hướng về phía người lính già:

- Còn ông, ông có về quê ăn Tết không?

Người lính già đưa đôi mắt âm u của ông về hướng của sổ:

- Tôi cũng không biết nữa.

Nhưng vào lúc 8 giờ sáng, tên y tá đã đến phòng, loan báo thật trịnh trọng. Lệnh cấm phép đã được ban hành, ngay cả các thương bệnh binh, cho dù đó là phép xuất viện.

Đi qua trí nhớ
ĐẶNG HIỀN

Nếu anh đi thăm em
Nếu anh trở về ngôi nhà thờ đá
Những sợi tóc không cần giữ
Sự nhớ thương dài dẫng
Bạc màu trắng tàn phai

Bài thơ kèm theo cọng tóc
Bay qua mùa xa
Miền đông rừng hoang mang gió
Ngày châu Mỹ, buồn buồn rưng rức

Nếu mình gặp lại nhau
Xuân còn vàng như thơ
Thơ vàng theo em
Ở chỗ nào khoảng nhớ!

(VA 12-99)

Đến bây giờ, không ai lại không biết đến cái giờ linh thiêng ấy. Không ai lại không hiểu đến những tin tức thảm khốc từ các phương trời bay lại. Mặt trận vẫn bùng nổ, người chết, người bị thương lại tiếp tục được chở về bệnh xá. Giờ ngưng bắn, đã trở thành một thứ giờ biệt mù tăm cánh. Bằng chứng mỗi ngày họ đều chứng kiến chiếc ambulance đều đậu trước thềm bệnh xá, và nghe được tiếng nổ dội về từ xa. Ngay cả ngày mồng một Tết, họ cũng chứng kiến khúc phim quen thuộc ấy. Trong khi họ trịnh trọng mang vào chiếc áo thương bệnh binh màu xanh dương mới nhất, mà nhà thương đã ưu ái tặng họ vào ngày đầu năm. Trong khi họ mở lời đầu tiên chúc nhau một năm mới đầy hạnh phúc tốt đẹp nhất. Trong khi họ được lệnh nằm yên trên giường để chờ đợi một phái đoàn đến ủy lạo. Trong khi họ rủ nhau ra bờ biển sau doanh trại, cùng đốt thuốc nhìn nắng đầu ngày tắm những nụ hoa mùa xuân ngoài hàng rào dây kẽm. Trong khi nhạc rạng đông bắt đầu: *Ngày Xuân nâng chén, ta chúc nơi nơi...*❐

Thuần ơi!

Nguyễn thị Hoàng Bắc

THUẦN

Thuần nước da ngăm đen, khuôn mặt như bị xén nhỏ lại, hẹp một cách bất thường. Mắt đã bắt đầu có dấu chân chim, mỗi khi em cười nhăn mặt, nếp nhăn ở trán và gò má không còn có thể giấu. Nhưng càng nhìn, tôi càng si tình lắm nước da bánh mật của Thuần.

"Em đẹp..."

Thuần đắc ý cười, ha hả, dễ thương.

Những khi làm tình với nhau xong, nét mặt Thuần trân ra, đắm đuối, tôi không biết dùng lời gì để diễn tả cho hết. Chỉ ngây ngất nói:

"Em đẹp... đẹp như tiên!"

Thuần không cười, mệt lả, rũ xuống vai tôi và mềm như một cọng bún, thều thào:

"Khùng, có mà khùng..."

Chúng tôi ôm siết nhau. Tôi lại động lòng, tiếc không còn đủ sức cho một cơn sóng gió tiếp.

Thỉnh thoảng, có khi do tôi hỏi, có khi Thuần tự ý nói, Thuần nói về chồng:

"À, ổng cũng được, cũng có yêu..."

Ngẫm nghĩ một lát, lại thêm:

"Có điều yêu nhau lâu rồi, đụng chạm nhau cũng nhiều."

Tôi có câu hỏi lâu rồi, sợ hỏi, sợ phải nghe trả lời dối, định mấy lần, ngập ngừng, rồi có lần cũng hỏi được trong khách sạn:

"Em yêu ổng bao nhiêu phần trăm, anh bao nhiêu?"

"Anh sáu chục, ổng bốn chục"

Tôi thở ra, điều mong đợi có thể ít hơn. Nhưng lại đau nhói lòng.

Thuần hay nói:

"Em muốn làm vợ anh!"

Lần đầu nghe, tôi tưởng Thuần định về ly dị chồng. Trong đầu người đàn ông trách nhiệm vội vàng phác họa một kế hoạch cơm ăn nhà ở thế nào cho hai đứa. Nhưng không phải, tôi hiểu nhầm. Những lần sau nghe Thuần có tha thiết bình thản giải thích:

"Em không nhảy dù với anh đâu! Chồng em không tha thiết chuyện đời, nhưng cũng đầy đủ bổn phận với vợ con... Và anh, chớ nếu là một người đàn ông khác thì gia đình em tan nát lâu rồi!"

Lặng lẽ tôi hỏi:

"Nếu chồng biết được chuyện của anh với em?"

"Sao? Thì vẫn vậy thôi!"

"Em hay ngủ với chồng?"

"Khùng, thỉnh thoảng cũng có, nhưng ảnh không biết sướng, em không thể sướng!"

THẬT KHÙNG

Thật khùng, nhưng tôi mê Thuần, Thuần muốn làm vợ tôi, nghĩa là sẽ suốt đời còn lại, không đan díu với ai ngoài tôi ra. Tôi hài lòng với lời cam kết đó.

Những lần hẹn hò bất chợt, khi ngắn một buổi, khi dài đôi ba ngày, những khi chúng tôi đi họp, đi công tác, chúng tôi có trọn cả tuần.

Tôi ngạc nhiên thấy Thuần không có dấu hiệu gì là đang có chồng, đang sống và đang săn sóc hoặc đang được một người đàn ông săn sóc.

Vào tiệm, khi thức ăn đem lên, Thuần thường tự nhiên gắp ăn, không ai cần mời ai hoặc gắp bỏ cho ai hết. Khi tôi nói ra điều này, Thuần cũng ngạc nhiên :

"Ủa, vậy ra chúng ta đang cần một người gắp bỏ thức ăn cho, như mẹ già bón mớm cơm cho con trẻ?"

Ra tới đường, Thuần bảo:

"Chiều nay không ăn tiệm, về nhà nấu canh rau cho anh ăn."

Thuần, tôi hôn Thuần lên tóc, ruột gan xôn xao cồn cào như đang thật đói mà thật thì không.

Mưa thật to, chắc Thuần không đến được. Mưa như trút nước thế này, phi cơ có thể đến chậm, có thể hủy bỏ, tôi cầm lòng không đậu. Vô ra cứ thấp thỏm chờ điện thoại. Thuần sẽ nói Thuần không đến được, tôi sẽ bảo không sao, anh biết mưa to, chỉ sợ em ướt lạnh. Xót xa thương vợ, nhất là người vợ không ở chung một nhà với mình. Tôi sợ thấy Thuần với khuôn mặt bị cắt nhỏ, nước da đen tái xanh lại càng sậm xuống, hai môi nhỏ run

rẩy như mỗi lần hôn tôi.

Có lần em hỏi:

"Anh không thắc mắc gì về ông xã em ?"

Tôi lắc đầu ngập ngừng:

"Anh không muốn gặp. Và cũng không dám gặp."

Trong thâm tâm tôi, người đàn ông kia vô can trong mối quan hệ của chúng tôi. Tôi không thể ghen, cũng không thờ ơ, nhưng quả tình anh ta có thể nào vô hại? Thuần đã bảo cho dù anh ta biết, Thuần với tôi cũng vẫn không có gì thay đổi. Thuần nói thật. Một hai tháng, chồng Thuần phải ngủ với Thuần như chừng mực, bình thường, dịu dàng và có thể có âu yếm. Giấc ngủ của những cặp vợ chồng bình thường yêu nhau?

Thuần tông cửa bước vào, ướt loi ngoi, nhưng toàn thân thì nóng rực. Cởi vứt cái áo ngoài ra, vồng ngực lộ ra mồn một. Tôi yêu nhất là lồng ngực nở nang mạnh khỏe của Thuần. Trong ấy, chắc chắn phải có chứa một buồng phổi hồng hào đỏ rực để mỗi lần đến, Thuần lại đem đến những lời âu yếm yêu đương, tự do mà không phải bừa bãi. Trong ấy, chắc chắn phải có một trái tim mạnh, rộn ràng nhịp bước cùng với trái tim tôi.

"Tạm thời, khoan gửi thư về cái địa chỉ cũ. Bể rồi! Anh ấy bắt được một cái thư anh gửi cho em..."

"Nói gì trong ấy?"

"Khùng, anh thì chỉ có bắt bướm với hái hoa, nên em bảo ổng chỉ là bạn bè văn nghệ văn gừng thôi, hơi sức đâu ghen. Nhưng cũng hờn, ôm gối ra phòng khách ngủ hết mấy ngày."

"Anh không thể mất em và cũng không muốn mất em."

"Anh sẽ không bao giờ mất."

MÊ TÍN

Dạo Thuần mê tín ra mặt, cứ thắc mắc hỏi tuổi tôi xem có hợp làm chồng với tuổi của Thuần không. Tôi than lúc nhỏ dọn nhà vì giặc giã nhiều quá, lại di cư ba bốn bận, không ai còn nhớ ngày sanh tháng đẻ thật của tôi.

"Số em thầy bói nói có hai chồng. Anh chịu làm chồng bé em không?"

Tôi thoáng hơi khó chịu nhưng rồi cũng vui:

"Chồng em nhỏ hơn anh ba bốn tuổi, anh làm chồng bé đâu được?"

"May là anh ly dị với vợ rồi, không, còn khổ cả đám!"

Giữa trưa, chúng tôi đang yêu nhau, đột nhiên Thuần bảo :

Những chiếc đồng hồ điện tử
PHAN NHIÊN HẠO

Những chiếc đồng hồ điện tử quá bền
Chạy cả năm mà chẳng hề suy suyển
Tuy vậy cứ gần đến hết năm
Tôi lại thích mua một đồng hồ kiểu mới
Để biện hộ cho việc phung phí tiền
Tôi vẫn thường tự nhủ:
Thời gian mới nên mọi điều đều phải mới
Rồi tôi vứt những chiếc đồng hồ cũ vào hộc bàn

Nhưng những chiếc đồng hồ điện tử quá bền
Chẳng khi nào chúng chịu hỏng đi cho
Đã sang năm mới rồi mà trong hộc bàn
Thời gian cũ vẫn còn
chính xác.

"Kìa, nghe kìa, có sấm đó, sấm từ xa...giông đang kéo tới."

Có tiếng ì ầm từ xa, xa hút. Sấm và giọng trong mền của Thuần đang tỏa hơi lạnh vào vai tôi ấm áp. Thuần co người lại, rúc vào nách tôi.

"Em sợ à?"

"Sợ gì? Em thích nghe sấm."

Chúng tôi rời nhau ra. Trái tim dừng đập giây lát rồi lại rộn rã đều nhịp.

Mưa chắc đã đổ ào ngoài kia, sấm ì ầm vang dội. Bầu trời trưa có thể đang sũng nước. Lát nữa, ước gì sẽ có cầu vồng.

CẦU VỒNG

Cầu vồng lơ lửng cong một nửa chiếu ánh sáng vào mắt Thuần rực lửa. Đang chen chân la cà, Thuần chợt chỉ qua lỗ cửa sắt một văn phòng ai đó đang đóng cửa, bảo:

"Em treo ảnh căn bếp anh trong văn phòng ..."

Tôi chết sững.❐

Tháng 8/99

Cành mai sân trước

Tâm Thanh

Tôi chăn heo

(Ký sự của một cựu đoàn viên đoàn Dân Sự Vụ Hoa Kỳ tại Việt Nam).

Cái đầu đề lạ làm bà Trâm tò mò đọc tiếp (thường bà ít khi đọc nội san của các đoàn thể lạ):

Thời gian 1969-1971 tôi phục vụ trong Đoàn Dân Sự Vụ Mỹ vùng Sài Gòn Gia Định. Tôi nhận công tác nuôi heo cho một nhà mồ côi ở một làng cách Sài Gòn chừng 10 dặm về phía tây. So với Cần Thơ trù phú, nơi tôi công tác một tháng, làng này là một vùng đất khô cằn, khó nhọc lắm người ta mới gầy được một luống rau xanh to bằng cái sân bóng rổ, hoặc một vườn trầu và mấy cây cau. Chỉ có những cây điều hoa đỏ thắm là đẹp mắt. Nhà mồ côi do các bà phước dòng Đa-minh thiết lập và trông coi, gồm khoảng 50 trẻ, mất cha mẹ, hoặc người mẹ (thường là độc thân) lâm cảnh khó khăn không nuôi được, đem gởi vào. Có hai đứa lai Mỹ, một đứa trai hai tuổi da đen, tên Tí, một đứa gái da trắng sáu tháng, tên gì tôi quên rồi. Thằng Tí vừa sinh ra đã bị mẹ bỏ, sáng sớm ông cậu ra mở cửa nhà thờ thấy một cục đen đúa cục cựa nằm trên thềm, bồng vào cho các bà phước. Đa số trẻ mồ côi đều ăn khỏe, dễ nuôi. Riêng thằng Tí bà phước phải cho nó xuống coi heo con bú nó mới ăn. Vì thế mà tôi có dịp làm thân với Tí. Tôi tình nguyện chăn heo vì tôi sinh trưởng ở New York, chưa bao giờ được thấy một con heo thiệt. Con heo nái đầu tiên, con Lolita, giống Yorkshire. Lúc đầu công việc tương đối nhàn hạ. Sáng sớm, trung sĩ Sean lái xe Jeep bỏ tôi xuống cô nhi viện ở đầu nhà thờ, rồi bốn giờ sau thiếu úy John đón tôi trên đường ông đi làm. Thỉnh thoảng họ quên đón hoặc bận việc gì đó, tôi phải đón xe "lam" (một loại taxi ba bánh) trở về trại.

Lúc tôi tới, các bà phước đang đọc kinh líu lo sau thánh lễ trong nhà thờ và ông linh mục già đang ăn điểm tâm trong nhà xứ. Tôi xuống thẳng nhà gia súc, đốt cái lò ga để nấu cám. Trong khi chờ nước sôi, tôi bơm nước giếng rửa chuồng, tắm heo. Đồ ăn heo là thùng đồ ăn thừa trong câu-lạc-bộ mà tôi lấy về mỗi chiều hôm trước. Đồ ăn nhiều quá, tôi bàn với bà phước gây thêm heo, và kết quả chúng tôi có 12 con. Công việc bắt đầu nặng nhọc hơn, nhưng thích thú. Lứa đầu bán được số tiền khá. Bà phước tổ chức một bữa tiệc mừng mời tôi - "anh hùng chăn heo" - và ông chỉ huy trưởng. Tôi cao hứng mang cả cây đại hồ cầm đi kéo cho các em mồ côi nghe. Chơi mấy bài quen thuộc xong, tôi dùng đàn bắt chước tiếng heo kêu làm các bà phước và đám trẻ cười rũ ra. Từ đó tôi thường mang đàn vào nhà mồ côi giúp vui cho các em. Mỗi lần như thế, thằng Tí lại chui vào thùng đàn nằm. Nó sợ ai đóng nắp lại lắm, nhưng vẫn thích trò chơi kỳ cục đó.

Buổi trưa đám trẻ thích chơi đùa trong nhà gia súc vì trong đó mát và tôi đã làm sạch bóng mỗi ngày. Mấy thằng con trai ngồi vắt vẻo trên thành chuồng heo xây xi-măng. Mấy đứa con gái, đứa ngồi bệt trên bậc thềm, đứa ngồi trên chuồng gà, thõng chân xuống đong đưa, thằng Tí ngồi trên vai tôi, nắm tóc tôi giựt. Tôi kêu "ụt ịt...", đám trẻ đáp "éc éc...". Bầy heo con lờ đi, vẻ khinh thị, làm như chúng tôi nói sai giọng tiếng mẹ đẻ của chúng. Chúng tôi cứ đối đáp hoài một bài hát đó, cho tới khi con heo nái Lolita -chắc ngứa tai quá- phát cáu kêu "é.é..c", đám trẻ cười ré lên... Trò chơi chấm dứt. Đám trẻ giải tán, đứa về phòng ngủ trưa, đứa ngồi lại nói chuyện với tôi bằng vốn tiếng Anh không quá chục chữ của chúng. Đó là những phút hạnh phúc nhất của tôi trong suốt hai năm phục vụ tại Việt Nam.

Một hôm tôi không thấy cu Tí xuống, nghĩ nó đã bỏ thói quen coi heo bú. Hôm sau nữa, tới giờ ăn, nó vẫn không xuống. Tôi nhớ nó và hỏi một bà phước, bà nói nó bệnh. Tôi xin lên thăm, thấy nó nằm thiêm thiếp trong đống mền trên cái giường tre, sốt rất cao và tỏ ra yếu mệt. Nhất định là phải chở nó vào nhà thương. Không có cách nào liên lạc được với Sean hoặc John, tôi bồng nó ra ngoài đường cái đón xe. Khi đứng dưới bóng mát của bụi tre để chờ một xe không có khách, tôi bắt đầu hoảng. Vì đó là giờ tan trường, tan sở, xe nào cũng đầy khách, phải chạy theo đúng lộ trình. Cuối cùng tự nhiên có một xe trống, sà lại. Người tài xế hỏi tôi đi đâu. Tôi mừng quá, nói đi nhà thương Cơ-đốc, và nhảo lên. Nhưng trên xe không có băng, và hôi thúi vô cùng. Người tài xế trông quen quen bảo tôi ngồi bên cạnh ông trên ca-bin. Lúc đó chúng tôi mới nói truyện và ông ta cho biết xe này chuyên chở heo nọc (ở Việt Nam một gia đình có thể sống

bằng cách nuôi một con heo đực, giống tốt, để cho thuê dịch vụ gây giống). Ông ta có cho Nhà mồ côi thuê nhiều lần và hỏi tôi có phải là "ông Mỹ chăn heo" không. Tôi gật đầu, ông ta nói tưởng Mỹ sang đây oánh giặc, hóa ra đi chăn heo, tức cười quá. Tôi nói chính tôi cũng thấy tức cười. Sau khi biết tôi thuộc đơn vị Dân Sự Vụ, ông hỏi sao không mặc đồng phục kaki mà mặc đồ thủy quân lục chiến. Tôi nói "để cho nó oai", ông ta cười (thực ra để nếu dính phân heo không ai thấy). Khi tới cổng nhà thương Cơ-đốc, tôi trả tiền, người tài xế không lấy, mà hỏi thằng bé có phải con tôi không. Tôi gật đầu. Tôi đọc được trong ánh mắt nghi ngờ lộ liễu của người chủ heo nọc, rằng tại sao một người da trắng có thể đẻ ra một đứa con đen thui. Sau này tôi luôn luôn biết ơn ông vì nhờ ông mà bé Tí được cứu sống kịp thời. Nó bị sốt xuất huyết.

Cứu được bé Tí, tôi còn báo động cho các bác sĩ chữa cho sáu bé khác nhiễm bệnh. Bé Tí hết bệnh, không cần coi heo bú khi ăn cơm, nhưng nó vẫn xuống, cỡi lên vai tôi và quát "éc éc" chua lè. Tới ngày nay, tôi thấy chưa có việc nào tôi cảm thấy hãnh diện hơn việc cứu được bé Tí. Và trong đời tôi chưa chứng kiến cảnh tượng nào tuyệt diệu hơn cảnh hôm đó, trong luồng ánh sáng ban mai từ cửa sổ tuôn vào, bày heo con mới sanh hồi đêm lúc nhúc quanh vú heo mẹ...

Bà đọc tới nửa bài, những ngón tay nuột nà run rẩy. Đọc xong, bà áp tờ báo vào ngực, thổn thức. Trái tim bà, đã lâu lắm không thổn thức như vậy. Từ mấy chục năm nay...

Tới nay bà vẫn không hiểu tại sao có những giấc mơ thời niên thiếu lại ảnh hưởng lớn đến như vậy trên đời một người. Truyện bắt đầu thế này: Trên đường đi học về, Trâm thấy một người lính Mỹ đứng dưới bóng một khóm trúc. Một anh lính mặc đồ trận vẽ lá rừng, lá lục, lá lam; quyện với những vệt nước xanh, và màu đất, đất nâu, đất xám. Anh đứng lênh khênh bên khóm trúc lá lốm đốm nắng vàng, vịn một cái thùng đàn đại hồ cầm. Anh hờ hững nhìn giòng xe cộ chạy qua. Ở một nước chiến tranh, người lính vịn đàn đứng như thế trông thơ mộng quá. Xa lạ. Lạc loài. Hình ảnh tương phản đó đánh mạnh vào tâm hồn thơ ngây của cô bé 15 tuổi. Một làn gió nhẹ lùa lao xao khóm trúc, bay sang bên này đường, lay động tà áo, và xoa trên má cô mát rượi. Trái tim cô đập mạnh. Trâm tưởng tượng đang nghe tiếng đại hồ cầm rền rĩ trong gió.

Hôm sau, ngồi trong lớp, mà hồn Trâm thả theo mây bay trên trời. Giờ sử Trâm giật mình đánh thót khi cô giáo gọi tên, cô hỏi một câu gì đó, Trâm không biết mình trả lời ra sao mà cả lớp cười ồ, cô buồn cười đến

quên giận. Đúng vào lúc lẽ ra phải sợ, phải lúng túng đó, Trâm lại chú ý tới một chuyện khác, không liên quan gì tới bài học hay cơn mộng vu vơ vừa bị cắt đứt - Trâm nhìn xoi mói qua làn áo dài mỏng của cô giáo xem cô mặc áo nịt ngực kiểu gì. "Ngồi xuống!" Cô giáo quát nhẹ. Trâm chờ cô quay lên viết bảng để dòm lưng. Kiểu nịt với cái đai to bản cong cong, đẹp lắm, nhưng Trâm không biết nhãn hiệu. Trâm vẽ lại vào tập vở nháp, ước có một cái như vậy. Tan học, Trâm vội vã về nhà, qua lối hôm qua. Khóm trúc vẫn đứng bên kia đường, cạnh bãi đất trống xây chùa. Người ta đang ủi đất, phát cây, nhưng chừa lại khóm trúc, có lẽ để làm kiểng cho ngôi chùa tương lai. Trâm thấy người lính hôm qua vẫn đứng đó. Hôm nay anh bồng một đứa bé, một đứa bé da đen chừng hai ba tuổi. Khác với vẻ bình thản hôm qua, hôm nay anh tỏ ra bồn chồn. Có lẽ vì thằng bé bị bệnh. Người lính đẹp tuyệt vời, da anh vẫn trắng xanh, như thể bị nhuộm bởi màu lá trúc. Trâm liếc nhanh sang vùng màu xanh, và tim đập rộn ràng. Cô có cảm tưởng như người lính đang nhìn cô. Trâm viết trong nhật ký "Ngày 24.4.19... Trúc ơi, tâm hồn tôi hôm nay bỗng dưng xanh ngát. Vì một người đã [xóa ba chữ "đi vào đời"] đứng đó chờ tôi...". Cô bé viết say mê tới gần nửa đêm, mẹ giục đi ngủ mới tắt đèn. Buổi tối hôm đó trôi rất chậm, và đêm quá dài. Trâm chỉ mong tới sáng hôm sau, mong những giờ học qua mau, để đi tới vùng màu xanh.

Buổi chiều thứ ba, Trâm ra tới nơi thì không còn người lính, không còn đàn, không còn thằng bé da đen. Khóm trúc còn đó, nhưng kém xanh. Bỗng gió nổi, khóm trúc ngả nghiêng. Mảnh đất xây chùa đằng sau nổi bụi. Và mưa thình lình đổ xuống. Cô bé lãng mạn, vội vã chạy sang bên kia đường. Không phải để trú mưa, mà để bâng khuâng nhìn khóm trúc. Cô xoi mói ánh mắt xuống cả đám gốc sù sì, tìm cổ tích. Tối hôm đó Trâm viết "Ngày 25.4.19... Trúc ơi, Trúc còn đó. Nhưng Anh đã đi rồi. Có lẽ thật xa. Cơn mưa trút xuống làm nhạt nhòa đường phố, nhưng màu xanh của Trúc càng đậm. Và lòng tôi ướt đậm màu xanh... Tôi có một giấc mơ xanh..."

Rồi tâm hồn và thể xác cô thiếu nữ lớn lên, nôn nao như cỏ hoa trong tiết xuân. Lúc nào cũng ủ kín giấc mơ xanh. Ông bà Hai (cha mẹ Trâm) muốn cho con sớm có chỗ yên ổn. Ông Hai ngồi trên bàn uống trà khan. Trâm đang bắt tóc sâu cho mẹ trên ngạch cửa. Chả còn sợi tóc sâu nào, mà bà cứ ngồi cho Trâm mân mê cái đầu.

"Sao ông chép miệng như con thằn lằn hoài vậy?" Bà hỏi chồng.

"Tui nghĩ hoài không ra..." Ông ngưng một chập lâu rồi mới nhột nhạt "Tại làm sao con gái có người đòi rước đi, mà nó cứ nằm vạ trong

nhà?"

"Bộ ba má muốn đuổi con đi sao?" Trâm nũng nịu. Bà từ tốn:

"Con à, người con gái đâu có phải như tấm ván gõ, càng ngày càng lên nước càng bóng. Chớp mắt cái là hết thời, nằm mốc cời ra đó. Con coi cô Tư kim hoàn đó. Mười sáu tuổi trổ mã, nhà cửa cứ rần rần người giạm hỏi. Cứ õng ẹo. Bây giờ chồng mông mà gào."

"Hì hì, má nói kỳ. Má thấy chị ấy chồng mông hồi nào?" Trâm muốn đánh trống lảng, nói giọng vui vẻ.

"Thì tối ngày chồng mông trên cái xe Honda đi cà nhỏng."

"Không phải chỉ đi cà nhỏng đâu, má à. Chỉ đi giao vàng, mua vàng đấy."

"Thì ế mới tất tả như vậy".

Ông nhìn ra cội mai ngoài sân. Cội mai già nhất trong vùng đất cằn cỗi này, trồng từ thời tổ tiên nhà ông mới tới đây lập nghiệp. Gần hai trăm năm nay, năm nào nó cũng nở hoa báo hiệu mùa xuân. Năm ông mười tuổi chạy giặc lên Tây Ninh, gốc nó vừa người ôm. Khi trở về, nhà cửa đổ nát, vườn tược tiêu điều, chỉ có cội mai nở mấy bông hoa vàng tươi thắm, hồn nhiên. Hình ảnh đó in sâu trong đầu ông cái dũng mãnh vô biên của sự sống, cái lẽ tái sinh trong trời đất, lẽ trường tồn trong cái mong manh. Tuy nhiên, ông cũng hiểu cái lẽ thường tình của con người, nhất là người con gái, con gái duy nhất của ông. Ông nói:

"Xuân bất tái lai, con biết không?"

"Thiệt tình con không biết ba má nghĩ gì." Bỗng giọng Trâm đổi từ trách móc sang nghiêm trọng "Con không hiểu tại sao chúng con không được phép kéo dài tuổi xuân bằng những giấc mộng?"

"Con nói sao? *Chúng con* à? Con cũng một bè với con Tư à?" Bà nhẹ giằng tóc ra, quay lại đối diện với Trâm.

"Mộng?! Con theo đoàn cải lương nào đó?" Ông chồm người qua cái bàn gỗ mộc. Mấy cái tách trà chạm nhau leng keng trên khay nước. Ông gằn từng chữ "Không có mộng với mị gì hết trơn hết trọi! Đời thiệt của con là một thằng chồng. Con phải quyết định chọn một thằng".

Trâm năn nỉ:

"Ba má ơi! Cho con một thời gian nữa đi".

"Con chờ ai vậy, con?" Má làm ra vẻ nhẫn nhục.

"Dạ, con đâu có chờ ai, ba má" Trâm luống cuống. Cô tuyệt vọng trong cố gắng giải thích sự khác biệt giữa việc chờ đợi một người bằng xương bằng thịt với những giấc mơ. Rằng cô lo sợ giấc mơ tan biến, mặc dầu chính giấc mơ đó hình thù ra sao, cô... chưa biết. Hình như chính sự mơ mộng là một cái *có thật* quan trọng nhất đối với cô. Trâm mơ màng

nhìn ra vườn cau, nắng loang lổ trên mặt đất mốc.

Ông nhìn con qua hơi khói thuốc lá, thấy dáng nó thẫn thờ, nghi nó bị ma ám, nói nhỏ với vợ, nhưng để con gái nghe:

"Chắc mình phải mời thầy pháp về giải bùa ngải cho nó, bà à".

"Chu choa! ông nói gì nghe ghê?" Bà đứng lên, búi tóc, lại ngồi trên ván gõ. Trâm vẫn ngồi trên ngạch cửa:

"Thôi, con xin ba má. Con không muốn lấy chồng". Trâm nói như muốn khóc.

Bà Hai đoán con gái có uẩn tình, định tạm bỏ việc ép buộc, cho "tại ngoại hầu tra". Nhưng ông cương quyết:

"Con có biết là càng ngày càng rắc rối không? Thằng con ông quận trưởng cũng nhập cuộc rồi đó."

"Cậu đó tính cưới con ông bà Quảng Phát mà?" Bà ngạc nhiên xen vào.

"Thì bởi vậy mới rắc rối. Tự nhiên thằng đó đòi hoãn đám hỏi. Ông bà Quảng Phát cho người đi dò thám thì được biết vì cái hôm khánh thành chùa, thấy nó với con Trâm đứng ở khóm trúc... Cái thằng công tử bột đó có tán tỉnh gì con không?"

"Trời ơi! Ba nói gì kỳ vậy? Người ta hỏi chuyện vớ vẩn thôi. Con không trả lời".

"Thế mà có người trung gian bên ông bà Quảng Phát đánh tiếng nhắn tao nói cậu Ba có nơi có chốn rồi, con Trâm buông tha cho cậu ấy".

"Ớ kìa! Con làm gì mà buông tha?" Trâm tức tưởi.

"Trời đất quỉ thần ơi! Cái vụ tây đình như vậy mà bây giờ ông mới... công bố!" Bà than.

Chỉ báo cáo... hiện tình như vậy mà bị cả mẹ lẫn con tấn công, ông cụt hứng, châm điếu thuốc mới, tay bật lửa run run. Trâm đo lường được mức độ trầm trọng của vấn đề (nó vượt quá những giấc mơ viển vông của cô), cô òa khóc:

"Thôi, ba má muốn gả con cho ai thì gả, cho yên nhà yên cửa."

Ông bà nửa mừng rỡ, nửa xót xa. Bà chép miệng nghĩ thầm "Trời cho con đẹp quá làm chi. Vừa phải mà dễ hạnh phúc". Tối hôm đó, bà vào phòng con. Trâm đang ngồi trước bàn học. Cô vội vàng gấp cuốn nhật ký, cất vào ngăn kéo.

Bà như chuẩn bị sẵn:

"Con yên tâm. Ba má không ép con đâu. Chỉ cần con thương ai thật lòng thì ma má cho con lấy người đó. Ngặt con gái hơ hớ ra đó, người ta tới hỏi, ba má muốn từ chối cũng phải có cớ. Ví dụ có đám hỏi con rồi. Mà có đám nào đâu? Không lẽ ba nói đã hứa gả con cho thằng cuội? Nếu con

không có chủ ý riêng, thì ba má nghĩ con nên chấm cái cậu đại úy Giản cháu bà Năm, được người, được nết".

"Thôi, má đừng nói nữa. Con vâng lời ba má. Ba má gả con cho ai cũng được".

Bà tưởng con gái chịu nhượng bộ vì cái "được người được nết" của người con trai lạ. Không ngờ người thiếu nữ không phân biệt mộng với thực, tưởng một cái gật đầu đi lấy chồng là có thể yên thân ấp ủ giấc mộng xanh. Bà lẩm bẩm "Gả cho ai thì gả, hôm qua con cũng nói như thế". Bà nhìn qua cửa sổ, nơi có vành trăng non nằm trên ngọn cây cau. Bà lùa cả hai bàn tay vào bộ tóc mượt mà của Trâm.

"Sờ vào tóc con, như vọc tay vào nước suối, đã cái tay". Bà nói, rồi đi ra.

Trâm viết trong nhật ký:

"Ngày 17.12.19... Trúc ơi, tôi không hiểu tại sao con gái phải lấy chồng sớm, để lệ thuộc vào một người đàn ông? Giấc mộng xanh đã khép lại rồi. Trả lại Trúc những con chim sẻ biết nói...Trả về trời những đám mây cưỡi được... Trả về rừng con cọp làm ngựa... Trả lại những trái điều đỏ tươi đồng ca trên cây như đàn chim chào mào... Gói lại tình yêu thanh khiết... cất dụng! Anh không bao giờ trở lại nữa. Mà từ đây tôi phải đi con đường khác. Một mình..."

Trâm định lấp đầy những trang giấy trống còn lại bằng những giấc mơ viển vông, của một thế giới chỉ có trong tâm trí thơ ngây của cô. Nhưng chưa đầy giấy thì gà gáy sáng, mệt quá, cô kết thúc *"Bao giờ tôi tìm lại được không gian xưa, và người xưa ...."*. Cô gói năm cuốn nhật ký, cẩn thận cất vào một hộc tủ có khóa.

Từ lễ đính ước, ăn hỏi tới rước dâu, chỉ đúng ba tháng. Đó là một ngày cuối hè, hoa điều đã tàn. Thực ra cũng là duyên số, Giản đã yêu Trâm vừa khi thấy dáng nàng. Nguyên Giản có người dì mở tiệm cho thuê sách và bán văn phòng phẩm trên phố. Lần đầu Trâm vào thuê sách, dì Năm đã thích ngay đôi mắt to thơ ngây và giọng nói ngọt ngào của cô. Bà nhắn tin cho Giản "Cuối tuần này về dì Năm có việc gấp". Giản tưởng chuyện gì, té ra chuyện "coi mắt" một cô gái thuê sách. Giản phần vì chiều dì, phần vì tò mò, "ứng chiến" liên tiếp ba cuối tuần mà không thấy người đẹp của dì Năm đâu. Trong lúc phụ dì ghi sổ, xếp sách vào kệ, giao sách, Giản thấy cô nào coi được cũng kín đáo đưa mắt cho dì Nam, và dì đều lắc đầu. Hôm về ăn giỗ dượng Năm, trên đường từ bến xe lại nhà dì, Giản thấy một cô gái đẹp mà anh cam đoan đẹp hơn cái cô mà dì Năm tính giới thiệu. Anh cố ý nhường bước đi sau, ngắm làn tóc dài mượt mà

và bước chân khoan thai của cô. Tới tiệm dì Năm lúc nào không hay. Dì vừa thấy hai người vào đã gật đầu lia lịa như nói "Nó đó!" Ba tháng sau, Giản nhờ dì hỏi cưới (Giản mồ côi cha mẹ). Dì làm bộ bàn ra:

"Con không chờ tìm hiểu đã?"

"Tâm hồn cô ta lộ hết ra đôi mắt rồi. Con tìm hiểu làm gì nữa? Với lại sách cô ta đọc toàn là sách con thích".

Về sau dì Năm thường chọc cháu "Thằng này nhờ tao mà trúng số độc đắc, chớ mày tưởng con mắt là cửa sổ tâm hồn thật à?" Trâm theo chồng xuống MT. Cặp uyên ương Giản-Trâm trở thành một huyền thoại ở tiểu khu và khắp thành phố. Đám thanh niên thèm thuồng địa vị chàng trai tốt số. Đám đàn bà con gái chú ý tới vẻ đẹp u trầm, xa vắng của người vợ. Người thì đồn nàng buồn như vậy vì thất tình với một ông nghệ sĩ trong đoàn cải lương. Người thì đồn nàng yêu ông giáo sư dậy Việt văn đã có vợ. Nhiều người (đa số đàn bà) nói nó chỉ làm dáng "thục nữ sầu mộng", bỏ cái bộ mặt đưa đám ra, chưa chắc đẹp. Dầu sao huyền thoại càng tôn vẻ đẹp của nàng. Và huyền thoại đi xa hơn nữa - đoán người chồng không thọ.

Mười một tháng sau, Giản chết thật. Giữa trưa, ông đại tá cho xe chở Trâm vào tiểu khu. Bà đại tá (người ta quen gọi như vậy) là bạn học của dì Năm của Giản nên coi chàng như cháu, và rất thương Trâm, thích nàng kêu bằng dì Oanh. Trâm thường lại nhà bà chơi, nhưng chưa bao giờ lên văn phòng ông. Ngồi trên xe Jeep chạy lùi lũi trong nưa, Trâm nghi có điều chẳng lành. Lúc nàng bước vào văn phòng ông, thấy dì Oanh cũng có mặt và tiến lại ôm nàng, Trâm biết điều chẳng lành đó liên quan tới Giản. Nước mắt nàng tự nhiên trào ra. Nhưng khi nghe đại tá báo tin "tôi đau đớn báo cho cô biết Giản tử trận, không tìm thấy...", nàng lại không cảm thấy đau đớn gì cả, đầu óc trống hoang, bập bềnh. Trâm hiểu ông nói về cái "xác" và sự "chết". Nhưng nàng không thể liên hệ được hai ý niệm đó với con người cụ thể Giản. Sự chết là của ai chứ không thể là của Giản. Sự chết mà ông đại tá nói nó trừu tượng như sự chết mà các thầy giảng trên chùa. Cùng lắm đây là một cơn ác mộng, mà một tiếng gào to có thể giúp nàng giật mình thức giấc.

Khi dì Oanh đưa nàng về nhà bà, dìu nàng lên cái thềm không phải thềm bằng gạch tầu nhà nàng, Trâm thấy trước mặt một cái hố thẳm vừa ngoác ra, chia cách nàng với Giản, không với tay sang nhau được. Chàng mới ở trong cùng một không gian này với nàng, bỗng chốc bị quăng sang một thế giới khác. Nàng cảm thấy mình hoàn toàn kiệt quệ, chỉ còn một linh hồn rữa nát vì những độc chất có tên là sự chết, ân hận. Bây giờ Trâm mới biết Giản yêu nàng tha thiết và cao thượng dường nào. Chàng khoan

dung đi bên cạnh nàng trong khi nàng đuổi theo con bướm vô hình vô sắc mà nàng đặt tên là giấc mơ xanh. Trâm đã kéo dài quá đáng trò chơi của những đứa con gái mới lớn, mơ ước một mối tình gọi là "tình yêu siêu thoát". Có lẽ Trâm "chơi nhả" hơn vì phải đi lấy chồng trước khi có người yêu. Nàng khóc hoài không thôi. Vì ân hận. Nhưng ai cũng tưởng vì nàng thương nhớ Giản quá. Không còn ai xầm xì nàng làm dáng bằng sự sầu muộn nữa.

Trâm chưa nguôi cơn buồn riêng thì tai họa chung đã ập xuống cả đất nước. Trâm không liên lạc được với cha mẹ, đành đi tản một mình và sang định cư tại Cali (lúc đầu tại Texas). Gia đình ông bà đại tá cũng tan nát. Các con, hai người chạy thoát được ra ngoại quốc, một người đi tù cải tạo, bị hành hạ chết. Bà, nghe nói bị đày ải và làm nhục, nhưng luôn luôn ngẩng đầu can đảm, cho tới ngày được con cái bảo lãnh ra đi. Trâm nhớ lại lần cuối cùng gặp bà ở Việt Nam là lúc tình hình đã vô cùng bi đát. Bà hẹn Trâm tới chơi như thường lệ mỗi khi bà buồn bã. Trâm tới thì bà vừa niệm Phật xong. Mùi trầm còn ngào ngạt trong thư phòng. Trâm thấy mặt bà bình thản, nhưng xanh xao, hỏi:

"Dì Sáu không được khỏe?"

"Không, dì đang suy nghĩ về câu kinh Lăng Già *sinh tử như ảo mộng*. Đang bâng khuâng, để con nhìn thấy cái lòng nông cạn, thật mắc cỡ".

Trâm biết bà Oanh có nhiều điều buồn phiền, trong đó buồn nhất là chồng lắm vợ bé vợ mọn. Đã có lần bà nói với Trâm mơ ước một tình yêu siêu thoát không phải là một ước mơ trẻ con, mà là một ước mơ thời đại, hậu quả của việc người đàn ông buông thả quá, trong khi cứ đòi đàn bà trinh tiết cùng mình. Điều nghịch lý là bà, cứ mỗi lần chồng đi vắng đêm, lại quì trước ban thờ, cầu nguyện cho chồng được bình an, chẳng buồn nghĩ lúc đó ông chồng đang đánh giặc hay đang hú hí với vợ nhỏ. Một lần Trâm tế nhị đặt câu hỏi thì dì Oanh trả lời đời người đàn ông không biết sống chết lúc nào, thông cảm cho họ. Lần này, giữa tiếng đại bác ầm ì xa xa, bà nói:

"Trước đây nói dì không ghen là dối lòng. Nhưng bây giờ quả thực dì chỉ mong ông ấy sống là tạ ơn Bồ Tát".

Nhưng, ba ngày sau quân cộng sản Bắc Việt tràn vào. Ông cho binh sĩ tan hàng rồi tự tử trong bộ tư lệnh. Người lính cộng hòa chôn xác ông kể lại cổ đại tá đeo một tấm mề đai lộng hình bà. Bây giờ nghĩ lại, Trâm hiểu bà hơn. Trâm hiểu tại sao người đàn ông trăng hoa đó vẫn đáng cho bà tôn thờ, yêu thương.

Còn nàng, nàng không yêu được nữa, mặc dầu khi sang Mỹ nàng mới 19 tuổi. Bên trong thân thể nõn nà xinh đẹp là một đống tro tàn

nguội.

Bà cụ Oanh ở Houston với người con gái thứ hai. Cụ không có thú vui nào khác ngoài đi chùa niệm Phật và đọc sách báo. Gặp cái gì hay cụ lại điện thoại mách cho bà Trâm. Tờ báo có bài "Tôi chăn heo" cũng là do cụ gởi cho bà. Bà Trâm điện thoại cho tòa soạn và được cho số điện thoại của tác giả Kenneth W., đang ở New York. Lúc thăm dò, bà nao nức bao nhiêu, được số điện thoại rồi, bà phân vân, ngại ngùng bấy nhiêu. Bà chỉ sợ vỡ mộng. Bà hỏi ý kiến cụ Oanh, cụ khuyến khích nên gọi cho Kenneth, với một lý lẽ không khích lệ tí nào - "*Sinh tử như ảo mộng*".

Cuối cùng bà Trâm có được cái cớ rất chính đáng: chỉ gọi điện thoại khen bài ký sự và nhân tiện chúc mừng giáng sinh. Có thế mà không nghĩ ra sớm. Bà chép miệng, bấm số mà bà đã thuộc lòng.

Cuộc điện đàm ba tiếng đồng hồ cho Bà Trâm biết "người chăn heo" chính là "giấc mơ xanh". Nhưng trước đây, bà là gì đối với ông trước đây? - Không thể "là cái gì được", bà nghĩ. Còn ông, ông nói ông sẽ cho bà biết khi gặp nhau. Ông bay xuống Los Angeles và hẹn gặp bà trên một quán ăn thơ mộng trên đồi nhìn xuống thành phố. Trước giờ hẹn, bà đã ngồi nhiều giờ trước gương tự hỏi chải tóc ra sao? Buông lơi trên vai như khi đi tiệc tùng? Hay búi cao như khi đi làm? Hay cuốn thừng như khi đi hội họp? Buông vai là kiểu thời con gái bà đã để, khi đi học về qua khóm trúc. Nhưng bây giờ "diễn lại", có lộ liễu quá với... lòng mình không? Cuối cùng bà quyết định buông tóc dài và cột cao cao lên bằng một sợi nịt nhung đen. Bà gỡ đôi bông tai hột xoàn, đeo vào đôi hạt trai nhỏ. Vòng hạt trai mầu khói khoanh một đường vòng dịu dàng trên khuôn ngực trắng ngần. Khi bà cởi áo khoác đưa cho người gác tủ áo, xuất hiện trong khung cửa vào phòng ăn, một vài cặp mắt ngước lên ngưỡng mộ. Một người đàn ông đứng tuổi, y phục trang nhã, tiến ra, nói ngay:

"Bà Trâm, bà không thay đổi gì cả".

Kenneth nói bằng tiếng Việt, giọng Bắc sõi sàng. Trâm vẫn còn ngạc nhiên về trình độ tiếng Việt của ông, mặc dầu qua điện thoại ông đã nói thử tiếng Việt cho bà nghe và cho biết giải ngũ xong ông làm một điều ngược với đa số lính Mỹ -họ muốn quên Việt Nam -ông trau giồi tiếng Việt, và nhất là nghiên cứu Thiền Việt Nam.

Nhưng cái vụ "không thay đổi gì cả" thì thật là khó tin. Ông đã thấy bà bao giờ đâu để so sánh trước đây với bây giờ. Bà không thể tưởng tượng ba mươi năm trước ông đã thấy bà. Nhưng ánh mắt ông trong sáng, thật thà, bà không thấy vẻ tâng bốc nào trong đó. Hai người vẫn đứng giữa khung cửa. Như hai bức tượng đá. Bà không tìm được nét gì chung giữa

người đàn ông bây giờ và người lính trẻ đứng dưới khóm trúc năm xưa, trừ dáng gù gù lưng gấu. Bà ngỡ ngàng, trong khi ông chờ đợi, với nét mặt rạng rỡ. Trong phút chốc bà hối hận đã hẹn gặp. Để làm gì? Tìm lại một giấc mơ lãng mạn của thời mới lớn, mà ngay thời đó chưa chắc Trâm dám đối diện? Hay du mình vào một cuộc phiêu lưu lúc tuổi đã xế chiều? ý tưởng này khiến bà đỏ mặt. Bà không hề nghĩ tới điều đó trước đây, lúc háo hức liên lạc và hẹn gặp gỡ. Nhưng bây giờ... bây giờ lỡ rồi... Đã tới đây, bà phải giữ vẻ tự nhiên. Hay nhất là giữ thái độ của một người đàn bà á đông lịch thiệp đang sống trong xã hội Mỹ. Bà đưa tay cho ông bắt, và nói duyên dáng, có pha chút kịch tính:

"Chúng ta gặp nhau bao giờ nhỉ?"

"Bây giờ". Ông cũng pha lúng túng với xúc động.

Ông cầm bàn tay bà bằng cả hai bàn tay hộ pháp thật lâu. Hơi ấm trong bàn tay ông làm bà dễ chịu, và thái độ kịch nhưng thân ái của hai bên làm cho tình huống bớt căng thẳng. Ông âu yếm kéo ghế mời bà, rồi tiếp:

"Đây là lần đầu tiên tôi được gặp bà. Nhưng tôi đã thấy bà ba mươi năm về trước, khi bà đi học về. Chỉ có ba lần, mỗi lần có lẽ hai ba phút. Nhưng tôi không quên được: Bà mặc áo dài trắng, như nhiều nữ sinh Việt Nam thời đó, nhưng nổi bật lên vì vẻ... (ông lúng túng) diễm lệ tuyệt vời. Dáng vẻ đó không thể lẫn lộn với cái gì khác được, không han rỉ với thời gian... Bây giờ bà vẫn như thế." Ông nghiêng đầu ngắm. Bà thẹn, mâm mê những hạt ngọc trai. Ông tiếp "Trừ tóc hồi đó buông xuống vai, không cột lại như bây giờ".

Bà ngẩn ngơ đưa tay ra sau gáy, định gỡ sợi nịt nhung. Nhưng ông kịp ngăn lại:

"Bây giờ, để thế này đẹp hơn".

Người bồi đưa thực đơn tới. Dịp để ông tạm ngưng nói, và bà có cái gì che trái tim thổn thức. Những lời ca tụng nhan sắc, bà đã nghe tới nhàm tai từ bao năm nay, từ hằng trăm người khác nhau, có khi hằng trăm lần từ cùng một người. Dịp lễ giáng sinh năm nay cũng như những năm khác, bà mệt mỏi hơn vì những vụ mời mọc có hậu ý. Từ lâu, trái tim bà không còn rung động nữa. Chính bà có lúc hoảng sợ vì tâm trạng của mình, và tự hỏi có phải bệnh hoạn không? Chính trái tim này, bỗng dưng đập dồn dập, bừng bừng. Dưới kia, thành phố Los Angeles nằm như một thảm sao lung linh. Nhưng trời còn mùa đông, xuân chưa sang mà... "Vẫn như thế" - bằng mấy lời đơn giản, ông đã đưa bà về quá khứ. Về giấc mơ tuyệt diệu tưởng đã mất, và tưởng không còn ai trên đời có thể chia sẻ được. Bà cố đè nén những cơn sóng xô đẩy trong lòng bằng một tiếng thở dài nhẹ:

"Không thể ngờ được.... Không thể ngờ được..."

"Vâng, không thể ngờ được."

Nói rồi họ im lặng nhìn nhau, trìu mến như đôi bạn cũ. Đôi mắt Kenneth xanh biếc, nồng nàn. Đôi mắt Trâm đen thiết tha, huyền bí. Như thần Narcissus soi mình trên gương nước để chiêm ngưỡng nhan sắc chính mình, hai người bạn già soi mình trên gương mặt nhau để thấy tuổi xuân đọng trên giòng sông thời gian. Rõ ràng ông bà thấy trong giòng sông phù du hủy hoại, vẫn lung linh một giọt nước vĩnh tồn, trong suốt, tròn trịa. Cảm nghiệm nghịch lý kỳ diệu về thời gian này nâng tâm hồn bà lên phiêu diêu. Hai người chưa hề quen nhau mà tự nhiên có trăm truyện kể cho nhau nghe và có một thế giới riêng không ai khác xen vào được. Ngay thời gian cũng phải dậm chân đứng ngoài.

"Cây đại hồ cầm còn không?" Bà hỏi.

"Đó là cây đàn của đơn vị. Sau khi tôi giải ngũ, một ông thiếu úy giữ và chơi. Ông ta mang đàn đi trình diễn ngoài tiền tuyến, bị pháo kích, tử trận với cây đàn". Kenneth ngưng khi thấy người bồi bàn cầm giấy bút chờ đợi.

"Thưa, ông bà dùng gì ạ?" Người bồi bàn hỏi.

Ông hội ý với bà rồi đặt món gì đó. Khi người bồi da đen quay đi, bà hỏi:

"Còn thằng bé da đen, bây giờ ra sao?"

"Thằng Tí hả? Trước khi cộng sản vào Sài Gòn, 51 em cô nhi, trong đó có Tí, được di tản sang Mỹ. Nhiều em học hành thành đạt. Riêng Tí, tên Mỹ Tony, đi bụi đời, chết vì xì ke... Tất cả những điều này tôi biết trễ. Tôi tìm ra tông tích Tí sau khi nó chết một tháng".

Bà thấy định mệnh trớ trêu, nhưng cũng dành cho bà những món quà bất ngờ quí báu, ví dụ cuộc gặp gỡ này với Kenneth. Bà hỏi:

"Ông có tin duyên nghiệp không?"

"Tin hay không tin, cuộc nhân sinh là do duyên nghiệp đưa đẩy, bà Trâm ạ..." Ông tạm ngưng để suy nghĩ, cũng có thể để tìm một từ tiếng Việt chính xác, rồi nói tiếp, miệng nhếch như tự dè bỉu lời mình "Hồi nãy tôi nói chúng ta gặp nhau bây giờ là lần đầu, nhưng có thể đã gặp nhau ở tiền kiếp. Vì thế mà tôi nhìn thấy bà chỉ có ba lần, từ xa xa, cách một con đường đầy xe cộ, đã nhớ như in. Để rồi ba mươi năm sau, tôi được ngồi trước mặt bà".

Người bồi rót rượu. Họ nâng ly, cùng nói:

"Merry Christmas!"

"Merry Christmas!"

Họ cảm thấy, không phải chỉ kề mặt, mà tâm hồn gần gụi nhau. Họ có

một cõi riêng trên đời. Có điều lạ, họ nói đủ thứ chuyện, mà, vô tình hay hữu ý, không hề hỏi một lời về gia cảnh nhau.

Người đàn bà nổi tiếng đoan trang tới lạnh lùng bỗng dưng bất chấp tất cả, thản nhiên hẹn hò đi chơi với người đàn ông, như thời con gái đi hái hoa bắt bướm trên đồng cỏ. Như mộng du. Hai người như hai con suối chảy ngầm bên nhau từ kiếp nào bỗng nổi lên mặt đất, nhập thành một giòng sông êm đềm hạnh phúc.

Họ hẹn nhau cùng đón giao thừa năm 2000 tại nhà Kenneth trên New York. Tiếng pháo bắt đầu nổ một cách gấp rút, hối hả như một bày ngựa trời hằng triệu con rầm rập lao về nơi vô tận, Kenneth trịnh trọng mở chai *champagne*, rót vào hai cái ly, đưa cho Trâm một, cầm một. Trong lúc chờ giây phút thiêng liêng mở đầu thiên niên kỷ mới, ông cảm kích về nửa thế kỷ của đời mình, ngâm bài kệ của đại sư Mãn Giác bằng tiếng Việt:

Xuân đi trăm hoa rụng
Xuân về trăm hoa tươi
Sự đời giòng nước chảy
Tuổi già đầu tóc phai...

Bà... nàng bùi ngùi nhớ tới cha mẹ và cội mai già trong vườn xưa trên vùng đất khô cằn, nhớ tới khóm trúc, hình dung bàn tay Kenneth tắm heo và kéo đại hồ cầm, hình dung nét mặt hân hoan của chàng khi nhìn đàn heo mới sanh đêm trước. Rung rinh một cành mai vừa nở trong lòng nàng. Trâm đỏ mặt đọc tiếp:

Chớ bảo xuân tàn hoa rụng hết
*Đêm qua sân trước một cành mai.**

Đúng nửa đêm, chuông nhà thờ khắp thành phố vang lên. Hai người bạn hình dung những quả chuông trên khắp mặt trái đất từ đông sang tây, lần lượt từng múi giờ, réo gọi nhau thức dậy, mừng "cành mai mới nở". Chàng nâng ly:

"Uống cho một cành mai".

Nàng nâng ly, định nói gì, nhưng nghẹn lời, ngã đầu vào ngực chàng. Họ đứng như thế lâu lắm trên ban công trước vườn hoa.

Họ cạn ly. Men rượu thấm vào môi, vào lưỡi, vào mạch máu và vào những vùng lao xao ký ức và mênh mang hy vọng. Hoa pháo sáng đến nỗi chàng nhìn rõ những chấm tàn nhang trên gò má rực hồng của nàng. Chàng thích những chấm nâu tinh nghịch đó, vì nó làm cho nàng mang dấu vết dậy thì vĩnh viễn. Một tuổi xuân không tàn nơi nàng. Chàng lấy trong túi áo một cái hộp nhỏ trao tặng nàng. Đó là chiếc nhẫn kim cương.

Cám ơn ta có nhau
KHÁNH HÀ

Con đường hai ngàn năm xa
Ta may mắn được đi qua một lần
Trăm năm thoáng bóng phù vân
Cái hình hư huyễn, cái thân bọt bèo
Vui như cơn gió thổi vèo
Buồn như ngọn núi đá đeo chân người
May mà ta còn nụ cười
Cho nhau những đóa hoa tươi giữa đời
May mà nước mắt còn rơi
Tấm lòng còn chứa những lời thiết tha
Giữa trời đất rộng bao la
Chỗ nào cũng chỗ người, ta quây quần
Cám ơn những mối tình thân
Đưa nhau qua những gian truân đọa đày
Cám ơn ta có nhau đây
Trái tim nhân loại vui vầy cùng nhau
Đám mây thoáng chốc đổi màu
Một vầng trăng sáng trên cao âm thầm
Đưa nhau qua hai ngàn năm
Nghe trong cổ tích nẩy mầm có hoa.

Chàng nói trịnh trọng:

"Trâm, em có vui lòng làm vợ anh không?"

Nàng ngước nhìn chàng. Sau chàng là bầu trời rực rỡ hoa pháo muôn màu, chuyên chở bao nhiêu ước nguyện của hằng triệu người trong thành phố. Nàng không biết mình còn có được bao nhiêu đêm được ngủ yên và bao nhiêu buổi sáng được thức dậy với một người bạn bên gối để cùng thấy "Đêm qua sân trước một cành mai"?

Nàng đáp bằng giọng ngọt ngào:

"Dạ".❐

---

* Theo Nguyễn Đăng Thục - Thiền học Việt Nam

Những con cá của Già Sam

Song Thao

Thường tối thứ sáu tôi hay ra ngồi ở Tim Hortons. Cà phê cà pháo cuối tuần. Gọi là cà phê nhưng tôi là người ngoại đạo, có bao giờ có ly cà phê trước mặt đâu. Thường chỉ là ly trà nhạt nhẽo vô duyên gọi cho lấy có. Hai vỉ sữa nhỏ kèm theo ly trà chẳng bao giờ tôi dùng tới. Tưởng là thứ đồ bỏ ai ngờ lại là một thứ mồi câu tốt. Con cá cắn câu là già Sam.

Ông già ngồi một mình nơi chiếc bàn nhỏ ở góc phòng lệch thệch bước qua bàn tôi.

"Chú mày không dùng cái này à?"

Tôi lắc đầu, mắt vừa rời khỏi cuốn sách.

"Uống trà đường thôi à?"

"Cũng không đường nữa."

Mắt già Sam nhướng lên.

"Uống trà không? Tao chưa thấy ai uống như chú mày. Mà vậy cũng được. Tao thầu thứ này nghe?"

Chỉ chờ cái gật đầu của tôi, già Sam kéo trong túi áo vét ra chiếc bao nhựa nhàu nát, cẩn thận bỏ hai vỉ sữa vào, nhét lại sâu trong túi áo.

"Để uống cà phê buổi sáng, đỡ phải mua."

Chiếc bao nhựa vừa chui vào túi áo bên trái, già Sam lôi từ túi bên mặt ra một bao nhựa khác, tay run run nhón ra một tấm hình cũ kỹ vàng khè đưa cho tôi.

Tôi lơ đãng cầm tấm hình, chưa biết là hình gì, già Sam đã nhoẻn miệng cười giơ ra một đống lợi.

"Tao đấy!"

Tấm hình chụp trên một con thuyền câu, già Sam đang xách trên tay một con cá khá lớn. Già nói tên một loại cá. Tôi nghe bằng đôi tai lơ đãng.

"Chú mày có biết con cá nặng bao nhiêu không? 23 kí 257 gam."

Bằng vào nước ảnh nhạt thếch, bằng vào tấm hình không phải màu mà là trắng đen, bằng vào anh chàng cầm con cá có bộ râu cá chốt trẻ trung, tôi biết tuổi của tấm hình chắc cũng đã xưa lắm. Vậy mà còn nhớ tới từng gam sức nặng của con cá, cầm chắc đây phải là một thành tích huy hoàng.

"Chắc đây là con cá lớn nhất ông câu được phải không?"

Già Sam gật đầu.

"Phải vất vả lắm mới lôi nó lên được. Kéo vô, buông ra cả nửa tiếng cho nó mệt, rồi nhờ bạn bè giúp một tay chứ dễ đâu gì!"

Mắt già Sam nhíu lại xa vắng. Khuôn mặt nhăn nheo giãn ra. Cả khuôn mặt như biết cười. Tôi thổi phồng niềm vui của một người chắc rất hiếm niềm vui.

"Cả đời người đi câu chắc chỉ có một lần vớ được chú cá như thế này. Ông hên lắm đấy!"

Già Sam vỗ vai tôi đốp một cái. Nghe vậy nhưng cái vỗ nhẹ hều. Giọng nói leo lên hết cỡ.

"Chú mày nói một câu nghe được quá!"

Mấy ông già bà cả ngồi quây quần quanh mấy chiếc bàn kế cận quay sang nhìn. Một ông giơ ngón tay cái lên, nheo mắt với tôi, nói vọng sang.

"Hình con cá phải không?"

Mọi người cười ré lên. Chắc già Sam đã triển lãm lưu động tấm hình này cùng khắp rồi. Con cá mấy chục kí đã nuôi được niềm vui của già dễ cũng đã được mấy chục năm. Già Sam quắc mắt nhìn lại đám người hẳn nhiên đã là những khán giả bất đắc dĩ của cuộc triển lãm thường trực của già.

Tiệm nằm trong một khu bình dân có nhiều người già cả cư ngụ. Mỗi tối thứ sáu họ tụ tập nhau chuyện vãn, đánh cờ, đánh bài ầm ĩ. Mấy cô cậu sinh viên hẹn nhau ra quán làm bài phải trấn thủ trong một góc xa tít tránh cái ồn ào của những người có bệnh lãng tai khá nặng. Bạn bè tôi lại ưa chiếm cứ chiếc bàn sáu chỗ ngồi kế bên đám già nhiều tiếng động. Chẳng là có mấy ông bạn là những ống khói tàu không mệt mỏi nên đành phải ngồi trong khu được phép hút thuốc. Mà già cả, ai lại chẳng hút thuốc. Không hút thuốc biết làm gì cho hết giờ chờ chuyến bay cuối cùng về cái miền xa lắc xa lơ chẳng ai muốn tới.

Già Sam là một người giận lâu. Tiếng cười cợt của đám già đã cản đường về của già. Mấy ông bạn tôi chưa thấy ông nào rời vợ ra được nên tôi ngồi trơ một mình với cuốn sách. Cũng tiện cho già Sam ngồi nán lại ba hoa về cá với tôi bằng cái giọng khao khao mệt mỏi. Tôi nghe bằng

một tai, thầm thương cho nỗi cô đơn xa bầy của một lão già cố chấp. Độc thoại mãi chắc cạn hết nước miếng, già Sam đưa tay chùi miệng hỏi.

"Chú mày có bao giờ đi câu chưa?"

Ánh mắt nheo nheo bắn bắn như có điều giễu cợt. Ra cái điều tay tổ đang hách xì xằng với một tay mơ. Tôi không ưa cái vẻ trịch thượng què quặt đang run lẩy bẩy trước mặt. Tôi nhếch miệng cười. Như một võ sĩ đang tinh quái giấu nghề trước một địch thủ tưởng có thể ăn tươi nuốt sống mình được. Tôi vứt ra một câu lãnh đạm.

"Câu như ông ấy à?"

Đôi mắt quấn lấy tôi như mắt rắn thôi miên con mồi ánh lên vẻ thách thức cùng với cái gật đầu nhẹ nhưng đầy đe dọa.

"Vậy thì chưa."

Già Sam ngửa người ra ghế thú vị. Tôi có cảm tưởng bao nhiêu gân cốt của con rắn anh chị bỗng giãn ra ngơi nghỉ. Hóa ra chú mày cũng chưa được là một thứ tay mơ nữa. Vẻ kẻ cả lộ liễu của già Sam trông dễ giận. Tôi nhẩn nha.

"Quăng sợi dây câu ra xa rồi quay cho chiếc mồi nhảy dần về phía mình một cách cầu may như vậy cũng gọi là câu à?"

Già Sam nghênh mặt.

"Chứ sao? Không câu thì là cái gì?"

Tôi buông thõng.

"Là đánh bạc cầu may. Như anh mù quờ quạng may ra mới vớ được một chú cá. Lập đi lập lại mãi một động tác. Chán phèo!"

Hai tay tì vào thành bàn, già Sam dí mũi vào sát mặt tôi, chiếc bàn xộc xệnh di chuyển phát ra tiếng kêu kèn kẹt.

"Chú mày chưa bao giờ được sờ tay vào chiếc cần câu, đừng nói thánh nói tướng. Cứ giật được một con cá chỉ bằng nửa con cá của tao thôi thì chú mày mới biết. Thiên đường nằm trong cái nặng nặng của đầu cành câu. Chưa biết thì đừng mở miệng!"

Động tới cái đạo cá của ông già này là điều không thể tha thứ được. Biết vậy nhưng tôi vẫn điềm nhiên giỡn với lửa.

"Ai bảo ông tôi chưa sờ tay vào chiếc cần câu?"

"Thì chú mày vừa mới nói xong đó."

Chẳng cần chi phải gân cổ với ông già năng nỗ này, tôi tỉnh bơ.

"Tôi nói là tôi không câu giống kiểu của ông chứ tôi có nói là tôi chưa đi câu bao giờ đâu."

Mặt già Sam đanh lại, đôi mắt gân guốc thách đố.

"Chú mày câu ra sao, nói tao nghe coi!"

Chẳng hứng thú đối đầu với một ông già khó thương, tôi định đuổi

ông về với bày già của ông để tiếp tục đọc nốt những trang sách dang dở, nhưng trông cái bản mặt sừng sộ của già Sam dễ ghét quá, tôi húc đầu.

"Tôi chẳng câu sông câu biển, tôi chỉ câu ở ao từ hồi niên thiếu."

Già Sam cướp lời tôi.

"Ao nhỏ xíu ấy à? Chắc đứng bên bờ này liệng, dây câu dám nằm trên bờ bên kia lắm đấy nhỉ?"

Câu nói mỉa mai chỉ đủ cho tôi cười khẩy.

"Ông không biết thì chịu khó ngồi yên tôi nói cho mà nghe. Đâu có phải câu là phải lên gân nách liệng dây cho xa. Cành câu của tôi chỉ là một đoạn tre nhỏ cột một sợi dây cước, đặt xuống nước câu. Chẳng tốn kém bao nhiêu. Nhưng ông để cho tôi nói có đầu có đuôi về cái thú đi câu của tôi. Trước hết phải tìm một chỗ ngồi tốt, có bóng cây hoặc bụi tre cho bóng mát, mở hộp thính ra. Ông có biết thính là cái gì không? Là gạo rang cháy lên giã nhỏ thành bột, thơm phải biết! Vắt một chút nước, nhồi thính với nước thành những cục nhỏ bằng đầu ngón tay, ném xuống chỗ nước sẽ đặt cần câu. Chờ một lúc, cá ngửi thấy mùi thơm sẽ bơi tụ lại cả đàn. Muốn biết đàn cá đã quần quanh giữa đám thính chưa chỉ cần nhìn những bọt nước nổi lên. Càng nhiều bọt đàn cá càng đông. Lúc đó mới đặt cần câu xuống. Thứ cá tôi câu là cá diếc, chỉ thích mồi bằng giun đỏ. Những con giun mỏng manh như một sợi máu được ngắt đôi ra, xỏ vào lưỡi câu, cái đầu hay cái đuôi ló ra ngoài ngoe nguẩy kéo cái nhìn của mắt cá. Giữa dây câu có một chiếc phao làm bằng lông ngỗng hoặc lông ngan, lông vịt, lông gà cũng được. Nhưng lông ngỗng là tốt nhất. Chiếc phao dài cỡ hai đốt ngón tay, được canh theo độ sâu của nước. Canh cho chiếc phao nằm chổng đứng lên trời là mồi giun vừa nằm sát dưới đáy ao. Cá tìm ăn trên bùn, dễ chú ý tới chú giun động đậy, đớp mồi ngay tức thời. Khi mồi vừa chui vào miệng cá, cá nghếch miệng lên nuốt, chiếc phao sẽ bềnh lên nằm ngang trên mặt nước. Đúng lúc đó, búng nhẹ đầu cần câu, lưỡi câu sẽ dính vào môi cá. Phút này mới là phút sinh tử, câu nghề hay không là ở phút này. Cái búng phải thật nhẹ nhưng cũng phải vừa đủ cho lưỡi câu xuyên thủng môi cá. Búng xong phải nhẹ nhàng và khéo léo rút thẳng dây câu lên liền. Không được chậm trễ một giây. Nếu chậm để con cá vùng vẫy sẽ làm náo động xua cả đàn cá đi. Nhấc dây không nhẹ nhàng và khéo léo cũng làm hoảng sợ đàn cá và chúng sẽ bỏ chạy tứ tán hết. Làm sao lôi được chú cá mắc mồi lên mà làn nước không xao động mạnh, đàn cá vẫn không biết gì mới là câu nghề. Gỡ chú cá ra, mắc mồi khác, thả giây câu xuống, lôi chú cá khác lên. Cứ như vậy là câu lên hết cả đàn cá không sót một con. Khi thấy hết tăm cá thì bỏ qua chỗ khác, ném thính nhử một đàn cá khác."

Mặt già Sam căng lên, môi thõng xuống, mắt dán vào miệng tôi. Chuyện câu cá đầy nghệ thuật của tôi coi bộ hấp dẫn. Tôi dứt câu mà cái mặt hóng chuyện như vẫn chưa hồi tỉnh. Già Sam giật mình khi chiếc gậy dựng vào mép bàn rớt xuống đất. Tôi cúi nhặt chiếc gậy lên, chống nghiêng vào chỗ cũ. Già Sam ôm lấy đầu gậy.

"Câu như vậy đâu có phải là thể thao. Thì cũng thú đấy nhưng tao thấy không đã. Câu như tao sinh động hơn. Mà này, cá của chú mày câu được bao lớn vậy?"

Tôi giơ bàn tay ra.

"Lớn nhất cũng cỡ bàn tay này."

Già Sam bĩu môi.

"Vậy thì tạo kỷ lục với ai? Thứ nhãi ranh đó có câu cả trăm con cũng chẳng ra gì. Gặp tao thì vứt toạch xuống nước như liệng một cọng rác! Chẳng lẽ chụp hình với con cá nằm gọn thon lỏn trong lòng bàn tay!"

Tiếng cười sảng khoái của già Sam nghe khùng khục như tiếng nước chảy tức tưởi trong lòng ống nhỏ hẹp. Nghe dễ giận. Tôi nổi nóng ngang xương.

"Cần gì chụp hình. Cá ngon là được rồi. Cá diếc nấu gì cũng ngon!"

Già Sam trợn ngược mắt lên.

"Mày ăn những con cá mày câu à?"

Tôi vênh mặt lên.

"Ngu gì mà không ăn. Câu một buổi ăn cả tuần không hết."

Chân tay già Sam run lên, máu kéo lên mặt đỏ rần, bàn tay chống trên chiếc gậy quắp lại, cần cổ chằng chịt những đường gân vươn lên theo tiếng hét giật giọng.

"Mày ác lắm!"

Cả thân hình run run vịn vào chiếc gậy đứng lên. Tôi ngồi chết trân trên ghế ngẩn ngơ chẳng biết phản ứng ra sao. Cái lưng già Sam quay ngoắt đi trong khi cặp mắt đỏ ngầu còn cố đốt khuôn mặt ngơ ngác của tôi bằng cái nhìn sắc lẻm.

Mấy cái thứ sáu tiếp theo, già Sam làm ngơ như không biết có tôi trong quán. Có chăng chỉ là những cái liếc mắt bực bội vội vàng những lúc tôi vô tình đụng vào đôi mắt trì chiết của già. Cái tội ăn những con cá diếc câu được của tôi xem ra là tội nặng đáng quăng xuống sông xuống biển. Mấy ông già thường có những cái chướng ngang xương. Đây chắc chẳng qua cũng là một kiểu chướng. Tôi tặc lưỡi cho qua. Chấp chi cái dáng xiêu vẹo ngật ngưỡng đó!

Một tối thứ sáu, tôi đang đứng ở quầy mua ly trà như thường lệ thì già

Sam cũng vừa tới đứng xếp hàng sau lưng tôi. Gáy tôi nhột nhạt. Chắc cặp mắt giận dữ đang như mũi tên lửa đốt phía sau tôi. Cầm ly trà, tôi nhích sang một bên. Già Sam mua một ly cà phê đen. Tôi trả tiền cả hai ly. Già Sam giơ tay lên định khoát đi nhưng rồi bàn tay riu ríu hạ xuống. Già nghiêng mặt nhìn tôi cười như có ý cảm ơn. Nhìn cái dáng lẩy bẩy trên chiếc gậy chống tiến lại phía bàn tôi, tôi biết đã mua được cơn giận của già Sam bằng một giá hời. 79 xu cộng thuế.

Cái miệng móm mém xã giao.

"Chú mày khỏe không?"

Tôi gật đầu.

"Khỏe! Còn ông cũng khỏe chứ?"

Già nhăn nhó.

"Khỏe gì nổi! Trời trở là mình trở theo. Mấy hôm nay, tao đau ê ẩm cả người. Mẹ kiếp, như cả xương cốt lẫn thịt gân hè nhau hành hạ tao. Tuổi già ấy mà! Mặc xác nó. Nó không điệu với mình thì cứ quên béng nó đi - già Sam cười khục khục - Vậy mà nó cứ gõ vào đầu mình bắt phải chú ý tới nó. Chán lắm. Lúc nào chú mày già như tao mới biết. Ấy, cho tao xin lỗi, già làm chó gì cho cực!"

Tôi phì cười.

"Cực hay không cực thì việc nó tới nó cứ tới chứ. Nó sợ chi mà không tới. Ông cản được nó à?"

Già Sam bày cả hàm răng thưa thớt ra, cười.

"Không cản được nhưng khi nó tới thì mình chạy trốn. Như bà vợ tao ấy."

Anh già này coi bộ cũng có khiếu tán dóc, tôi hùa theo.

"Chắc bà ấy nhanh chân lắm."

"Chà! Còn phải nói!"

"Bà ấy trốn ở đâu?"

"Ngoài nghĩa địa ấy!"

Tôi không nhịn cười được trước bộ mặt tỉnh bơ của già Sam. Kể ra thì miệng móm đôi lúc cũng có duyên đấy chứ! Cái miệng vừa tếu xong bỗng xịu xuống ngon lành.

"Bà ấy nằm xuống làm tao hụt chân hụt cẳng. Đang ra vào có nhau bỗng tao trơ thân cụ ra một mình. Căn phòng rộng hẳn ra, lạnh như một nhà mồ. Buồn thối ruột ra chú mày ạ."

Già Sam nghiêng người thọc tay vào túi. Chắc lại tìm tờ giấy lau. Tôi mềm lòng, lúng túng chờ đón một tình huống bi thương. Nhưng già Sam lại lôi ra chiếc bao đựng hình ảnh. Tôi chong mắt ngỡ ngàng. Lại hình con cá nữa sao? Già Sam run rẩy lôi ra một tấm hình đưa cho tôi. Phúc bảy

mươi đời! Hình một người đàn bà tươi tắn, có nụ cười hiền dịu và đôi mắt thông minh. Tôi ngước mắt lên dò hỏi.

"Vợ tao đấy."

Mùi ngậm ngùi tan vào giọng nói trầm trầm thảm thương.

"Bà ấy mất hồi nào vậy?"

"Mới hơn một năm. Cũng đủ cho tao thấu được nỗi cô đơn đứt ruột."

"Tôi xin lỗi đã khơi lại chuyện buồn của ông."

"Lỗi phải gì! Cứ trút được chút nùi tâm sự với ai là tao thấy khuây khỏa được một chút. Này..."

Già Sam ngập ngừng. Trước mặt tôi là một đống cô đơn vừa lên men. Hai bàn tay gày guộc úp lên nhau chống trên đầu gậy, chiếc má nhăn nheo ngoẻo qua một bên tì lên tay. Đôi mắt ráo hoảnh nhưng toát ra một vẻ cầu khẩn thiết tha. Tôi lắng tai chờ già Sam nói tiếp.

"Chú mày có rảnh không? Lúc nào cũng được."

Tôi ngạc nhiên.

"Làm chi vậy?"

"Tới thăm mộ của tao một chút cho biết."

Tôi nhướng mắt không tin ở tai mình.

"Mộ ông?"

"Ừ! Mộ hay nhà cũng thế thôi. Lạnh lẽo như nhau. Tới nhé!"

Chỗ buồn tình như vậy mà rủ nhau tới làm chi. Ông già này thiệt! Bụng nghĩ vậy nhưng đầu tôi gật lúc nào chẳng biết. Sao cái mặt già Sam thảm hại đến phiền, lắc cái đầu chẳng được.

Nhà dành cho người già là một khu nhà bề thế chiếm trọn bốn góc phố, cao chắc cũng cả chục tầng lầu. Tầng dưới cùng là một dãy cửa hàng cung cấp đủ các dịch vụ thông thường cho người già. Mỗi cửa hàng chỉ chiếm một diện tích khiêm nhượng nên hàng hóa bày bên trong chen lấn nhau chật chội. Bánh kẹo, sách báo, thuốc men, hớt tóc, uốn tóc, sửa quần áo, sửa giày dép, giặt ủi... dĩ nhiên là có rồi. Nhưng chỗ bán hoa,sửa móng tay, tóc giả cho các bà xí xọn cũng có nữa. Nói chi tới quầy chỉ dẫn các dịch vụ cho người già của nhà nước. Cuối dãy là đường xuống métro giúp các ông các bà dễ dàng đi đây đó khắp thành phố. Tôi ghé mua một hộp chocolat rồi vội bấm nút chờ thang máy. Giở tờ giấy ghi địa chỉ già Sam cho bữa trước coi lại. Phòng 808. Tôi đã cẩn thận điện thoại trước, chắc già Sam đang nóng ruột chờ. Tiếng gõ cửa vừa dứt đã nghe tiếng dép lệt xệt di chuyển bên trong. Cửa mở, mùi ẩm mốc lưu cữu xộc vào mũi tôi. Căn phòng lộn xộn dưới ánh đèn vàng nhệch. Giày tôi rít kịt trên sàn nhà chắc lâu ngày không lau. Tôi định thần ngó kỹ. Đủ thứ lỉnh kỉnh nằm

xô bồ chiếm gần hết căn phòng khách. Chẳng thứ nào ra thứ nào. Tôi như đang đứng trong một nhà kho lủng củng.

Già Sam kéo ra một chiếc ghế, miết tay lên mặt ghế, giơ sát vào mắt nhìn, chùi vào ống quần, mời.

"Chú mày ngồi tạm xuống đây. Nhà không có đàn bà như nhà vô chủ. Lộn xộn vô kể. Tao thì vật vờ như một con ma. Có chỗ chui ra chui vào là được rồi. Dẹp làm chi cho khổ cái thân. Cà phê nhé? Quên, chú mày thì cà phê nỗi gì! Trà thì tao không có. Uống tạm miếng nước lạnh vậy. Nước ngọt, bậy quá, tao lại không uống. Uống vào nó cứ đưa lên cổ chịu không nổi."

Tôi đưa mắt về một góc phòng. Chắc cũng cỡ hai chục cái túi gói hàng của các siêu thị căng phồng những vỏ lon nước ngọt nằm chồng chất lên nhau. Già Sam nhìn theo ánh mắt tôi, phân trần.

"Chú mày đừng có nói là không nghi ngờ tao nghe! Đống lon đó không phải tao uống đâu. Có là bụng ngựa mới uống dữ như vậy. Tao lượm đó. Buồn tình chẳng biết làm gì, tao lang thang ngoài đường, thấy lon thì lượm. Chất đống đó. Tiền không đấy! Chú mày tính, năm xu một lon chứ ít sao. Mười tám lon là một ly cà phê. Bốn mươi bảy lon là một túi bánh mì. Năm mươi ba lon là một hộp sữa hai lít - già Sam tinh quái quay sang tôi - Còn hộp chocolat chú mày mang tới cho tao đây, không biết bao nhiêu lon?"

Tôi cười xòa xí xóa những con tính tội nghiệp.

"Chẳng có lon nào cả, ông ơi. Con nhỏ bán hàng ở dưới nhà nó cho không tôi đó."

Cổ họng già Sam khục khục tiếng cười.

"Con nhỏ đó xinh đấy chứ. Cạn láng như tao mà mỗi khi đi ngang vẫn phải quay đầu vào ngó một cái mới yên tâm. Chú mày có duyên nhỉ?"

Mắt già Sam như có thần khí óng ánh hẳn lên. Tôi chép miệng.

"Duyên gì đâu mà duyên. Tôi bảo nó là tôi mua cho ông Sam trên lầu 8 là nó chối đây đẩy không chịu lấy tiền."

Già Sam khoái chí vỗ đùi cười rung cả người. Chiếc miệng trễ ra quá lố không kịp ngăn được dòng nước dãi chảy qua khóe mép. Già vội đưa tay quẹt rồi lau vào vạt áo. Tôi ngó lơ qua chỗ khác.

Giá Sam lệch thệch đứng dậy rủ:

"Vào đây. Tao cho chú mày coi cái này."

Căn phòng ngủ nhỏ nhắn sáng trưng. Một dãy ba hồ cá lớn nằm nối tiếp nhau chiếm cả một vách tường. Đèn đuốc ánh từ trong nước ra làm rực sáng một phía phòng. Dãy hồ cá sạch bóng. Có lẽ cả nhà chỉ có chỗ

này được già Sam bỏ sức ra chùi. Chiếc giường ngủ nằm ở phía vách đối diện trông tang thương bề bộn. Một chiếc ghế đu nằm ngăn giữa chiếc giường và dãy hồ cá có hai tay dựa bằng gỗ lên nước bóng loáng. Già Sam chỉ chiếc giường bảo tôi ngồi. Già thượng ngay vào ghế, đu đưa ngắm bày cá đang lội tung tăng. Mỗi hồ là một loại cá. Loại nào cũng đẹp, uốn lượn mềm mại. Già Sam không rời mắt khỏi những con cá dễ thương, cất tiếng hỏi.

"Chú mày thấy đẹp không?"

Ngắm bày cá nhịp nhàng theo nhau luồn lách qua những viên đá và cây cối chìm sâu trong nước được ánh sáng soi rọi sáng trưng, tôi quả thấy mê mẩn thú vị.

"Đẹp thiệt! Tôi thấy ít ai mê cá như ông."

"Ai không mê cá là mất một cái thú lớn trên đời. Tao không bao giờ chán nhìn cá nhởn nhơ trong nước. Nó có cái vẻ lạ lắm. Vừa như một tiếng reo vui, vừa như một bức tranh ngoạn mục lại vừa như có cái tự do lơi lả. Nó là một sự kết hợp tài tình làm mát con mắt, thoải mái tâm hồn và khoan khoái con người. Tao mê cá từ hồi nhỏ và chắc sẽ còn mê cho tới ngày xuống lỗ. Ngày đó chắc chẳng còn xa đâu. Tao sẽ để di chúc cho chú mày mấy hồ cá này nghe."

Giọng nói thì ngậm ngùi mà ánh mắt già Sam thì tinh ranh nghịch ngợm.

"Ông không còn ai thì để tôi nối nghiệp cho. Nhưng còn ngon như ông thì chắc tôi còn phải dài cổ mới ôm được mấy hồ cá này về."

Già Sam buồn bã.

"Trước sau gì thì cũng tới lúc thôi. Bà này đã bỏ đi, bà kia cũng vậy."

Tay già Sam chỉ lên những tấm chân dung treo trên vách tường. Hình vợ ông thì tôi đã biết. Còn người đàn bà có mái tóc ngắn, bờ vai tròn trĩnh, mặc chiếc áo tay bồng phô ra cánh tay săn chắc trên vách bên trên chiếc hồ cá nằm chính giữa kia thì tôi chẳng biết là ai. Già Sam thấy tôi nhìn tấm hình, ngước mắt chăm chăm nhìn theo.

"Mẹ tao đó. Bà chết thảm thương lắm!"

Tôi ngồi im lặng không muốn làm xao động nỗi buồn đọng trong đôi mắt xa vắng của già Sam. Bày cá vẫn lượn lờ theo nhau tạo thành những hình thể bắt mắt. Giọng già Sam đều đều rầu rĩ.

"Mẹ tao bị lùa đi cùng với đám đàn bà trong thành phố. Tao bất lực núp ở một bụi cây nhìn ra. Đoàn người di chuyển như một đàn cá. Không hiểu sao lúc đó tao không nghĩ tới một đàn cừu, đàn nai mà lại nhìn ra như một đàn cá. Có lẽ tao bị ám ảnh bởi cái thú coi cá lượn lờ trong hồ từ hồi nhỏ. Cũng có lẽ tao thấy mẹ tao đẹp như một con cá tao say mê ngắm

nghĩa nhất. Cũng có lẽ tối hôm đó trăng sáng, gió lộng, vạt áo của đám đàn bà bị lùa đi vẫy vùng như những đám vây cá yểu điệu, như những chiếc đuôi cá mềm mại lững lờ theo dòng nước. Và đàn cá tội nghiệp đó đã bị lùa vào lò hơi ngạt, chẳng bao giờ bơi ra được nữa!"

Mặt già Sam căng lên, tròng mắt như muốn nhảy ra, hơi thở hổn hển. Tiếng la như muốn kéo tai tôi ra.

"Tụi Quốc Xã ăn thịt đàn cá mẹ tao! Mày biết không, chúng nó ngấu nghiến ăn thịt mẹ tao!"

Tôi rùng mình. Sống lưng tôi nổi gai. Mặt mũi tôi như bị dán kín cặp mắt đọng máu của già Sam. Bềnh bồng trong tôi những con cá diếc thời niên thiếu.❐

---

chủ đề

GIAI PHẨM VĂN NGHỆ XUÂN 2000

nhìn lại 100 năm văn học

với sự góp mặt của :

TRẦN HỒNG CHÂU +THANH TÂM TUYỀN + NGUYỄN HƯNG QUỐC+ ĐẶNGPHÙNGQUÂN + HOÀNG NGỌC BIÊN + HOÀNG NGỌC -TUẤN+ NGUYỄN QUỐC TRỤ + NGUYỄN VY- KHANH LÂM CHƯƠNG + HOÀNG XUÂN SƠN + HẢI PHƯƠNG+LUÂN HOÁN+CỔ NGƯ+NGUYỄNVĨNHLONG+NHẬT NGUYỄN+ THU THUYỀN + HOÀNG CHÍNH + PHẠM NGỌC + TRẦN THÁI VÂN TRIỀUHOAĐẠI+LÊVÂN+NGỰTHUYẾT+ NGUYỄNTRUNGHỐI

Một năm 4 số 32MK.Ngoài HK 40MK (chỉ phát hành qua bưu điện).
Liên lạc: CHỦ ĐỀ, P.O.Box 286. 11919 N.Jantzen Dr.- Portland,OR 97217-8195. USA. đt : (503) 289-2084
e-mail : trunghoi@juno.com hoặc lamchuong@netzero.net

Xuôi Nam

PHAN NI TẤN (N.D.)

Phiêu bồng từ miệt Phú Lâm
về ngang Bình Chánh đói ăn cơm sườn
thêm ly trà dá chanh đường
nuốt trôi dám bụi phố phường nắng chao

Qua cầu Bến Lức lao xao
ngó xuống Bến Lức thấy nao nao lòng
thấy trời thấy nước mênh mông
thấy tôi từ một dòng sông trôi về

Về ăn cam mật Cái Bè
ăn khóm Bến Lức, Bến Tre ăn dừa
tôi ăn ba xứ có thừa
tới đây xứ mận xin chừa cho em

Ra ngồi bờ đất thấm đêm
vùng đất khởi nghĩa đổ thêm máu thầy
Cộng phỉ nó chặt bàn tay
giết thầy phản động cho cây dờn buồn

Không như con cá trê bùn
dòng sông Vàm Cỏ Tây cùng với tôi
dầm mưa dãi nắng về xuôi
tìm ra biển lớn sông dời mà đi

Đi ngang Cai Lậy ngó vô
thấy chợ Cai Lậy mấp mô bánh phồng
thấy em bương chải chợ đông
mà thương Cai Lậy từng bồng ẳm em

Xuống tới Mỹ Thuận nhá nhem
thèm xâu sẻ nướng, xâu nem nồng nàn
thèm mía Gò Cát lóng vàng
tôi và thổ sản miền Nam tương cầu

Cố bơi ngược nước sông Tiền
em ngồi trước mũi đò nghiêng ngạo cười
thò tay xuống nước, đỏ tươi
miếng dưa hấu mát ruột người quanh co

Hái trái vú sữa Mỹ Tho
nhớ cây vú sữa ngủ nhờ năm xưa
Đường đời dầu dãi nắng mưa
vẫn hoài công cắng đi chưa tới cồn

Dừa che kín mít cồn Rồng
kín bưng cồn Phụng giữa lòng Bến Tre
đứng bên Rạch Miễu ngó qua
thấy em khua bóng trăng sa mái chèo

Tới đây thăm bạn hiền nghèo
thèm ăn măng cụt thì trèo lên cây
tôi đi trăm dó ngàn dây
Cái Mơn, Chợ Lách hẹn ngày về thăm.

Khi loài chim thôi hót

Hoàng Chính

Ông già vừa bới rác vừa chúm môi hót như chim. Tiếng hót líu lo thắp lên giữa không gian xám ngoắt cái không khí mùa xuân rực rỡ. Thằng bé cùng lũ trẻ theo ông già vào bới đống rác trong chợ, lượm những củ khoai sùng, những miếng sắn sượng, miếng đưa hấu ôi, cùi bắp non lổ chỗ những hột sần sượng, lá cải sâu ăn lỗ chỗ, héo quay héo quắt... rồi tranh nhau bỏ vào bọc ny-lông cho ông già.

Thằng bé nhìn ổ kiến lửa dưới chân, "Coi chừng tụi bay ơi, kiến lửa đấy!"

Lũ bạn lau nhau không để ý đến câu thằng bé nói. Nó quay qua ông già, bắt gặp ông mới nhét vội miếng dưa hấu vào miệng, rồi phun vội ra và cuống cuồng đập, vỗ, chà những con kiến đỏ bu đầy trên mặt. Thằng bé chạy đến phụ ông phủi những con kiến chạy ngang chạy dọc trên nếp da mặt nhăn nheo. Những con ruồi xanh bay túa lên từ đống rác khi lũ trẻ đi ngang qua. Mùi tanh bốc lên từ đống vẩy cá làm thằng bé chun mũi lại.

Phủi kiến cho ông già xong, thằng bé hỏi, "Ông đói lắm à?"

Ông già lặng thinh nhìn thằng bé. Nó hiểu, dù những nếp nhăn vẫn xếp như tấm vải nhàu trên trán ông già; dù không một chút vui, một chút buồn nào lách được ra khỏi những vết cắt ấy của thời gian.

Bỗng dưng thằng bé nghĩ đến chuyện lấy trộm đồ ăn đem cho ông già. Nó hình dung nồi cá kho quắt queo trên nóc trạn. Mẹ nó giấu trên ấy. Chó treo, mèo đậy. Các cụ vẫn dạy thế. Vừa để trên cao vừa đậy nắp vung kỹ, là không sợ cả chó lẫn mèo.

"Ông đem mấy cái này," thằng bé chỉ vào cái bọc nhớp nhúa những thức ăn thừa nồng một mùi chua vữa, "về cho ai vậy?"

"Về cho nhân gian đọa đày!"

A, lâu lắm mới nghe được câu nói của ông già. Nhưng câu nói ấy lại

làm thằng bé ngẩn ngơ. Đi theo ông già nó hết nhẩy từ ngẩn ngơ này đến ngẩn ngơ khác.

Chả hiểu ông già nói gì, nhưng thôi, bỏ chuyện đó đi. Thằng bé ngước mặt, gạ, "Cháu đi theo được không?"

Ông già lườm thằng bé bằng con mắt vằn vện dọc ngang những gân máu đỏ, rồi lừ đừ cắn một miếng vỏ dưa hấu xanh. Tiếng vỏ dưa vỡ dòn rau ráu. Chợt ông già ngưng nhai, hai con mắt nhăn nheo túm lại, cái miệng suýt soa. Cái bực bội lẩn khuất trong giọng nói khao khao, "Bà nó, cái răng đau!"

Thằng bé hiểu cái đau của những chiếc răng sâu. Cái nhức nhối luồn từ xương luồn ra chân chiếc răng đau, siết vòng quanh đầu, xoáy vào những tuyến nước mắt, vắt ra những giọt nước mắt khô. Nó toan hỏi về cái răng đau của ông già nhưng một con châu chấu cánh tím bay vù qua mặt nó. Con dế nào đó nỉ non trong bụi cỏ. Thằng bé quên ngay ông già tóc bạc cùng chiếc răng đau.

Nó loay hoay đuổi theo con dế nhỏ luồn lách dưới đám cỏ xanh ngắt dưới chân, nhưng con mắt vẫn ngó chừng ông già.

Ăn qua quắt xong, ông già ngước mặt nhìn mây trời. Rồi ông hắng giọng. Một bàn tay xương xẩu vuốt cái bụng nhăn nheo hở hang dưới lớp vải mục. Cặp môi khô sần sùi chúm lại. Lũ trẻ con ăn mặc xốc xếch, cả những đứa mũi rãi lòng thòng cũng chợt lao xao. Thằng bé bỏ rơi con dế trong bụi cỏ, vạch đám trẻ con, bước đến sát bên ông, như thể nó hơn những đứa bé khác ở chỗ máu mủ, ruột thịt. Tất cả bu quanh ông già. Ông già lẳng lặng huýt sáo. Tiếng chim hót véo von vọng ra từ đôi môi nứt nẻ như bờ ruộng cạn. Tiếng hót lên bổng, xuống trầm. Tiếng hót của vô số loài chim gom lại để đón chào mùa xuân.

Một con chó ghẻ đỏ lòm từng mảng thịt trên lưng rỉ nước vàng sục sạo tìm bới đống rác. Thằng bé nhổ nước miếng, ghê tởm, rồi lại quay ngoắt đi theo cái lôi cuốn mê hoặc của tiếng chim hót véo von. Con chim nào đó trên cành líu lo hót theo.

Cả một bầu trời phủ rợp bóng chim trong trí tưởng tượng của thằng bé. Mùa xuân đã về. Chỉ một mình ông già mang được mùa xuân về với thôn xóm hiền hòa. Xong, ông già ngước nhìn bầu trời đầy mây xám. Gió hiu hiu vờn những sợi tóc ngả màu xám tro. Ông già dợm chân, sắp sửa bước đi.

"Nhân gian đọa đày ở đâu vậy ông?" Thằng bé gạt những đứa bạn, vừa lẵng nhẵng bước theo ông già, vừa lau nhau hỏi.

Ông già lại lườm thằng bé rồi lặng lẽ ngồi thụp xuống bên một đống rác nhầy nhụa máu me, vần vũ lũ ruồi xanh. Hai bàn tay khẳng khiu ông

già vục vào đống nhầy nhụa ấy, gom một nắm đầy những đầu cá lổn nhổn, lá rau sâu, những cùi bắp, bẹ chuối non... tuồn đầy vào cái bao ny lông xám xịt. Xong việc, ông nặng nề đứng dậy và lầm lũi bước đi. Thằng bé lủi thủi bước theo. Tấu khúc của loài chim đã kết thúc. Lũ trẻ biết rõ như thế và chúng tản mát như những con chó hoang quay đầu trở lại, sục sạo, tìm tìm, bới bới đống rác trong chợ đen đặc những ruồi. Chỉ còn một mình thằng bé. Quần đùi ống thấp ống cao, bỏ hở hai đầu gối trầy trụa. Áo ngắn tay có cái màu không còn thể đặt tên vì cũ kỹ. Thằng bé theo ông già băng qua cánh đồng vắt vẻo những hồ ao soi bóng bầu trời nặng một màu xám nhạt. Gió hiu hiu vỗ lên mặt thằng bé cái mát mẻ cuối ngày. Con chuồn chuồn ngô cánh tím to bằng ngón tay cái chờn vờn trên chiếc bông súng biếc xanh mọc sát lối đi. Thằng bé dừng lại, rón rén bước xuống bờ ruộng. Bờ đất ẩm mát lạnh gan bàn chân. Hai ngón tay mở ra nhắm vào đôi cánh rực rỡ một màu tím óng ả. Thằng bé hồi hộp nhìn theo chiếc bóng khẳng khiu của ông già phía trước. Con chuồn chuồn ngô đem về cho cắn rốn để biết bơi. *Chuồn chuồn có cánh thì bay, có thằng con nít thò tay bắt mày.* Cũng may ở đây không có đứa bé nào ong ỏng hát cái câu chết người ấy. Con chuồn chuồn vẫn thảnh thơi ngọ ngoạy cái đầu tròn như hạt đậu. Thằng bé nín thở, mím môi, rón rén, cố thu mình lại, mơ hồ như chiếc bóng. Nhưng con chuồn chuồn bay vút đi ngay khi hai ngón tay vừa sẵn sàng kẹp lại; tưởng chừng như đã chạm được vào đôi cánh lưới mỏng như lớp vải the non.

Thằng bé thở ra. Thua. Thôi thì cho nó sống vậy. Con chuồn chuồn ấy, bắt về cho cắn rốn mấy đứa bạn, cho chúng nó sớm biết bơi, đổi lấy những hòn bi ve đủ màu, vui sướng biết chừng nào. Vậy mà lại bắt hụt.

Thôi thì chạy theo ông già xem *nhân gian đọa đầy* của ông ấy là ai vậy!

Thằng bé vừa chạy vừa nhảy, chồm chồm như con bê lúc tung tăng chạy theo vú mẹ. Ông già đang đi về phía những lớp hàng rào kẽm gai dầy đặc.

Hai lớp rào kẽm gai mọc lên trên nền đất um tùm cỏ dại. Rải rác đó đây trên lớp kẽm gai nhùng nhằng ấy, gắn lưa thưa những trái lựu đạn không biết thật hay giả. Đó là thế giới riêng. Thế giới bên kia hàng rào kẽm gai. Thế giới âm u, mờ ám của những khuôn mặt chằng chịt vết chém của thời gian và nỗi chịu đựng. Bên trong, lố nhố lũ người rách rưới đang bàn tán xôn xao.

Chờ cho thằng bé đến sát bên, ông già hất hàm, "*Nhân gian đọa đầy* ở trong đấy đấy!"

Ông già nói chuyện với nó. Vậy là ông già thích nó rồi. Từ lúc biết ông tới giờ, thằng bé chưa bao giờ thấy ông già nói chuyện với ai. Cả người lớn lẫn trẻ con. Bọn người rách rưới bên trong hàng rào kẽm gai, túa về phía ông già. Ông già mở cái bọc ny lông. Mùi hôi, mùi chua vữa, mùi khăng khẳng... bao nhiêu thứ mùi tỏa ra, tan vào không gian. Ông già bốc cái cùi ngô ném vòng qua lớp hàng rào cao gần gấp hai chiều cao của ông. Đám người bên trong lao xao đón bắt.

Trò chơi hào hứng. Thằng bé sấn tới, thọc tay vào cái bọc ny lông của ông già. Những ngón tay vục vào đống lầy nhầy tanh tưởi. Nó cắn răng lựa một miếng cùi bắp khác. Nó nhắm một người đàn ông râu ria rậm rạp, quăng vào. Nhưng sức cánh tay trẻ con chỉ quăng được miếng cùi ngô đến được khoảng trống rậm cỏ giữa hai lớp kẽm gai.

Những người tù ồ lên tiếc rẻ. Con chó ghẻ luồn lách qua hàng rào kẽm gai tìm cái vật thằng bé vừa mới quăng ra. Một người tù ném cục đá trúng lưng nó. Con vật nhảy chồm lên, hoảng hốt, rồi cuống cuồng cúp đuôi ủng oẳng chạy đi.

Ông già bẹo tai thằng bé bằng những ngón tay nhầy nhụa, máu me, mắng, "Thằng ăn hại! Mày biết ông ấy à?"

"Cháu biết."

Ông già lầm lì. Thằng bé tiếp, "Ông hiệu trưởng trường cháu."

Hai mí mắt ông già nhướng lên rồi lại chùng ngay xuống, khép hờ những ánh nhìn tăm tối. Thằng bé nhìn ông già bằng con mắt ngưỡng mộ. Ông ném thật tài tình, và lũ người bên trong hàng rào kẽm gai cũng đón bắt thật khéo. Tiếng cười vui tở mở bên trong. Thằng bé thích thú nhìn những bộ xương lăng xăng, chụp bắt trong trò chơi hào hứng.

Thằng bé nhăn mặt nhìn người đàn ông cao lòng không nhai ngấu nghiến miếng vỏ dưa hấu xanh. Cách một khoảng hàng rào có hơn chục bước mà tiếng rau ráu nghe dòn tan.

Chợt tiếng hét từ xa vẳng lại. Hai người đàn ông súng ông trên tay, rảo bước về phía hàng rào kẽm gai. Bọn tù chạy rầm rập và biến ngay vào những dãy nhà cá hộp. Ông già quay đi, lầm lũi bước về con đường ngoằn ngoèo cũ. Từ cặp môi khô nứt, tiếng hót líu lo buông ra, vắt vẻo trong không gian mênh mông, lên tới tận những đám mây mầu xám trên cao. Tiếng hót, tưởng chừng có thể làm tan đi những đám mây u ám, dẫn về một mùa xuân rực rỡ hoa đèn. Chắc hôm nay ông già vui lắm, bởi vì có bao giờ ông làm chim hót trái giờ giấc như thế này đâu.

Thằng bé lại lầm lũi đi theo ông già, cõi lòng mở ra cùng đất trời của những chuyện thần tiên. Ừ ngày xưa có một người đàn ông thổi sáo giỏi và hát rất hay. Chỉ tiếc một điều người đàn ông đó vô cùng xấu trai. Người

đàn ông đó tên là Trương Chi. Ông già không thổi sáo như Trương Chi, ông chỉ huýt sáo, nhưng ông làm được tiếng chim hót líu lo. Tiếng hót của ông đến loài chim còn lầm lẫn, đua giọng véo von hót theo. Trương Chi ngày xưa được một người con gái yêu mê say đắm. Ông già này chỉ có lũ trẻ con rách rưới, sống lất lây trên mảnh đất nghèo xác nghèo xơ. Nhiều đứa còn không được cắp sách đến trường, bởi bận phụ giúp cha mẹ, hái rau, bắt ốc. Chắc ông già không phải là ông Trương Chi trong cổ tích.

"Ông tên gì vậy ông?"

"Tao không có tên!" Ông già gằm gừ. Thằng bé không sợ. Khi ông già lên tiếng, nó biết là lúc đang có tin vui. Nó kỳ kèo, "Ông dạy cháu làm chim hót được không."

Ông già lườm thằng bé. Cặp mí mắt ông nháy lia. Đó là lúc ông già bối rối. Theo ông già hoài, thằng bé hiểu rõ cái tật dễ thương.

"Nhá ông!"

"Chỉ những con chim mới hiểu được lúc nào nên hót."

Thằng bé trố mắt nhìn người đàn ông.

"Từ từ." Ông già trấn an thằng bé. Chắc ông sợ nó buồn.

"Hôm nay ông dạy cháu một bài thôi cũng được."

"Lộn xộn quá!"

"Chim sẻ được không ông." Thằng bé vênh mặt lên cho ông già thấy. "Cháu chúm môi như thế này được chưa."

"Cái miệng mày tham ăn phải biết!"

Ông già vừa nói vừa đưa tay bóp môi thằng bé. "Nào thổi thử xem."

Thằng bé phì một hơi thật mạnh.

"Sai hết! Chỉ có bò mới phì như thế thôi, thằng khỉ! Thổi lại, nhẹ nhàng như gió mới được. Những con chim hót cho đời vui chứ không phải hét cho đời buồn. Hiểu chưa..."

Có tiếng đàn bà réo gọi từ xa. "Tuân ơi, về ăn cơm."

Thằng bé thấy bóng mẹ nó, nhỏ nhắn thấp thoáng sau những bụi chuối hột lá xanh đu đưa trong gió.

Nó gân cổ hét, "Con về liền."

Ông già lầm lì, "Mày tên Tuân à."

Thằng bé vừa dợm bước đi, bỗng đứng sựng lại, "Vâng. Còn ông tên gì?"

"Đã bảo là không có tên."

Trong bữa cơm chiều, mẹ hỏi, "Con đi chơi với ai ngoài trại tù vậy?" Tuân rụt rè, "Ông già... tóc bạc."

"Ông già điên phải không?" Giọng mẹ xẳng và đượm chút giận dữ.

"Ông ấy đâu có điên!"

"Không điên mà ăn cá chết ở đống rác ngoài chợ."

"Ông ấy nhặt cho mấy người tù."

Mẹ ngần ngừ, "Con phải tránh ông ấy cho xa."

"Sao vậy?"

"Đừng hỏi quanh."

"Ông ấy thương trẻ con mà."

Mẹ Tuân sựng lại một chút, suy nghĩ gì đó, rồi buột miệng, "Ông ấy cùi đấy. Con có thấy cái bà cùi ngoài chợ không?"

"Con thấy ông ấy lành lặn mà."

"Thấy vậy mà cùi nặng lắm đấy, nhớ tránh ông ấy cho xa."

"Thật hở mẹ?"

Mẹ tránh tia mắt của Tuân, "Chứ sao, mai kia những ngón tay ông ấy rụng hết cho mà coi."

Tuân rùng mình, nghĩ đến khuôn mặt sần sùi với cái lỗ trống huyếch, tối mò giữa khuôn mặt người đàn bà cùi thường lê la ngoài chợ. Và nó nghe được, trong trí tưởng tượng, tiếng ruồi vo ve bâu quanh những vết thương lở lói ở vành tai, ở lưng bàn tay, ở những ngón tay sần sùi, trụi lủi.

Hình ảnh ông già chập chờn trong trí. Mẹ bảo một ngày nào đó ông già cũng sẽ như thế. Hai mí mắt thằng bé cay cay. Mai kia môi, mũi ông già rụng đi mất, ông làm sao còn hót theo những con chim thường tíu tít trên những ngọn cây bàng, trên những ngọn cây thông, những bờ bụi chuối xanh um trên khắp xóm thôn hiu hắt này.

Thằng bé nghĩ tới thầy hiệu trưởng phía sau hai lớp rào kẽm gai. Nói chuyện ông già tóc bạc, mẹ sẽ mắng hoài, đổi qua chuyện thầy hiệu trưởng vậy.

"Sao thầy hiệu trưởng cũng phải ở tù vậy mẹ?"

Người mẹ lắc đầu như xua vội những ý nghĩ tối ám trong đầu. "Mẹ không biết."

"Hèn gì tên trường con cũng bị đổi luôn."

"Lo ăn cho xong đi!" Mẹ thằng bé mắng át đi những thắc mắc của con.

Đêm. Không nghe tiếng chim hót. Lần đầu tiên đêm vắng lặng âm u. Chỉ có tiếng côn trùng râm ran, tiếng ếch nhái ồm ộp. Thiếu đi tiếng loài chim ban ngày mà chuyên hót về đêm ấy, thằng bé trằn trọc.

Thường khi, chỉ cần lên giường, làm dấu thầm thĩ đọc kinh xong, nằm xuống, lăn qua lăn lại hai lần là thằng bé nghe tiếng chim hót líu lo. Nó hình dung ông già chúm đôi môi khô nứt nẻ như bờ ruộng trong con

hạn hán, thổi ra những tiếng hót trầm bổng. Tiếng hót la đà như con diều chao trong trời chiều lộng gió. Tiếng hót véo von.

Tiếng hót ấy dỗ thằng bé trôi lững lờ vào giấc ngủ êm đềm, hạnh phúc. Thằng bé và những đứa bạn của nó. Cả những đứa em của bạn nó; bé tí ti, cũng tương tư tiếng hót của loài chim hiếm quý. Đêm nào loài chim hót muộn, những đứa bé trở trăn, rồi nhừa nhựa quấy mẹ, quấy bà.

Thằng bé chỗi dậy, dở màn lên, chui ra. Tiếng muỗi vo ve nghe như xoáy vào tai làm thằng bé khó chịu. Nó ra bàn rót nước uống. Rồi mở then cửa vòng ra sau bếp, đi tiểu.

Đêm mờ mịt phía sau. Bầu trời đen thẫm, đính những vì sao lấp lánh. Thằng bé nhìn về phía trại tù, nơi lố nhố những túp nhà vuông vức choàng lên mình lớp kẽm gai nhùng nhằng những ống lon sét rỉ. Những hình khối tùm hụp tối tăm làm lòng thằng bé vương vấn chút lo âu. Có con cóc nhảy lộp bộp bên bụi cỏ. Hai con đom đóm chập chờn quyện lấy nhau, lập lòe trong bóng tối. Đêm ma quái dị thường.

Hơi lạnh của đêm vỗ lên da thịt. Thằng bé hít một hơi dài, nhìn vào bóng đêm, nơi dân làng họp chợ. Hình ảnh những sạp gỗ chồng chơ chồng chất lên nhau.

Giữa những ghế bàn trơ trọi ấy, ông già tóc bạc ngủ co quắp nơi nào?

"Tuân!"

Thằng bé giật mình quay ngoắt lại. Tim vỡ tan tành trong lồng ngực. Mẹ đứng trong khung cửa, tay cầm chiếc đèn con. Ánh lửa hạt đậu vàng vọt, leo lét soi lờ mờ khuôn mặt người đàn bà mướt xanh, hằn rõ nét lo âu. Mái tóc rối bung xõa xuống trước ngực.

"Làm gì ngoài đấy vậy?"

Thằng bé lủi thủi bước vào nhà, đứng nép bên cạnh mẹ, "Mẹ ơi, đêm thế này ông già tóc bạc ngủ ở đâu?"

"Khéo vẽ chuyện. Vào ngủ đi, mai còn đi học."

"Mẹ ơi, ông già đâu có chăn, màn..."

"Thì kệ người ta, việc gì con phải hỏi..."

Thằng bé định một đêm nào đó sẽ mò ra quán chợ, tìm ông già...

Từ đó, ngôi làng vắng đi bóng dáng lẻ loi của ông già tóc bạc. Tiếng chim cũng không còn líu lo quanh ngôi làng nhỏ bé ấy nữa. Lũ trẻ buồn ngẩn ngơ.

Vậy mà một hôm thơ thẩn bắt dế gần hàng rào kẽm gai bao quanh trại giam, tình cờ thằng bé bắt gặp ông già tóc bạc. Vẫn cái áo lính bạc phếch vá nhằng nhịt. Vẫn chiếc quần rách ống cao ống thấp, vẫn hai chân trần xám ngắt cái màu bùn đất, bụi bặm.

Thằng bé quên ngay những con dế đang gáy rúc rích dưới mề cỏ.

Thằng bé nhìn đăm đăm những ngón tay sần sùi của ông già, cố đếm xem có ngón nào bị rụng chưa, miệng nó tíu tít, "Ông ơi, ông làm gì trong đó vậy?"

Nhận ra thằng bé, mắt ông già ánh lên cơn vui. Giọng ông thều thào như gió, "Làm lớn lắm."

Thằng bé bỡ ngỡ không biết nói gì. Phần vì cái giọng đầy hơi gió phều phào khó nghe, phần vì những ngôn từ bí hiểm.

Ông già tiếp, cụt ngủn, "Tình báo." Thấy thằng bé ngơ ngẩn, ông già hất hàm, "Mày biết tình báo là gì không?"

Thằng bé lắc đầu, "Sao ông không làm chim hót nữa vậy, cháu nhớ tiếng chim sơn ca..."

Ông già ngước nhìn bầu trời. Thằng bé nghểnh cổ chăm chú ngó ông. Ông già nhìn lướt những cụm mây bông gòn. Phía bên trong hàng rào kẽm gai nhìn ra, hẳn bầu trời cũng bị cắt thành hàng trăm, ngàn mảnh nhỏ.

Chợt cái giọng khàn khàn mắng mỏ, "Chúng mày lắm chuyện!"

Không buồn bận tâm đến cái giận dỗi trái mùa của ông già, thằng bé nỉ non, "Ông phải làm chim hót, chúng cháu mới ngủ được."

"Không có con chim nào hót trong lồng đâu, thằng ranh con ạ!" Lâu lắm mới lại nghe được ông già nói thành câu thành kệ hẳn hoi.

"Ông không làm chim hót, em cháu không chịu ngủ, nó quấy mẹ cháu suốt đêm."

Đôi con mắt đỏ ngầu gân máu của ông già ngước lên nhìn bầu trời xám ngắt đám mây nặng trĩu cơn mưa. Rồi ông nặng nề cúi xuống nhìn thằng bé. Giọng ông phều phào như thiếu hơi, "Về đi, nó lại bắt vào đây bây giờ."

Ông hất hàm về phía cái tháp canh, nơi có người lính lăm lăm khẩu súng dài đen đúa.

Đôi chân thằng bé dán xuống bờ cỏ xanh.

"Để cháu nói mẹ cháu đem đồ thăm nuôi cho ông."

"Về đi, thằng ranh con. Có muốn ở tù hay không thì bảo!"

Thằng bé lấy hết can đảm, hỏi một câu cuối cùng, "Phải ông bị cùi không vậy?"

Ông già trợn hai con mắt ngoằn ngoèo tia máu đỏ, rồi hai mi mắt nặng nề ấy sụp xuống, như không gánh vác nổi cái xót xa đeo dính trên những nếp nhăn dúm dó.

Thằng bé cuống cuồng lủi đi như con chồn nhỏ.

Lâu lắm Tuân mới lại trở về làng cũ. Những cây bàng vẫn như ngày nào. Ba cây thông sần sùi góc cạnh trước nhà vẫn ném xuống những quả thông khô gồ ghề, nhám nhúa. Người đầu tiên mà nó muốn tìm gặp ngay là ông già tóc bạc. Phải quanh quẩn bên hàng rào kẽm gai cả tuần lễ, Tuân mới thấy lại được cái bóng gầy khúc của ông già.

Ông già nhìn nó đăm đăm, "Mày đấy hả?"

Phúc gật đầu.

"Ông khỏe không vậy?"

Ông già trả lời bằng một câu hỏi, "Mày lại tìm mấy con chim hồi xưa phải không?"

Tuân phải nghiêng đầu lắng nghe mà vẫn không chắc là mình hiểu hết câu nói của ông già tóc bạc. Giọng ông đổi thay quá lắm. Nghe như tiếng gió yếu ớt lùa qua tấm phên che cửa nhà.

"Phải không?"

Tuân yếu ớt gật đầu.

Giọng ông già như gió thoảng, "Bây giờ có muốn cũng chả hót được nữa rồi!"

Tuân trố mắt nhìn ông già. Mấy tháng trời, nó như thành người lớn, còn ông già đã thành người của xứ sở xa xôi nào. Cái lưng còng xuống như thân cây tật nguyền. Cái mặt vêu vao, xương xẩu.

Những lóng xương ngón tay ông già run run, chậm chạp đưa lên rờ rẫm cái mặt nhăn nheo. Thằng bé chờ xem ông già sẽ làm gì. Những ngón tay ông già vạch hai bờ của bờ ruộng môi khô hạn, chìa cho thằng bé xem một cái miệng chỉ còn những nướu răng xám xịt.

"Người ta nhổ hết răng rồi, có muốn tao cũng chẳng còn làm chim hót cho ai được nữa. Thằng ranh con ạ! À mà mày tên gì nhỉ?"

"Tuân, cháu tên Tuân."

"Tao vậy... coi như bỏ đi rồi. Cháu về, tự tập cho mình tiếng hót một loài chim thôi. Một là đủ rồi. Nhân gian đọa đầy cần tiếng chim hót. Về ngay đi. Về đi!" Ông già gằn giọng, "Không khéo tụi nó bắt vào đây bây giờ..."

Trong ánh nắng chiều xiên xiên, thằng bé thấy cái miệng móm mém của ông già nhóp nhép hệt như cái miệng bà cụ bán rau muống đầu ngõ lúc bỏm bẻm nhai trầu.

Đi được một quãng xa, thằng bé dừng dằng đứng lại. Niềm thương cảm đầy ắp trái tim, trào lên hai mí mắt cay nồng. Nó thấy, nhòe nhoẹt trong vạt nắng xiên nghiêng, cái môi dúm dó của ông già phều phào câu dặn dò cuối, "Lúc nào lại, nhặt cho tao ít đầu cá ngoài chợ, cháu nhá!"❐

Một chuyến đi

Phạm Hải Anh

Tặng H-A-L

Hai đứa tìm được đến nhà trọ là vừa sẩm tối. Căn nhà ngói có lẽ mới xây, rộng, thoáng, sân lát gạch, bậc thềm rất cao. Gia đình nhà chủ đang ăn cơm ở ngoài hiên. Mâm cơm bằng gỗ cũ kỹ, bày một bát nước mắm, một đĩa lạc, đĩa rau muống luộc. Bên cạnh là nồi đựng nước rau và nồi cơm rất to. Anh chị chủ nhà xởi lởi mời hai đứa ăn cơm. Người chồng tên là Hiến, tay trái bị tật hơi khoèo. Chị vợ cao lớn như đàn ông, trong bóng chiều nhập nhoạng không rõ mặt, chỉ thấy bộ răng hô trăng trắng rất tươi, lúc nào cũng như cười. Chị ta dẫn hai đứa đến cái giường kê ở góc trái nhà, bảo: "Hai em ngủ ở đây. Tắm giặt thì ra ao. Đừng ngại gì cả." Vân bẽn lẽn hỏi: "Buồng tắm ở đâu hả chị?". Chị chủ nhà chỉ ra sân: "Các em chờ tí nữa trời tối hẳn, xách nước ra giữa sân mà dội. Mát lắm!". Vân ngửa mặt nhìn lên. Trời vẫn còn sang sáng. Bao la trên đầu một nền lam thẫm tinh khiết, lác đác sao. Ở thành phố, bầu trời nhợt nhạt, không giống thế này, mất điện là tất cả tối om. Thùy xách nước để ở góc sân, cởi áo hỏi Vân: "Có thấy gì không?". Vân ngắm bộ ngực trắng căng lồ lộ của bạn, lắc đầu: "Rõ lắm. Đừng! Ra ao lau người vậy."

Sáng sớm, chị Hiến dẫn hai đứa ra đồng. Đường làng uốn quanh giữa hai bên ao và những khóm tre ken đặc xít. Mặt nước ngái ngủ phủ một màn sương mỏng. Khoai nước mọc lô xô ở bờ ao, lá xanh mướt, long lanh vệt nước bạc. Vân hít căng lồng ngực hương thơm thoáng đãng của đất cỏ, phấn chấn bảo: "Em ở đây cả tháng cũng không chán!" Chị Hiến đưa cho mỗi đứa một cái nón, chỉ tay ra cánh đồng. Lúa đang lên xanh non mỡ màng. Lố nhố dưới ruộng những bóng người ngồi xổm, không ra hàng lối gì, đội nón sùm sụp. Chị Hiến dặn: "Các em cứ tự nhiên. Ngồi xuống lấy

nón che mặt là của ai cũng giống ai. Xong việc, nhớ lấp đất đi là được. Thứ nhất quận công, thứ nhì ỉa đồng đấy!". Vân rùng mình, nhìn Thùy. Hai đứa đồng thanh bảo: "Thôi, chúng em chưa vội lắm!". Chị Hiến cười có ý thông cảm, lại dẫn hai đứa đi vòng vèo một hồi. Vân thấy cái nhà gạch con con, xây lưng ra đường làng, khấp khởi mừng. Chị Hiến lại dặn: "Cả xóm chỉ có cái nhà tiêu này, nhưng không có cửa. Em ngồi trong, nhớ thò tay ra ngoài vung vẩy. Người ta nhìn tay, biết là có người, sẽ không vào nữa." Vân bảo Thùy đứng gác rồi chạy tọt vào. Cầu tiêu vừa cao, vừa hẹp. Ngồi chồm hổm, trông thẳng vào nhà người ta, may có bụi duối che đi phần nào. Nhưng bí quá cũng chẳng kể gì nữa, chỉ thấy sung sướng nhẹ người. Cái sướng ở đây hóa ra cũng đơn giản, dễ dàng hơn ngoài thành phố. Hai đứa từ đấy có mật ngữ "đi ỉa" là "đi vẫy tay".

Chín giờ tập trung toàn đội sinh viên. Đợt thực tập lao động này, mỗi tổ phải đào xong một đường thoát nước dài trăm mét, sâu bốn mươi phân. Trời nắng chang chang, cuốc xẻng nặng trịch. Nhìn quanh chỉ thấy những bộ mặt cau có, nhễ nhại mồ hôi. Vân đứng nắng không quen, bị cảm, được phân vào nhóm nấu cơm. Ở nhóm này thì nhàn. Sáng ra chợ mua hai chục mớ rau, dùng dao cắt xoẹt phần gốc rồi đem ra giếng rửa. Cái giếng đất ở sân đình hình mặt nguyệt, phủ đầy rong rêu nhưng nước trong và ngọt. Cả làng ra đây lấy nước về ăn. Cả cô Nhàn mù nhà có giếng rồi cũng ra. Cô gánh đôi thùng to tướng, lần xuống từng bậc giếng, khỏa nước thật đầy rồi phăm phăm gánh về nhà. Cô Nhàn mù sống độc thân. Nhà cửa gọn ghẽ đến phát sợ. Cô chỉ nghe tiếng chân mà phân biệt được từng người trong làng. Vân hay đến nhà cô Nhàn chơi, nằm gác chân trên giường của cô, nhìn qua cửa sổ ra vườn. Cô Nhàn mù nhưng vẫn trồng mấy khóm hoa. Những bông mào gà hữu sắc vô hương, đỏ chói mắt. Vân hỏi: "Cô còn nhớ màu sắc không?". Cô Nhàn bảo: "Nhớ mang máng!". Vân tả cảnh vườn cho cô Nhàn: đụn rơm vàng, nắng xôn xao trên ngọn xoan đào, hoa mào gà đỏ chói chang... Vừa kể vừa nghĩ sao giống truyện "Chuyến xe đêm" của Pautốpxki, vẽ ra trong bóng đêm những cảnh lung linh rực rỡ. Cô Nhàn nghe, thở dài bảo: "Ở nhà quê chả ai khen cảnh đẹp bao giờ." Cô Nhàn kể chuyện cô bắt trộm. Thằng trộm lẻn vào nhà, lấy cái quần mới của cô mặc luôn vào người. Cô Nhàn vào nhà, nó đứng im phắc, tưởng cô mù không biết. Cô thấy hơi người lạ, lần ra, ôm chặt lấy nó. Sờ phải cái quần đúng là của mình, cô lột lại. Vân trêu: "Cô Nhàn liều nhỉ! Ôm đàn ông mà không sợ à?". Cô Nhàn bảo: "Lúc lấy lại được cái quần chỉ thấy mừng. Sau nghĩ lại vừa tủi thân, vừa nhục!". Cô Nhàn mặt khá xinh nhưng đôi mắt lép, đục lờ lờ làm hỏng hết. Nghe đâu trước đây

có ông góa vợ hỏi cô nhưng cô từ chối. Ông này mặt rỗ, một nách bốn đứa con lít nhít. Cô Nhàn bảo: "Mặt rỗ cũng được, bao nhiêu con cô cũng chăm được hết. Nhưng ông ấy nát rượu quá, đến gần mùi rượu gay gắt sặc sụa, cô không chịu được." Cô mù nhưng rất sạch sẽ. Giếng nhà cô xây ở góc vườn, ba phía tường nhà bao bọc. Thành giếng cao đến ngang ngực, chắn một khoảng tạm gọi là kín đáo. Buổi chiều, Vân rủ Thùy đến đấy tắm. Vừa dội nước lên người thì nghe tiếng hô: "Sang xem con gái tắm trưởng giữa ban ngày đi chúng mày ơi!". Bên kia bờ tường, tiếng chân chạy rầm rập, reo cười huyên náo như rủ nhau đi xem xiné. Nhà cô Nhàn không có cổng, chúng nó sắp vào đến nơi. Vân cuống quá không mặc nổi quần áo, bật khóc. Thùy vớ vội cái quần lót che ngực, thò đầu qua bờ tường van vỉ. Một bọn trẻ con từ 12 đến 15 tuổi nhìn bộ mặt méo xệch của Thùy cười ồ lên rồi bỏ đi. Hóa ra chúng nó chỉ dọa.

... Phiên chợ, Vân rủ Thùy đi lang thang, ăn đủ thứ quà vặt. Ăn thật no để quên đi cái vị canh rau lõng bõng ở bếp ăn tập thể. Nhưng quà nhà quê cũng chẳng có gì ngon. Vân mua một quả dứa về cho con anh Hiến. Chị Hiến đặt quả dứa lên bàn thờ, không ăn. Suốt tuần, gian nhà thoảng mùi thơm ngòn ngọt của dứa chín. Cái Nam con anh Hiến hỏi Vân: "Dứa rắn hay nát hả cô? Cháu thích ngửi mùi dứa lắm. Bao giờ thấy nhạt mùi cháu lại leo lên ban thờ để ngửi. Đêm qua cháu mơ thấy mẹ cháu bổ dứa cô ạ. Cháu chưa ăn bao giờ, chắc ngon lắm cô nhỉ?". Vân gật đầu, thấy thương nó quá, bảo khi nào cô sẽ mua riêng cho cháu hẳn một quả. Cái Nam mười hai, bằng tuổi em út Vân.

Buổi tối, oi bức quá không ngủ được. Cả nhà anh Hiến trải chiếu ra hè ngủ. Hè hẹp, chỉ vừa một người nằm. Anh Hiến nằm đầu trên, rồi đến vợ, hai đứa bé, cuối cùng là Vân và Thùy. Chị Hiến quạt, hơi gió thoảng qua cả dãy người la liệt, chẳng thấm tháp gì. Anh Hiến kể chuyện mình đi Sà Goòng. Anh là người đầu tiên dám tự ý bỏ làng đi chơi xa. Hồi năm 78, hỏi vợ mãi không được vì tay trái bị tật, anh tức mình nhảy tàu đi tuốt vào Nam. Đi ngót một tháng, về làng có đủ chuyện lạ để kể suốt năm. Chị Hiến phục anh hơn đứt bọn con trai trong xóm, đồng ý lấy. Hai vợ chồng bảo nhau đẻ đứa đầu dù trai hay gái gì cũng đứt khoát đặt tên là Nam. Anh Hiến kể đất Sà Goòng tiền kiếm dễ mà tiêu như rác, cái gì cũng khác ở ta. Người Sà Goòng không nói "uống" mà nói "nhậu", không nói "tiêu" mà nói "xài". Có lần anh được dự một bữa nhậu, đứng lên, chủ xị rút đứt cái nhẫn vàng một chỉ ra trả. Chị Hiến rú lên: "Giời ơi, đúng là nhai tiền rồi còn gì!". Anh mắng vợ: "Mẹ mày nhà quê, mới nghe đã rúm ruột vào.

Người ta ăn chơi, tốn kém kể gì!". Hình như cái máu hào phóng của đất Sà Goòng vẫn chưa nhạt phai trong anh. Anh bảo Vân, Thùy, giọng rất anh hai Nam bộ: "Sáng mai các em cứ lấy khoai lang nhà ra mà xài, còn chè tươi thì nhậu thoải mái!"

... Trời khuya dịu đi đôi chút nhưng vẫn không có gió. Anh Hiến đã ngáy pho pho. Cái Nam và cu Bộ ngủ tít. Chị Hiến cũng ngáy khe khẽ, chắc đang mơ về đất Sà Goòng. Chỉ mơ thế chứ sẽ không bao giờ đi thật, vì mơ không tốn kém và chẳng sợ gì bất trắc. Vân trở mình, lưng áo đọng mồ hôi mát lành lạnh. Hé mắt nhìn lên thấy vầng trăng mười sáu như gương bạc, sáng chói mắt, cô độc giữa vòm trời thăm thẳm không gợn chút mây. Ánh trăng như lụa trắng, phập phồng trong thinh không, chảy tràn trên lá cây, lên khóm khoai nước, lên sân gạch, lên hè. Tự nhiên cái gì trông cũng đẹp mà lại buồn khôn tả. Vân chợt tính mình ở đây đã mười ngày, sao mà dài thế! Hôi chiều, Thùy ôm Vân rền rĩ: "Bây giờ giá có thằng con trai nào lặn lội lên đây thăm mình, xấu xí mấy tao cũng yêu liền." Vân ẩy Thùy ra, mắng: "Đồ điên!", nhưng lại bắt gặp mình đang da diết mong Quốc. Ở Hà Nội, Vân có bao giờ để ý đến anh ta đâu ?!

Hôm sau, Vân rủ Thùy đến tận lều vịt lão Hộ mua trứng để cả đoàn ăn tươi. Lão Hộ chăn vịt thuê cho hợp tác. Suốt ngày lão lang thang ở bờ sông, tối đến lại về lều vịt của mình. Lúc nào cũng thấy lão kè kè chai rượu, chẳng giao thiệp với ai. Chỉ có bọn trẻ con thỉnh thoảng rủ nhau ra lều vịt chơi. Có khi hứng lên, lão đãi chúng một chầu thịt vịt chết. Những lúc ấy, lão thường rất say. Lão hát lè nhè rồi kể toàn chuyện ma quỉ kì dị. Lão bảo cứ đúng mười hai giờ đêm mùng một hàng tháng, các quan ôn lại đi tuần qua khúc sông này vào làng. Các quan đi hia, đội mũ cánh chuồn, áo xanh áo đỏ giống tượng gỗ trên chùa. Khi các quan đi qua, cả một vệt sông sáng rực lên ánh lân tinh, đàn sáo réo rắt hay lắm. Một đêm, mấy đứa trẻ bạo gan ra lều vịt thức chờ với lão Hộ. Cả bọn giương mắt nhìn những đốm sáng chập chờn xa tít mé bên kia sông. Một dải sông tối đen, rền rền tiếng sấm. Trời như sắp mưa. Lan dần trong thinh không một âm thanh mơ hồ kì dị, nhưng nghe kỹ hình như chỉ là tiếng sóng vỗ bờ mạnh hơn mọi khi. Đúng lúc ấy, một thằng bé vô ý đạp phải chai rượu của lão Hộ làm nó lăn kềnh ra. Đốm sáng vụt biến mất. Lão Hộ bảo chúng mày đánh động, các quan không hiện nữa, muốn xem phải chờ một lúc lâu, thật yên tĩnh lại. Nhưng chẳng đứa nào thức chờ tiếp được, thành ra chuyện các quan ôn cứ nửa thực nửa hư. Chưa biết thế nào thì vài hôm sau xảy ra một việc làm lũ trẻ kinh hãi không dám bén mảng đến lều vịt nữa. Lão Hộ phát hiện ra một xác người dạt vào gần lều. Cái xác đàn bà trẻ, quần áo

bắt đầu căng nứt, trông vừa rợn, vừa thương tâm. Dân làng kéo nhau ra xem nhưng chưa ai dám mó tay vào. Lão Hộ uống hết một chai rượu, tự tay khâm liệm cho người xấu số. Nhưng vừa nhấc quan tài lên để đưa vào bãi tha ma làng thì dây đòn đứt phựt. Xem ý hồn chẳng muốn đi đâu nữa. Lão Hộ cuốc đám rau lang dưới chân lều mình, đào thành cái huyệt, cho chôn quan tài ngay xuống đấy. Dân làng ai cũng lè lưỡi. Từ độ ấy, người ta kiêng đi qua lều vịt của lão Hộ. Hình như lão đã làm bạn với ma. Đêm đêm, ngọn đen dầu của lão tỏa một quầng sáng hiu hắt, đỏ đọc giữa cả bãi sông tối đen. Gió rít qua lều vịt u u, có khi nghe vẳng trong gió tiếng cười, tiếng hát lè nhè, chẳng rõ giọng người hay giọng ma...

Vân và Thùy đứng nép ở chân lều vịt một lúc lâu, đùn đẩy nhau không dám gọi. Lão Hộ chợt nhìn thấy hai đứa, ngó cổ hỏi có việc gì. Thùy rụt rè thưa chúng cháu là sinh viên về làng lao động, muốn mua ít trứng đẻ ăn tươi. Vân tò mò nhìn lão Hộ. Mặt lão hiền khô, nom chẳng khác gì những người trong làng. Cái lều vịt thoáng mát, lỏng chỏng vài ba vật dụng sơ sài, cũng không có vẻ gì là huyền bí, đáng sợ cả. Lão Hộ hỏi lại: "Sinh viên à?" rồi lùi lũi quay đi. Hai đứa ngơ ngác nhìn nhau. Lát sau, lão Hộ xách xuống một túi trứng, lại một rổ khoai lang đây có ngọn, đưa cả cho Thùy. Thùy lắp bắp hỏi giá. Lão Hộ phẩy tay: "Đi về đi. Chúng mày sinh viên làm gì có tiền.". Hai đứa ngơ ngẩn xách túi trứng, bê rổ khoai nhìn theo bóng lão xa dần. Lão đi như chủ soái giữa đàn vịt lít nhít, trông vừa tự do, vừa bé nhỏ đơn độc trên triền sông dài hút tầm mắt...

Tuần sau, đoàn thực tập được lệnh rút về. Mấy đoạn rãnh thoát nước đã đào xong, độ dài đủ nhưng nông choèn choèn. Mưa to một trận, đất lại tràn xuống, lấp đi gần hết. Đường làng bùn nước toe toét đâm ra bẩn hơn. Nhưng thời gian đi thực tập đã hết, chẳng ai nghĩ đến chuyện phải sửa sang lại. Ô tô đi vào buổi sáng. Vân lên xe sau cùng, nghĩ không biết bao giờ mình sẽ trở lại nơi này. Vân hứa với cái Nam bao giờ nó ra Hà Nội, Vân sẽ đưa nó đi ăn kem, xem Vườn Bách Thú. Con bé háo hức như chị Hiến háo hức về Sà Goòng... Xe về đến Hà Nội đã gần trưa. Vân thấy Quốc trong đám người lố nhố đứng đón. Trông anh ta vẫn tẻ nhạt như mọi khi. Vân ngạc nhiên tự hỏi sao mình lại mong anh ta đến thế suốt mấy tuần qua. Ở nhà quê, hình như cái gì cũng khác...❐

Những giòng sông không chảy

Nguyễn thị Thảo An

Sequois là người da đỏ. Lần đầu, tôi gặp hắn trong nhóm bán dạo ở khu thương xá Portland, Oregon. Hắn mặc quần jeans bạc màu, lủng nhiều lỗ. Tóc dài, cột bằng sợi thun có kim tuyến. Họ trình diễn nhạc cổ truyền da đỏ trong một góc phố. Hắn thổi sáo. Ống sáo làm bằng nhánh cây hollow, đục sáu lỗ, có quấn dây da. Những người khác đánh trống. Loại trống tay, tròn dẹt có quai xách, hai mặt bịt bằng da trâu rừng. Bên cạnh, một túi xách đựng toàn băng và dĩa. Tôi chăm chú nghe hồi lâu. Nhạc không hay. Âm thanh trầm và rền như bị dồn trong lòng núi. Vài người thấy lạ đứng lại xem, rồi bỏ đi. Không ai mua dù giá rẻ. Họ vẫn kiên nhẫn trình diễn. Động lòng, còn năm chục tôi đưa hết cho họ và lấy một băng nhạc. Đi được mươi bước Sequois chạy theo, dúi cho mớ nữa. Tôi cười, lấy thêm một băng, rồi đi thẳng.

Đầu hè, sinh viên túa ra kiếm việc chờ khóa mới. Một thằng bạn Tàu tên Lee rủ tôi về Boise, phụ việc nhà hàng của cha nó. Nó hứa, lương cao việc nhàn, bao ăn ở, hai đứa có thời gian học thêm. Nghe bùi tai, tôi theo nó về Boise. Mới hai hôm, nó lặn mất. Thường nhật, nhà hàng bán hai bữa chính: trưa và tối. Nhưng công việc dưới bếp quần quật suốt mười hai tiếng mỗi ngày. Hết làm cá, nhồi bột lại bầm hành, cay xé mắt. Chốc chốc, cha nó cứ chạy xuống ngó chừng như canh kẻ trộm. Tôi hỏi, Lee đâu. Ông xua tay cự, làm việc đi, nó mắc học, không rảnh chơi với mày. Tôi cáu tiết, vung con dao to bản chặt phập vào thớt. Củ hành tây bị bửa đôi, lăn lông lốc. Quăng tạp dề, tôi đi một mạch ra cửa. Đằng sau, lão chủ xỉa xói theo bằng tiếng Tàu.

Trên đường về phòng trọ, tôi tạt ngang thư viện. Trước sân, giữa lạch suối giả là pho tượng bán thân của đại văn hào Ernest Hemingway. Đầu tượng phủ đầy rêu, mặt xanh lè. Lạch suối giả ngập lá khô, váng bợn. Tôi

dừng lại ngắm ông. Đang ngẫm nghĩ, không hiểu một người thành công và nổi tiếng vậy, sao lại tự tử? Bỗng phía sau, có người cất giọng chê bai, "Hm, ông ta viết *Old Man and the Sea* ca ngợi sự tranh đấu của con người trước thiên nhiên để sống còn hay lắm, nhưng chính mình thì lại tự tử." Tôi quay lại, thì ra Sequois. Hắn cũng nhận ra tôi. Chúng tôi chào lấy lệ rồi ra bãi đậu xe. Đó là lần thứ hai, tôi gặp hắn.

Hai tuần sau, ra bưu điện nhận thư Nga. Cô bạn gái báo tin lấy chồng. Thư có kèm thiệp cưới. Chú rể là thằng bạn ra trường trước đây một năm. Trên đường về, xe bị xẹp bánh. Tôi điên tiết nhảy xuống chửi ỏm tỏi. Và, đá chiếc xe tơi bời. Cái mâm bánh văng ra, lăn vùn vụt xuống dốc. Từ lề đường, một người chạy ra chụp lại. Đó là Sequois. Tôi không buồn chào, nhưng hắn tỏ vẻ hăm hở giúp. Chúng tôi đẩy xe lên lề, rồi thay bánh. Vừa làm vừa trò chuyện, nó rủ tôi lên nông trại làm việc. Buồn tình, tôi ừ đại. Hắn gửi chiếc xe cà tàng của tôi cho tiệm quen gần đó, rồi chạy đi. Lát sau, trở lại đón tôi trên chiếc xe Jeep đời mới, cáu cạnh. Thật không ngờ, hắn khá vậy. Tôi chợt tiếc đã cho hắn năm chục đồng hôm trước.

Boise là thủ phủ Idaho. Tiểu bang xứ lạnh, ít dân nên thành phố không lớn. Sequois ra xa lộ 95 lên hướng bắc. Ra khỏi thành phố, hai bên là nông trại. Vào hè, cây cỏ xanh um. Một vài căn nhà kho bằng gỗ đỏ, mái dốc như kiểu nhà nguyện nằm trơ trọi giữa đồng. Xe chạy nhanh. Gió tạt hai má rát buốt. Những luống rau xanh vụt chạy giật lùi. Được một đỗi, nông trại thưa dần. Xe lọt vào hẻm núi. Hai bên vách đá dựng đứng. Mặt trời chỉ rọi sáng lưng chừng đỉnh. Bên dưới, trời tối sầm. Phát hoảng, tôi hỏi còn bao xa. Hắn bảo, độ bốn tiếng nữa. Bấy giờ, tôi đâm lo. Hắn tự xưng là người da đỏ, nhưng trông mầu nâu sậm. Thân hình vạm vỡ, rắn như một thỏi đồng. Mũi cao, cằm bạnh, mắt nhìn mạnh và sáng. Tóc dài, vấn cột bằng sợi thun như lần trước. Kiểu tóc hệt như mấy tay anh chị trong phim làm tôi chột dạ. Muốn đổi ý quay về, nhưng sợ hắn chê, tôi gạ chuyện.

"Hey, làm nông trại không khá đâu. Hay mình trở lại Boise kiếm việc khác?"

Hắn lắc đầu, "Mày đừng lo. Đây là nông trại nhà."

Tôi ngạc nhiên, "Mày khá vậy, sao còn đi bán dạo?"

"Bán dạo?" Hắn trố mắt ngó tôi. Rồi gằn giọng giải thích, "Đó là trình diễn." Hắn hất hàm, kiêu hãnh, "Tụi tao đi chứng minh cho thiên hạ thấy, văn hóa da đỏ vẫn còn." Không đợi tôi trả lời, hắn nói một lèo, "Đất này là của tụi tao. Tổ tiên người da đỏ đã sống ở đây mười hai ngàn năm trước Tây lịch. Và, tụi tao sẽ có mặt cho tới ngày tận thế." Bất ngờ, hắn hỏi, "Mày thấy có thằng da trắng nào dám đứng nghe không?" Tôi chưa

kịp nói gì, hắn đắc chí tiếp, "Tao đi nhiều nơi, chưa thấy thằng nào dám đứng coi, chứ đừng nói mua. Mầy là thằng ngoại quốc đầu tiên mua nhạc da đỏ, nên tao thích mầy."

Hú hồn, tôi không dám giải thích, hôm đó tôi mua vì thương hại họ bán ế. Sợ hắn nổi sùng, tôi cười nịnh.

"Tao xem Poncahontas cả chục lần, vẫn thấy thích. Phim hay. Truyện tình ngang trái vì màu da, cảm động lắm." Trong trí tôi hình dung cảnh họ vẽ cô gái da đỏ chân trần xõa tóc, phóng như sóc lên mỏm đá cheo leo, cất tiếng hát lay động núi rừng.

Không ngờ, hắn sầm mặt. "Tổ tiên chúng tôi là những người thật thà lắm. Chất phác đến mức khờ dại." Bỗng hắn hạ giọng, "Người da đỏ không ai muốn xem Poncahontas. Đó là một dấu ấn buồn."

Tôi thắc mắc, "Họ không thích cô ta sao? Tao thấy, cô dễ thương lắm."

Hắn lắc đầu, "Người trong phim là cô gái Phi. Poncahontas thật đẹp hơn nhiều. Nhưng truyện tình đơn giản." Hắn kể, "Năm 1606, chiếc thuyền John Smith gặp bão nên đổ bộ vào Virginia. Họ bị người da đỏ bắt. Lúc đó, Poncahontas mới mười hai tuổi, là con gái tù trưởng Powhatan, đã xin ân xá cho John Smith. Tám năm sau, cô lập gia đình với thuyền trưởng khác là John Rolfe. Họ sang Anh, và có một con. Ở London, người ta gọi cô là Lady Rebecca. Poncahontas chết lúc mới hai mươi mốt tuổi, vì bệnh dịch."

Xúc động, tôi chặc lưỡi, "Thật tội nghiệp."

Sequois "hừ" bằng giọng mũi, "Chưa tội nghiệp bằng Powhatan. Mày có biết, sau khi kết thân với John Rolfe, họ đã giúp nhiều chiếc thuyền Châu Âu thực phẩm, thuốc lá. Về sau, đám di dân cậy có súng, bắt người da đỏ có nhiệm vụ cống nạp thực phẩm. Sự phẫn uất bùng nổ vào năm 1622. Những người da trắng bị giết cùng một kiểu: mồm nhét đầy thực phẩm trộn đất. Ý nói, người da trắng tham lam muốn nuốt chửng đất đai của họ. Chiến tranh bắt đầu từ đó. Bộ lạc của họ chết gần hết."

Tôi hỏi, "Bây giờ, người của Powhatan còn không?"

"Còn, nhưng ít lắm." Hắn đáp. "Họ sống ở đặc khu Rancocas ở New Jersey."

Tôi bùi ngùi, an ủi. "Chính quyền giờ khác xưa. Họ cũng dành cho người da đỏ nhiều đặc quyền hơn những giống dân khác."

Hắn chép miệng, thở dài. "Mày chỉ là khán giả, nên không thấy như kẻ đứng sau hậu trường."

Tôi làm thinh. Mải chuyện, xe vượt qua đường núi lúc nào không rõ. Bây giờ, trời quang hẳn. Xa lộ nằm dọc trên cao nguyên chạy về hướng

bắc. Bên phải, thỉnh thoảng có nhiều hồ hoang đầy lau sậy. Xa xa đồi núi chập chùng. Một rặng rừng thông xanh rì che mờ chân núi. Bên trái, trên xa lộ nhìn xuống, một con sông hẹp, mầu nước sáng như bạc. Bên kia bờ, nhiều dãy đồi trọc, trên váng lớp cỏ thưa. Càng lên bắc, đồi thoải dần rồi trở thành thung lũng.

Xế chiều, chúng tôi dừng lại đổ xăng. Tôi chạy qua quán kế mua hai phần ăn. Sequois chỉ uống nước, rồi ra ngoài. Ăn xong, tôi đi kiếm hắn.

Tôi thấy Sequois ngồi nghiêm trên phiến đá sau quán. Mặt tư lự ngắm mặt trời dần ngã về tây. Vạn vật chìm ngập trong mầu nắng vàng hực tỏa khắp núi đồi. Hồi lâu, tôi ngạc nhiên nhận ra, dường như nắng ở đây vàng hơn nơi khác. Hỏi Sequois, hắn trỏ tay xuống thung lũng: bên dưới một biển lúa rập rờn như sóng. "Mầu vàng từ lúa hắt lên, không phải trên trời dọi xuống." Tôi nhìn xuống. Đất trũng như lòng chảo. Chắc phải qua cả triệu năm, mưa bão mới cuốn trôi đất từ những rặng núi đá bên kia để hình thành thung lũng này.

Tôi hỏi, "Nông trại mày đất tốt như vầy không?".

Mắt nhìn xuống cánh đồng lúa, hắn đáp bâng quơ. "Không, cằn lắm."

Tôi tài lanh, chỉ vẽ: "Hey, sao mày không bán đất xấu, xuống kia mua tốt hơn?"

Hắn lừ mắt nhìn tôi một hồi. Rồi phủi đít đứng dậy, bảo. "Hơn trăm năm trước, lãnh địa này là của tụi tao. Thung lũng Wallowa là căn nhà của người da đỏ. Bộ lạc mười mấy ngàn người, trải sống khắp thung lũng và vùng giữa lưu vực hai sông Salmon và Snake. Đánh cá và chăn nuôi là nghề chính. Đến năm 1877, người da trắng lùa chúng tôi lên ở Lapwai. Giờ là khu tự trị Nez Percé." Hắn đăm chiêu nhìn xuống bên dưới. "Mười mấy ngàn năm, bao nhiêu hài cốt tổ tiên, di sản thiêng liêng chôn dưới cánh đồng này." Rồi thở dài, "Bây giờ là nơi người ta đào xới."

Tôi chợt nhớ trong sử viết, người Pháp đầu tiên gặp bộ lạc Numipu, thấy nhiều người xỏ mũi bằng răng cá hay đeo khoen vỏ sò nên gọi họ là Nez Percé. Tôi lom lom nhìn mũi hắn. Chắc đoán được, hắn đập vai tôi đau điếng. "Bây giờ đố mày kiếm ra người Nez nào xỏ mũi."

Chúng tôi về tới đặc khu Nez Percé lúc trời chập tối. Khu nằm trên cao nguyên, lọt giữa vùng rừng già và núi cỏ. Phía đông, giòng Clearwater trên ngàn chảy ngang. Qua chiếc cầu gỗ, xe chui dưới nhiều lớp cổng chào khắc những hình thù quái dị. Nhà cửa cất dọc ven sông. Kiểu đơn giản. Đa số ghép bằng cây lodgepines, loại thông thân thẳng và nhẵn. Có căn vách tô đất, mái lợp bằng cỏ đuôi chồn. Đó đây vài chiếc lều vải bạc dựng trước nhà.

Sequois lái chậm lại khi rẽ vào trong. Nhiều người chạy ra, vẫy chào. Hình như hắn quen với tất cả mọi người. Xe ngừng lại trước một căn nhà gỗ hai gian, sau hè có cầu thang lên tầng trên. Trước nhà treo nhiều bộ sừng thú. Lớn nhất là đầu con nai già, sừng cao cả thước, có nhiều nhánh chẻ. Cạnh bên, bộ sừng moose, thấp và bè. Kế là đầu trâu rừng có sừng cong vút, sừng sơn dương úp ngược như lọn tóc con gái. Tôi ngạc nhiên sao họ trưng đồ quý ở ngoài, không sợ mất. Sau này mới hiểu, đó là cách người da đỏ khoe chiến công. Không ai thấy vinh dự khi lấy cắp thành tích người khác.

Bên trong, nhà sạch và đơn giản. Một chiếc bàn viết kê sát vách, kế kệ sách. Chính giữa trải một tấm da gấu đen mượt. Chung quanh, những chiếc gối mầu mè dựng ngay ngắn. Ống điếu, tẩu thuốc xếp gọn trong góc nhà. Trên vách treo một tấm tranh, cảnh một gia đình da đỏ quây quần bên bếp lửa. Tôi để ý không thấy điện thoại, ti vi hay máy điện toán. Nghe đồn, người da đỏ từ chối những tiện nghi văn minh. Họ sống biệt lập, quay lưng với thế giới bên ngoài.

Nhà vắng. Sequois bảo tôi ngồi chờ, hắn đi kiếm ông Chief xin phép. Tôi lo lắng, lỡ ông không đồng ý thì sao. Hắn nhếch môi cười, ông Chief tức Tù Trưởng, là bác ruột, cha nuôi, và cũng là chủ nhà này. Hắn quẳng túi đồ của tôi xuống đất, chỉ tay lên trần nhà, nói. "Phòng mày trên lầu. Lên coi đi." Tôi chưa kịp hỏi thêm, hắn đã phóng ra xe, dông mất.

Căn phòng hắn chỉ bề bộn như một cái kho. Sàn nhà chất đầy những đồ vật đan thêu bằng những hạt chuỗi sặc sỡ như rổ, rá, túi xách và chăn. Trên vách treo nhiều mặt nạ gớm ghiếc. Tôi tò mò ngắm kỹ từng cái hồi lâu. Thật kỳ lạ, tôi phát giác. Trông mặt nạ mỗi chiếc mỗi khác, nhưng nét mặt đều chung một vẻ. Miệng méo lệch, mắt đứng tròng như trông thấy điều gì kinh hãi. Rõ ràng nó đang sợ người, không phải làm người sợ nó.

Ngắm chán, tôi mở cửa phòng bên xem thử. Mùi nhựa gỗ hăng hắc. Bên trong có nhiều kệ, kê sát tường. Trên, trưng la liệt những vật dụng cổ xưa. Từ hài, ủng bằng da thỏ, túi đựng cung nỏ, gậy, nón của tù trưởng, nhiều hình nộm nhỏ và nhạc khí cổ. Lưng vách treo nhiều khung hình đen trắng. Đa số chụp từ thế kỷ mười tám. Hình một gia đình trong chiếc lều cỏ, đôi vợ chồng lem luốc đang ôm mấy đứa nhỏ trần truồng. Kế, ảnh chụp những người đàn bà da đỏ quấn khăn, chùm váy đứng chùm nhum ngó thợ chụp hình ngơ ngác. Hình khác, những người đàn ông thô kệch vận âu phục, trông ai nấy như Tarzan ra thành phố. Không có tấm nào thấy họ cười. Tôi dừng lại trước khung ảnh lớn, trang trọng đặt cuối phòng. Một người đàn ông tóc mái phất phơ như bờm ngựa, hai bên thả hai bím

tóc mai. Gương mặt rắn rỏi, quả cảm. Mũi thẳng. Đôi mắt là hai vì sao không phát sáng. Một nỗi buồn như dội ngược trong lòng. Tôi đứng lặng, cuốn hút bởi cái nhìn của ông.

Có tiếng đằng hắng sau lưng, tôi giật mình quay lại. Một người đàn ông da sậm, cao lớn, tóc râm, đeo kính vỗ vai tôi, thân mật. "Nè, Bạn Nhỏ. Anh biết Tù trưởng Joseph không? Đó là vị anh hùng của người da đỏ. Người da trắng gọi ông là Indians Napoleon." Tôi gật, ra vẻ hiểu biết, "Tôi học sử Mỹ, có nghe danh." Ông nhìn tôi, nghi ngờ, "Có phải họ dạy, người da đỏ quan niệm đất đai như không khí, là của chung mọi người?" Hay cho rằng, "Chúng tôi là những người man di may mắn sống trong thế giới văn minh của họ?" Tôi im lặng. Ông bật cười khan. "Đó là thứ sử một chiều." Rồi đằng giọng, chua cay. "Kẻ chiến thắng quơ trong không khí cũng ra chính nghĩa." Tôi chưa biết nói sao thì Sequois lên gọi ăn tối.

Ngày hôm sau vào nông trại. Thật ra gọi lâm trại đúng hơn. Một khoảng rừng cây lodgepines bị đốn nhẵn, gốc trơ giống những miếng gạch tròn. Công việc của đám thợ trẻ là nghiền gốc, xong trồng lớp cây mới. Sequois là trưởng nhóm tốp hai mươi người. Theo họ, tôi biết thêm nhiều điều. Tục da đỏ kiêng gọi tên. Họ dùng những biệt hiệu theo đặc điểm hay thành tích của từng người. Thí dụ Sequois là Sói xám, vì hắn từng bẫy được sói rừng. Bighorn, tức Đại Tù Và là cha nuôi của Sequois, vì ông thổi tù và trong các buổi lễ. Họ gọi tôi là Bạn Nhỏ, theo cách ông Chief gọi. Những người khác đều có những tên dữ dội hoặc buồn cười như Ngựa Điên, Cục Đá Vàng, Que Lửa vừa nghe nhớ mãi.

Sequois là người trưởng nhóm tốt. Hắn theo tôi chỉ vẽ tận tình. Đám thợ siêng năng làm việc cật lực. Đến trưa, một vùng rộng đã cào xong. Tôi mệt đứ, mồ hôi nhễ nhại đẫm lưng. Đám thợ của Sequois tỉnh bơ, cởi áo cột áo ngang mình. Tôi ngắm từng tấm lưng trần lực lưỡng. Dưới những tia nắng lóa, màu da sậm của họ bỗng nhiên đỏ ửng.

Chúng tôi kéo vào ăn trưa dưới một mái lá. Bên ngoài, chỉ còn ông Chief căng dây làm mốc để trồng gốc mới. Tôi ngạc nhiên hỏi, Sequois đáp, ông Chief của họ phải làm việc như mọi người. Ngày xưa, Tù Trưởng thường là những người dũng mãnh, mưu trí nhất bộ lạc. Họ là người dẫn đầu trong những cuộc săn, trong chiến tranh. Chỉ khi già mới ở nhà. Chiến lợi phẩm thu được cũng phải chia cho kẻ nghèo, không giữ làm của riêng. Ngày nay cũng vậy. Chỉ khác, họ có nhiều Chief, họp thành một ban Quản trị.

Một tuần sau, rừng cây non thẳng tắp. Chúng tôi bắt đầu chuyển trại. Dọc theo con đường mòn dẫn ra rừng Whitebird có nhiều xưởng cưa. Cây từ các lâm trại chuyển tới chờ xẻ gỗ. Tôi ngạc nhiên trước sự giàu có tương

phản với nếp sống đạm bạc trong làng của họ.

Sau trại là vực. Bên kia, núi đứng chen chúc, che ánh mặt trời. Sương len từ khe đá vừa tỏa lên đã ngưng đọng. Rừng thông Alpines đứng nghiêm, trông như những cổ tháp Đông phương. Giữa vực, một con đường mòn hun hút, không biết dẫn đi đâu. Có lần rủ Sequois xuống đó săn. Hắn trừng mắt nhìn tôi, gằn giọng. " Đừng bao giờ có ý nghĩ săn bắn ở đây." Bình thường hắn ôn hòa, không hiểu sao bỗng dưng lại dữ vậy. Sau này nghe ông Chief nói, đó là mộ địa của người da đỏ, họ đã từng bị truy sát tại đây."

Những buổi tối về làng, Sequois nhóm bạn đua ngựa hay tập bắn cung. Tôi ở nhà, quanh quẩn theo ông Chief. Ông dạy tôi nhặt và xắt lá thuốc trồng trong trại. Dần dà, tôi cũng biết kéo tẩu. Thuốc lá của họ đậm và nồng, khói nhạt, dễ vẽ thành những vòng tròn lơ đễnh. Khi say thuốc, tâm trí mơ màng, ông thường kể truyện. Lần nào mở đầu, ông cũng than, "Chúng tôi đúng là những kẻ lỡ tầu. Này Bạn Nhỏ, anh xem. Trong lúc nhân loại bắt đầu phát minh ra điện, thì chúng tôi vẫn yên trí sống trong thời kỳ đồ đá." Giơ cây tên bằng xương thú vẫn chưng trong nhà, ông cười khất khưởng. "Và, lo bắn nhau bằng những mũi tên cùn." Hồi sau, ông lắc đầu, thở dài. "Mảnh đất này cô lập chúng tôi với thế giới quá lâu. Thật không thể tưởng tượng, mãi năm 1700 chúng tôi mới thấy được giống ngựa và đồ kim khí, như nồi niêu gương lược. Giống như con gấu ngủ suốt đông, khi tỉnh dậy trời đất đã đổi mùa." Ông chuyển giọng, trầm ngâm. "Người da đỏ vốn hiếu khách. Hơn nữa, muốn chìa tay bắt kịp đà văn minh con người. Chúng tôi luôn luôn muốn học hỏi ở người da trắng về trồng trọt, chăn nuôià cho đến cả tôn giáo. Nhưng đến năm 1836, khi mục sư Spalding đến cất nhà thờ trên đất người da đỏ, lại đuổi chúng tôi ra khỏi thánh đường, chỉ vì có người mặc khố đi lễ thì sự hiềm khích bắt đầu. Mấy năm sau, người da trắng đến càng đông. Giống da đỏ tự dưng thành thiểu số. Họ cất nhà, lập nông trại trên cánh đồng của chúng tôi. Năm 1850, khi mọi người đổ xô tìm vàng thì thảm kịch bắt đầu. Đa số vàng được tìm thấy trên vùng da đỏ. Chính quyền vẽ ranh giới, tước đoạt đất đai, mồ mả chúng tôi. Họ xua chúng tôi vào vùng đất này, chà đạp lên luật lệ." Ông ngừng lại, hỏi. "Anh bảo có học sử Mỹ, vậy có biết General Oliver Howard không?" Tôi gật. "Có, Oliver Otis Howard được ca ngợi là một anh hùng trong cuộc nội chiến." Ông cười khẩy, "Anh đứng trước mặt nên chỉ thấy hào quang. Sau lưng, bóng họ và bóng ma không khác mấy." Tôi làm thinh. Bấy giờ, ông như tự nói với mình. "Tháng 5 năm 1877, chính Howard viết thư phản đối việc tước đoạt đất của bộ lạc Nez Perce lên Liên Bang. Nhưng chỉ tháng sau, ông trở mặt, ra lệnh buộc

chúng tôi phải bỏ xứ ra đi trong thời hạn ba mươi ngày. Lúc đó là đầu xuân, tuyết trên núi đang tan. Nước tràn xuống như cơn lũ dữ. Tất cả dắt díu nhau lội qua sông Snake. Nhiều người và thú đã bị cuốn mất tăm trên giòng sông này. Khi lên bờ nghỉ, tình cờ có một thanh niên, phát giác trong số lính áp tải có kẻ giết cha mình. Một nhóm ba người da đỏ trẻ, rình rập và ám sát toán lính trong rừng. Khi sự việc xảy ra, Chief Joseph tránh cuộc chiến sẽ tiêu diệt hết bộ lạc nên gửi sáu người mang cờ trắng đi đến đồn. Nhưng chưa kịp nói, họ đã bị lính canh gác bắn chết. Tù trưởng Joseph vội vã dẫn cả bộ lạc mở đường máu, chạy theo con đường mòn sau núi Whitebird. Nhiều đội lính rượt theo. Cuộc săn người diễn ra trong rừng. Vừa bảo vệ đàn bà và trẻ nít, vừa chống lại với lính có súng, bộ lạc mất dần những tay cung thủ gan dạ nhất. Trong gần bốn tháng, họ chạy lẩn trong rừng, vượt qua những hẻm núi, trèo lên rặng Bitterroot. Đoạn đường dài 2,720 cây số. Tới tháng Mười, trời đổ tuyết. Băng giá bắt đầu lấp dần những hẻm núi. Họ bị hai đội quân bao vây, đạn bắn xuống như mưa. Nhiều người chết vì lạnh và đói trong hang. Tù trưởng Joseph vì sự sống còn của bộ lạc, đã tuyên bố đầu hàng, tại núi Bear Paw, chỉ cách Canada 30 dặm."

Tôi tặc lưỡi, tiếc rẻ. "Sau này, Tù trưởng Joseph ra sao?"

Ông đáp, "Chief Joseph và đa số đàn ông trong bộ lạc bị phân tán ở khắp các trại miền nam. Ở trại Kansas, đa số không chịu được khí hậu nóng ẩm nên chết rất nhiều. Hai mươi ba năm sau, ông mới được trở về bộ lạc ở Lapwai. Năm 1900, ông quay lại thung lũng Wallowa để mua một mảnh đất nhỏ, nhưng không ai chịu bán. Bốn năm sau, Joseph chết."

Nói xong, ông rít một hơi dài. Những cọng thuốc cong queo, lóe ngời màu lửa. Tôi bùi ngùi nhìn. Mắt ông ướt, những ngón tay lọng cọng chực làm rơi chiếc tẩu.

Tôi an ủi, "Giờ, cuộc chiến đã qua, chắc họ cũng nhận thấy bất công nên đặc biệt dành nhiều ngân quỹ trợ cấp cho người da đỏ, như...". Tôi chưa kịp dứt lời, ông ngắt. "Như quỹ bảo vệ thú rừng, quý vì hiếm đó hả?"

Xong, ông vỗ vai tôi. "Cuộc chiến của chúng tôi vẫn còn. Lớp trẻ vẫn phải tranh đấu với chính mình để không mất gốc. Điều đó không đơn giản đâu." Hồi lâu, ông bảo. "Dân Tàu đông, một mình anh thay đổi cũng không sao. Nhưng chúng tôi khác, phải quý từng người, nhất là phụ nữ."

Tôi lắc đầu, phản đối. "Tôi là người Việt, không phải Tàu." Ông ngạc nhiên, "Nước Việt ở đâu?" Tôi giải thích, "Việt Nam là nước nhỏ, ở miền nam giáp Tàu. Chúng tôi cũng từng bị Tàu đô hộ và đồng hóa cả ngàn năm, nhưng chúng tôi vẫn tồn tại." Ông bật dậy, chú ý hỏi. Tôi cố nhớ đoạn sử thời Bắc thuộc tôi học hồi nhỏ để kể. Đại khái, người Việt tránh sự

đồng hóa của người Tàu bằng tục ăn trầu, nhuộm răng và vấn tóc để nhận nhau. Họ còn dùng cách ăn mặc, ngôn ngữ, truyện cổ... để giữ gìn nguồn gốc. Tiếc, lúc nhỏ mê đá dế nên tôi lười học, chỉ nhớ được nhiêu đó. Nhưng ông Chief nghe xong thích thú lắm.

Khuya, mưa rơi lộp độp trên mái nhà. Tôi ngủ mơ thấy ông Chief Joseph từ phòng bên bước ra, rủ đi theo. Ông phi ngựa đến bờ sông Snake, chỉ giòng nước. "Này Bạn Nhỏ xem kìa, nước dưới kia không chảy. Nó chỉ rút ra xa, rồi vỗ mạnh vào gềnh. Sẽ có một ngày, sức nước làm tim đá vỡ." Nói xong, người ngựa đều lao xuống vực. Tôi hết hồn tỉnh giấc. Ngoài kia, gió vẫn rít từng hồi.

Sáng cuối tuần, tôi dậy sớm. Dưới nhà có nhiều người trẻ. Họ đun nước, nướng bắp và bàn về ngày lễ Truyền Thống cuối hè. Ông Chief vào phòng lấy cho tôi chiếc áo khoác to như cái mền và mười đồng. Tôi nhìn có ý hỏi. Ông cười, rồi bỏ đi. Thấy tôi ngơ ngác, Sequois nắm tay chúc mừng. Đó là tục người da đỏ nhận bạn.

Sequois giới thiệu nhóm trẻ. Tôi chú ý cô gái nhỏ, cứ đứng trong góc nhà vuốt hai bím tóc. Hắn bảo, đó là em họ, tên Ngải Cứu. Tôi bật cười, tên chi lạ. Sau này, tôi biết cô là Yuma. Không hiểu sao, họ quý phụ nữ nhưng hình như không thích Yuma. Cô chỉ lắng nghe, không góp lời, còn họ cũng không hỏi tới.

Nhóm con trai chuẩn bị cây, lều và dọn bãi. Xong, sẽ ra chuồng ngựa. Đám con gái đi nhặt camas. Lần trước té ngựa, nên Sequois cho tôi theo phía nữ giúp họ khuân nông phẩm về trại.

Tôi đẩy cáng xe theo nhóm con gái mang gùi về phía đông. Vượt quá rừng thưa, một thảm hoa dại trải rộng tận chân đồi. Bọn họ tản ra, mỗi người mỗi hướng. Tôi cầm càng xe lớ ngớ chưa biết đi đâu thì Yuma ngoắc. Tôi vừa đi vừa ngắt mấy nhánh hoa, đưa lên mũi ngửi. "Hoa gì đẹp quá?" Yuma cười, "Ngải Cứu, giống tên em." Cô chỉ ra xa. "Bên kia có mầu tím đẹp hơn." Xong, cô vẹt cỏ, lựa bứng những bụi cây, trông giống giò thủy tiên, nhưng hoa mầu xanh nhạt, củ to như củ hành. Cô bảo, đó là camas, tựa khoai tây của người da trắng. Khi mài thành bột, dùng làm bánh kẹp thịt nướng, rất ngon. Tôi chùi một củ, cắn thử. Nhẵn và ngọt như sắn ở quê mình. Cánh đồng còn có nhiều cây dại, như turnip, củ ngọt và dòn; các loại cherriers đỏ, tím dùng làm nhân bánh; Saskatoon, Pemmican mầu vàng nâu để ướp thịt rừng. Cô nhổ một giò camas trắng, dặn. "Chớ hái mầu trắng, đây là hoa độc." Tôi hoảng hốt, "Hoa độc mọc xen hoa xanh, ăn không sợ sao?" Cô cười, "Giống như người hiền, người dữ sống chung mảnh đất vậy mà."

Yuma học Mỹ thuật ở Boise. Mùa hè, về sống với mẹ trong làng. Với tôi, cô hoạt bát và vui hẳn, không giống như khi đứng trước những người khác. Sau này nghe họ kể, cô từng có bạn trai người da trắng. Không hiểu sao, chuyện không thành.

Khi trở thành bạn thân, tôi theo cô dạo khắp cánh đồng. Yuma dạy tôi nói chuyện bằng thủ ngữ, đó là ngôn ngữ chung của tất cả các bộ lạc. Tôi cứ ra dấu lộn, nói ghét thành yêu, nói không thành có làm cô cười ngặt ngoẽo. Nụ cười khoe hàm răng trong bóng như những hạt gạo đã sàng sẩy kỹ. Buổi tối, ra sau trại. Hai bên núi đá đen chồng chất. Chính giữa giòng Snake đang chảy, trông xa như con rắn trườn khoe những lớp vẩy lấp lánh. Tôi kể về giấc mơ thấy ông Joseph. Cô nghe, rồi chắp tay nhìn trời khấn. Tôi hỏi, "Em tin đấng Great Spirit thật à?" Cô gật. "Nhưng, Thượng Đế của người da đỏ khờ lắm." Cô cười buồn, "Ngài làm ngơ bỏ mặc con dân khổ." Tôi ngửa cổ, nheo mắt nhìn. "Anh không tin trên trời có Thượng Đế." Yuma nằn nì, "Cứ tin đi, cho nó vui." Cô chép miệng, thở dài. "Nếu trên trời toàn là mây, chỉ e con chim cũng không buồn bay nữa."

Cuối hè, lễ Truyền Thống hàng năm bắt đầu. Giống như hội Pow-wows hay Sun Dance miền Nam. Người từ các bộ lạc khác dự rất đông. Những con đường trong làng tấp nập. Gần trăm chiếc lều dựng lên, trên vẽ những hình người và thú đuổi nhau. Khán đài có mái che ở giữa bãi trống, chung quanh bày nhiều hàng ghế. Kế bên, là gian hàng bán đồ kỷ niệm hay trò chơi.

Từ sớm, mọi người kéo ra bãi, chào nhau và ăn sáng. Họ đi thành từng hàng, mặc lễ phục đủ màu. Đàn ông thắt bím tóc mai, vẽ mặt rằn ri. Áo họ dài quá gối, trên có choàng yếm viền tua, ren sặc sỡ. Đầu quấn băng xanh đỏ, và gắn lông chim dài nhuộm màu. Lưng và mông mang bộ cánh và đuôi giả giống con gà tây lớn. Đàn bà mặc áo choàng dài chấm gót. Trên có khăn khoác thêu sặc sỡ. Tóc chải ngược, bỏ bím hai bên, giắt những lông ngỗng trắng phất phơ. Ngực đeo đầy chuỗi hạt đủ màu. Họ xếp hàng đi quanh khán đài nhiều vòng để thi sắc phục. Tới ngang lễ đài, đám đàn ông dừng lại phập phồng vỗ cánh, hếch đuôi. Một ban trống lễ, gồm toàn người già cầm dùi đen, gõ trống liên hồi.

Tới trưa, cuộc thi nhảy bắt đầu. Nhạc giữ nhịp là một giàn trống nước. Trống giống thùng rượu thấp, làm bằng thân cây hollow có niền đáy, mặt trên bịt da. Khoảng giữa có ống chuyền nước vào đã được bịt chặt. Trống nước phát được những nốt cao. Xen kẽ là chiếc trống đôi, có hai mặt, trên có căng dây treo mấy que gỗ nhỏ. Khi đánh nghe rất vui tai. Ngoài ra còn có kèn, và nhiều loại sáo. Họ biểu diễn đơn, hoặc từng cặp, cuối cùng xếp thành hàng. Tôi xem hồi lâu cảm thấy ù tai, chóng mặt. Trông lòe loẹt như

một đám hát bội.

Buổi chiều, đám đàn ông đua ngựa. Những con ngựa lớn, khỏe, mầu đỏ nâu phi nước đại. Họ lướt qua cánh đồng, lội qua suối, rồi chạy dọc theo sông Clearwater. Tôi mường tượng cảnh những người da đỏ mình trần, đóng khố, giương cung sải ngựa trong phim la hét vang trời. Bây giờ, họ mặc quần jeans, áo jacket, có người đeo kính lão. Chỉ đám trẻ như Sequois mới chơi trò phóng đổi lưng ngựa nhiều lần. Không may, khi băng qua cổng trại, hắn bị trặc chân, nên về nghỉ.

Tối đó, họ đốt lửa trại quanh lều. Những người đàn bà treo nồi luộc bánh. Trẻ con xớ rớ lén nướng khoai. Đám con trai tản ra trêu con gái. Những người già ngồi kể chuyện xưa. Khi trăng lên cao, ông Chief lấy tù và ra thổi. Âm thanh mạnh và rền, lan nhanh như luồn vào khe núi. Đến quá khuya, tiếng tù rúc nghe như tiếng sói trúng thương.

Thấy bóng Yuma vụt qua sau lưng, tôi đuổi theo, bắt kịp Yuma ở ngay cánh đồng có nhiều hoa dại. Tôi hỏi, "Chạy ra đây chi?" Cô đáp, "Ở lại, hồi nữa sẽ nghe họ khóc đó." Tôi ngẩn người, "Họ khóc thật à?" Cô gật. "Ừ, nhưng anh không thấy đâu. Lệ họ bốc thành hơi lâu rồi."

Chúng tôi đi bên nhau. Cuối hè, hoa đã tàn. Có những cọng cỏ nhuốm vàng rất sớm. Tự dưng, Yuma kể. Lúc nhỏ, cô thường ra cánh đồng này và ở lại tới khuya. Tôi ngạc nhiên hỏi. Cô cười, "Để nghe tiếng côn trùng rỉ rả." Và, nói xa xôi. "Thật ra, mỗi loài đều có những lời thở than riêng. Đừng chỉ nghe mỗi tiếng của mình."

Hồi lâu, trên đường về, tôi vô ý sụp chân xuống hố. Không biết ai đào, miệng hố trơn lùi, không leo lên được. Yuma bối rối đi tìm cây sào. Nhưng sức yếu, thay vì kéo tôi lên, cô lại ngã chúi xuống. Tôi loay hoay phát giác có một lỗ hang dưới đáy. Cô lo sợ bảo, có thể là hang gấu hay sói rừng. Tôi nói, chắc không phải, nhưng trong lòng thầm lo.

Khuya, sương xuống nhiều. Lạnh và sợ, chúng tôi choàng chung cái áo to của ông Chief cho lúc trước. Một hồi, Yuma cười gượng trấn an, kể tôi nghe truyền thuyết về loại sói rừng. Cô nói, vào thời hỗn mang, có con khủng long to nằm chắn giữa những dãy núi này. Khi đói, nó ăn hết mọi sinh vật chung quanh. Cuối cùng chỉ còn lại con sói rừng. Sói tinh khôn biết trước sau gì cũng bị ăn thịt. Nó lấy dây rừng đánh thành sợi dài quấn ngang bụng. Khi bị nuốt, nó cột dây vào răng khủng long, và tuột vào trong. Đến nơi, nó rút dao cắt tim mãnh thú. Sợ khủng long sống lại, sói cắt thịt và xương thú làm nhiều mảnh, rồi quăng khắp nơi. Người da đỏ tin, đó là điềm con cháu sau này tứ tán.

Nghe xong, tôi thở dài. "Chúng tôi không có câu truyện cổ nào như vậy, nhưng con cháu Việt sao cũng bị lưu lạc khắp nơi." Hình như Yuma

xúc động, cô siết chặt tay tôi. Một cơn gió lạnh tràn về, Yuma rùng mình, tôi ghì vai cô và nhẹ hôn trên tóc.

Trăng sáng vằng vặc. Bầu trời xanh trong không một vì sao. Tôi tấm tắc, "Trăng đẹp quá. Ở thành phố chưa bao giờ tôi thấy trăng sáng như vầy". Yuma bảo, "Nếu anh thích, sau này về đây tha hồ ngắm." Nghĩ sao, tôi lắc đầu, "Không, sẽ không có đêm nào trăng tròn hơn đêm nay."

Mùa thu đến, rừng đổi màu. Lá aspen ngã vàng rồi chuyển sang nâu đỏ. Khi về Boise học lại, Yuma đã trở thành bạn gái của tôi. Điều này Sequois không biết. Ban Quản trị đang dự tính mua thêm lâm trại nên hắn bận. Yuma tiết lộ, những tài sản trên rừng mang tên cá nhân, nhưng thật ra của chung dân chúng. Mỗi một người họ đều tự nguyện góp vốn, mua lại phần đất đai đã mất. Những giọt mồ hôi đổ xuống ví như những giọt máu của người lính đi giành lại quê hương.

Chừng nửa niên học, Yuma báo tin có thai. Tôi bàng hoàng cả tuần. Vào lớp, chẳng nhét nổi một chữ vào đầu. Tối nằm, tôi mơ thấy một thằng bé vẽ mặt rằn ri, đầu giắt đầy lông chim, nhảy loi choi như con gà tây bị rượt. Sáng dậy, đầu óc lùng bùng. Yuma về trại tuần trước. Tôi dọ hỏi những căn chung cư ngoài để dọn ra riêng. Xong, sẽ về xin phép làm một lễ cưới nhỏ và dẫn Yuma đi cùng.

Mấy hôm sau tôi về trại. Đường trong làng vắng ngắt. Ghé nhà Yuma không có ai. Tôi trở về căn gác cũ. Bọn Ngựa Điên, Cục Đá Vàng, Que Lửa thấy tôi mặt lấm lét, chuồn nhanh.

Buổi chiều, ông Chief về, bảo tôi theo. Ra tới lều lớn của khu, mọi người đang chờ tôi ở đó. Yuma ngồi sau lưng mẹ, mắt đỏ hoe. Tôi lúng túng nói không ra lời, nhưng sau cùng cũng trình bày câu chuyện một cách trơn tru. Khi vừa dứt lời, trong lều ồn hẳn, mỗi người một câu. Hình như ai nấy đều bất mãn. Ông Chief giơ hai tay ra hiệu im lặng, rồi nói, họ muốn bắt rể. Gia đình tôi sẽ ở lại trong làng, và trở thành thành viên trong tộc. Giấc mơ thấy thằng con da đỏ chạy lăng xăng trong làng tự dưng hiển hiện. Một đứa con chưa sinh ra, nhưng nỗi buồn vong quốc ngâm tẩm trong rừng núi đã định hình. Tôi cố trình bày cho họ hiểu, tục Việt Nam con gái phải theo chồng. Nhưng nói sao, họ cũng không nghe. Ông Chief nói, xưa bộ lạc họ đông hơn hai mươi ngàn người, hơn trăm năm sau chỉ còn mấy ngàn, đi người nào tiếc người đó.

Nghe vậy, tôi kiếm cớ đi ra ngoài. Vòng ra sau, không thấy ai. Tôi chạy ù về chỗ đậu xe. Mới mở máy, đã thấy Sequois kéo lũ bạn phóng tới. Tôi hoảng hốt, nhấn mạnh ga. Chiếc xe lồng lên như con ngựa chứng. Đám Sequois tức giận, vác cây đập chiếc xe tơi bời. Tôi tháo chạy ra cổng

làng. Một hàng người dầy đặc, đứng im chặn ngang cánh cổng. Tôi thắng, định quay lại. Nhưng phía sau, bọn Sequois đang la lối xông tới. Tôi bẻ lái, quẹo ngang. Không ngờ quên trả số, xe giật lùi. Đàng sau, có tiếng thét, một vật gì vừa ngã chúi. Nhìn lại, Yuma đang nằm sóng xoài trên đất. Tôi chạy tới, vực Yuma dậy. Một giòng máu đỏ ướt nhem dính tóc.

Chiếc xe cấp cứu đưa Yuma ra khỏi trại. Hai người cảnh sát dẫn tôi ra xe. Khi vừa qua cổng, tôi ngoái lại nhìn. Rừng núi bỗng dưng nhỏ lại.

Xe chạy qua dãy núi đen. Tôi như thấy Yuma vẫn còn đứng đó, chắp tay và cầu nguyện. Tự nhiên tôi tin chắc, Thượng Đế đang nấp sau mây. Có điều, lần này Ngài khờ hơn lần trước.❐

Đã tái bản bộ trường thiên của
Nguyễn Mộng Giác

mùa biển động

trọn bộ 65 Mỹ kim, kể cả bưu phí bookrate
ngoài Hoa Kỳ gửi theo bưu phí surface, thêm 5 MK

Thư và chi phiếu gửi về:
Diệu Chi K. Nguyễn
PO Box 1359 Garden Grove, CA 92842 USA
Phone: (714) 894-8535

Ra đi chiến trường

Phan thị Trọng Tuyến

Ngày...? Ôi thôi, ngày nào lại chẳng như ngày nào....

Bao giờ San qua đây với chị ? Có chuyện này... chị muốn nói với em...Nói, chứ không phải viết vớ vẩn như thế này. Viết nhanh và gọn ? Chị không đủ tài năng đã đành, lại thêm cảm tưởng như ném chai vào biển không gian, (mà rõ ràng chỉ muốn gửi riêng em). Hứa một tiếng đi em! Liệu em...thông cảm? Quá lâu rồi chúng ta không gặp mặt nhau. Hãy hứa với chị, chỉ dùng lí trí sau khi đã tận dụng trái tim, nghĩa là vẫn yêu...chị như ngày trước !.

Nhưng chị biết sẽ không còn gặp một San như xưa. Dù em có lí do để đổi thay. Coi kìa, em sẽ bất bình kêu lên rằng, lí do với nguyên nhân phải thế nào mới cho phép người ta cân đo tâm tình, mà bảo đúng sai với hơn thua? Nhưng thói quen người đời là vậy, phán xét và xếp hạng vì thiếu thời gian, nhất là thời gian dành cho kẻ khác. Chị em mình toan tính thử nghiệm một ngoại lệ, trong... vài ngày, được không, em nhỏ ?

Tháng trước anh Viễn và các bạn hội họp cãi cọ suốt đêm: định mệnh dân tộc nào cũng chỉ tùy thuộc vào dân tộc đó, toàn cầu hoá hay không toàn cầu hoá ? Kiểu Ba Lan hay kiểu Tiệp, Trung Quốc hay Đài Loan, chẳng khuôn mẫu nào dùng được cho nước ta ? Vì cứ do dự nên hai mươi lăm năm vẫn cứ còn nghèo đói ? Nhớ nước Đức ngày xưa không, bại trận, đất nước hoang tàn lại còn bị chia đôi, thế mà ...Ông cụ anh ấy thì bảo quốc tế giữ vai trò định đoạt sau cùng. Mẹ chị... thản nhiên: vũ trụ này sắc sắc không không.

May quá, cả ba đều không có quyền uy để áp đặt niềm tin của mình cho thiên hạ. Còn chị, ngồi đọc sách trên bãi biển, nhìn xung quanh: người ta trượt buồm, trượt ván trên sóng, trên đường, chạy bộ, hôn hít, tán tỉnh, yêu nhau...mà nghe mình đầu óc mông lung.

Chiều về tạt ngang mall W., gặp anh S. chờ vợ.

Chắc là nàng giận dỗi miệt mài ngắm nghía, chọn lựa mỹ phẩm, thử áo thử giày hết ở Sears đến May Co., Robinsons (vì/ mà) chàng (chối từ- ?- xách giỏ phò hiền thê) ngồi lặng với bóng mình (ở bến Phong Kiều ?). Và đọc thơ tặng chị:

đời trôi ta em lôi ta, thiên hạ lôi người ta
cạn mòn tôi chưa em, cho soi mình kiếp trước
ngóng tiếng chuông chùa, đâu rồi ngư hoả giang phong.

Thiên hạ rộn rịp ra vào những cửa hàng, trẻ con ồn ào rượt đuổi, lên xuống những cầu thang cuốn, chạy quanh những vòi nước phun. Anh gật gù, hai tay ôm li cà phê giấy đã lạnh tanh, tuyệt vọng hình dung những cây phong ven sông và ánh đèn leo lét của ghe câu, dân chài, mà bên cạnh, xung quanh, trên dưới là náo nhiệt đời sống hiện tại với cây kiểng, hoa lá muôn sắc và đồng một màu nhựa vô cùng thật và tiếng nhạc dìu dặt với những ánh néon chớp tắt mời gọi nhắc nhở.

Và chị của em, ở đâu ?

Ngân.

Ngày ? San yêu,

Qua đây cải chính đi em! Bao giờ ? Đừng hẹn mùa Giáng sinh, hẹn Tết, rồi Phục Sinh... Chị cần em...Mình sẽ cân đo, mổ xẻ như em nói. Rủ bà C. đi núi: Vô phương. Đường đi đến Yosemite cuối thu, phải rực rỡ như đoạn đường Orphée đón Eurydice đưa về nhà. Phải tuyệt đối chỉ nhìn về phía trước, nếu không...

San, em bận quá thì thôi. Có khi em ở bên cạnh, chị lại không biết nói gì.

Chị Ngân (có còn của em?)

Từ hai năm nay, cứ sau dăm ba hàng nói chuyện tào lao thiên địa, chị Ngân lại bảo phải bay qua thăm chị, phải gặp lại chị. San ừ ào vâng dạ.

Nhưng lần này ...khi đọc lại hai điện thư cuối cùng, bỗng nhiên San linh cảm một sợ hãi kì lạ không tên...Không, đừng nghĩ bậy, này San ơi. Hãy tin rằng chị ấy cần San một đôi hôm. San thở dài. Sao chị lúc nào cũng tưởng San sáng suốt, đầy lí trí?

Đi thì đi, sợ chi !

Chị Ngân yêu,

Đừng thách thức, em qua nằm lì bên ấy hai tuần, ba tuần, xem chị chịu nổi em đến mức nào. Chuẩn bị rượu chè, bàn cân, máy tính. Em gói

tim em tặng luôn cho chị.

Em sẽ đến lúc... ngày...tháng... chuyến bay....phi trường X.

San

Buổi sáng hôm qua, gõ máy gửi đi cái quyết định can đảm kia rồi San nghe có hai gọng kềm càng lúc càng siết lấy tim phổi. Chiều về nhà, đến lượt đôi chân mềm nhũn. San tự nhủ: coi vậy mà sợ gần chết, dở thiệt!

Nhưng trễ rồi, thư điện nhanh như chớp mắt, bấm nút gửi đi một giây sau là chẳng còn bôi xóa níu kéo, hốt, dán, cắt cột chi được nữa. Vài năm trước, thư từ viết xong, vẫn thường bị San bỏ quên vài hôm trên bàn, trong xe, trong nhà bếp. Khi tỉnh cờ thấy lại, San bực bội vì thấy những tâm sự, dự định, những buồn vui của mình trở nên vô duyên và ích kỉ, bèn xé vụn tất cả. Đôi lúc gặp trường hợp bất khả kháng, San đành phải thêm vài hàng điều chỉnh, bổ túc tình hình rồi vội vã gửi đi.

A. càu nhàu, trách móc nhẹ nhàng. San nói: Chả sao, mất thời gian tính cả rồi. Nếu cần, em gọi điện thoại viễn liên.

A. lắc đầu trầm ngâm. Không phải ư? San cãi, mươi phút, nửa giờ chuyện trò, vô thức, tiềm thức, ẩn ức v..v...mất tăm, mọi chuyện mới như buổi sáng sớm, lương tâm nhẹ nhõm, khoẻ ơi là khoẻ.

Mấy chữ e-mail chỉ là i ô dăm tiếng như đánh điện tín, kể chuyện khẩn cấp. Ngày nào cũng viết chuyện khẩn cấp hiện đại, dễ sinh bệnh đau tim. Nên bây giờ San bỏ luôn thói quen viết thư, cổ điển hay hiện đại. Cái thế giới của San là "căn nhà ngoại ô" và nơi làm việc, cái tháp mười tầng giữa phố, nối liền nhau bằng con đường xa lộ năm mươi cây số.

Mỗi ngày đi làm từ sáng tinh mơ, bốn mươi phút băng đồng, ly cà phê thơm lừng cả xe, thả hồn xác vào tiếng nhạc, nó ngăn San với bên ngoài, nhất là về mùa đông. Đôi khi San có cảm tưởng như mình chỉ phải qua một con đường hầm, đưa thẳng San từ nhà đến văn phòng làm việc. Quái thật, tám, chín tiếng đồng hồ hí hoáy viết vẽ, gõ khua tính toán, San chẳng nhớ chi tiết, mà tám mươi phút xa lộ đi về sáng chiều San nghe như chúng liền nhau với không gian dễ chịu đầy ắp tiếng violon, trompette và những bài hát của John Lennon. A không thích John Lennon, ghét nhạc Trịnh Công Sơn. Như San không muốn nghe những bài hát của Graem Allwright và nhạc Wagner. Huê.

Năm nay trời lạnh sớm hơn năm ngoái. Hôm nay lạnh hơn hôm qua. San tự nhủ như vậy khi khoá cửa nhà, lái xe ra khỏi cổng.

Giữa tháng mười, thu ở giữa rực rỡ tuyệt đỉnh sau cùng. Mặt trời vừa ló dạng, chiếu nắng lên những hàng bạch dương, ngô đồng vàng óng ả.

Chỉ độ nửa giờ sau, lớp sương đêm trắng mỏng đông giá trên những ngọn cỏ, trên đỉnh thông trước cổng sẽ tan biến, trả lại màu xanh (tưởng là) xuân. Trong xe ấm áp yên ả nhưng San vẫn nghe mình lẩm nhẩm: ôi, năm nay lạnh sớm hơn năm ngoái, như một câu chào mùa đông.

Hélène, cô bạn đồng nghiệp bật cười, khi nghe San cất lời than ấy hôm qua:

- Không khéo vài năm nữa, chúng ta sẽ chết tiệt như mấy con kỳ đà, khủng long nguyên thủy. Cứ nghe bạn ca cẩm thế gần chục năm nay, trong khi thiên hạ đang lo mặt trời thiêu đốt trái đất, khiến băng tan dâng hồng thủy và những mảng lục địa đẩy nhau như lực sĩ sumo. Đừng vội vã, gấp rút. Hãy cho thì giờ cho thời gian. Hãy cho thì giờ cho màu trang điểm của tớ...

San ngắm nghía đôi mắt vừa nâu vừa xám nhưng long lanh trong suốt, nét chì xanh da trời viền quanh tuyệt khéo, bóng đuôi trên mí màu xám đậm nhạt kéo dài mắt, đẩy lùi đồng tử. Khi Hélène chớp nhẹ đôi hàng mi đen cong rậm chất keo, như hai cây chổi tí hon hoàn hảo, San nghĩ mi bị rầy đúng lắm. Ừ, mi đi hơi nhanh. Hélène hãy còn màu mùa thu mà. Hay là mình dẫm chân tại chỗ ? San chán nản tự nhủ. Thì hãy giữ cho riêng mình cái lạnh này đi em. Một mình. Như rất nhiều việc phải làm một mình từ mấy năm nay.

Năm nay lạnh sớm, thật mà. San cười một mình, coi vậy chứ cũng chưa đủ bản lĩnh để không cần thứ cảm thông đồng tình. Chị Ngân ơi, em là cọp giấy. Phóng chiếu hay gửi gấm tâm nhiệt vào em là cả hai có cơ sẽ cùng cháy cho mà xem. Lạnh thật mà, San lại mỉm cười, khi cho xe quẹo vào con đường nhỏ dọc theo nghĩa địa ở ngoại ô phía nam thành phố. Cũng là một nhánh nhỏ làm dịu con đường hầm thẳng đuột và ôm kín.

Con đường ngắn vòng vèo vài trăm thước, lòng đường là thảm đá thỏi nhỏ. Những thỏi đá được chặt đẽo rất gồ ghề thủ công nghệ, được xếp hàng như những viên chao màu xanh xám. Hai bên lề cỏ thật rộng, rộng hơn cả mặt đường, với lối đi dưới hàng platanes cổ thụ. Một trong những báu vật của thành phố. Cho nên thay vì dùng khúc đường rộng băng thẳng vào xa lộ, San vẫn nhẹ chân ga, đánh vòng vào để nhìn qua đôi nhà hàng bán hoa cườm thấp thoáng sau khóm cây cypres còn non. Để nghe bốn mùa đi qua trên "con đường cô quạnh của đời em", và có chuyện kể làm quà cho chị Ngân.

Mỗi năm, nhánh đường nhỏ được một lần mất vẻ kín đáo, choàng bộ áo Thanh minh vui tươi, với trăm thứ hoa cúc, mẫu đơn, với những chậu lớn nhỏ thạch thảo trắng đỏ tím vàng. Và người thăm mộ đi lại rộn rịp lựa

chọn. Và giữa nắng mùa thu trong vắt đẹp như rượu champagne. San ngẫm nghĩ đến màu cỏ rầu rầu và cành lê trắng điểm mơ hồ...của trí nhớ học trò. Không biết nơi đó và nơi đây, ai sợ thần chết (và người chết) hơn ai. Cảnh nghĩa trang nơi nào cũng lạnh lẽo và buồn hiu. Và người sống đi viếng mộ nào cũng có vẻ vui tươi, bằng lòng, dù lúc qua cổng vào nghĩa địa, ánh mắt bỗng xa xăm, bước chân chậm rãi.

Ừ, năm nay, chỉ hơn hai tuần nữa đến lễ tảo mộ mà lề đường này hãy còn trống vắng, chơ vơ dăm ba chậu thông bỏ quên lại từ mùa trước. Nhà hàng hoa còn đóng cửa im lìm. Lạnh thế này thì những người đi thăm mộ sẽ sù sụ những khăn áo, mũ mãng, những tiếng nói sẽ mù mịt luồng khói trắng của hơi nước thở ra. *Sương rơi nên cỏ bạc đầu* . Hừ, băng giá trắng đồng như thế kia, người chết nào đủ ấm để chỗi dậy nghe ngóng tiếng thì thầm của thân nhân ?

Có lẽ vì năm nay, người sống đã lơ đễnh quá khứ, chỉ chú trọng chăm sóc tương lai bằng cách khoét mắt, cắt mũi, khắc khía râu ria đám bầu bí, sửa soạn bánh kẹo cho lũ trẻ. Cho nên lề đường hãy còn là lề đường của năm qua. Trong sở làm San, thiên hạ chia phe cãi cọ. Đám trọng truyền thống kêu rên : xã hội ta giờ đây bị Mĩ hoá, bắt chước Halloween của vùng Bắc Mĩ. Phe bênh vực tiến bộ thời đại với toàn cầu hoá thì cho rằng chỉ là tái nhập truyền thống xa xưa bị Âu châu lãng quên từ vài thế kỉ trước...Toàn cầu hoá là đồng nhất hoá, là đồng chất hoá ? Là chỗ nào cũng thấy mình, quen thuộc, đồng bộ, để khỏi cà khịa, đánh nhau ? Vì mục đích chiến tranh là loại trừ những khác biệt, xa lạ ?

Bấm máy, San mới hay mình lại quên thay mớ băng nhạc Wagner, Beethoven. Những đại tấu khúc dữ dội của A. Thôi, mặc kệ !.

Tối hôm qua, San cũng ngơ ngẩn lục ví tìm vé xi nê, bối rối xin lỗi cô soát vé quen thuộc, rồi mua xấp vé mới. Hoá ra mình đã dùng vé sau cùng hồi tuần rồi mà quên bẵng. Phải thanh toán cẩn thận những mục chi tiêu đều đặn của cả năm. Mùa thu là mùa thuế. Phải tính toán, xếp đặt.

Lâu lắm rồi, vào những đầu thu đã vô cùng cũ kĩ, cạnh lò sưởi vừa nhóm, A ngồi hí hoáy điền chép giấy tờ, vừa từ tốn giảng cho San. Thuế nhà, thuế đất, thuế ti-vi, thuế lợi tức. San cười : Là những món nợ đời phải trả. Có khi, A chỉ trầm ngâm ậm ự, như đầu hàng trước San lì lợm.

Rồi bất chợt một lúc nào đó, ngẩng lên khỏi màn ảnh máy tính của mình, San bắt gặp ánh mắt A. chìm khuất vào những ngọn lửa lò sưởi, có khi San thấy như cả người A. mất tích luôn vào thế giới nào đó, của riêng A. Và San không có chìa khoá hay số giải mã để bước vào.

Khi San ngẩn người, thảng thốt vì ý nghĩ vô vọng này thì A. như vừa tỉnh mộng, tia nhìn hấp tấp, vỗ về San một thoáng rồi lại chúi đầu vào

đống phim ảnh, ngắm nghía lựa chọn, hoặc tháo gỡ lau chùi những ống ngắm, những vòng lọc, những bộ phận lỉnh kỉnh của bộ máy chụp hình.

Bây giờ San biết không phải chỉ bởi San diễn dịch tồi hay có một trí nhớ rất đỗi sàng lọc. San đã hèn nhát không muốn nhìn những hành trang dự báo lên đường Adrien đang bày ra trên bàn.

Thôi, mặc kệ. Quên đi.

San không muốn nhìn nhận rằng San đang thua trận. Ừ. Quên đi thì rốt lại chẳng chết ai. Quên. Quên. Quên đi. Xa lộ thẳng tắp phía trước, thênh thang.

San càng lúc càng ghét cái lịch sự phương Tây. A. nghĩ gì ? Có phải A. lúc ấy đã cách ngàn năm ánh sáng với A. của mươi năm trước ? Người nào đã khiến San xiêu lòng, mềm tim, ngoan ngoãn "theo chàng về dinh" như chị Ngân đã trêu San ?

San loay hoay đổ tội vào những tấm thớt của con cá Adrien để lại.

Chẳng sao, những băng nhạc của A. Adrien ? Cỡ một năm nữa, San sẽ dửng dưng với những kỷ niệm của Adrien, sẽ quên luôn hình ảnh, da thịt, cử chỉ, ngôn ngữ của Adrien từ hai năm qua. Thấy không, San đã nói được Adrien. Năm ngoái, San nói A, như nói a,b, c, như x,y,z. Phải có nhớ mới quên được chứ !

Dần dần San bình tĩnh nhớ lại những thói quen của A, những dấu ấn, luật lệ của A. Của Adrien. Tính thuế mùa thu. Rửa xe. Xi nê. So sánh với những sách báo, tài liệu, những tấm phóng ảnh đen trắng thời sinh viên đem về từ Nam Mĩ, từ Châu Phi. Về sau này, San đã thờ ơ, đôi lúc lạnh nhạt, hay chỉ thoáng nhìn những tấm ảnh Adrien mang về sau mỗi chuyến đi. Những đứa trẻ bụi đời nhem nhuốc trong những thùng các-tông, tay mẹ là tay khăn tẩm xăng hay chất keo hoá học hay những dây người mẹ con Phi Châu xương xẩu, dài ngoằng xiêu vẹo , trong những mớ giẻ tơi tả đen bẩn, dìu dắt nhau như những bóng ma lặng lẽ trên sa mạc trắng trơn khô cằn. Những chiếc ghe, tàu đen nghẹt đồng bào tị nạn. Những bóng người lom khom, vụt chạy trên đường phố Sarajevo, bị ống kính thu bắt lại, từ góc độ của kẻ bắn tỉa trên cao ốc nào đó hay lính mũ xanh Liên Hiệp Quốc từ trong xe bọc thép nhìn qua lỗ kính hình chữ nhật dài và hẹp.

San vẫn muốn trốn tránh thứ cảm giác bất lực lạ lùng, khó chịu. Một thứ sợ hãi không tên. Mà rốt lại, không thoát được !

Cho nên, đôi khi San cứng đầu, cố ý có cảm tưởng Adrien chứa chấp những thói quen và đồ vật thật lạ lùng, những nề nếp , những gán ghép lỉnh kỉnh không phải là Adrien.

San lắc đầu, thôi, *stop*, cứ bào chữa mãi, không khéo lại đăng báo tìm

chàng.

San mỉm cười, uống một ngụm cà phê, nói một mình: Adrien này, tuần rồi đến những hai lần xi nê một mình đấy, và đi dự tiệc hai mươi năm chung sống của đôi bạn thân nhất của chúng ta, thấy "moa" chì chưa ?

Ấy, thế còn mở băng nhạc Wagner của tôi ? San nghe nóng cả mặt vì tưởng như vừa nghe câu hỏi của Adrien vừa thấy cả hai con mắt xanh đêm của Adrien chớp ánh thông minh, nghịch ngợm. San chợt nhớ Adrien đến mềm tim phổi. Bước chân ga bỗng nhẹ đi ..À.., Adrien này,... Wagner hả, em ghét Wagner là bởi...là vì...Ờ thì hôm nọ chính em để vào xe cả một thùng đĩa nhạc của anh đấy.

Xe phía sau chớp đèn và tống kèn inh ỏi. San giơ tay ra dấu xin lỗi, chuyển xe vào lối bên phải. Lại dấu hiệu tốt của bỏ quên thói quen cũ. Adrien vẫn bảo: San, em phải nhớ, người lái xe chỉ có quyền nghe, không có quyền mở miệng.

Ngày trước Adrien vẫn hay tráo đổi những đĩa, băng nhạc trong xe San. Lần đầu, chiều về nhà, suốt bữa ăn San cáu kỉnh lặng lờ. Buổi tối vào phòng ngủ, thấy đoá hồng vắt nhánh ngang trên gối, San gắt: tôi chỉ thích hoa violette. Adrien phì cười, ôm San ngã xuống giường: Anh đùa em, với lại Wagner nào chỉ có vài bài symphonies ? Đừng phong toả trí óc và con tim bằng thành kiến.

Ôi người ơi, nói như là thật !

Sau đó đến lượt San chêm những băng *Tình nhớ* với *Tình sầu* có khi cả tuồng chèo, dân ca quan họ, một khúc văn thiên tường...vào xe Adrien. Lại huề.

Mỗi lần nhớ nhung, giận trách, San cố tự bào chữa: Chỉ là vấn đề thời gian. Chỉ là vấn đề bản năng sinh tồn.

Cho nên, nhất là lúc khám phá ra mình đã rơi vào vòng kỷ luật của Adrien bằng những thói quen-trở nên-lạ lùng, kì quặc khi chỉ còn một mình San áp dụng, San toan tính phá hủy mọi trật tự, cả nền nếp Tây phương Adrien đã áp đặt cho nàng.

Dễ ợt, coi như chẳng còn áp đặt, chẳng dấu hằn nào cả. Mau hơn mình tưởng. Nhìn kỹ coi: San còn sống. Chỉ vì là tương lân nên... lây bệnh.

Tính lại coi: San đã bỏ được khá nhiều thói quen. Hết la cà *bistrot* uống rượu , không còn mời ăn những người bạn cùng sở với Adrien, bạn hàng xóm hay bạn đồng nghiệp của San vào thứ bảy nào đó khi San nghe thấy một mệt mỏi, xa xăm nào khiến đôi mắt Adrien chuyển sang màu xám .

Bỏ chuyện đi trượt tuyết, leo núi tháng giêng, tháng hai ở Đông Âu

hay vùng Alpes, Pyrénées .. vân vân. San cũng chẳng muốn động đến quần áo đồ đạc, cái phòng tối rửa ảnh, xe, máy móc của Adrien.

Adrien ơi, thì ra những đĩa nhạc Wagner, em vẫn thỉnh thoảng "quên", chính là ... "để nhớ"! Hãy mỉm cười đắc thắng đi.

Bây giờ San nghe cơn sợ trở về: rõ ràng nhớ quên, rúng động của những ngày vừa qua là bởi chị Ngân. Và thế nào rồi San cũng sẽ phải quay lại nhìn Adrien, một lần nữa, một lần nữa.

Ra là vậy! Một chút hài lòng vừa chớm lên đã bay mất. Cả ngày San giận dữ với chính mình, việc chi làm cũng không được trọn vẹn. Hélène chớp mãi đôi lông mi rậm mà không dám bật thành câu hỏi.

Buổi chiều ra xe, San nghe người mệt rũ.

Hay là tìm cớ trốn ? Phi công làm reo, chẳng kịp đổi vé. Nhưng cuộc đình công của họ trong tháng vừa qua đã được giải quyết. Bệnh bất ngờ được không ? Nhưng thịt dư cổ họng, ruột thừa đã mổ bỏ từ đời nảo đời nao ! Bốn cái răng khôn trốn kỹ dưới nướu cũng đã bị lôi lên nhổ sạch. Chả lẽ đi hiến một lá phổi, một trái thận? Thể thức, giấy tờ chúc thư không giản dị và rất chậm chạp !

Về đến nhà, San vứt khăn, vứt áo, giày quẳng mỗi chiếc một góc. Lại một thách thức với người vắng mặt nữa đây. Sáng nay tự khoe rằng mình khỏi bệnh! San phì cười mở nút chai cognac. Con Lười lúc nảy thập thò tránh chiếc giày, bây giờ yên lòng chạy ra meo meo nũng nịu dụi cổ, cọ đầu vào chân San. San cúi xuống ôm Lười lên, này bé con, ở nhà ngủ đã mấy giấc? Có nhớ ai không ? San với tay bấm máy điện thoại rồi ngã dài ra trên ghế nệm, chân gác trên mặt bàn thấp, một bên tay ấm mềm Lười, rượu thơm nồng chảy nóng từng ngụm nhỏ.

Allo, San ơi, khoẻ không ? Tối thứ sáu nhớ về Paris.....Nhận được thư mình chưa? Mình tổ chức sinh nhật "nhi bất hoặc" cho bố lũ nhỏ. Sẵn dịp kỷ niệm mười năm "gấu ó" tay đôi...

Allo...Bọn Ái hữu cựu trường xyz... sẽ họp bàn chuyện bầu bán ban chấp hành mới và gửi tiền về giúp thầy cô cũ ...

Allo...Bonjour, c'est moi, Arlette. Que deviens-tu? Mày ra sao?Appelle-moi, sinon, je débarque chez toi au milieu de la nuit...Nhớ gọi nhe, nếu không nửa đêm tớ đổ bộ nhà bồ. Au fait, Denis n'était pas heureux le week-end dernier, il t'a attendue jusqu'à la fin de la soirée. Tuần rồi, Denis khổ sở chờ bồ đến khuya

Những người bạn của đôi bên hay của riêng từng đứa đã bắt đầu lôi San trở lại vòng đời, họ nghĩ chắc là khoảng thời gian buồn rầu thê thảm

đã qua, tưởng San không biết tự mình (trở) vào cuộc (một mình). Đời sống thiếu bạn (đời) là đời sống ...thản nhiên mới, hứa hẹn và không hứa hẹn. Phải không, Ngân của em? Đời sống không có bạn (bè) mới đích thực là một đời sống buồn hiu.

San mỉm cười, ngửa cổ uống cạn ly rượu: này Arlette, chắc chắn bạn sẽ không ngầm chê tôi ác, chắc chắn bạn sẽ hết tuyệt vọng rên rỉ chịu thua không biết cái đầu tôi nghĩ gì khi tôi lãnh đạm không chào hỏi Denis mỗi sáng ? Này Arlette ơi, bạn nghĩ sao nếu tôi đưa bạn xem cái cassette vidéo phim *porno* Denis đã gửi kèm với mười đoá hồng mừng sinh nhật tôi ? Tôi dám cuộc rằng bạn sẽ hết dám gọi tôi để nhắc nhở Denis. Sau những món quà tế nhị đầy lòng cảm thông nhân loại thường có những *cassettes vidéo* xếp hàng từ X cho đến XXX ? Bản mặt tôi đong đầy cô đơn và thiếu thốn dục tình ra sao để đưa tới hiểu lầm này ?

Sau vài lời nhắn vặt là những tiếng bíp cách khoảng. Như những im lặng bồn chồn. Hay là ..Ai ? Hai tháng nay, thỉnh thoảng San nhận được những khoảng gọi im lìm. Ai? Ai? Ai?

San đứng lên rót ly rượu mạnh thứ hai, qua nhà bếp, mở tủ lạnh lấy thức ăn bỏ vào lò, bấm nút. Khi bắt gặp mình đang nhặt nhạnh giày dép, thu xếp những tờ báo vương vãi dưới đất, San chán nản lắc đầu thở ra, ném lại từng món ra phía sau, qua vai mình, rồi trở lại nằm dài trên ghế, vừa mỉm cười vừa nhấm nháp *cognac*. Lại một thói quen. Đến từ ai? *Chữ A liền với chữ ai một vần*. San muốn ném ly rượu rỗng vào lò sưởi. Tự nhủ: ngày mai mình sẽ bỏ uống *cognac*. Và San nghe mắt bỗng cay cay. Có thật rúng động đến từ tiếng kêu cứu của chị Ngân ? Anh Viễn đang làm gì?

Điện thoại reo đến tràng cuối, San mới nhấc máy.

- San ? San phải không ? Anh đây. Anh Viễn đây. Anh gọi em suốt từ sáng đến giờ...

- A, anh...

San nhắm mắt lại, ống điện thoại suýt trượt khỏi bàn tay. Vừa mới nhắc đến anh...

- Em vẫn bình thường chứ ? San, em có thể thu xếp công việc qua bên anh chị được không ?

Trong một tích tắc, San không hiểu. Chị Ngân chưa nhận được *e-mail* gửi hôm qua ?

- Em sang ngay bên này, càng sớm càng tốt... Ngân bị tai nạn xe, nặng lắm...Chị ấy muốn gặp em...

San bàng hoàng. Anh Viễn chợt im. San buông thõng tay. Con Lười

té nhào xuống thảm, ngáo lên thật to một tiếng bất bình rồi chạy biến vào phòng ngủ.

Cái cảm giác lạ lùng vừa dâng lên, San vung tay, lắc đầu, xua nó đi. San hấp tấp :

- Em sẽ thu xếp đi ngay. *Anh bình tĩnh...*

Rõ ràng là câu nói của anh ấy ngày xưa:

- Bình tĩnh nào. Khóc xong rồi hãy nói. Bình tĩnh nói rõ từ đầu..Bình tĩnh nào...Nói cho anh nghe..nào ! Đâu còn có đó. Khóc một trận là xong mọi việc, cứ khóc đi. ...Nhẹ chưa nào, bây giờ anh em mình đi Chợ Lớn ăn cơm Tàu, anh đãi em. Ừ, à, dĩ nhiên chỉ hai anh em mình thôi...

Mười năm trước, thuở trước, anh Viễn vẫn dỗ dành San như vậy.

San kinh hoàng vì cảm nhận trong một tích tắc, cảm giác lâng lâng, vui sướng thuở nọ. San vui sướng, thích thú vì đã khiến anh quên chị Ngân một nửa ngày.

Bình tĩnh lại. Bình tĩnh lại coi. San nói cho riêng mình, xao động vì giọng anh Viễn vẫn đều đều, chậm rãi, rõ ràng. Như thể người cần được trấn an là San. Sao lại thế ? San vẫn nhớ hoài cái trận khóc đầu tiên-được-ăn-cơm-Tàu đó.

Nguyên nhân chính là Thương, một đứa bạn cùng xóm cùng lớp với San. Tình cờ anh Viễn nhận ra nó khi đến thăm San. Dạo Nhà nước đánh tư sản, Thương trong đội đi kiểm kê hãng bán phụ tùng xe hơi của mẹ anh Viễn. Kiểm rồi Nhà nước tịch thu. Mất nhà, mất cả sản nghiệp, bà uất ức sinh bệnh.

San đâm ghét Thương, ghét cái mặt mà San tưởng tượng như lúc nào cũng hùng hồn, say sưa giảng giải ba giòng thác cách mạng và căm hờn kê khai những tội ác của giai cấp tư bản bóc lột.

Mỗi lần đến thăm anh Viễn, bước vào nơi chốn lạ lùng tối tăm ẩm thấp vương vất mùi thuốc bắc, mùi dầu cù là, mùi nhị thiên đường, San không dám nhìn lâu chiếc bóng trắng bất động của mẹ anh.Thưa bác. Tiếng chào lí nhí của San lập tức tan loãng, chìm sâu dưới mớ chăn màn vàng vọt, dưới những bao giấy ngổn ngang, những thùng gỗ rỗng ngã nghiêng. San nhớ đến những kiện hàng xếp cao ngay ngắn trong kho bên dưới nhà dạo trước. Bây giờ trong xóm nhỏ, trong căn buồng thuê lại, những vạt giấy dầu, những mảnh gỗ với chữ tên bị bôi xoá vội, nằm chờ để dần dà được tháo gỡ cho vào lửa bếp, đun mãi cái siêu đất. Mà San vẫn có cảm tưởng chị Ngân tiếc nuối, cứ châm nước vào nấu đi nấu lại, vắt cùng vắt kiệt những xác lá, xác cây dược thảo. San nghe như mình lạc vào một thế giới khác, nghe như mình rơi vào một ác mộng cứ tái diễn mãi

một màn dữ dằn.

Bác Vĩnh Thịnh, mẹ anh Viễn chết vài tháng sau đó. Giải thoát cho bà và giải phóng San và mọi người trong nhà bước sang cảnh trí mới, giấc mộng mới.

San tin chắc rằng lòng căm thù sâu sắc và trái tim thành thật hăng say đóng góp để dựng xây xã hội mới, cải tạo con người của Thương đã giết mẹ anh Viễn. Ôi, một nhỏ Thương trong lớp lặng lờ, không có chi...sắt máu phản động hay đam mê cách mạng. Thế mà ...

San nghe như cũng chính Thương đã dìm xuống lòng biển hai người anh em của anh Viễn vài năm sau đó, như chính nó lôi anh Viễn ra ngoài đường, buộc anh bỏ học đi lang thang biền biệt một thời gian. Gia đình chị Ngân phải sang Pháp trước chị Ngân.

Khi anh Viễn thoát về sau chuyến vượt biên bất thành, gia đình chị phải chạy vạy vất vả mua những tờ giấy xuất cảnh cho cả hai. Nhưng hậu quả bất ngờ và dữ dội chỉ đến, lâu lắm về sau đó, khiến San lại rơi vào ray rứt bất an.

Hai kẻ cướp chạy xe Dream, giật chiếc túi xách đựng tiền hụi Thương vừa đạp xe đi thu về cho me . Xe đạp ngã, nó bị xe hàng trờ tới cán chết.

Đã năm sáu năm trôi qua từ bữa Thương hãnh diện mang cái khăn quàng đỏ đến lúc Thương nằm im, mảnh vải sô liệm mặt. Như một thiên thu từ buổi Thương hân hoan đi dòm ngó, nhiệt thành xông vào sục sạo phần đất riêng tư kẻ bóc lột đến ngày San ra phi trường tiễn anh chị Ngân Viễn lên đường...

Có lẽ từ lâu lắm, ngay từ buổi hôm sau của vai trò nhỏ và rất đỗi giai đoạn nhưng tuyệt đối cần thiết này, Thương đã không còn hăng say, căm thù, và không chừng quên mất rằng mình đã từng góp phần tạo nên gợn sóng nhỏ trong giòng cuồng lưu lịch sử chính thống.

Có lẽ từ lâu lắm, San cũng làm quen với những đảo lộn tình người, tình đời, hiểu sâu xa và thực tiễn hơn những "vận chuyển, qui luật tất yếu" của lịch sử, với những lí tình, lời lẽ được sử dụng đến sáo mòn, vô nghĩa...Thế nhưng San nghe như nỗi hờn của mình chỉ thật sự tan biến khi thấy người mẹ lặng lẽ khóc và những đứa em của Thương lôi thôi lếch thếch lạy, xá trả lễ người hàng xóm đến chia buồn, phúng điếu.

Thương, kẻ tội phạm rất gián tiếp, đã yên thân, còn San nặng nề ăn năn, vướng víu hối hận.

San nức nở: lòng thù ghét của em là bùa ếm, là lời nguyền vô hình...Anh Viễn vỗ về, an ủi, ừ khóc đi.

Anh phân tích mổ xẻ. Anh giải thích, an ủi. *Ừ, ừ, cảm giác mình có trách nhiệm là thông thường, nhưng San phải yên tâm, nếu tình cảm đủ*

sức...giết người thì trên thế gian này sẽ có biết bao án mạng không thủ phạm. San hãy quên, ừ, à..ừ em sẽ quên...Anh cũng ghét bạn em chứ, ghét hơn em, nhưng chịu trách nhiệm cái chết này là ...những người cầm quyền chủ mưu chứ. San nghĩ xem, này ừ ,ừ đấy mới là kẻ chịu trách nhiệm, ừ, à, không đùa đâu...

- Kìa, San, em vẫn nghe anh chứ ?
- Dạ. Em vẫn nghe...

San nói trong đầu: này nhỏ San, chính mày phải bình tĩnh.

- À, à,ừ.. bệnh viện cho biết Ngân bị chấn thương sọ não. Lúc anh vào, Ngân còn nhắc nhở San. Rồi thì bất tỉnh. Giải phẫu ngay. Ừ, à.. Giờ này bác sĩ cho gia đình biết chắc sẽ thoát nguy, tuy hãy còn hôn mê. Ừ...ừ.. Nhưng em phải sửa soạn sang bên này.

... Bây giờ, San ngồi ngẩn ngơ. Tại sao mình không quyết định đi sớm hơn, ngay từ khi chị ấy vừa cất lời kêu cứu ? Biết đâu...Hay San không thương yêu chị thật lòng chăng ? San đã không nghe lời kêu cứu của chị. San chỉ nghe nỗi đau của chính mình. San chỉ...

Nhưng anh Viễn bình thản lắm. San thấy lại lối nói chuyện đệm những ừ à như chấm, phết ngắt ý nghĩ. Nghĩa là không đến nỗi nào....Nhưng hôn mê làm sao có nghĩa...không đến nỗi nào. Trời Phật Chúa ơi xin hãy cho chị Ngân được sống, xin cho chị được sống...Chị Ngân ơi, chị không thể bước trên con đường địa ngục tưởng tượng !

San mở máy, ngồi khóc mê man đọc lại những dòng thư của chị.

Huntington, ngày...

San ơi, đang làm gì đó. Tuần rồi, San chọn phim nào? Cảm tưởng ra sao ?

Hôm nay chị đi shopping, gặp anh S. Nhớ anh ấy không? Ngày xưa , chị Huệ của chị vẫn đề nghị chị chận đường đòi anh chàng nộp tiền mãi lộ. Lí do: anh ấy đi qua lại trước nhà chị năm sáu lần mỗi ngày. Ô, chuyện cũ như Mã Viện chôn trụ đồng. Gặp lại nhau ở bên này, thỉnh thoảng hai bên vợ chồng vẫn tới lui thăm viếng. Chỉ bặt tin vài năm trước. Rồi lại tình cờ tái ngộ. Như tơ vương tưởng tượng dấu ngó ý đã lìa. Không phải chị vẫn trẻ đẹp (?) hay lòng chung thủy của người ta bất diệt !Vì vợ mới anh ấy.. mới cưới từ Việt Nam, độ hai mươi tuổi là cùng. Xinh lắm. Tơ vương chỉ là hoài niệm của thời vô tội. Của tâm sự cần trao cho đúng mặt (khoảng cách 20 năm là khoảng cách một thế hệ nghe em !) Tình bạn của anh ấy với chị có lẽ là thứ duyên cầm kì. Vì anh ấy biết rằng nguy cơ sẽ tái diễn?

(Anh S. ly dị vợ trước từ năm ngoái) Anh ấy và anh Viễn lại chẳng ưa nhau. Nên tâm sự anh ấy chỉ gửi chị qua điện thoại hay những lúc tình cờ gặp nhau. Nhiều lúc chị cũng muốn trách anh ấy hấp tấp, cưới một cô quá trẻ so với anh ấy, nhưng đôi lúc mơ hồ linh cảm rằng anh ấy sẽ mãi mãi lang thang, rong ruổi tìm kiếm điều gì vô hình, không thể có.

Ngày mai chị đi Acapulco. Một mình. Phải chi có em...Sau này, nao nức trước buổi khởi hành chả còn như xưa nữa. Đừng nói "như những lần trốn chạy". San, em nhầm rồi. Sang đây chơi, chúng ta sẽ có dịp "đối mặt" cãi cọ và đính chính. Anh Viễn bảo: "hét vào mặt nhau" khi nói về các cuộc họp (đều đặn ba lần mỗi tuần !).

Chị khâm phục họ lắm. Không giỏi sao? Vì phải luôn luôn đổi mới đề tài. Ném mãi vào nhau cùng một thứ bánh kem thì việc gì lại cứ phải gặp nhau mỗi hai ngày ?

Chị em mình sẽ không điên như thế đâu, có bao nhiêu là chuyện phù du mà cực kì quan trọng hơn chuyện chính trị, tán chuyện phù du là "rót mật vào tim nhau" ! Mong em lắm lắm.

... ngày...

Chẳng nhớ chi cả sao? Ôi, con nhỏ này...Nhưng, nghĩ lại chị hiểu, khi em lớn lên thì mọi sự xong rồi. Trận chiến to chấm dứt cho những trận chiến nhỏ bắt đầu. Trả thù. Chiếm đoạt, tàn phá. Đời sống mới của tất cả. Xem lại, như lời anh S: cùng một kinh nghiệm mà không ai có cùng một thứ vết thương.

Chị nhớ mãi lần em thắc mắc sau khi đọc quyển sách cũ của chị : "chị ơi, Đêm nghe tiếng đại bác" (truyện Nhã Ca) phải tưởng tượng như thế nào".

Thì như tiếng trống xa, như bước đi của Godzzila, chị bảo. Này, phải ngủ yên đi chứ. Hạnh phúc lắm nghe em, những trái tim chưa bao giờ nghe tiếng chết. Má em lắc đầu, ba em trợn mắt: là apocalypse, là đất trời đổ ập xuống đầu. Làm sao chị giải thích được cho em ? Chị bây giờ, hơn hai mươi năm sau, vẫn có cảm giác lạ lùng khi nghe em nhắc đến. Đêm ngưng việc, đêm ngừng sống, lắng nghe từng nhịp nổ, thứ tiếng nổ đục và ngầm, thình thình, ầm ì, ầm ì. Âm ì trầm sâu vọng truyền từ lòng đất. Đó là khoảng trí nhớ chỉ có vào ban đêm, nó đông đặc trói gọn cái rung chuyển của sàn nhà, cửa nhà, và rã rời như những hạt bụi vôi rơi từ trên trần nhà. Chẳng là ba chị cũng như ba em đang "đánh giặc miền xa" đó sao !! Ban ngày, người ta và tiếng đại bác chìm trong tiếng xe cộ, trong cái nắng, đường phố, đời sống.

Có những hình ảnh, âm thanh, những mảng kỉ niệm không ngừng rõ

nét và cụ thể với thời gian , khoảng cách và...bằng chứng. Để trở thành ám ảnh. Và ám ảnh đưa ra những tin tức khác nhau về ...nạn nhân của nó. Về những chấn thương.

Em sắp cười chị, phải không ?

San ơi!

Tuần rồi anh Viễn tặng chị một "dòng suối kim cương", trong buổi tiệc, một chị bạn đùa (giễu dở): chút đền bù cho mười lăm năm khổ sai chung thân. Đùa ư ? Cái gì cho hai mươi năm? Rồi ba mươi năm? Đám đàn bà chợt bị cuốn vào một khoảng không gian mơ hồ năm mười phút, thời gian một ông cầm micro ngâm "bài thơ tặng tất cả những bà vợ trung thành và đảm đang". Nghĩa là nghe như có "phản bội và thất vọng", nghĩa là chẳng bà nào muốn nghe cả, vì lí do này hay lí do khác. Những tiếng nói cười không ngăn một người đàn ông khác hát tặng một bài tình ca cho...vợ nhà.

Bà bạn ngồi cạnh chị chợt ngâm Kiều: "Tình còn chi nữa là thù đấy thôi." Với cái giọng nghe mà sợ. Tại sao tình hết lại hoá thù ? Nghĩa là còn...thương nhau ? Chị vẫn nghĩ: tình hết chắc là mình sẽ...chết. Bà bạn ấy thường ngày chị vẫn thấy bình thản với hiện tại, qui phục tận tụy chồng, yêu thương con, cương quyết mà khôn khéo uyển chuyển trong công việc. San phải nghe chị ấy chậm rãi kể chuyện thu xếp hợp đồng mua bán với Tây, Tàu, Việt Nam, những món tiền tung ra, những dằn mặt, trừng trị đối phương cứng đầu hay đồng lõa gian manh. A, phải chi em nhìn thấy chị ấy đưa đón con đi chơi, đi mua sắm, đi học nhạc, học vẽ . Và ngồi giữa vui chơi bạn bè mà cứ mỗi giờ chị lại (kín đáo) mở xắc tay lấy mobile phone gọi con, dịu dàng han hỏi nhẹ nhàng dặn dò. Cả người bà bạn ấy bơi lội nhởn nhơ trên đại lộ chánh niệm đến cõi thiên đường. Nhưng khi chị định thốt lời ngạc nhiên thì chị ấy khép kín, như chưa bao giờ liếc mắt qua một con hẻm. Cái liếc mắt là chị đã tưởng tượng! Tiệc tùng hội hè không có chỗ cho những con đường hẻm. Buổi tối ấy, tiệc xong, nhà trống vắng lạ lùng. Nhớ em.

Chị Ngân (đang chờ đợi) của em.

H., ngày...ngày gì nhỉ ?

Hơn hai tháng chưa viết cho em, San yêu của chị, đang làm gì đó? Thời gian qua nhanh khủng khiếp, quĩ đạo trái đất có bị thu ngắn mà không ai haychăng?

Phải thong thả, từ từ , vật cùng phải biến chứ. Bố anh Viễn đấy: Con có biết phải mất bao nhiêu năm người ta mới hạ bệ được Staline ? Ông cụ

Đệ Tứ Quốc tế của ngày xưa vẫn còn đam mê tin tưởng cách mạng xã hội. Mà ông con thì thù ghét cộng sản. Ông cụ sôi nổi: Biết gì về mác-xít mà oán với thù? Chị nói bố ơi, tuy rằng lí thuyết Các Mác vẫn quyến rũ con người nhưng thiên hạ sợ Lénine và Trotski mà cũng hãi Staline với Mao ghê lắm. Bố và các cụ bạn già vận động thành lập Đệ Ngũ Quốc tế đi bố. Ông cụ cười lắc đầu.... Chỉ đổi tên hiệu chủ nghĩa thì như thế là mị dân ...Bố là người Đệ Tứ, bố trung thành và bằng lòng với lí tưởng đó, các anh chị có biết thế nào là...Anh Viễn cười: Bố xem, con người lí tưởng tuyệt đối nếu có quyền hành thật sự trong tay, đều đưa đến tội ác, đổ vỡ. Giữa lí thuyết và thực hành là hố thẳm, hố thẳm của tham sân si của con người. Xem nước Nga bây giờ kia, quê hương của Lénine và Trotski! Nhìn nước Tàu kia, bố có còn nghĩ họ theo xã hội chủ nghĩa không? Bố nhìn các nước Phi Châu, những nước ít có chiến tranh nội bộ nhất, khá nhất, dân chủ nhất có phải là những nước theo chế độ cộng sản không ?

Cứ thế, các ý nghĩ, lời nói song song như những đường rầy xe lửa. Cuối tuần mới gặp nhau đông đủ, và toàn là những con đường không bao giờ nắm tay nhau.

Chẳng ai nhìn và nghe ai trong gia đình này. Nhưng bố và các cụ bạn đáng yêu lắm. Thứ nhất là bởi cụ là bố anh Viễn, thứ nhì là bởi mãi đến nay các cụ vẫn chả áp đặt (được) lí tưởng mình cho ai, ngay đến cho gia đình, ba là vẫn giữ vẹn lí tưởng ở thời buổi này ở tuổi này, ắt phải có một thứ hi vọng bao la làm chấn động lòng người, bốn là ông cụ đang bệnh, căn bệnh bắt đầu đã năm năm nay...Cứ thế, chị có thể tiếp tục mãi. Em thấy chưa, những người của cuộc chiến cũ. Chỉ có một điểm chung: trở thành nạn nhân.

Chị vừa đi biểu tình ủng hộ đồng bào Thái Bình. Ủng hộ anh Viễn ấy mà. Ừ, chị biết rồi; em sẽ kêu: quí vị ở Bolsa, ở Luân Đôn, Sydney vân vân, tha hồ kêu réo...giải toả (ẩn ức). Thì đã sao! Chị đi Luxor tuần qua. Trời nóng quá, cứ từ nơi cát nóng chui vào khách sạn, phòng ăn ướp lạnh. Chị bị cảm, nằm chết dí trong khoang tàu.

Vẫn một mình thôi. Có rủ chị C. nhưng chị ấy kị đi máy bay.(bà ấy bảo thầy bói cấm không được đến chỗ cao !). Chuyện trèo núi bà ấy coi như dành cho kiếp sau. Việc làm em độ này ra sao, chả nghe nói năng chi cả? Tinh thần ra sao? Con tim đang ở chỗ nào?

Chị,

Ngày...Em nhỏ,

Hôm nay chúa nhật, lôi được anh Viễn ra bãi biển, trời xanh tốt, nhưng gió quá lạnh. Có lẽ phải đi đâu...Trời ở đây nóng ngột ngạt, chỉ

muốn trầm mình mãi trong piscine. Chị thèm đi xa, anh ấy thì vẫn bận...

Vừa xem phim The Red Thin Line *hôm nọ. Cuối phim, chị C ngơ ngác hỏi chị : thế là thằng ấy nó chết à ? Khổ chưa, Ngân này, có khi bọn Nhật nó bắt thằng ấy làm tù binh chứ ? Đúng là những "nỗi buồn chiến tranh".*

Có lẽ chị ấy không nghe loạt súng nổ, những hồi ức sau cùng của "thằng ấy". Bối cảnh, ráp nối đôi chỗ chỏng lỏn lôi thôi nhưng đó chỉ là hình thức. Và chị cứ bâng khuâng. Chỉ có thể là kẻ đứng ngoài, kẻ đến sau, mới đủ khoảng cách nhìn lại, tưởng tượng ra những độc thoại và nhớ nhung. Và tạo nên tác phẩm làm rung động lòng người. Còn người trong cuộc, ngay khi đó, không có thì giờ, không có cơ hội cũng như điều kiện để độc thoại, nhớ nhung. Chị bàng hoàng và nhớ đến câu hỏi của em. Thêm một đến gần, một hình ảnh rõ ràng cho Đêm nghe tiếng đại bác.

May ghê, hôm nay vui lại tí chút nhờ Shakespeare In Love. *Chị C. thích lắm, cứ khen mãi. Ngoại lệ chị ấy dành cho chị đấy, San ạ! Thường thì chị ấy lôi chị đi xem phim Tàu. Phim bộ thuê xem hằng đêm vẫn chưa đủ cho chị ấy. Đủ các loại, từ liêu trai ma quỉ hồ li tinh qua phong kiếm xuân thu, từ đông châu liệt quốc điêu thuyền tây thi bao công lưu bị đến võ hiệp kì tình kim dung đoàn dự lệnh hồ xung, từ nước mắt quỳnh dao với trái ngang, những duyên hồng với nguyệt thắm, trăng xanh với phấn vàng cho đến john woo súng-xe-sắt-máu, ketchup tương tàu đen đỏ. Nhưng phải nói chị ấy thích nhất là loại phim nhẹ nhàng vui vẻ. Lúc này chị ấy mê ..Jackie Chan! Mà nói cho cùng, khổ đau với tồi tệ, những thứ tối tăm của lòng người, chị ấy không cần nhìn lần nữa.*

Chị đã có dịp ghé Hồng Kông, nhìn bên ngoài qua vài hôm phất phơ chen chân giữa những con đường, phố nhà hiện đại, ngất ngưởng, chẳng thấy khác gì so với thuở chưa châu về hợp phố với lục địa. Hải cảng về đêm thanh bình huyền ảo. Tuyệt đẹp. Riêng lẻ hay thuộc về nước mẹ, Hồng Kông bên ngoài như cũ, nhưng bên trong thì sao ?

Trại cấm thuở xưa chị C. ở hình như nằm trên một đảo nào đó, tiếc chị C. không bên cạnh để dẫn chị đi thăm chốn cũ. Cứ tưởng như chị ấy chưa bao giờ trải qua địa ngục trại cấm báo chí vẫn nói ngày trước. Chị nhìn qua những doi đất, những hải đảo, tưởng tượng những dãy nhà dài, cửa sổ hẹp. Những khung nhà tù sau các vòng rào kẽm gai, những đôi mắt nhìn ra ngoài. Những đôi mắt nhìn nhau căm hận. Những thân dao đâm ngọt , những thân duốc cháy, ngộp, gào khóc điên cuồng...

Đừng rầy rà chị như hôm nọ: không nên thêm chi tiết và hình ảnh thuyết minh cho biểu tượng và trí nhớ, dẹp chúng nó đi ! Bà cụ non ơi, quả đúng như cụ trích dẫn tiền nhân: Primum vivere..Vâng, chị xin vâng lời em... (Rứa chị không đang sống đó sao?). Phải qua đây và nói với chị de

vive voix, bao giờ ? Hai chị em ngồi uống cognac tán chuyện đời. A, thế nào cũng tìm ra lẽ phải: In vino veritas !

Em xem Hana-bi chưa? Chao ôi, cái mặt lạnh của Kitano thấy sợ mà nụ cười tươi và cái dáng đi vất vả hai hàng thật đáng yêu. Lạ không?. Người chi trẻ thơ mà thích giết người dễ sợ, như anh chàng Tarantino. Hậu duệ xứng đáng của hàng nghìn kiếp samourai: luôn luôn bị ám ảnh về cách thế sử dụng cái chết của người và của mình.

Đất Bolsa ngày....

Em nhỏ ơi,

Em biết không, Đảng ta vừa thả các ông Đoàn Viết Hoạt, Nguyễn Đan Quế, Thích Trí Siêu...Anh Viễn như điên, khiến chị thấy thương anh ấy vô cùng, thấy yêu anh...quá sức (chị) !

Buồn thì điên chứ sao lại... Chị C. lúc nào cũng vui vẻ và yêu đời, yêu người. Bố thì bảo đã yên đâu mà vội mừng ! Thì ra các ông cựu tù vẫn bị quản thúc, theo dõi. Chị C. bảo ở với gia đình vẫn hơn ở tù chứ bác!

Thu xếp công chuyện, mùa Giáng sinh này sang anh chị, ở chơi vài hôm, nghe. Nhớ em quá là nhớ. Phải đi cho được, San yêu của chị. Chị cần gặp em. Chị có cảm tưởng là em muốn quên chị, quên ngày xưa chúng ta...Em còn yêu đời, yêu người? Còn yêu chị không?

...ngày...

Bay qua với chị. Hai chị em mình dưa nhau đi Florida tắm biển. Mùa gió bão mà San. Được con trốt nào đó cuốn đi như Alice, chắc thích lắm. Lại chuyện trò với anh S., gặp anh (không kèm cô vợ trẻ). Hai mươi năm biết nhau, cũng đã lắm phen ngồi riêng đối mặt (trong tiệm phở, trong quán rượu !). Thế mà lần này chị mới nghĩ đã thật sự hiểu bạn mình. Chị biết anh ấy không thể có hạnh phúc, một con người mẫn cảm, rối rắm, phức tạp. Buồn cười là anh ấy bảo chị mới là phức tạp rối rắm, too much sophisticated ! Lâu lâu lại cãi nhau và không chịu nhận điều đó. Anh ấy quá sáng suốt về mình, bị quá khứ níu kéo, đời sống hiện tại không thể nào như ý. Trường hợp anh ấy điển hình và classic phương Tây lắm San ạ, thuộc gia đình học thức và giàu có, ông bà cụ anh S. li dị sớm (và không sớm lắm, vì đủ) để anh ấy cứ phải lăn theo những bóng hồng, chinh phục được hay không, không thành chuyện ! Tuổi nhỏ thiếu tình mẹ là cả một đời săn đuổi (người nữ) không ngừng ? Chị trêu anh ấy tham lam và hèn nhát.

Người ta lúc còn sống mới sợ không ai khóc cái chết của mình.

Thôi vậy cũng xong. Khóc một trận : hết sợ. Khóc hai trận là bình tĩnh. Sau trận thứ ba, xung quanh như buổi sáng sớm.

Vài hôm sau, San có mặt ở bệnh viện.

Ngày đầu tiên, Viễn đón San ở phi trường rồi đưa về nhà, bắt San nghỉ qua đêm, sáng sau mới đưa San vào thăm chị Ngân.

Sáng đó, San tự nhủ mình già thật rồi, chỉ hai viên *mélatonine* mà bình minh *californien* quả thật tinh khôi như buổi sáng đầu tiên trên quả đất . Anh Viễn nhìn San chăm chú :

-Vẫn là cô bé Thiên San của anh ngày xưa !

- Sáu năm, không, bảy năm chứ anh. Em nhớ sau đám cưới bọn em ít lâu, anh chị còn bay sang Paris, trước khi anh chị về Việt Nam lần thứ hai.

- Cứ như San đi xe buýt, hay bằng máy bay Concorde vượt đại dương, và xuyên ngang nước Mĩ trong vài tiếng đồng hồ.

- Nhờ thuốc bổ lão *mélatonine* anh đưa hôm qua!

San bối rốivà bắt đầu mất bình tĩnh dù anh từ tốn nhắc lại điều đã nói:

- Giải phẫu xong, Ngân vẫn chưa tỉnh. Nhưng bác sĩ bảo cơn nguy đã qua. Chắc chắn sống. Em đừng lo. Vào thăm ngay cũng chả ích lợi gì. Còn Adrien?

- Từ ba năm nay không tin tức, chẳng ai biết anh ấy đi đâu.

- Em sống ra sao ?

- Bình thường.

- Anh giục đi hoài mà em với Adrien không nghe. Mĩ, đất Úc và Canada mới đúng là vùng đất dễ sống, dễ hoạt động...

San chận lời :

-...kháng chiến và chuyển lửa ?

Anh cười xoà :

- Diễn tiến hoà bình chứ! Em khoẻ thật không? Bình thường thật không ?

San phải nói thêm vì ánh mắt của anh :

- Như trước lúc bọn em lấy nhau ấy mà. Đứa nào cũng đã độc thân quá lâu. Anh có biết mỗi năm nước Pháp có đến hàng chục nghìn người chính thức mất tích? Chính thức nghĩa là thân nhân có khai báo với nhà chức trách. Không ai kiện cáo thì thôi, cứ tự do mất tích.

Suốt buổi, San nghe mình không an ổn. Bình minh tinh khôi của đất nam Cali này chẳng soi sáng được trái tim đang mờ mịt của San. Tại sao mình lại dối anh ấy ?

Anh Viễn không phải là Hélène hay những bạn đồng nghiệp hay người hàng xóm của San. Càng chẳng phải cảnh sát địa phương.

Bữa điểm tâm ở một tiệm ăn trên đường phố Bolsa. San loay hoay. Nuốt được vài đũa.

- Phở cho quân lính của Bắc Bình Vương ăn trước khi vào Thăng Long có khác. Em chịu thua.

-Phải chi anh em mình cứ ở nhà ăn bánh mì bơ, uống sữa.

Sáng sớm nhưng khách ăn đã khá đông. Mùi phở, mùi mì hủ tíu, tiếng Việt văng vẳng,

Thế giới của chị Ngân và anh Viễn đây. San bỗng nghe tất cả gần gũi, quen thuộc. San nhìn quanh. Người đàn ông cô đơn ngồi góc bàn kia có phải anh S. đã có đến vợ thứ hai, người mộng thứ ba mà vẫn tràn ngập cô đơn ? Và những người ngồi bàn sau đang sôi nổi nói chuyện thời sự Việt Nam ? San thấy anh Viễn giơ tay vẫy chào khi mới vào. Họ có phải là đám bạn đầy mộng mơ, lí tưởng của anh Viễn ?

Anh Viễn trao San đoá hồng đỏ. Người bán dạo cám ơn rồi ghé sang bàn khác. Những mảng ký ức trở về lẩn lộn. Ai là người đưa San những nhánh hồng, những bó hoa violette tím thơm nồng ? Vẫn là Adrien !

San kể: chị Ngân ơi, ngộ quá, có thằng Tây râu quai nón chạy xe solex đua với chiếc xe buýt chở em đi làm mỗi sáng.

Chị lườm San nhưng ngoan ngoãn theo San lên xe buýt. Buổi chiều San về nhà, chị chạy sang, chỉ tay vào mũi San :

-Nó đi theo em đó chứ ! Cái thằng mặt giống y như Che Guevara.

Guevara.Thần tượng của Adrien thật đấy. Nhưng khi đó San cho rằng Adrien cố ý giống Che nhờ cái mũ béret và chòm râu ria; bỏ râu, bỏ mũ, chàng ta chẳng khác John Lennon. Mà thật vậy, San chỉ thấy đôi kính cận gọng sắt tròn, chỉ nhớ rằng Adrien cầm ghi ta đệm hát *Yesterday*, *Imagine* hoặc *Give Peace A Chance* theo "lệnh" của San. San càu nhàu :

- Adrien không biết hát *Wantanamera* và *International*!

San không muốn biết thân thế, sự nghiệp Guevera.

Đúng rồi, anh Viễn hay tặng chị Ngân hoa hồng đỏ.

Chị và Adrien vẫn bàn cãi sôi nổi về những bài hát cách mạng, những bản nhạc vàng nhưng cả hai sẵn sàng hợp tác kiểm điểm thành quả cách mạng châu Mĩ la tinh, vạch những đường di chuyển của "Che" trên quả địa cầu của phòng anh Viễn. Tim San đong đưa do dự ở giữa nhưng khi cần chấm dứt, bao giờ San cũng vào phe anh Viễn. San luôn luôn tự nhủ: cho quân bình !

Cho nên, San tiếp tục giận mình. Hờn luôn cả Adrien. Và bây giờ không buồn chào Denis dù San bắt đầu thấy thương hại hắn.

Khi San và Adrien lấy nhau, cũng là lúc anh chị dọn sang California

Vậy mà đã hơn mười năm. Mười năm trước, có ai hình dung được hôm nay? Và mươi năm nữa San ở đâu? Adrien ở đâu ?

San lắc đầu, hối hả lôi mình về hiện tại:

- Tai nạn xảy ra nơi nào, hở anh ?

Anh Viễn sầm mặt, im lặng. San hối hận không kịp. Từ hôm qua, không dám gợi chuyện vì chưa nghe anh nhắc nhở, vì San sợ giọng nói điềm tĩnh và lạnh lẽo quá mức bình thường của anh. Thế mà San quên đi. Chỉ vì quá bối rối, mất hết ý tứ. San lúng túng, bực bội.

Mãi đến lúc ra xe, anh mới nói :

-Xe lật ở đường núi. Trên freeway thì chỉ có chết!

Rồi anh không nhắc đến chị nữa cho đến khi tới bệnh viện.

Con đường sao mà dài. San mơ hồ hình dung mỗi buổi sáng chạy bộ của chị Ngân. Từ nhà băng qua một công viên dọc theo đường xe, với những lối đi nhỏ đưa vào bên trong khoảnh rừng cây nhỏ. Lá thu vàng rực, nhấp nhô những thung lũng cỏ, những ngọn đồi con con xanh cây, điểm xuyết những chòm hoa. Phải là khoảng đường này, góc phố này.

Đến nơi, San lẳng lặng đi theo sau anh Viễn, nỗi lo âu lớn dần theo từng hành lang, từng khu bệnh, từng phòng. Mùi thuốc, mùi chất khử trùng khiến San khó thở.

- Trông tang thương chưa ?

San sửng sốt nhìn anh Viễn. Giọng anh cộc lốc, hể hả. Và gương mặt hiền lành đạo mạo kia bỗng mang một thứ mặt sắt méo mó vì đau đớn và thù hằn. Qua cửa kính, San thấy chị Ngân nằm thiêm thiếp, đầu quấn băng, lộ một mảng da nơi đầu cạo trọc, tóc non nhú dạng xanh xanh. Đôi má hóp nhợt nhạt. Dây điện, ống nhựa nối liền tay chân, mặt mũi chị với máy móc xung quanh, níu kéo bắt chị phải ở lại với đời sống. San càng lúc càng hối hận đã không nghe lời kêu cứu của chị. Càng lúc San càng nghe mình bị bao vây bởi cảm giác bất an.

San nhớ tới mình trong những ngày đầu Adrien vắng mặt. Cũng cùng một thứ giận dữ và đau đớn. Vô lí lắm, San muốn lay chị Ngân, San muốn đánh thức anh Viễn. Nhưng anh đã xoay lưng lại phía San, nghiêng người nhìn sát vào màn ảnh ghi những nhịp tim.

San nắm bàn tay chị Ngân, vuốt ve những ngón lạnh khô bất động, ngắm nhìn khuôn mặt thon nhỏ như Elizabeth Taylor của thời *Cléopâtre* với Richard Burton, da màu sữa phẳng lì con gái, hình dung qua lớp chăn mỏng, đôi chân dài và bộ ngực đầy, rắn rỏi của hai giờ chạy bộ và hồ bơi mỗi sáng. Anh Viễn muốn nhắc đến tang thương nào? Những ngày đêm bên bờ tử sinh chỉ khiến chị có đôi má lõm Marlene Dietrich. Đôi mắt

khép, hai vòng mi dài, chân mày sắc nét như một đường cọ Tàu tuyệt hảo. Chỉ thiếu chút màu phấn son.

San vẫn mê ngắm những bức hình chị.

Phía sau hình chị hay viết thấy chị già ghê chưa? Câu hỏi làm dáng.

Nhưng San biết chị không làm dáng với San. Với anh Viễn cũng không. Dù quả tình thời gian trượt qua chị như qua mấy bà hoa hậu *senior* hay chủ nhân những thẩm mỹ viện quảng cáo trên các trang báo. Chị viết khi San gửi mấy lời phản đối. ....

Ha ha, rồi ra sẽ phải nhờ bàn tay thần bác sĩ thẩm mỹ thật đấy San. Chị có phải là ma cà rồng hút máu người để trường sinh bất...biến đâu. Một bà bạn chị khuyên: phải nghĩ đến chuyện ấy ngay khi mình bước vào tuổi bốn mươi và đe doạ : liệu hồn, nghĩ xem , các ông ấy về Việt Nam...làm ăn. Hết một nửa ở luôn bên ấy, nửa kia trở lại Mỹ để tiến hành thủ tục li dị (vợ cũ) và cưới (vợ mới). Chị sẽ làm thử một ngày nào đó. Chị sợ anh Viễn của em ...theo "mốt" những người đàn ông Việt Nam bây giờ, đến tuổi...nostalgique, không thèm bất hoặc hay phải tri bất cứ thứ tài, mệnh cũ rích nào đó, mà chỉ thực tế, thực lòng hăm hở bù trừ le temps perdu. Bây giờ thì nỗi sợ đó chưa đáng...sợ bằng cái sợ khi nhìn vài bà bạn. San xem, giải phẫu xong: có da căng như mặt trống đến nỗi không còn chỗ để cười, để nhăn mặt, nhíu mày.

San cho rằng mình đã nghe lầm. Và hối hả tự mắng: không! Bậy nào, San không bao giờ ghen hờn với chị Ngân. Dù thuở nhỏ, hơn một lần San nghe như chị chiếm đoạt anh Viễn của mình. Nhưng rồi San cũng yêu được chị, và chưa hề mong muốn một rắc rối nhỏ nào cho chị. San không bao giờ ghét ghen hạnh phúc và may mắn của chị...Rõ ràng San khổ sở, thất tình hơn chị nhưng San không bao giờ khó chịu trước những ray rức phiền muộn không đâu của chị. Adrien vẫn dịu dàng nói về chị: Ồ, thương lắm, chị ấy âu sầu, khổ sở vì quá nhiều...hạnh phúc và may mắn. Không, Adrien ơi, anh nói đùa. Nếu tất cả dễ dàng, giản dị như vậy thì...

Khi anh Viễn đến bên San lập lại câu nói lần nữa, San bàng hoàng đến ngẩn ngơ.

Phải rồi, anh đang là San của hai năm trước.

San rùng mình nhớ đến cái đau nghiến ngấu tim gan, đến những ngày điên dại ngầy ngật, đến khoảng thời gian, không gian mông lung, mơ hồ, đến những vỏ chai rượu trắng, rượu đỏ, cognac, whisky bừa bãi trong phòng ngủ, phòng khách.

Tại sao anh lại như San, có vẻ như San được kia chứ ? Adrien bỏ nhà

đi đã hai năm nay, San phải quên để sống, nhưng chị Ngân còn nằm kia, biết sẽ ra sao? San nhớ tới bức hình Guevara nửa mình trần không một vết thương, đôi mắt khép hờ không còn hơi sống, nằm chơ vơ giữa gian phòng trống trải. Người ta đã phục kích bắt được và hành quyết Che. Bức hình cho thế giới như thứ chiến lợi phẩm độc ác và hèn hạ. Rồi cho thuộc hạ vùi xác Che nơi nào đó.

San nhớ luôn nỗi kinh hoàng năm ngoái khi xem một bài báo về cuộc tìm kiếm và khai quật khu rừng tìm xác Guevara. Lời khai của một trong những thủ phạm trực tiếp. Tang lễ trọng thể, quốc táng với người bạn cũ Fidel. Phải chi người bằng lòng với đời sống bình thường ? Phải chi ngồi yên làm lãnh tụ vĩ đại suốt đời ? Hay chỉ quay về với vợ con?

Adrien ơi, anh đã có người yêu nào khác chưa? Những người yêu không bao giờ xứng đáng với nỗi ám ảnh truyền kiếp!

Không, chị Ngân vẫn sống; Adrien cũng vậy. Anh Viễn ơi, anh không nghĩ ra vì sao Adrien vẫn không thích đi Mĩ thăm anh chị?

Và Adrien của San sẽ vẫn là Adrien với đôi mắt linh động mở lớn dưới đôi vòng kính trắng và nụ cười tươi làm quên hàm râu và chiếc mũ béret. Adrien không phải là John, cũng không phải là Che, *những kẻ không có tuổi già !*

San nhận ra mình đã không ngừng nghĩ đến Adrien.

Chiều đó, hai anh em trở về nhà. San bỗng nghe muốn khóc.

- Anh Viễn ...

Nhưng lúc anh quay sang hỏi "San gọi anh?", ánh mắt anh vẫn còn quá nhiều *thương hận*, San thở dài nói lảng :

- Em đói bụng...Và không muốn ra phố nữa đâu.

...Khi anh Viễn lúi húi bày trên chiếc bàn gỗ trắng những món thức ăn người ta vừa giao, San đã bơi hai vòng hồ và vẫn nghe mình muốn khóc. Mà không khóc được. Đêm mát mẻ, thanh bình. Tiếng nước vỗ nhẹ bờ gạch xanh, lung linh những sợi sáng biếc vòng vèo. San một mình với anh nhưng cảm giác thích thú trẻ con đã mất hút. Cả niềm hối hận ray rức cũng tan biến. Chỉ còn một nỗi nhớ râm ran, đang lớn dần .

- Anh Viễn, Adrien bỏ đi từ lúc chiến tranh nổ ra ở...khắp nơi. Với bạn bè, gia đình, theo lời yêu cầu của Adrien, em bảo anh ấy mất tích...

Viễn ngưng tay, nghe ngóng. San chỉ thấy một mảng hồ xanh sóng sánh trên nửa bên mặt kính cận gọng tròn kim loại.

San cười, mắt long lanh ngấn nước :

- Mỗi năm bên Pháp có đến cả trăm ông chồng bảo vợ: anh ra góc phố mua thuốc lá, rồi biến luôn ra khỏi cuộc đời đôi lứa.

Viễn tiến đến bên cạnh San, mặt hồ tráng xanh cả cặp kính. San ngước nhìn, trong một thoáng tưởng Adrien. Nét cứng lạnh không còn nữa, San thấy lại anh Viễn của hai mươi năm về trước. San nghe thương anh và thương San quá sức. San bèn vỡ oà ra khóc.

Adrien! Adrien ơi! Thuốc lá với bánh mì ? Cả trái tim tôi, cả cái đầu tôi không bằng cái duyên cớ thúc đẩy anh bỏ hết mọi thứ. *Trời ơi, sinh giặc làm chi !*

Trước kia, trước khi quen San, Adrien đã tình nguyện theo tàu Quang đảo; và đã mang về những tấm ảnh trại tị nạn của thuyền nhân ở Thái Lan, Nam Dương...Khi được San xuống buýt, bằng lòng nghe Adrien tâm sự, một lần anh đã nửa đùa nửa thật "San không biết ư: ở tiền kiếp xa xôi nào, anh là đầu nậu mua bán nô lệ da đen, anh đem thuyền bè đánh giết thổ dân, cướp đất đai, châu ngọc, nên kiếp này phải trả nợ. Có khi, anh là người lính Pháp cuối cùng, hay người lính Mĩ đầu tiên chết ở xứ em."

San buồn cười và cảm động. San tưởng Adrien sạch nợ luân hồi khi anh bỏ quên mọi thứ để lò dò phóng solex theo San và nhất là khi San về với Adrien, đúng vào lúc thiên hạ hò reo nhảy múa trên bức tường Bá Linh. Trong tiếng đàn trầm của Rostropovitch, và những nhát cuốc tưng bừng nẩy lửa. San nói thế là hết đánh nhau !

Nhưng rồi hết chỗ này qua chỗ nọ, luân phiên những trận chiến, như trò chơi không thể thiếu, Adrien vẫn nghe *Trời ơi, sinh giặc làm chi* và thỉnh thoảng biến đi năm ba ngày, nửa tháng.

Cho nên để đặt tên cho cái lí tưởng San không hiểu nổi này của Adrien, San đành phải nghĩ: Ừ có lẽ ở cái tiền kiếp nào đó, như Adrien đã một lần giải thích, tệ hơn nữa, Adrien là một cơn lốc xâm lăng khủng khiếp cho một dân tộc nào đó, không là tay mặt của Tần Thủy Hoàng thì cũng cỡ tay trái của Hitler, Eichman, Himmler, Pol Pot, Ieng Sary..

Thứ lí tưởng mọc mầm từ thời trung học mà Adrien tiếp tục nuôi dưỡng ở Đại học, nó quá hung hãn, to lớn, nên San và những năm với San, hạnh phúc với San, đành phải chịu thua. Và Adrien không gửi về một hình ảnh, thư từ, gần ba năm nay.

Ban đầu, thay vì khóc hi hi, San đã dối mình và bạn bè bằng nụ cười và cái khoát tay: *il est parti chercher du pain*. Khi thì chàng đi mua báo, lúc thì chàng đi đổ xăng. San vẫn cười thầm: may thiệt, một ngày có tới một trăm chuyện vặt chàng phải làm!

Nhưng đến lần thứ trăm lẻ một San không nhìn ra mình nữa và vì hơn hai năm rồi Adrien vẫn chưa đem bánh mì hay thuốc lá về tới nhà, San

mỉm cười hết nổi. Dù San còn cả đống lí do để tiếp tục mỉm cười và dối mình: Ồ, người hoả tinh bắt cóc đấy mà? Hoặc chàng sẩy bước rơi vào quá khứ, vào tương lai, vào *black hole*, hay *anti-monde* nào đó. Bởi vì vào tay quân phiến loạn hay cách mạng thì San đã được thư đòi mạng và sửa soạn tìm tiền chuộc...Trừ phi Adrien là gián điệp...quốc tế thì San đành chịu thua !

Adrien giết San mà San phải chường mặt ra đảm nhiệm màn tái dựng hiện trường tội ác. San bôi bác San và cuối cùng thú nhận mình hết hi vọng: *il sortait chercher des cigarettes. Il partait chercher...le temps perdu*. Sự ra đi kéo dài quá sức San chịu đựng.

Viễn hôn lên trán San, với tay lấy khăn phủ tóc San. Hai tay anh vò đầu San. San lại càng khóc tợn, nghe mình vừa nhẹ nhõm vừa quá đỗi vô duyên.

Viễn im lặng ôm vai San, đôi tay vỗ nhẹ lưng San.

Một lúc sau, anh kéo chiếc ghế lại gần, nằm song song với San...

Rồi San định thần lại, lau mắt mũi, cười nhẹ :

- Em không biết Adrien đang ở đâu, Bolivie hay Afghanistan, Serra Léone, Rwanda hay Kosovo, Tchétchénie...Còn sống hay đã chết.

San bắt đầu nghe mình bình tĩnh.

Lần thứ nhất và cũng là lần cuối Adrien nói yêu San... lần đó Adrien gọi từ phi trường nói lời xin lỗi và San ngẩn ngơ không nói được gì.

Lần thứ hai, San nổi giận muốn dịch một cách thật dữ dằn, điêu ngoa *vắng chợ thì mợ vẫn đông* và loay hoay tìm một từ ngữ, một hình ảnh cho chàng *mercenaire* ngớ ngẩn khùng điên thời đại mới thì không còn biết Adrien ở đâu để nhắn nhủ. Và sau cơn giận hờn, là trống rỗng, hoang mang.

Anh Viễn đứng lên , bước ra sân cỏ nhìn xuống thung lũng lấp lánh thảm sao vàng. Anh đi đi lại lại, dáng mờ mờ trên khung trời xanh đen. Rồi quay trở lại bên San:

- Trong xe, người ngồi bên cạnh Ngân là Norman, thằng nhỏ gốc Uruguay vẫn đến làm vườn, cắt cỏ, rửa hồ bơi...

San nhắm mắt thảng thốt. Anh Viễn nói tiếp, giọng không còn chậm rãi, bình thản nữa:

- Người ta phải cắt nóc xe mới lôi được xác nó ra. Còn Ngân, thương tích sơ sài bên ngoài. Ngân chỉ bắt đầu mê sảng khi anh đến bệnh viện, sau khi nhắc tên anh và em với cảnh sát .

San chợt hiểu. Hai anh em ngồi lặng lẽ. Cho đến khi chuông điện thoại reo. Anh đứng dậy, đi về phía chiếc bàn nhỏ, nhấc máy.

Trở lại bên San, anh nói ông cụ anh lại đòi vào thăm Ngân. Rồi kêu : thức ăn nguội lạnh hết rồi, San còn đói không? San nghe giọng anh đã hoàn toàn bình thường trở lại. San nói thầm với mình: không, mày chẳng hiểu chi cả.

San chỗi dậy vì tiếng trò chuyện râm ran dưới phòng khách. Không *mélatonine* và không mộng mị. Buổi sáng thật sự tinh khôi. Buổi sáng đầy hi vọng.

San xuống được vài bậc thang, thoáng nghĩ rằng đây là...; thì người đàn bà đã rời ghế, trong nháy mắt, đứng dưới chân cầu thang, ngước nhìn San. Khuôn mặt tròn, đầy vẻ hiền hậu, nước da nâu, nụ cười sáng ngời răng hạt bắp, tiếng nói dòn và nhanh như những ca sĩ da đen đang biểu diễn *rap* :

- Cô San phải không ? Ngủ được không em ? Chắc là hết trái giờ rồi phải không? Chị nhận ra em liền, em không khác trong hình chút nào. Chị đưa em đi *shopping* nghen. Người ta đang *big sale* , cái *mall* nào cũng *big sale*. Việt Mỹ gì cũng *big sale*. Rồi ngày mai chị em mình vô thăm Ngân. Tội nghiệp, trước đây nó nhắc em hoài ! Rồi chị đưa em đi coi phim Tầu, phụ đề chữ Tầu, nói tiếng Việt. Phim mới, em có thích con nhỏ Triêu Vy không ? Chị đưa em về nhà chị coi bức tranh định mệnh...Hay dễ sợ, cam đoan em cười bể bụng ...

Chỉ có thể là chị C. của chị Ngân ! May quá, anh Viễn đến cứu San. "Cho San ăn điểm tâm đã, chị Chiến".

Chị bẽn lẽn xin lỗi, quay ra nói chuyện với bố anh Viễn. San nghe chị lại *rap* liên hồi kì trận. Cô San, bố nhớ không bố ? *À, Ngân đã về rồi đấy ư con ?* Thưa bác, cháu là Chiến, Ngân hãy còn trong nhà thương. À, thế à. Chị Chiến kể chuyện, hỏi thăm. Nhưng ông cụ lại hỏi *Ngân chưa khoẻ hẳn sao con? Thằng Viễn nói tai nạn xe gì đấy ? Sao Viễn không chở Ngân, sao để em Ngân con đi một mình thế kia ?*

Suốt buổi sáng San nghe tim mình rộn rã vì tiếng cười dòn dã và những câu nói kiên nhẫn lập đi lập lại *Bác ơi, Một chút nữa mình đi thăm Ngân. Dạ, cháu Chiến đây bác. Dạ, chút nữa mình đi bịnh viện. Bây giờ bác cháu mình ra ngoài vườn. Chắc phải đi kêu thằng Mike. Norman có thằng em cũng dễ thương như nó vậy !! Mike là em của Norman.*

San giật mình, tách cà phê dừng lại nửa vời, ngước nhìn lên. Anh Viễn bối rối, bàn tay cầm dao ngừng tráng bơ lên vuông bánh nướng :

- Chị cứ cứ... kêu, tôi không biết Ngân sắp đặt thời khoá biểu chuyện ở nhà

- Tội nghiệp, Norman chết thay cho cháu. Thưa bác, lẽ ra cháu phải

đi với Ngân đấy chứ. Anh Viễn biết không...cái số tôi kì cục lắm, trời chưa cho chết. Tôi phải săn sóc Ngân chứ, Ngân rồi sẽ hồi phục, tôi biết một thầy thuốc Nam. Không anh cứ chữa bằng thuốc Mĩ, thuốc Tây, tôi biết cách xoa huyệt, nấu thuốc Nam. Ừ, cũng như thuốc...Bắc. Hồi ở bên nhà, tôi theo thầy B...chùa C....cô San không biết đâu...

Vài hôm sau đó, khi San bắt gặp trở lại kiểu nói ừ à quen thuộc của anh Viễn, thì chị Ngân tỉnh dậy. Và đến lúc San phải về nhà.

Suốt hai ngày cuối tuần, San ngủ những giấc dài không mộng mị. Thật ra, những giấc mộng bình thường đã tan loãng, được quên ngay khi nắng ùa vào phòng với tiếng chim đầu ngày.

Sáng hôm nay lái xe đi làm, San thấy hai hàng cây ngô đồng bên đường đã rụng gần hết lá, những thân cây giơ cành xương tua tủa. Nắng vàng như đông lạnh ngay khi vừa chạm đến những nhánh lá cỏ bạc đầu, khi vừa chạm mặt đất ...

Tiếng nhạc Wagner vẫn thúc giục, mạnh mẽ, lạc quan, San nghe dễ chịu.

Thấp thoáng những chậu hoa trong nghĩa địa. Những ngôi nhà bán hoa kiểng chắc chắn đã bày bán và đã thu dẹp hàng họ. Người chết và thân nhân đã gặp nhau và đã lại chia tay.

San tự nhủ đến lễ Phục sinh chắc chị Ngân sẽ có thể gõ những hàng chữ đầu tiên gửi cho San. Chị Chiến hứa với San sẽ cho San biết những tiến triển về bệnh trạng chị Ngân.

Hélène ôm hôn San. Xong, San đẩy bạn ra, ngắm nghía đôi viền mắt tím , năm nay có phải Hélène đã tuyên bố đấy là màu của ba tháng mùa đông và chọn màu vàng *terre de sienne* cho bóng tối của vành mi, cuối mày ? Hiểu San, cô bạn cười to :

- Ê! Đã đổi giờ nhưng đất trời chưa chính thức sang mùa đông đâu. Đi chơi vui không hả bạn? Có ghé khu Hollywood chứ ? Thấy được những ai? Này, San này, hôm nay lạnh thật rồi đấy! Chiều nay về nhà tớ ăn cơm, rồi sẵn bắt con mèo của bạn về. Thằng út Guylian đang đòi ông già Noel mang cho nó một con mèo y như thế. Có chết không chứ ? Đang mặc cả đổi mèo thành máy điện toán cho anh em nó chơi. Cái gì, Hughes Grant hả? Vẫn trên Sunset boulevard ư, cái thằng thật là bất trị, và San ơi, mi cũng thế...

San cứ tưởng mình đã rời bỏ việc làm thật lâu, nhưng radio cho biết Kosovo vẫn còn những khai quật mồ chôn người gốc Albanie và một vài lỗ huyệt mới cho người xứ sở Serbie. Chắc Adrien đang ở Freetown, Murray Town ? Chắc Adrien đang ở Grozny? Ở đâu ?

Kể từ bây giờ, nếu Adrien gọi về, dù bất cứ từ đâu, dù bất cứ lúc nào, San biết câu nói đầu tiên của mình sẽ là gì khi vừa nhận ra giọng Adrien. Hôm qua, lần giở tập ảnh *Requiem*, đã đến nhà qua đường bưu điện khi San chưa về, San sung sướng chảy nước mắt khi biết chắc chắn không có tên Adrien và không bức ảnh nào của Adrien.❐

NHỮNG SÁCH DO
TẠP CHÍ VĂN HỌC XUẤT BẢN

Nụ tầm xuân
Tập truyện ngắn của Mai Kim Ngọc
Văn Nghệ phát hành, Giá 10 MK

Thơ Khoa Hữu
Thi tập của Khoa Hữu
Văn Nghệ phát hành, giá 10 MK

Tôi cùng gió mùa
Thi tập của Nguyễn Xuân Thiệp
Văn Nghệ phát hành, giá 12 MK

Những bài văn sử
cuốn sách mới nhất của Tạ Chí Đại Trường
dày 200 trang. Văn Nghệ phát hành, giá 10 MK

Viết và Đọc
Tiểu luận phê bình văn chương
của Trần Hữu Thục (Trần Doãn Nho)
Văn Nghệ phát hành, giá 13 MK

Trong mê cung
Tập truyện ngắn của Nguyễn Trung Hối
Văn Nghệ phát hành, giá 13 MK

Thiên nga giữa cõi người
Tập truyện ngắn của Tâm Thanh
Dày 200 trang. Văn Nghệ phát hành, giá 10 MK

Hạnh phúc đến từng phút giây
Thi tập của Trần Hồng Châu
Dày 140 trang. Văn Nghệ phát hành, giá 10 MK

Đó đây
Tùy bút của Trúc Chi
Dày 230 trang, Văn Nghệ phát hành, giá 12 MK

Lò cừ
Truyện ngắn của Lâm Chương
Dày 200 trang, Văn Nghệ phát hành, giá 10MK

Xin liên lạc **Nhà xuất bản Văn Nghệ**
PO Box 2301 Westminster CA 92683 USA
Phone: (714) 527-5761

hộp thư

● Thư mua báo, gia hạn:

Lê Thanh Cảnh (Elverta Ca), Đỗ văn Lục (Houston TX), Phuong Nguyen (Denver CO), Trương Mỹ Vân (Vancouver Canada), Xuong Nguyen (Falls Church VA), Hội Thánh Tin Lành Baptist Marietta (Marietta GA), Nguyễn thị Thế (Huntington Beach CA), Trần Ngọc Chất (El Monte CA), Lâm văn Trung (Knoxville TN), Saigon Times (Rosemead CA), Triều Hoa Đại (Middleburg FL), Phan văn Thương (San Diego CA), Đặng Sĩ Phương (Austin TX), Anh Le (Fairview Heights IL), Nguyễn Ngọc Anh (đổi địa chỉ), Quách Bùi Nhung (Kent WA), Pham Ngoc Bao (gia hạn cho Nguyễn Thụy Miên , France), Hung T. Nguyen (Cupertino CA), Nguyễn Minh Châu (Settle WA), Lương Thư Trung (Dorchester MA), Kevin Chicao Ngo (Mobile AL), Lâm Chương (Dorchester MA), Dr. Ngô Kỳ Phong (Montréal Canaada), Victor Bui (San Jose CA), RMIT Library (Melbourne VIc Australia), Trương văn Dân (Cassina de Pecchi, Italy), H. Phan (Venice CA), Footscray Campus Library (Footscray Australia), Dr. Thanh Lan Nguyen (Fountain Valley CA), Dao Kim Nhut (Louisville KY), Tuyetnga Pham (Seattle WA), Dang Dinh Ky (Jacksonville FL), Nguyệt Bình (Fountain Valley CA)

● Bài nhận được trong tháng:

"Kìa Xuân đã về" gửi từ San Jose CA, "Trùng trùng" gửi từ Portland OR, "Nguyên đán chùm gửi" gửi từ Westminster CA, "Vô ưu", "Lệ vỡ thành dòng" gửi từ Peachtree City GA,"Đón xuân năm 2000 Canh Thìn" gửi từ Houston TX, "Ngày Xuân bàn chuyện thơ" gửi từ Houston TX, "Ý kiến về các cuộc tranh luận trên Văn Học" gửi từ Redmond WA, "Một thoáng hương xưa", "Xuân bất lão Canh Thìn 2000" gửi từ Garden Grove CA, "Tặng phẩm" gửi từ Irvine CA, "Mỗi ai đi nốt đoạn đường" gửi từ Fountain Valley CA.

Những bài nhận được trên đây đều gửi qua bưu điện, và không kể những bài gửi qua e-mail Văn Học đã nhận được đầy đủ. Trân trọng cảm tạ sự cộng tác của quí bạn.

● **Cáo lỗi:** Vì bài vở quá nhiều, Văn Học số này tạm gác một kỳ mục *Giới thiệu sách mới* và *Ý kiến bạn đọc*. Trân trọng cáo lỗi cùng các tác giả đã gửi tặng sách trong tháng 12.99 vừa qua.

● Trên Văn Học số 164, mục *Sinh hoạt*, số phone và Fax của Vietnam Center in bị thiếu. Xin bổ túc:

Phone: (806)742-9010
Fax: (806)742-0496

đọc thơ

BÙI BẢO TRÚC
CAO MỸ NHÂN
DUY LAM
DU TỬ LÊ
DƯƠNG VIỆT ĐIỂN
ĐẶNG PHÚ PHONG
LÂM CHƯƠNG
LÊ MAI LĨNH
LUÂN HOÁN
MAI THẢO
MỸ TÍN
NGUYỄN MẠNH TRINH
NGUYỄN TRIỆU NAM
NGUYỄN CHÍ KHA
NGUYỄN ĐỨC TRỌNG
PHÙ VÂN
PHẠM PHÚ HAY
TUỆ CHƯƠNG
TUỆ NGA
THÍCH NHƯ ĐIỂN
TT. MÂY TRÊN NGÀN
TRẦN HOÀI THƯ
TRẦN NGỌC CHẤT
TRẦN LƯ NGUYÊN KHANH
TRẦN VĂN NAM
TRIỀU PHONG
VŨ KỲ
VŨ HỐI
VÔ TÌNH

thái tú hạp

phổ nhạc

HOÀNG QUỐC BẢO
PHẠM ĐÌNH CHƯƠNG
PHẠM DUY
PHẠM ANH DŨNG
VĨNH ĐIỆN
XUÂN ĐIỂM
VŨ THÁI HÒA
KHÚC LAN
TRẦN QUAN LONG
NGHIÊU MINH
HUỲNH NHẬM
TRỌNG NGHĨA
JIM PHAN
LÊ UYÊN PHƯƠNG
TRẦM TỬ THIÊNG
TRỰC TÂM

SÔNG THU

Sông Thu
xuất bản
Cali. 1999

đã phát hành khắp nơi

Giá 15 Mỹ Kim.
Mọi liên lạc về: ÁI CẦM
9234 E. Valley Blvd., Rosemead, CA 91770
Tel: (626) 288-2696 - Fax: (626) 288-2033

Trúc Chi

đó đây

Tùy bút

Trúc Chi · đó đây · Văn Học

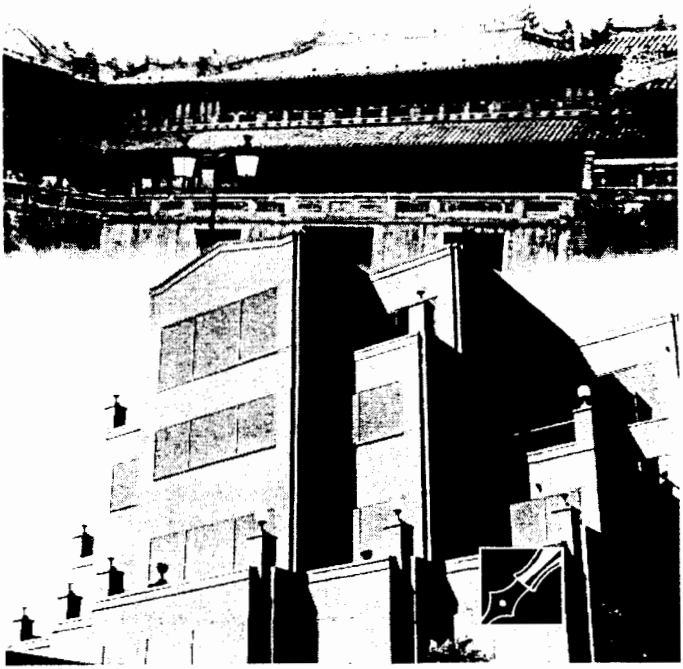

tập tùy bút của Trúc Chi

Tạp chí Văn Học xuất bản
dày 240 trang, giá 12 MK
Văn Nghệ phát hành vào tháng 12.1999

Nhà Xuất Bản VĂN MỚI
1528 S. La Cienega Bl.
Los Angeles, CA 90035
Điện thoại: (310) 559-0413

Những sách mới của Nhà Xuất Bản

*

Đoạn Đường Hốt Tất Liệt
Tập truyện Lâm Chương
Một Dây Trầm
Tập truyện Hoàng Du Thuỵ
Cơn Giông Ngày Về
Tập truyện Ninh Hạ
Chân Mang Giày Số 6
Tập truyện Song Thao
Gió Biếc
Tập truyện Lê Minh Hà
Qua Mấy Trời Sương Mưa
Thơ Hoàng Lộc
Miêng
Tuyển tập truyện ngắn của Miêng
Cồn Mây
Truyện dài Hồ Minh Dũng
Loanh Quanh, Những Nẻo Đường
Ký Trần Doãn Nho
Cảm Nhận
Võ Phiến

PHIẾU MUA/GIA HẠN BÁO

Họ và tên _____

Địa chỉ _____ Apt.____

Thành phố_____Tiểu Bang_____Zip_____ _____

Quốc gia _____

Đồng ý ☐mua ☐gia hạn báo Văn Học trong thời hạn_____năm,

từ số_____tháng_____,gởi hạng_____

Đính kèm chi/ngân phiếu số tiền US$_____, để trả cho Văn Học

PHIẾU GIỚI THIỆU ĐỘC GIẢ MỚI

Tôi giới thiệu thân hữu dưới đây làm độc giả mới của Tạp chí Văn Học:

Họ và tên_____

Địa chỉ_____Apt.____

Thành phố_____Tiểu bang_____Zip_____

Người giới thiệu_____

Địa chỉ_____Apt.____

Thành phố_____Tiểu bang_____Zip_____

GIÁ BÁO DÀI HẠN

HOA KỲ

Hạng tư (Fourth Class)

Một năm .....US$42.00

Hạng nhất (First Class)

Một năm.....US$50.00

CANADA

Đường bộ (Surface)

Một Năm.....US$46.00

Máy Bay (Air Mail)

Một Năm.....US$54.00

ÂU, Á VÀ ÚC CHÂU

Đường thủy (Surface)

Một năm .....US$56.00

Máy bay (Air Mail)

Một năm.....US$94.00

THƯ VIỆN/LIBRARY

US/ First Class/1 yr.....US$50.00

Overseas/AirMail/1yr. US$100.00

Trả bằng Mỹ kim (US dollar). Ngoài Hoa Kỳ,xin trả bằng International money order. Ngân, chi hay lệnh phiếu để trả cho Văn Học. Please send check or international money order payable in US dollar, to Van Hoc.

Nhà xuất bản Văn Mới hân hạnh giới thiệu
những tác phẩm đã phát hành

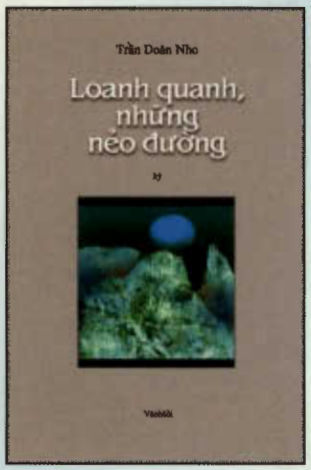

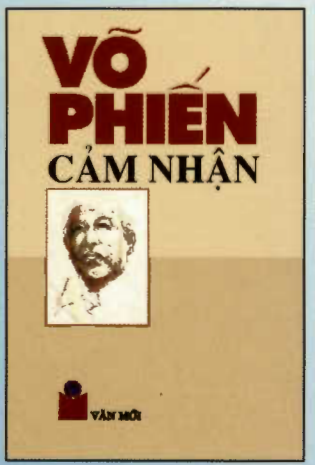

GIÁ $8.00